VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

đoàn chuẩn - từ linh
một mùa nào lãng mạn
lê hữu
những lầm lẫn thiếu sót trong
"thơ văn lý trần"
trần văn tích
cô bắng nhắng
tràm cà mau
đọc "gỗ thức trên rừng"
xuân đỗ

văn
hồ nhu ● lê minh hà ● đỗ quỳnh dao
phạm hải anh ● trần thị diệu tâm ● thùy dương
thơ
ngô nguyên dũng ● bùi bích hà ● hoàng xuân sơn
cao xuân tứ ● nguyễn việt thường
đạm thạch ● nguyệt thu
tin văn
thế quân

196
THÁNG 8 2002

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: tapchivanhoc@aol.com
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 196 ● tháng 8, 2002

VĂN HỌC	2.	thư tòa soạn
LÊ HỮU	3	đoàn chuẩn-từ linh một mùa nào lãng mạn
TRẦN VĂN TÍCH	27	những lầm lẫn và thiếu sót trong "thơ văn lý trần"
NGÔ NGUYÊN DŨNG	39	*chuyện văn cùng bác sĩ phân tâm..*
TRÀM CÀ MAU	41	cô bắng nhắng
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG	58	*ơn mẹ*
HỒ NHƯ	59	chuyện qua đường
BÙI BÍCH HÀ	67	*thiên thu*
LÊ MINH HÀ	68	gió tự thời khuất mặt
NGUYỆT THƯ	74	*chớm hạ*
ĐỖ QUỲNH DAO	75	phải chi
CAO XUÂN TỨ	89	*amsterdam*
PHẠM HẢI ANH	90	thắp nến giữa trời
HOÀNG XUÂN SƠN	94	*collage, cầu treo ở sáu mươi*
TRẦN THỊ DIỆU TÂM	95	thánh ca
THÙY DƯƠNG	102	say sóng (tiếp theo kỳ trước)
XUÂN ĐỖ	122	đọc "gỗ thức trên rừng"
THẾ QUÂN	127	tin văn
ĐẠM THẠCH	143	*bàn tay*
NAM DAO	144	trả lời thư độc giả
VĂN HỌC	149	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	121	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2002
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2002

Thư Tòa soạn
Văn Học

Mùa Hè đã đến! Mùa của những cuộc thăm viếng, những chuyến du lịch ở các nơi có nhiều kỷ niệm hay thắng cảnh. Ban Biên tập Văn Học tuy đa đoan công việc nhưng cũng thấy lòng rộn lên, khi nhận được những vần thơ như thơ Nguyệt Thư: *Bay theo trăm cánh bướm / mùa hạ xưa đến gần / Mặt hồ xôn xao sóng / Sen hồng hay gót chân. Lẫn trong bao nỗi nhớ / Giọt thời gian đậm hương / Nối từng âm đoạn cũ / Lòng vẫn xanh cốm non.*

Vâng. Dù sống ở đâu,thuộc lứa tuổi nào, mùa Hè cũng mang đến cho chúng ta những nôn nao rộn rã. Cho nên trong Văn Học số này, chúng tôi bớt phần biên khảo lý luận (thường khô khan) và tăng trang cho phần sáng tác thơ và truyện, để bạn đọc có một món ăn tinh thần mùa Hè nhẹ nhàng, thích hợp với tâm thái thoải mái thư giãn thường có trong mùa nghỉ hè thường niên.

Chúng tôi cũng xin báo trước các bạn, là các sáng tác trong số này, nhất là truyện ngắn, hầu hết là của các nhà văn nữ. Chuyện Qua Đường của Hồ Như, Gió Tự Thời Khuất Mặt của Lê Minh Hà, Phải Chi của Đỗ Quỳnh Dao, Thắp Nến Giữa Trời của Phạm Hải Anh, Thánh Ca của Trần thị Diệu Tâm, Say Sóng của Thùy Dương. Có thể nói trong sinh hoạt chữ nghĩa ở hải ngoại hiện nay, những người viết còn hăng say sáng tác đa số thuộc phái nữ. Hiện tượng đó rất phổ biến trên khắp thế giới, nhưng riêng ở hải ngoại, hiện tượng ấy ngày càng rõ ràng.

Những phần khác trong số báo này do các cây bút quen biết và được bạn đọc tin cậy lâu nay đóng góp, như Trần văn Tích, Lê Hữu, Tràm Cà Mau, Bùi Bích Hà, Ngô Nguyên Dũng, Nguyệt Thư, Hoàng Xuân Sơn, Cao Xuân Tứ, Thế Quân, Đạm Thạch... Xin xem tuyển tập mùa Hè này là những "xanh cốm non" gửi trong hành lý các bạn mang theo trong các chuyến đi.

Đoàn Chuẩn-Từ Linh, một mùa nào lãng mạn

Lê Hữu

"Mộng nữa cũng là không..."
ĐC-TL

Tôi thực tình không rõ là "mầu xanh ái ân" trong câu hát "có mầu nào không phai như mầu xanh ái ân..." của Đoàn Chuẩn-Từ Linh (ĐC-TL) có đúng là không hề phôi phai cùng năm tháng, thế nhưng tôi biết chắc một điều là hình ảnh tà áo màu xanh thắm cùng những nét nhạc trữ tình ấy thật khó mà phai mờ trong tâm tưởng của rất nhiều người. Tôi cũng không rõ là cảnh trí mùa thu đất Bắc đã quyến rũ ĐC-TL đến đâu để viết nên câu hát "mùa thu quyến rũ anh rồi", thế nhưng tôi biết một điều khá rõ ràng là những bản tình ca mùa thu thật êm dịu của của hai chàng nghệ sĩ đa tình ấy đã thực sự quyến rũ biết chừng nào những người yêu nhạc của hơn một thế hệ. Tuổi trẻ tôi ngày ấy, dù chỉ ở vào lứa tuổi mới biết yêu thôi, cũng đã từng có những phút giây để lòng mình lắng xuống, thả hồn vào thế giới âm nhạc lãng đãng của những sáng "mong chờ mùa thu", những "phong thư ngào ngạt hương", những "xác pháo bên thềm tản mác bay" và những mối tình dở dang hẹn "chờ nhau đến kiếp nào..."

Hai chàng nghệ sĩ, một mối tình thu

Đoàn Chuẩn hay Từ Linh, Từ Linh hay Đoàn Chuẩn, ai là người thực sự đã viết nên những khúc nhạc tình làm rung động trái tim người nghe ấy? Hai người cùng viết chung hay chỉ một người viết (người kia chỉ đứng tên cho vui)? Bài nào viết chung, bài nào viết riêng? Bài nào của người này mà không phải của người kia? Tại sao cũng bài nhạc ấy,

khi thì ghi tên người này, khi lại ghi tên người khác? Người này viết nhạc, người kia viết lời, có phải vậy?... Những câu hỏi không có lời giải đáp hoặc có những lời giải đáp không giống nhau (của những người tự nhận quen biết tác giả hoặc am hiểu chuyện ấy).

Trong số những nhạc phẩm của ĐC-TL được các nhà phát hành nhạc Tinh Hoa và An Phú in lại ở miền Nam trước năm bảy mươi lăm, hai cái tên này có khi được tách riêng, chẳng hạn "Tà Áo Xanh" và "Lá Thư" được ghi là của Từ Linh, "Chuyến Bến" và "Thu Quyến Rũ" được ghi là của Đoàn Chuẩn. Không rõ những nhà phát hành ấy đã dựa trên những căn cứ nào để đánh rơi một trong hai cái tên, và chứng cứ ấy liệu có xác thực(?).

Trong bài trả lời phỏng vấn đăng trên một tờ báo ở trong nước (Tuổi Trẻ Chủ Nhật, tháng 10/95), nhạc sĩ Đoàn Chuẩn cho biết là ông đã ký tên ĐC-TL cho bài nhạc đầu tiên của ông. (Từ Linh là em một người bạn khá thân của ông. Ông rất quý mến cậu em này và xem như bạn vậy). Bài nhạc ấy và cái tên ấy được nhiều người yêu thích, và thế là từ đấy về sau ông cứ ký tên chung như vậy cho những bài nhạc tiếp theo.

Tôi cũng được trông thấy ông Đoàn Chuẩn trong một băng ghi hình (năm 1997), và người ta cũng hỏi ông những câu hỏi nhiều người muốn biết. Tiếc rằng ông không thể trả lời được. Giọng nói của ông khi ấy chỉ còn là những lời thều thào một cách khó khăn, và chân trái ông bị liệt vì chứng áp huyết cao (bà vợ ông cho biết như vậy). Người trả lời thay cho ông là bà vợ yêu quý, có khuôn mặt và dáng vẻ hiền hậu, cho biết là "tất cả những bài nhạc ông Chuẩn làm, thường là ông và chú Từ Linh vẫn có trao đổi với nhau", mà không giải thích rõ "trao đổi" nghĩa là sao (bàn bạc, góp ý, nhận xét phê bình, khen chê hay dở, đề nghị thêm bớt sửa đổi, hay còn có nghĩa gì khác...). Chữ dùng của người miền Bắc đôi lúc khó hiểu! Về "nhân vật" Từ Linh (ngoài vài tấm ảnh đen trắng mờ mờ chụp chung với Đoàn Chuẩn thuở cả hai còn phong độ, đến nay vẫn cứ là dấu hỏi lớn), bà vợ cũng không cung cấp thêm được những thông tin nào mới mẻ, ngoài việc cho biết hai chàng nghệ sĩ này là đôi bạn tri kỷ, thường hàn huyên tâm sự rất là tương đắc, có khi hàng giờ không biết mệt, và "ngày chú Từ Linh mất, ông Chuẩn có ở cạnh giường cho đến lúc chú ấy đi..."

Có vẻ bà vợ nhạc sĩ Đoàn Chuẩn cũng không biết gì nhiều lắm về sự nghiệp sáng tác của ông chồng mình nên chỉ tiết lộ qua loa một vài điều (mà nhiều người cũng đã biết), chẳng hạn ông Đoàn Chuẩn rất là say mê âm nhạc, lúc nào cũng kè kè cây đàn bên cạnh, và "Tình Nghệ Sĩ" là sáng tác đầu tay từ thuở ông còn cắp sách đến trường. Bà cũng thú

nhận là "không để ý lắm đến những bài nhạc ông Chuẩn làm", và mãi đến năm 1987, khi nhạc Đoàn Chuẩn được cho phổ biến lại ở trong nước, bà mới có cơ hội được... thưởng thức đầy đủ những bài nhạc ấy!

Vậy thì Đoàn Chuẩn hay Từ Linh, biết ai là ai đây? Cứ theo như lời nhạc sĩ Đoàn Chuẩn được ghi lại trong bài phỏng vấn ở tờ báo trong nước (nếu được ghi lại trung thực) và các câu trả lời của bà Đoàn Chuẩn (không được rõ ràng, đầy đủ lắm) thì có vẻ như là Đoàn Chuẩn (tên đầu trong cái tên ghép chung "ĐC-TL"), chứ không phải Từ Linh, nhiều phần là tác giả chính, là nhân vật chính đã viết nên những tình khúc nổi tiếng được nhiều người yêu nhạc biết đến dưới cái tên ĐC-TL. Ông Từ Linh là người có "trao đổi", có "tham gia" đôi chút vào việc biên soạn những tình khúc ấy... Từ Linh lại qua đời trước Đoàn Chuẩn (năm 1987, nghe đâu vì ung thư cổ). Người chết thì chịu không thể lên tiếng gì được, nên mãi đến nay người ta vẫn chẳng biết gì nhiều về ông, ngay cả chuyện ông có phải là nhạc sĩ, có biết làm nhạc hay không, hoặc chỉ biết thưởng thức và bình phẩm về âm nhạc, đặc biệt là âm nhạc của ông bạn Đoàn Chuẩn, nghĩa là chỉ khiêm tốn đóng vai Tử Kỳ mà thôi. Thực hư thế nào, chẳng ai biết được!... Buồn thay và cũng trớ trêu thay, năm ông mất cũng là năm những nhạc phẩm của ĐC-TL được ký giấy phép cho phổ biến lại ở trong nước, vì thế không chắc là ông có đã dịp nào để nghe được những bài nhạc mà nếu ông không dự phần vào việc sáng tác thì cũng ít nhiều liên hệ. Ít ra thì Đoàn Chuẩn cũng có được may mắn hơn ông chút đỉnh (dù khá muộn màng) là vào những năm tháng cuối đời còn được người đời đến gõ cửa xin phỏng vấn ít câu, còn được an ủi là thân bại nhưng danh chưa liệt. Còn như Từ Linh, vì ít có ai biết rõ về ông, cũng chẳng ai kịp phỏng vấn, hỏi han gì đến ông như là Đoàn Chuẩn nên ông không có được cơ hội nào để bộc lộ và vì vậy chỉ như chiếc bóng mờ nhạt bên cạnh Đoàn Chuẩn.

Ngay đến những tin tức về năm tháng ông Từ Linh từ biệt cõi đời này cũng khá mơ hồ và không được đồng nhất, tin thì nói ông mất năm 1987, tin khác lại nói ông mất năm... 1992 (chênh lệch đến năm năm chứ đâu có ít!). Thành thử, ông Từ Linh này đến với cuộc đời thật âm thầm, mà ra khỏi cuộc đời cũng thật lặng lẽ, không ai biết chẳng ai hay!... Về những tin khác, chẳng hạn Từ Linh di cư vào Nam năm 1954 cũng chỉ là "nghe vậy thì biết vậy", và nếu đúng thế thì chắc phải có lý do gì đó khiến ông không muốn cho người đời biết mặt biết tên nên mới im hơi lặng tiếng kỹ như vậy. Ông quả là con người nghệ sĩ có lai lịch rất mù mờ và đạt thành tích khá cao về mai danh ẩn tích.

Đoàn Chuẩn hay Từ Linh, ai tài hoa hơn ai? Nếu chỉ căn cứ vào

những tấm ảnh hai chàng chụp chung với nhau thời còn trai trẻ ấy thì Đoàn công tử có nhiều phần đẹp trai hơn, nhưng chàng nào trông cũng có vẻ "nghệ sĩ đa tình" cả. Phong lưu hơn, chắc phải là Đoàn Chuẩn, vì chàng là công tử con nhà giàu. Thân mẫu chàng, góa phụ từ thời còn xuân sắc, một tay gây dựng cơ đồ, tạo được sản nghiệp lớn là hãng nước mắm "Vạn Vân" nức tiếng thời ấy (nghe chẳng có chút gì văn nghệ và lãng mạn cả), vẫn được truyền tụng trong câu "nước mắm *Vạn Vân*, cá rô Đầm Sét". Chàng được nuông chiều hết mực và ăn xài rộng rãi, thoải mái. Một trong những cái thú chơi của chàng thời đó là sưu tập... xe hơi, một mình chàng có đến sáu bẩy chiếc ô-tô mới toanh. Theo nhạc sĩ Phạm Duy cho biết thì "đã vài lần được trông thấy công tử họ Đoàn lái chiếc xe Ford mui trần kiểu Vedette mầu trắng đi học đàn..." Cả Bắc kỳ thuở ấy chỉ có được hai chiếc bóng loáng thì chàng và ông thủ hiến chia nhau mỗi người một chiếc, và chàng cũng lấy làm tự hào về điều đó lắm. (Chắc là chàng cũng ít nhiều tiếc nhớ thời vàng son ấy nên trong "Đường Về Miền Bắc" mới có câu "tiếc đời gấm hoa ta đành quên"). Chàng được nuôi cho ăn học đàng hoàng, không rõ có học tới nơi tới chốn, chỉ biết là môn học mà chàng say mê nhất là âm nhạc, và chàng cũng sử dụng thành thạo các loại nhạc khí như vĩ cầm, tây ban cầm và hạ uy cầm. (Một trong những người thầy có uy tín của chàng là nhạc sĩ Nguyễn Thiện Tơ, tác giả "Giáo Đường Im Bóng"). Vừa đẹp trai, con nhà giàu, lại vừa tài hoa lẫn phong lưu rất mực như vậy, chắc hẳn cánh "bướm đa tình" là chàng đã phải mặc sức mà "đùa vui trên muôn hoa, bên những bông hồng đẹp xinh" của Hà thành hay thành phố Cảng, chứ đâu có lý nào chàng lại than thở "thuyền tình không bến đỗ người ơi" và thở than "đời sao buồn chi mấy cố nhân ơi", nghe mà thảm sầu!...

Sự nghiệp sáng tác âm nhạc của ĐC-TL cũng khá khiêm tốn, được đâu khoảng chục bài nhạc, từ năm 1948 đến 1956, kể từ bài đầu tiên được trình làng là "Tình Nghệ Sĩ", nhưng cũng đủ để lại những dấu ấn đậm nét và được người đời mãi nhắc tên. Có người còn kể thêm ra một danh sách cũng đến gần chục bài nữa, gọi là những sáng tác của Đoàn Chuẩn chưa hề được phổ biến, không rõ có đúng vậy và cũng chẳng biết đâu mà kiểm chứng. Thực ra ai cũng biết, cái quan trọng đâu phải là ở số lượng, một chục hay mấy chục bài được viết ra, mà là những bài nhạc nào đã đến được và ở lại được trong lòng người yêu nhạc.

Tất nhiên, như hầu hết những nhạc sĩ sáng tác khác, không phải tất cả những bài nhạc ĐC-TL viết ra đều hay, đều là "tuyệt phẩm" như nhiều người vẫn gọi... Ở những bài như "Đường Về Miền Bắc" hoặc "Cánh Hoa Duyên Kiếp" và cả "Gửi Người Em Gái" nữa, ta thấy giai

điệu và lời nhạc cũng đã kém hay so với những bài khác. Điều rõ ràng là, sau ngày nhạc sĩ Đoàn Chuẩn qua đời, người ta vẫn hay làm công việc giới thiệu lại những tình khúc gọi là "tiêu biểu" của hai ông, được hiểu là những bài hay nhất, được nhiều người yêu chuộng nhất, những bài kể trên đã không được hoặc ít được nhắc đến... Ngoài những bài nhạc được phổ biến từ trước, những bài khác nữa nếu có, cũng ít người biết đến, ít được giới yêu nhạc chú tâm và tán thưởng. Tôi có được nghe qua ít bài nhạc được giới thiệu là sáng tác của Đoàn Chuẩn những năm về sau này, qua giọng hát của vài ca sĩ tên tuổi, nhưng vẫn không nghe ra được cái xuyến xao, không bắt gặp được cái rung động "đoàn chuẩn-từ linh" như mỗi lần nghe lại những bài nhạc quen thuộc trước đó. Trong số những "tuyệt phẩm" ấy, có bài cả nhạc lẫn lời nghe qua thấy tầm thường, không thấy Đoàn Chuẩn đâu cũng chẳng thấy Từ Linh nào trong đó cả, tựa như những mặt hàng sản xuất được dán vào cái nhãn hiệu nhiều người ưa chuộng, nhưng người tiêu dùng vẫn cảm thấy không đúng là mặt hàng mình yêu thích. Lại có những bài không rõ xuất xứ và người tìm ra nó có lẽ đã đánh rơi đâu mất cái tựa, nên phải gán cho nó cái tên khác, "Vĩnh Biệt" hay "Xin Vĩnh Biệt" gì đó (ý nói đây là nhạc phẩm cuối cùng của nhạc sĩ trước khi nhắm mắt xuôi tay), rồi sau đấy chắc thấy hơi cải lương hay sao đó, bèn đổi cái tựa khác là "Vàng Phai Mấy Lá" cho có vẻ... Trịnh công Sơn hơn (cũng đại khái như "Vàng Phai Trước Ngõ" hoặc "Chiếc Lá Thu Phai" của ông nhạc sĩ này vậy, trong lúc ai cũng hiểu là thuở ấy làm gì có cái lối đặt tựa kiểu "hoa vàng mấy độ", "tóc xanh mấy mùa"... như thế). Nội dung bài hát mượn câu chuyện tình éo le ngang trái trong truyền thuyết thuở xưa để giải bày nỗi lòng (vốn là sở trường của Văn Cao, Phạm Duy hơn là ĐC-TL)... Có vẻ như là những bài nhạc ra đời những năm về sau này chỉ với tên Đoàn Chuẩn không thôi (mà không có Từ Linh bên cạnh) không phải là những bài nhạc hay như là những bài nhạc nổi tiếng từng được nhiều người biết đến.

Trở lại với cái tên ấy, Đoàn Chuẩn hay Từ Linh, Từ Linh hay Đoàn Chuẩn, hai tên hay một tên, thiết nghĩ cũng đâu có gì là quan trọng để phải cố công tìm hiểu, vì chính người viết ra cái tên ấy cũng chẳng hề bận tâm, cũng chẳng xem chuyện gì là quan trọng. Cứ xem như một cái tên cũng được vậy, có sao đâu. Hai tên đã như một tên gọi đầy tình thương mến và ngưỡng mộ đối với người yêu nhạc. Người đời vẫn cứ nói "bài hát ấy là của Đoàn Chuẩn Từ Linh", chứ không nói "...là của Đoàn Chuẩn *và* Từ Linh". Tác giả của những bản tình ca đó đã muốn ghép chung hai cái tên ấy thành một, vậy thì ta cũng nên tôn trọng, cũng

nên hiểu như vậy mà xếp hai cái tên ấy nằm cạnh bên nhau, gần lại với nhau. Hơn thế nữa, một khi đã xem "mối tình nghệ sĩ" chỉ "như giấc mơ" thôi và đã từng có những lúc quay lưng "lạnh lùng mà đi luyến tiếc thêm chi", thì có sá gì một cái tên mà hai chàng chẳng "gửi gió cho mây ngàn bay"...

Thực ra, nếu có ý định tìm hiểu, ca sĩ Đoàn Chính, con trai trưởng của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, có thể nói thêm được ít nhiều về hai ông ĐC-TL. Ca sĩ Anh Ngọc chẳng hạn, cũng có thể bộc lộ một đôi điều (vì nghe đâu ca sĩ Ngọc Long là em của ông Từ Linh, mà theo nhạc sĩ Phạm Duy, Ngọc Long cũng lại là em của Anh Ngọc, vậy thì Anh Ngọc là anh em thế nào với ông Từ Linh này không rõ), tuy nhiên trước giờ vẫn không nghe ông này nói năng gì...

(Những giai thoại về hai chàng nghệ sĩ này có khá nhiều, chẳng biết đâu là hư là thực, chẳng biết đâu mà kiểm chứng, và phạm vi bài này cũng không có ý định tìm hiểu tính cách xác thực của những giai thoại ấy. Sau cùng có lẽ nên nói như nhạc sĩ Phạm Duy, "... trừ phi chính Đoàn Chuẩn viết ra những lời phủ nhận, Từ Linh vẫn không phải là người được ghép tên vào ca khúc").

Kể ra trong lịch sử âm nhạc và trong số những nhạc sĩ tên tuổi của chúng ta, thật hiếm thấy có đôi nhạc sĩ nào gắn bó với nhau thiết thân và tri kỷ đến như vậy. Khi cùng gắn bó với mùa thu, với những mối tình dang dở, hai chàng cũng đồng thời gắn bó với nhau; khi cùng yêu một mầu áo, cùng yêu những cung đàn, hai chàng cũng đã cùng chung một mối tình.

"Mùa thu quyến rũ anh rồi"

Cuốn *video tape* ca nhạc ấy cũng chẳng có gì đặc biệt lắm, thế nhưng có một đoạn phim ngắn không tới một phút, giới thiệu một trong những tình khúc của ĐC-TL, cứ làm tôi nhớ mãi. Một người ngồi trong căn phòng mờ mờ tối, chậm chạp đứng dậy, chậm chạp bước những bước nặng nề về phía cửa, chậm chạp đặt nhẹ bàn tay lên nắm cửa. Cánh cửa từ từ mở ra, chút ánh sáng lùa vào. Một vòm trời, một chiếc lá rơi. Không gian ấy không rõ là buổi sáng hay buổi chiều. Người đàn ông đứng quay lưng, không nhìn rõ mặt. Người ấy là ông Đoàn Chuẩn. Bài hát được giới thiệu là "Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay".

Với bao tà áo xanh, đây mùa thu... Câu nhạc đầu như bàn tay kéo nhẹ tấm màn cửa mở ra khung trời bát ngát mùa thu. Mùa thu của ĐC-TL.

Trước và sau ĐC-TL cũng đã có nhiều nhạc sĩ viết về mùa thu, và có nhiều ca khúc khá hay về mùa thu nữa, thế nhưng mùa thu trong nhạc ĐC-TL vẫn như có khí hậu riêng, không gian riêng, khiến người nghe nhận ra những khác biệt. Mùa thu ấy không chỉ thật đẹp, thật quyến rũ, mà còn là mùa thu của những chuyện tình "yêu một sớm, nhớ nhau bao mùa thu"...

Thực ra, đâu phải chỉ có mùa thu, trong nhạc ĐC-TL ta nghe cả bốn mùa. Qua những lời nhạc trữ tình, ta như nghe được những đổi của thời tiết, của khí hậu từng mùa. Những mùa màng của đất trời, hay mùa màng của tình yêu, hay mùa màng đời người. Thế nhưng nhiều nhất vẫn cứ là mùa thu. Hầu như không có bài nhạc nào của hai chàng nghệ sĩ lại không bàng bạc ít nhiều tình thu, ý thu, không phảng phất chút hương thu dịu nhẹ. Có khi là cụm mây lững lờ trôi về cuối trời, là cơn mưa làm rụng lá vàng, là cánh hoa tàn tạ trong đêm tối, hay nỗi tiếc nhớ những mùa thu không trở lại...

Có rất nhiều lá vàng trong mùa thu của ĐC-TL, và lá vàng rơi không làm sao đếm hết:

Lá vàng từng cánh rơi từng cánh... (Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay)

Mưa rơi làm rụng lá vàng... (Thu Quyến Rũ)

Thôi thế từ nay như lá vàng bay... (Lá Đổ Muôn Chiều)

Lá thu còn lại đôi ba cánh... (Lá Đổ Muôn Chiều)

Lá thu lìa cành nhớ hoa ngàn xưa... (Tình Nghệ Sĩ)

Những chiếc lá lìa cành mà hai chàng gọi là "những cánh đời mong manh" hay là "nước mắt người đi". Trên những dòng nhạc ấy, chỉ thấy những hoa rơi, lá rơi, và những chuyện tình buồn vời vợi....

Mùa thu có đẹp nhưng sao cứ nghe man mác buồn! Thực ra đâu có riêng gì mùa thu, mùa nào trong nhạc ĐC-TL cũng có vẻ buồn cả. (Mùa xuân mà "lá vẫn bay...", vẫn "hoa mai rơi từng cánh trên đường..." thì cũng đâu có vui gì).

Nhưng tại sao lại là mùa thu? Có phải vì mọi chuyện khởi đầu từ mùa thu...

Ta quen nhau mùa thu, ta thương nhau mùa đông, ta yêu nhau mùa xuân... (Tà Áo Xanh)

Nhớ tới mùa thu năm xưa gửi nhau phong thư ngào ngạt hương... (Lá Thư)

Và cũng kết thúc vào mùa thu...

Nhưng một sớm mùa thu, giữa chân trời xanh ngắt, nàng đi gót hài xanh... (Gửi Người Em Gái)

Để mùa thu lá vàng khóc tình ta... (Vàng Phai Mấy Lá)

Chuyện tình mùa thu để lại nhiều hối tiếc.

Thu nay vì đâu tiếc nhiều, thu nay vì đâu nhớ nhiều... (Thu Quyến Rũ)

Mùa thu ĐC-TL đẹp như bài thơ. Có khi chỉ trong một bài nhạc ("Cánh Hoa Duyên Kiếp" chẳng hạn) ta nhặt ra được những câu thơ viết về mùa thu thật là đẹp, tưởng như hai chàng nhạc sĩ bỗng nhiên nổi hứng, bỏ nhạc quay sang làm thơ vậy: *yêu một sớm, nhớ nhau bao mùa thu..., tình em như mây trong mùa thu bay rợp lối..., hương thu màu tím buồn...* (cũng tựa như "màu thời gian tím ngát" trong thơ Đoàn Phú Tứ vậy).

Mùa thu ĐC-TL đẹp như tranh vẽ. Có khi chỉ là những nét chấm phá:

Hàng cây đứng hững hờ, lá vàng từng cánh rơi từng cánh... (Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay)

Hoặc có khi là cảnh trí đầy mầu sắc, bầu trời trong xanh, bướm hoa và chim chóc:

Trời đất kia ngả mầu xanh lơ, đàn bướm kia đùa vui trên muôn hoa, bên những bông hồng đẹp xinh... (Thu Quyến Rũ)

Và cánh chim ngập ngừng không muốn bay... (như sợ làm vỡ mùa thu)

Làm sao có thể vẽ được bức tranh sinh động ấy, làm sao có thể bắt được những rung động của thiên nhiên ấy nếu không có một trái tim thật là nhạy cảm. Người nghe tưởng nghe được cả tiếng thở nhẹ của mùa thu, tưởng thấy được cả không gian lắng đọng của đất trời vào thu, tưởng chạm tay vào được cả vạt áo dài lướt thướt của mùa thu, và như ngất ngây trong khoảnh khắc "dìu thế nhân dần vào chốn thiên thai" ấy...

Nàng thu của ĐC-TL mang vẻ đẹp tự nhiên, không trang hồng điểm phấn, không tô vẽ màu mè, như thể trời cho thế nào thì cứ bày ra như vậy. Nàng thu ĐC-TL mang vẻ đẹp đơn sơ, nhưng cũng thật mơ màng và tình tứ, quyến rũ và mời mọc, như muốn "dìu thế nhân dần vào chốn thiên thai" vậy.

Những chữ "thế nhân", "trần gian", "đường trần", "tình trần", hoặc "người đời", "nhạc đời"... vẫn hay được ĐC-TL đưa vào trong lời nhạc như thể hiện ước muốn kéo lại gần hơn những giấc mơ xa vời và hoang tưởng của con người. *Mộng nữa cũng là không...*, câu ấy hai chàng đâu phải chỉ nói với chính mình mà còn muốn nhắn nhủ "người đời". Nhà phê bình Đặng Tiến đã so sánh và đưa ra lời nhận định xác đáng: "ĐC-TL đã đưa Thiên Thai về đây với thu trần gian, trong khi Văn Cao phải lên tận cõi Đào Nguyên".

Tôi vẫn cho rằng "Thu Quyến Rũ" là một trong những bài hát hay nhất nói về mùa thu. Những nốt nhạc mềm mại rót xuống ở cuối câu "mùa thu quyến rũ anh rồi" nghe như chiếc lá vàng lìa cành nhẹ rơi trong không gian tĩnh lặng của mùa thu.

"Thu Quyến Rũ" phải được nghe bằng giọng nam chứ giọng nữ thì khó mà... quyến rũ, nhất là khi lời nhạc bị đổi thành "*em* mong chờ mùa thu" hoặc "mùa thu quyến rũ *em* rồi" thì không thấy... mùa thu ĐC-TL ở đâu cả! Cũng không hẳn là sai quấy, thế nhưng người nghe thấy kỳ kỳ, chỉ vì trước giờ người ta vẫn cứ nghe ĐC-TL là nghe "anh mong chờ mùa thu" hoặc "mùa thu quyến rũ anh rồi". Hơn thế nữa, "*tà áo xanh* nào về với giấc mơ" ở đây nhất định không phải là tà áo xanh của *chàng* về trong giấc mơ của *nàng*, vậy thì "mầu áo xanh là mầu *em* trót yêu" nghe cũng hơi... sường sượng. (Dù sao vẫn còn khá hơn là "khi nào *anh* đến với *em*, xin đừng quên chiếc áo xanh...").

Nghe nhạc ĐC-TL là nghe mùa thu kể chuyện tình, là nghe những lời tự tình ngọt ngào hay buồn bã của những người yêu nhau và xa nhau. Những chuyện tình như mang theo cả khí hậu của mùa thu ấy, và cũng tựa như mùa thu trong những nét nhạc ấy, đẹp và buồn.

Mùa thu trong nhạc ĐC-TL không có cái buồn ủ rũ, ảo não của *mây hắt hiu ngừng trôi..., mưa giăng mù lê thê...* như "Giọt Mưa Thu" của Đặng thế Phong, cũng không có cái buồn se sắt, rã rượi của *năm tháng qua dần mùa thu chết bao lần...* như "Buồn Tàn Thu" của Văn Cao, và cũng không có cái buồn tái tê, sướt mướt của *nước mắt mùa thu khóc cho cuộc tình...* như "Nước Mắt Mùa Thu" hay *mùa thu đã chết, đã chết rồi, em nhớ cho...* như "Mùa Thu Chết" của Phạm Duy... Mùa thu ĐC-TL có buồn nhưng chỉ là cái buồn phảng phất, nhẹ nhàng như chìm lắng trong mơ, như được bao phủ trong màn sương lãng đãng, được chút thi vị ngọt ngào trong từng cánh lá thu màu vàng úa và trong *hương thu màu tím buồn*. Mùa thu ấy có vẻ gần với cái buồn mênh mang trong "Thu Vàng" của Cung Tiến hay "Tiếng Thu" của Lưu trọng Lư hơn.

Mùa thu ĐC-TL mang vẻ "cổ điển", nhưng là cái vẻ cổ điển muôn đời muôn thuở của thiên nhiên, của đất trời, của hàng cây khô trụi lá, của cụm mây thu lờ lững, của bóng trăng thu mơ màng..., tất cả đều nhuốm một vẻ buồn man mác khi *mùa thu buông áo xuống phương này*.

Mùa thu ĐC-TL là mùa "thu trần gian", là thu của bốn mùa, là thu của những chuyện tình, và chắc chắn không giống, không phải là "một mùa thu năm xưa..." như những chuyển hướng sáng tác của không ít những nhạc sĩ ở cùng thời để cố gắng bắt kịp những đổi thay hay đáp

ứng những yêu cầu tình thế. Tất cả những thứ đó không vào được trong mùa thu, trong dòng nhạc của ĐC-TL.

Mặc cho những biến động, những xoay vần của thời cuộc, mặc cho bao nhiêu là vật đổi sao dời, bao nhiêu là tang thương dâu bể, đất trời vẫn cứ bốn mùa, mùa thu của ĐC-TL vẫn cứ ở lại, và cũng chính vì thế, cũng chính điều này đã khiến mọi người yêu thêm những dòng nhạc, yêu thêm những mùa thu *đoàn chuẩn-từ linh*.

"Mầu áo xanh là mầu anh trót yêu"

Nếu gọi Hoàng Trọng là "nhạc sĩ của mầu tím", thì chắc chắn danh hiệu "nhạc sĩ của... mầu xanh" phải thuộc về tay ĐC-TL chứ không thể là ai khác. Có lẽ cái tên ấy nghe không được hay lắm nên chưa thấy có ai gọi như vậy, nhưng dù sao vẫn cứ đúng hơn là ghép tên hai chàng nghệ sĩ này với mùa thu, vì không có mùa thu này ta còn mùa thu khác, không có ĐC-TL ta vẫn có những nhạc sĩ khác viết về mùa thu, chứ còn mầu xanh thì hầu như trước sau chỉ có hai chàng là tỏ ra nâng niu và gắn bó thiết tha hơn cả...

Thực ra, không hẳn là hai chàng chỉ sử dụng có một màu xanh đó thôi để vẽ nên những nét nhạc, những mầu sắc khác, mầu tím chẳng hạn, vẫn có đấy chứ. Nhưng trên hết và nhiều nhất, vẫn là mầu áo xanh.

Hầu như ĐC-TL không bỏ lỡ dịp nào để đưa mầu áo xanh mà hai chàng "trót yêu" vào trong những lời nhạc của mình. Khi cần tô đậm thêm cho mầu xanh ấy thì hai chàng gọi là mầu xanh "ái ân":

Hẹn một ngày nao khi màu xanh lên tà áo... (Cánh Hoa Duyên Kiếp)

Giữa chân trời xanh ngắt, nàng đi gót hài xanh... (Gửi Người Em Nhỏ)

(Phải là gót hài xanh chứ không chịu màu gì khác!)

Với bao tà áo xanh, đây mùa thu... (Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay)

(Khác với "ngàn thu áo tím" của Hoàng Trọng)

Gửi thêm ánh trăng mầu xanh lá thư..., rồi lại

Gửi thêm lá thư mầu xanh ái ân... (Lá Thư)

(Chỉ gửi đi toàn một mầu xanh)

Tà áo xanh nào về với giấc mơ... (Thu Quyến Rũ)

("Giấc mơ xanh", có thể gọi vậy)

Có mầu nào không phai, như mầu xanh ái ân... (Tà Áo Xanh)

(Chẳng biết đúng, sai. Nói vậy chắc phải vậy!)

Có rất nhiều, rất nhiều màu xanh như thế trong nhạc ĐC-TL.

Thử nghe lại "Tà Áo Xanh" (có tên khác là "Dang Dở"), bài hát

tiêu biểu trong số những bài tiêu biểu. Gọi là "tiêu biểu" vì được nhiều người hát nhiều người nghe, vì cái tực của bài hát, và vì cả bài hát ấy là câu chuyện tình được kể lại một cách trọn vẹn nhất.

Tôi vẫn cho rằng câu mở đầu của bài nhạc luôn luôn là một trong những câu hay nhất, dẫn đưa người nghe vào thế giới âm nhạc ĐC-TL, như lạc vào cánh rừng thu ngập xác lá vàng. Ở "Tà Áo Xanh", khởi đầu là gió. Gió từ muôn hướng. Một mảnh hồn đầy gió. *Gió bay từ muôn phía, tới đây ngập hồn anh...* Gió ấy chắc phải lạnh nhiều, từ "lúc anh ra đi lạnh giá tâm hồn..." Gió mang lời dẫn nhập câu chuyện tình kể lại, gió cũng đưa *tình lên chơi vơi*, đưa *thuyền anh một lá ra khơi...* Hình ảnh con thuyền và cánh chim có vẻ được ĐC-TL đặc biệt ưa chuộng, dùng đi dùng lại nhiều lần. Khi thì "thuyền cắm tay sào tự cuối thu", lúc thì "thuyền tình không bến đỗ người ơi", hoặc là "thuyền đã sang bờ, đường về không lối", có khi lại tự ví von "tình anh một con thuyền bé chìm sâu đại dương một đêm nổi sóng". Lại có cả một bài hát nói về con thuyền nữa. *Thuyền anh mai ra đi rời bến...* (Chuyến Bến). Có bài chở theo một lúc đến mấy con thuyền làm người nghe cứ lẫn lộn, không rõ thuyền nào là *chàng* thuyền nào là *nàng*, như lúc thì "thuyền phiêu lãng từ nay không bến đỗ", khi thì lại "thuyền rời xa bến vắng người ơi" (Lá Đổ Muôn Chiều). Có rất nhiều thuyền bè lờ lững, nổi trôi trên dòng nhạc ĐC-TL.

Đêm đêm ngồi chờ sáng mơ ai... Phải yêu say đắm lắm, thiết tha lắm mới trải qua bao đêm thức trắng để chỉ ngồi chờ sáng và mơ tưởng đến một bóng hình, dẫu biết rằng "người mơ không đến bao giờ".

Ta yêu nhau mùa xuân, để rồi tàn theo mùa xuân... Có là bốn mùa yêu nhau, hay những mùa màng trong tình yêu chỉ có tính ước lệ. *Người về lặng lẽ sao đành...* là lời trách cứ hay tiếng thở dài.

Anh còn nhớ..., em còn nhớ anh nói rằng... Đâu phải chỉ là những câu thề thốt chót lưỡi đầu môi hay những lời tình tự ngọt ngào của một mùa ái ân, mà còn là nỗi niềm trăn trở vì những câu hỏi "tại sao" không có lời giải đáp. *Sao mùa xuân lá vẫn rơi, sao mùa xuân đến không vui?... Có hoa nào không tàn, có tình nào không phai?...*

Khi nào em đến với anh, xin đừng quên chiếc áo xanh... Làm sao mà quên được, mà khước từ cho được lời dặn dò ân cần mà thiết tha đến vậy. Làm sao mà dám chắc *có tình nào không phai như tình anh với em.*

Rồi chiều nao, xác pháo bên thềm tản mác bay... Câu nhạc chuyển đoạn ở chỗ này thật khéo, thật đẹp. (Các nhạc sĩ thời ấy vẫn hay sử dụng những câu nhạc chuyển tiếp như vậy. Anh Việt trong "Thơ Ngây" chẳng hạn: "Rồi một hôm, có chàng trai trẻ đến nơi này..." Hoặc, cũng

ĐC-TL trong "Gửi Người Em Gái": "Rồi từ ngày ấy, nước sông ngăn cách đôi dòng..."). Như cuốn tự truyện vừa lật sang một chương khác, như cuốn phim, vở kịch vừa chuyển sang một cảnh khác, màn khác, mở ra khung cảnh mới, không gian mới, dẫn đến kết thúc câu chuyện tình dở dang. Tôi yêu chữ "tản mác" trong câu ấy, tưởng trông thấy được xác pháo đỏ tươi, vật vờ, nhẹ cuốn theo làn gió đùa. Chuyện tình ấy, xác pháo ấy rồi "cuốn theo chiều gió". Hai người đã hai lối đi.

Em đi trong xác pháo, anh đi không ngước mắt... Hình ảnh anh chàng thất tình, cúi mặt cúi đầu lầm lũi đi trong ngày đám cưới người yêu mới tội nghiệp làm sao, mới thương tâm biết chừng nào. Chỉ là xác pháo, chỉ là những bước đi câm lặng, không nói gì đến tình cảm vui, buồn, nhưng vẫn làm gợn lên nỗi xúc động, vẫn khiến người nghe phải mủi lòng. (Hình ảnh "em đi trong xác pháo" còn được nhiều nhạc sĩ lập lại về sau này). *Thôi đành... em*, câu hát như bị tắc nghẹn, như muốn nói điều gì đó nhưng lại thôi, và đổi thành tiếng thở dài thật nhẹ.

Hoa tàn tình tan theo không gian... Vẫn cứ chậm rãi, nhưng những nốt nhạc được đẩy nhẹ từ thấp lên cao, và người hát cũng đẩy giọng cao hơn sau chỗ xuống giọng và ngưng nghỉ ở câu trước. Tôi yêu nét bay bổng ở những nốt *do* cao trong câu nhạc cuối. Những nốt ngân thẳng thốt, rời rạc, và tan loãng trong không, nghe như những mảnh tình tan tác "cũng theo hư không mà đi". Những nốt nhạc cuối cùng ấy phải được nhấn sâu và rõ trên từng phím đàn. Một trong những câu hát đẹp nhất và *đoàn chuẩn-từ linh* nhất.

Câu chuyện tình kể lại khá đầy đủ, trọn vẹn, kết thúc bằng một đám cưới mùa xuân, có hoa mai rơi từng cánh, có xác pháo bên thềm, có em đi trong xác pháo, có anh đi không ngước mắt, có tiếng thở dài "thôi đành... em"..., nghĩa là có nhiều "kịch tính", nhiều hình ảnh sắc nét đan chéo vào nhau, như bày ra trước mắt, như rọi thẳng vào tim người nghe, dễ tạo những cảm xúc.

Tại sao lại tà áo xanh? *Tà áo xanh nào về với giấc mơ*... Tà áo xanh chỉ có trong giấc mơ thôi sao? Tại sao lại là mầu xanh ái ân? *Gửi thêm lá thư mầu xanh ái ân*... Sao không phải là màu xanh thắm, xanh ngắt hay xanh biếc...? Mầu xanh ái ân ấy biết có là thực hay mơ? Và *mối tình nghệ sĩ* nữa, cũng chỉ *như giấc mơ* thôi sao?

"Tà Áo Xanh", cũng như các bài nhạc khác của ĐC-TL, thường có chung một nhịp điệu chậm và buồn, thích hợp với những lời kể lể, tình tự. Hầu hết các bài nhạc được viết ở nhịp 4/4 trên những cung bậc và giai điệu thật mềm mại, bằng những nốt nhạc rót xuống thật dịu dàng như vuốt ve mơn trớn, như lời thầm thì rót mật vào tai, thật nhẹ nhàng

như lời gió rì rào, thật chậm rãi như "lá vàng từng cánh rơi từng cánh" và thật thong thả như bước chân lững thững dạo trên những lối đi mùa thu.

Ý nhạc diễn tả theo tình cảm của lời, đôi lúc ngẫu hứng, bất chấp những quy luật sáng tác. Luật cân phương, cân đối ư? Làm sao có ở những "Tà Áo Xanh", "Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay"... Cũng đâu có sao, trước và sau đấy vẫn có những người soạn nhạc theo lối đó. Đã gọi là nghệ sĩ mà! (Đâu phải riêng gì ĐC-TL, nhiều nhạc sĩ khác ở cùng thời cũng có vẻ không mấy thích những khuôn khổ và luật lệ lỉnh kỉnh trong sáng tác âm nhạc). Vấn đề là nhạc, là thơ có chuyên chở được những cảm xúc, có làm người nghe phải lắng nghe, có làm rung lên những sợi dây đàn âm thanh trong mỗi trái tim người nghe.

Đâu phải chỉ có ở "Tà Áo Xanh" không thôi, mầu áo xanh còn ẩn hiện chập chờn chỗ này chỗ khác. "Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay" chẳng hạn, *với bao tà áo xanh đây mùa thu*... "Thu Quyến Rũ" chẳng hạn, *mầu áo xanh là mầu anh trót yêu*... Sao lại "trót", trót yêu nghĩa là sao? "Trót" như một định mệnh, không làm sao tháo gỡ, không cách chi cởi bỏ được. Định mệnh nào đã buộc chặt người viết câu hát ấy với mầu xanh kia? Mùa thu quyến rũ hay mầu áo xanh quyến rũ? Trót yêu mầu xanh, hay trót yêu mùa thu..., hay trót yêu "người mơ"? Nhưng sao "người mơ" lại "không đến bao giờ"? Như vậy thì tình yêu đưa vào trong bài hát ấy rồi sau cùng chỉ còn lại có một *mầu xanh ái ân* đó thôi. Như vậy thì tất cả những lời thơ ý nhạc trong những tình khúc ĐC-TL cuối cùng chỉ nằm gọn lại trong câu hát "có mầu nào không phai, như *mầu xanh ái ân*".

Tìm đẹp trong nét bút Đoàn Chuẩn-Từ Linh

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi...

Khi đặt bút viết câu hát "... đập gương xưa tìm bóng" (Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay), tôi đoán chừng hai chàng ĐC-TL đã có ý mượn ý thơ trên của ông vua Tự Đức (lòng tưởng tiếc, nỗi nhớ quay quắt người ái phi đã lìa trần) để bày tỏ nỗi nhớ nhung da diết về một bóng hình đã xa khuất. "Đập gương xưa tìm bóng", chứ không nói "nhớ em trong tận cùng nỗi nhớ" hoặc "lòng cuồng điên vì nhớ..." (Hoài Cảm, Cung Tiến) như là những người viết sau này.

Ta còn thấy rải rác những câu hát viết theo lối ấy, như "nước sông

ngăn cách đôi dòng", "thuyền đã sang bờ", "thuyền cắm tay sào tự cuối thu", "gửi bướm đa tình về hoa", "chim rồi bay, anh rồi đi"... chẳng hạn.

Đêm đêm nhìn cây trút lá, lòng thấy rộn ràng ngỡ bóng ai về... Câu hát ấy nghe ra cũng từa tựa "giọt sương khuya rụng xuống lá, như chân ai lần về..." (Nguyệt Ca, Trịnh công Sơn), chỉ có khác chút đỉnh là "Thu Quyến Rũ" được viết ra tính đến nay cũng đã trên năm mươi năm chứ không phải mới bây giờ. Thử làm một sự so sánh nho nhỏ để thấy rằng người đời sau thật không dễ gì qua mặt được những người đi trước, và có những cái tưởng như mới thực ra lại chẳng mới chút nào.

Đôi lúc tôi tự hỏi làm sao mà ngày ấy người ta lại viết được những câu hát như là "nhớ nhau từ làn môi, đôi mắt", rồi lại "nhớ nhau đành tìm trong tiếng hát" (Lá Đổ Muôn Chiều), hay là "nhớ nhau đành tìm trong ánh sao" (Lá Thư), và nhất là "nhớ nhau từng phút, yêu từng giây..." (Đường Về Miền Bắc)...

Không chỉ là những câu, mà cả đến những chữ dùng trong câu cũng làm người nghe thú vị, như là chữ "ngập ngừng" (như đã nói ở phần trên):

Và cánh chim ngập ngừng *không muốn bay...* (Thu Quyến Rũ)

Ngập ngừng như sợ cái đập cánh sẽ làm hỏng mất khoảng không gian lắng đọng tuyệt vời của mùa thu, làm hỏng mất bức tranh thu tuyệt diệu ấy.

Nhớ phút ngập ngừng *lòng giấy viết rằng: chờ đến kiếp nào...* (Lá Thư)

Những phút ngập ngừng ấy là những phút xao động của tình yêu.

Hay là chữ "hững hờ" chẳng hạn:

Hoa lá tàn, hàng cây đứng *hững hờ... (Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay)*

Tại sao lại "đứng hững hờ"? Nghe có vẻ... hờ hững quá, dửng dưng quá. Hàng cây đứng hững hờ hay mùa thu đó hững hờ? Cái "hững hờ" ấy, những nốt nhạc xuống giọng lửng lơ ấy nghe mới có vẻ mùa thu làm sao.

Những "ái ân" và "ân ái" có thấy rải rác đâu đó trong thơ và nhạc thuở trước, chẳng hạn "*ta sẽ là vợ chồng, sẽ yêu nhau mãi mãi, sẽ xe sợi chỉ hồng, sẽ hát câu* ân ái..." (Hôn Nhau Lần Cuối, Nguyễn Bính), hoặc "*trời hết một mùa đông, gió bên thềm thổi mãi, qua rồi mùa* ân ái..." (Một Mùa Đông, Lưu trọng Lư), hoặc "*một chiều* ái ân, *say hồn ta bao lần...*" (Bóng Chiều Xưa, Dương thiệu Tước); thế nhưng, quả tình là chưa có nơi đâu "ân ái" lại được mùa cho bằng ở những câu nhạc tình ĐC-TL:

Gửi thêm lá thư mầu xanh ái ân *về đôi mắt như hồ thu...* (Gửi Gió

Cho Mây Ngàn Bay)

Có mầu nào không phai như mầu xanh ái ân... (Tà Áo Xanh)

Bóng anh phai dần ái ân *tàn theo*... (Tình Nghệ Sĩ).

Anh quay về đây đốt tờ thư quên đi niềm ân ái *ngàn xưa*... (Lá Thư)

Ái ân *theo tháng năm tàn*, ái ân *theo tháng năm vàng*... (Lá Thư)

Còn đâu ân ái *chăng người xưa*... (Lá Thư)

Tôi không rõ là những "ái ân, ân ái" nở rộ trong những dòng thơ dòng nhạc đó có khác gì nhiều lắm những câu, chữ ấy hiểu theo nghĩa bây giờ, nhưng chắc là phải tình tứ hơn, thơ mộng hơn. Những "câu ân ái" chắc phải hiểu là những lời tình tự êm ái ngọt ngào nhất, những "chiều ái ân" từng làm "say hồn ta bao lần" chắc phải hiểu là những thời khắc yêu đương đắm say, nồng nàn nhất...

Tương tự, chữ "lả lơi" trong những câu hát dưới đây chắc không có nghĩa "xem trong âu yếm có chiều *lả lơi*" như cụ Nguyễn Du tả cảnh Kim Trọng *lả lơi* với Thúy Kiều, mà vừa có vẻ "lả lướt, bay bướm", lại vừa chan chứa những tình ý yêu đương:

Nét bút đa tình lả lơi... (Lá Thư)

Nâng phím tơ lên mấy cung lả lơi... (Tình Nghệ Sĩ)

Khăn san bay lả lơi *trên vai ai* ...(Gửi Người Em Gái)

Đã "lả lơi" lại còn "đa tình" nữa thì chịu gì nổi hai chàng nghệ sĩ... đa tình ấy:

Nét bút đa tình *lả lơi*... (Lá Thư)

Gửi bướm đa tình *về hoa*... (Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay)

Anh mơ trong nét bút đa tình *sao*... (Tà Áo Xanh)

Đến những câu như là "nhớ nhau đành tìm trong tiếng hát, đời vắng em rồi vui với ai..." (Lá Đổ Muôn Chiều) lại nghe sao mà thiết tha quá chừng!

Nếu không phải là câu hát, câu trên chắc phải là câu thơ. Nếu là câu thơ, câu thơ ấy ngẫu nhiên đã chảy xuôi cùng một dòng với câu thơ Vũ hoàng Chương. *Em ơi lửa tắt, bình khô rượu. Đời vắng em rồi say với ai*... (Đời Vắng Em Rồi). Có khác chăng là men rượu với men tình. *Có tình nào không say*..., hai chàng đã chẳng nói vậy sao(?). Tìm vui trong tiếng hát hay tìm quên trong chén rượu cũng chỉ là đi tìm những lãng quên thôi.

Có rất nhiều câu hát chan chứa những tình cảm yêu đương đắm say như vậy.

Tình đầu trong gió mùa, người yê...êu... ơi... (Lá Thư). Những nốt luyến láy uyển chuyển kéo dài nơi chữ "yêu" nghe như lời nhắn nhủ thiết tha và nhớ nhung da diết...

Trong "Lá Thư", có một câu tôi rất thích. *Anh quay về đây đốt tờ thư quên đi niềm ân ái ngàn xưa...* Hành động đốt tờ thư là hành động thể hiện sự dứt khoát, là muốn đoạn tuyệt, muốn quên hết. Thế nhưng khi lòng đã thực sự muốn quên, muốn dứt khoát thì sao không đi dài đi thẳng, sao không "lạnh lùng mà đi luyến tiếc thêm chi" để khỏi *bận lòng chi nữa lúc chia phôi* mà còn "quay về đây" làm gì nữa? Phải đốt hết, phải thiêu hủy cho bằng hết những "phong thư ngào ngạt hương" ấy mới quên đi được sao? Tương tự, đã nói là "nhưng thôi tiếc mà chi, chim rồi bay, anh rồi đi..." (Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay), nhưng sao vẫn cứ "thấy hối tiếc nhiều, thuyền đã sang bờ..." và vẫn còn lời trách cứ nhẹ nhàng "người về lặng lẽ sao đành!..." (Tà Áo Xanh). Nói quên mà thật khó quên, nói không hối tiếc mà còn nhiều hối tiếc, có phải đấy là tâm trạng dùng dằng, là những giằng xé dày vò của bao kẻ trót vướng vào lưới tình, là những hệ lụy của tình yêu ở bất cứ thời nào.

Những tình khúc ĐC-TL, về giai điệu, tuy mượt mà nhưng khá đơn giản, không có những chỗ luyến láy lả lướt quá, không có những biến khúc, biến tấu khi lên khi xuống, lúc nhanh lúc chậm, những nốt nhạc lên cao hoặc xuống thấp quá, hoặc đòi người hát phải có những hơi ngân thật khỏe thật dài. Tất cả chỉ là "nâng phím tơ lên mấy cung lả lơi", lại có vẻ là những bài bản dễ hát, ai hát cũng được, nhưng không phải là ai hát cũng hay được. Khác với những tình khúc của những nhạc sĩ tên tuổi thường gắn liền với giọng hát của những ca sĩ tên tuổi, tôi chưa hề nghe nói giọng hát nào là đặc biệt thích hợp với nhạc tình ĐC-TL. Mỗi người có thể yêu thích những giọng ca khác nhau, có thể nghe được ĐC-TL bằng giọng ca này mà không phải giọng ca khác. "Thu Quyến Rũ", với tôi, trước giờ vẫn chưa có ai hát qua được Ngọc Long (cũng là người hát hay nhất "Ngày Về" của Hoàng Giác). Đã nghe giọng hát ấy thực tình không còn muốn nghe thêm giọng hát nào khác nữa. "Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay", cứ mỗi lần nghe là mỗi lần nhớ giọng hát Lệ Thanh một mùa nào. "Tà Áo Xanh" nghe được cả với giọng nữ cao Thái Thanh và giọng nam trầm Sĩ Phú. Có thể kể thêm những Mai Hương, Quỳnh Giao, Xuân Thu (giọng từa tựa Lệ Thanh)... ở một đôi bài ĐC-TL (và còn những ca sĩ nào khác nữa tôi chưa được nghe qua...). Các bài "Chuyến Bến", "Thu Quyến Rũ" có vẻ thích hợp với giọng nam hơn là giọng nữ. "Gửi Người Em Gái", "Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay" lại thích hợp với giọng nữ hơn. Giọng nam phải là giọng trầm, giọng nữ phải mềm mại, tự nhiên.

Những lối thay đổi tùy tiện lời nhạc và cả giai điệu, bằng cách chế biến, thay đổi nhịp điệu nhanh chậm, uốn éo lời ca giọng hát, hoặc hát

hoặc ít câu bài này chuyển sang ít câu bài kia theo lối "liên khúc"... đôi lúc vẫn thấy trong cách trình diễn của một vài ca sĩ. Tất cả những kiểu "tự biên tự diễn" ấy đều không thích hợp và không diễn tả được tình cảm lời nhạc, khiến người nghe không mấy hứng thú hoặc rung động, nếu không muốn nói là có đôi chút khó chịu vì không còn nhận ra ĐC-TL...

Sánh đôi cùng giai điệu mượt mà trong những tình khúc ĐC-TL là những lời lẽ thật tự nhiên, không chút bóng bẩy, cầu kỳ, không ẩn chứa những triết lý cao xa, mơ hồ, mà chỉ là những ý tưởng thật giản đơn, thật gần gụi như bày ra trước mắt mọi người, và cũng thật dễ dàng nhận biết, hiểu thấu. Những ý tưởng thoạt nghe tưởng như cũ kỹ, nhưng lúc nào cũng mới và vẫn được lặp đi lặp lại mãi về sau này. *Mộng nữa cũng là không*..., thế thôi, hoặc những quy luật bất biến, muôn đời của cuộc sống: *Có hoa nào không tàn, có tình nào không phai*...

Lời nhạc chỉ đơn giản là vậy, không gọt dũa trau chuốt, không làm duyên làm dáng, chỉ như những chuyện trò thân mật, những tâm tình vụn vặt giữa hai người bạn, giữa cặp tình nhân, nhưng lại đi thẳng vào trái tim người nghe. Sao lại như vậy được? Cũng dễ hiểu thôi, những lời lẽ ấy có bình thường nhưng không tầm thường chút nào, mà ngược lại, nói như nhà phê bình Đặng Tiến, đấy là tiếng nói được "phát ngôn trên tư cách nghệ sĩ, đưa tác phẩm nghệ thuật đến một quần chúng nghệ thuật, trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ". Cái đẹp trong lời nhạc ĐC-TL không chỉ ở tính sáng tạo nghệ thuật mà còn ở cách thể hiện. Nghe lại một lần nữa, cũng là "Cánh Hoa Duyên Kiếp" ấy, ta gặp được những câu hát thật đẹp:

Đêm hôm nay chợt nhớ tới nơi xa, lúc anh về nhặt mấy cánh hoa, kèm vào thư—lá thư xanh mầu yêu—cánh hoa duyên kiếp này, tìm em trong ý thu...

Đêm hôm nay ngồi dưới ánh trăng thu, viết tơ lòng gửi tới cho nhau, rồi ngày mai nhắn mây đưa tờ thư tới em, đôi mắt sầu, kèm theo bao ý thơ...

Tình em như mây trong mùa thu bay rợp lối, rồi tan trong chiều vắng, khi gió mang về thành mưa...

Những câu hát giàu hình ảnh và ý tưởng đẹp như thế có thể gặp rải rác ở bất cứ tình khúc nào của ĐC-TL.

Người thưởng ngoạn khó tính một chút vẫn có thể tìm ra được những hạn chế trong nét đẹp ấy. Những ý tưởng trùng lắp hay những câu, chữ lặp đi lặp lại ở bài này bài kia (những "xác pháo bên thềm", "nét bút đa tình", "dệt mấy cung đàn", "lòng thấy rộn ràng"... chẳng hạn). Có khi

không phải chỉ vài chữ mà gần trọn câu nhạc vừa ở bài này vừa ở bài kia ("nâng phím tơ lên mấy cung lả lơi..." ở "Tình Nghệ Sĩ" và "Đường Về Miền Bắc" chẳng hạn), có lẽ vì nghệ sĩ vẫn hay có những phút... lơ đãng!

Những ví dụ kể trên không có nhiều, ngược lại, đôi lúc nghe nhạc ĐC-TL, ta gặp được những bất ngờ thú vị, chẳng hạn đang giữa những nét nhạc lâng lâng (ít nhiều chịu ảnh hưởng dòng thi ca lãng mạn Pháp từ đầu thế kỷ trước), bỗng lạc ở đâu vào những câu lục bát ngọt ngào ca dao hay âm hưởng làn điệu dân ca:

Nàng đi cho dạ sao đành
đường quen lối cũ ân tình nghĩa xưa
(Gửi Người Em Gái)

mới nghe tưởng như "tân cổ giao duyên", vậy mà vẫn cứ thuận chiều, vẫn cứ xuôi chèo mát mái, chẳng có chút gì ngượng ngập, sượng sùng. Những pha trộn, kết hợp ấy mới thật tài tình.

Về việc đánh giá, xếp hạng những tình khúc của ĐC-TL, thật khó mà nói được bài nào là hay nhất, hoặc bài nào hay hơn bài nào. Kẻ yêu bài này, người thích bài kia, hoặc cho là mỗi bài mỗi vẻ... Cũng không rõ là hai chàng nhạc sĩ đã sử dụng những nhạc khí nào cho việc sáng tác, tuy nhiên, nét nhạc trữ tình ấy khá thích hợp khi được diễn tả qua tiếng đàn (hay nhạc đệm) piano, đôi lúc qua điệu kèn saxo (trong lúc sở trường của tác giả những tình khúc ấy lại là hạ uy cầm), đặc biệt là những bài Lá Thư, Tà Áo Xanh, Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay...

Qua việc tìm hiểu lịch sử tân nhạc Việt nam, các nhà nghiên cứu âm nhạc vẫn cho rằng những tình khúc ĐC-TL là tiêu biểu cho dòng nhạc lãng mạn tiền chiến. (Chữ "tiền chiến" lâu nay không còn được hiểu theo nghĩa... tiền chiến nữa mà dường như chỉ được gọi như vậy cho... tiện. Cây cột mốc "tiền chiến" có khuynh hướng bị đẩy lui mãi về phía sau, đến mức hầu như tất cả các văn nghệ sĩ ở lại miền Bắc sau ngày di cư đều mặc nhiên hóa thành các... "văn nghệ sĩ tiền chiến" cả). Nói "tiêu biểu", không phải vì hai chàng đã đặt những bước chân tiên phong mở đầu cho khuynh hướng lãng mạn ấy, cũng không hẳn vì những tình khúc ấy là hay nhất, đẹp nhất, được nhiều người yêu chuộng nhất, hoặc sống lâu nhất (so với những tình khúc của Tô Vũ, Văn Cao, Phạm Duy, Doãn Mẫn, Hoàng Quý, Hoàng Giác...), mà vì đấy là những bản tình ca đằm thắm nhất, trữ tình nhất, lãng mạn nhất, tất nhiên, và thêm một cái nhất nữa (đáng gọi là tiêu biểu), hai chàng nghệ sĩ này trước sau chỉ yêu có nhạc tình và chỉ viết có nhạc tình mà không chơi bất cứ thể

loại nhạc nào khác, hay nói như nhạc sĩ Y Vân, chỉ chuyên có một việc là "đem nhạc tình ghi tràn đầy cung điệu buồn...". Trước và sau, ĐC-TL vẫn cứ thủy chung với nhạc tình, "chuyển bến" thì có đấy nhưng không có những "chuyển hướng" sáng tác khiến những người yêu nhạc của hai chàng phải hụt hẫng và thất vọng.

Nếu nói âm nhạc là nguồn an ủi, vỗ về, tìm đến âm nhạc là tìm đến những phút giây quên lãng, những người yêu nhạc ĐC-TL còn yêu thêm cái chất men lãng mạn, còn yêu thêm cái phong vị trữ tình, nhẹ nhàng mà ngất ngây quyện trong từng nét nhạc.

Nội dung các bài hát của ĐC-TL thường là những hối tiếc không nguôi về chuyện tình cách chia, dang dở, những chuyện tình mà những người yêu nhau đã không đến được với nhau, đã không đi chung được một đường. Những chuyện tình thường có chung một không gian mùa thu, một khí hậu cũng mùa thu, một đoạn kết đẹp và buồn. Không có ở nơi đâu bằng trong những tình khúc ĐC-TL, ta thấy rõ quả là... "tình chỉ đẹp khi còn dang dở".

Sự nghiệp âm nhạc của ĐC-TL cũng chẳng may mắn gì hơn số phận những chuyện tình của hai chàng, nghĩa là cũng... dang dở, vì dòng nhạc đã phải tắt lịm ngay giữa thời kỳ sung sức nhất của người nghệ sĩ sáng tạo. Tiếc thay! Nếu không, những gì hai chàng nghệ sĩ tài hoa ấy để lại cho đời chắc không phải chỉ là lác đác những bài tình ca mà người đời còn hát đi hát lại, nghe mãi nghe hoài.

Nhưng có lẽ chính vì sự nghiệp "dang dở" ấy mà cái tên ĐC-TL quen thuộc ấy, những bản tình ca mùa thu ấy, những nét nhạc trữ tình ấy, tất cả đã luôn luôn là những gì đẹp nhất và còn ở lại mãi mãi trong lòng người.

Mùa thu cuối cùng của Đoàn Chuẩn

Chiều nao áo tím nhiều quá, lòng thấy rộn ràng nhớ người...
(Đường Về Miền Bắc)

Giọng hát Duy Trác dìu dặt cất lên trong một chiều cuối năm và trong tiết trời se se lạnh làm khơi dậy nỗi xao xuyến bâng khuâng, đánh thức những nhớ thương dịu dàng.

Những nốt láy mềm mại, nhẹ nhàng ở chữ "nhớ" cũng vẽ nên một nét nhạc đẹp.

Giữa những dòng kẻ nhạc vẫn tưởng rằng chỉ thấp thoáng có một mầu áo xanh đó thôi, sao bỗng nhiên lạc ở đâu vào những tà áo tím. Áo tím chập chờn như cánh bướm. Màu tím ấy có vẫn là màu của nhớ

nhung, tưởng tiếc?

Mùa thu đã qua từ bao giờ. Thu tàn, nhưng đông vẫn chưa sang. Mùa thu ở đây có đẹp, nhưng ngắn ngủi. *Nhủ lòng thôi hết những mùa thu*... Người viết nên câu nhạc (hay câu thơ) buồn bã ấy cũng đã lìa đời, mới đây thôi. Như chiếc lá thu lìa cành.

Tất cả những người từng có một thời đã hát, đã nghe ĐC-TL đều ít nhiều tỏ lòng tưởng tiếc đến ông, người từng viết nên những nét nhạc bay bướm bằng "nét bút đa tình lả lơi". Người nhạc sĩ tài hoa, chàng nghệ sĩ đa tình ấy đã vĩnh viễn xa lìa những mùa "thu trần gian" và những người yêu nhạc ĐC-TL.

Đoàn Chuẩn, ông thực sự là "người tình của mùa thu". Ông đã yêu mùa thu biết chừng nào. Cùng với Từ Linh, người bạn đường nghệ sĩ, ông đã không để lại gì nhiều lắm cho đời. Chỉ lác đác dăm bản tình ca mùa thu. Chừng đó thôi, đâu có gì nhiều, nhưng cũng đủ làm lay động những trái tim, làm ngát hương cho cuộc sống và làm đẹp thêm cho những mối tình (dẫu "vẹn câu thề" hay dở dang). Cùng với mùa thu ấy, cùng với cây đàn ấy, ông đã "nâng phím tơ lên" dệt cho đời những khúc nhạc tình chan chứa yêu thương. Những "thu quyến rũ", những "tà áo xanh", những "lá thư", những "dang dở", đấy là những tâm sự, là nỗi lòng của ông trải lên dòng nhạc ấy, và rất nhiều người sau đấy lại mượn dòng nhạc của ông để gửi gấm nỗi niềm tâm sự, hoặc tìm gặp tâm sự của chính mình. Như vậy làm sao nghe những bản tình ca êm dịu ấy mà không thấy lòng lắng xuống.

Trước sau Đoàn Chuẩn vẫn chỉ nhận mình là tay soạn nhạc "tài tử", chỉ để vui chơi chứ không phải chuyên nghiệp. Thế nhưng chính cái phong cách nghệ sĩ ấy, chính những nét nhạc bay bướm của "chàng phiêu lãng ôm đàn tới giữa đời" ấy đã lại dệt nên những "cung đàn yêu" làm đắm say lòng người.

"Cuộc sống của Đoàn Chuẩn chỉ có một mục đích là làm nên những bản tình ca. Anh sáng tác không nhiều, nhưng bài ca nào cũng say đắm, lãng mạn và thành thực. Con người lãng tử ấy đã để lại cho đời những ca khúc bất hủ," một người bạn của Đoàn Chuẩn, nhạc sĩ Tô Vũ, đã nói về ông như vậy. Trong lời nhận xét ấy (về những bản tình ca), có một chữ tôi cho là đúng hơn cả, không phải "say đắm" hay "lãng mạn", mà là chữ "thành thực". (Những nhận xét ấy cũng thành thực nữa). Cái nét quyến rũ trong nhạc ĐC-TL là ở sự thành thực. Nói cách khác, ông đã say đắm, đã lãng mạn một cách thành thực. Chỉ có những cảm xúc, những rung động thành thực mới truyền được cảm xúc, rung động tới người thưởng ngoạn. Chính là ở sự thành thực, chứ không phải điều gì

khác đã dẫn người nghe lại gần dòng nhạc của ông, để nghe những lời ông nói. Chỉ cần nghe những lời nhạc đó thôi là đủ nhận rõ sự thành thực. *Nhớ nhau từng phút, yêu từng giây*... (Đường Về Miền Bắc), đó không phải là những lời tình *say đắm*, *lãng mạn* và *thành thực* quá hay sao(?)...Những cảm xúc giả dễ nhận biết và khó mà đánh lừa được người nghe.

Đoàn Chuẩn, "con người lãng tử ấy", nói như Tô Vũ, đã sống đã yêu thiết tha, sôi nổi, đã có những sáng nao nức "mong chờ mùa thu", những chiều dõi mắt lặng nhìn "mây bay về đâu cuối trời", những "đêm đêm ngồi chờ sáng mơ ai"... Và ông cũng đã viết bao nhiêu là "lá thư xanh màu yêu", bao nhiêu là "phong thư ngào ngạt hương" và rồi đã đốt, đốt hết để không còn lại chút gì (nhưng tình vẫn không cháy được!). Và ông cũng đã dệt bao nhiêu là "cung đàn yêu", đã gửi bao nhiêu là "bướm đa tình về hoa", và rồi *hoa tàn*, tình cũng *tan theo không gian*, nhạc cũng *bay theo không gian*. Sau cùng, ông chẳng còn lại chút gì.

Trở lại với bài phỏng vấn đăng trên tờ báo ở trong nước, khi được hỏi: "Sao ông không sáng tác thêm nữa mà chỉ chừng ấy bài rồi thôi?", tôi nhớ Đoàn Chuẩn trả lời đại khái "đã cạn tình cạn ý, có làm thêm nữa cũng chẳng hay ho gì". Câu trả lời ấy tôi cho là đúng mà không đúng, người phỏng vấn cũng chỉ hỏi để mà hỏi (trong lúc đã thừa hiểu tại sao), và ông cũng chỉ trả lời như thế cho... qua chuyện. Có điều gì không thật trong câu hỏi lẫn câu trả lời. Ở một nơi mà mọi người đều có vẻ như đang đóng kịch, những cái tưởng như thật ấy lại là những cái giả, và có vẻ như mọi người đã quen rồi những kiểu cách ấy. Nhạc tình là muôn thuở, lại là "tình nghệ sĩ" nữa, làm sao mà cạn nổi! (Tôi cố hình dung nét mặt của ông khi phải trả lời câu ấy, chắc phải vừa trầm ngâm, vừa lộ vẻ... chán đời). Ai cũng hiểu rằng trong khí thế hừng hực "cách mạng" thuở ấy mà vẫn thản nhiên "nâng phím tơ lên mấy cung lả lơi", vẫn nhất định chỉ yêu có một "màu xanh ái ân" đó thôi (vì đã "trót yêu" rồi) chứ không chịu yêu màu gì khác, và vẫn nhất định chỉ yêu có một mùa "thu trần gian" đó thôi chứ không phải mùa thu nào khác thì không dễ gì yên ổn để phút này còn ngồi được ở đấy mà... trả lời những câu "phỏng vấn".

Một câu hỏi khác cũng "thật mà giả" như thế, nhưng lại nhận được câu trả lời khá thú vị. Khi người phỏng vấn đặt câu hỏi: "Ông vẫn nói là 'thấy hối tiếc nhiều...' trong những lời nhạc, vậy thì điều gì làm ông hối tiếc nhiều nhất trong đời?", Đoàn Chuẩn đã trả lời rằng (không rõ thật hay đùa) ông chỉ tiếc một điều, là suốt đời ông chỉ yêu cái đẹp, vậy mà những cô ca sĩ hát nhạc của ông, tuy hát có hay, nhưng lại... chẳng có cô

nào đẹp cả! Người phỏng vấn bèn hỏi tiếp: "Thế thì ca sĩ nào, theo ông, hát nhạc ĐC-TL hay nhất?", ông kể ra được vài tên tuổi ca sĩ ở... trong nước. Về điều mà ông tỏ ra hối tiếc ấy, tôi mong là ông chỉ nói đùa cho vui vậy, nhưng nếu ông nói thật, dù không muốn làm một sự so sánh, tôi thực sự lấy làm "hối tiếc" cho ông là ông đã không được nghe (và thấy) những ca sĩ ở miền Nam trước đây hát nhạc ĐC-TL. Nếu có, chắc là ông sẽ rút lại câu nói ấy, hoặc ít ra cũng không đến nỗi thất vọng nhiều lắm.

Nhưng thôi, tiếc mà chi... Ông đã chẳng nói vậy sao?

Nếu cứ tiếp tục "phỏng vấn" theo kiểu ấy và cứ bắt ông phải trả lời thì kể cũng tội cho ông. Theo tôi, có một câu đáng hỏi mà anh chàng (hay cô nàng) phỏng vấn ấy lại không hỏi (bây giờ thì lại không hỏi được nữa), vì vội quá nên quên hay vì thiếu chuẩn bị. Câu hỏi ấy là: "Cái *mầu xanh ái ân* mà ông vẫn cứ hay nói tới nói lui, nhắc đi nhắc lại trong nhạc của ông thực ra là mầu xanh gì vậy? (Có như là 'lá diêu bông'?). Mầu xanh ấy đến nay đã chịu phai chưa? Ông còn yêu cái mầu xanh ấy nữa hay thôi?" (Giá mà hỏi được vậy thì ta đã có cơ may được nghe ông giải đáp thắc mắc, và dẫu ông có trả lời cách nào đi nữa thì ít nhất ta cũng biết được một điều là cái mầu xanh ấy có thực hay không!).

Nhưng thôi, cũng chẳng "tiếc mà chi" cơ hội đã lỡ làng! Dù sao câu hỏi sau cùng cũng vớt vát được chút đỉnh (có khá hơn, và ít ra còn là một "câu hỏi"), tuy nhận được câu trả lời khá ngậm ngùi. Câu hỏi về những giấc mơ...

Đoàn Chuẩn, ông đã từng có, từng nói về những giấc mơ. Ông đã mơ mộng biết chừng nào, tâm hồn ông tràn đầy những ước mơ... Cho dù những ước mơ và những hối tiếc luôn đến cùng một lúc.

Tà áo xanh nào về với giấc mơ...

Người mơ không đến bao giờ...

"Ông có ước mơ gì trong những ngày còn lại ở thế gian này?", người phỏng vấn hỏi câu cuối cùng. Sau một lúc nghĩ ngợi (đã lâu lắm rồi mới nghe câu hỏi này), ông lắc đầu, nói chẳng có ước mơ, mơ ước gì cả, hay nếu có, chỉ là cuộc hành trình êm ả, là được ra đi thanh thản, nhẹ nhàng... Ít ra có lẽ đây là giấc mơ sau cùng ông đã thực hiện được. Từ đầu năm 2000, do đứt mạch máu não, ông đã rơi vào trạng thái chập chờn khi tỉnh khi mê. Ông nằm đó, bất động trên giường bệnh, mắt nhắm nghiền như đang ngủ say, như đang chìm đắm trong giấc mộng dài, mãi cho đến lúc lặng lẽ ra đi...

Cái chết của Đoàn Chuẩn gần đây thực sự không gây xúc động nhiều lắm, không để lại tiếc thương nhiều lắm đối với những người yêu nhạc của ông, để gọi là một mất mát lớn, vì sau này hầu như ông đã

ngưng sáng tác (đối với công chúng, người nghệ sĩ không tiếp tục sáng tạo thêm được nữa xem như đã chết theo nghĩa nào đó), nhưng có làm người ta tưởng nhớ đến ông và muốn tìm nghe lại ĐC-TL.

Khi cho chạy lại cuốn băng video ca nhạc ấy, tôi thấy Đoàn Chuẩn vẫn còn ngồi đó, vẫn còn điếu thuốc trên tay ông. Hầu như lúc nào trên tay ông cũng là điếu thuốc (tựa như Văn Cao, lúc nào cũng ly rượu trên tay). Ông đốt thuốc liên tục, thả khói mơ màng. Khói thuốc mơ màng và đôi mắt ông cũng mơ màng. Ông nghĩ ngợi gì, chẳng ai biết được. Trông ông giống như người đợi chờ mà không đợi chờ điều gì cả, hay như người ngồi đợi hoài những giấc mơ "không đến bao giờ". Ông sống lặng lẽ như một cái bóng, và cử động cũng chậm chạp, nhẹ nhàng như một cái bóng, không nói không năng, không thấy có nụ cười, khuôn mặt không biểu lộ nét vui hay buồn.

Tôi thấy Đoàn Chuẩn vẫn còn ngồi đó, vẫn còn ánh mắt mơ màng, vẫn còn đăm đăm nhìn ra khoảng sân trước nhà. Ông tìm kiếm gì vậy? *Đêm đêm nhìn cây trút lá, lòng thấy rộn ràng, ngỡ bóng ai về...* Những phút sướng vui rộn ràng ấy chắc cũng chẳng kéo dài được lâu, chắc cũng chỉ là những phút giây hạnh phúc thật ngắn ngủi... Nhưng ông đã bằng lòng, và cũng muốn được tận hưởng những phút giây ấy. Hơn thế nữa, tôi cho là ông cũng đã san sẻ với chúng ta, những người nghe nhạc của ông, chút hạnh phúc như gió thoảng qua ấy. Hạnh phúc như gió thoảng, đó là những phút giây chìm đắm trong thế giới lãng đãng của âm thanh, thả hồn theo tiếng nhạc bềnh bồng và giọng hát dịu dàng cất lên giữa khoảng không gian thật yên tĩnh, thật lắng đọng, trong tiết trời se se lạnh của một ngày chớm thu. *Với bao tà áo xanh, đây mùa thu...* Tôi chắc là không có lúc nào người nghe nhạc cảm thấy thèm một hơi thuốc, một tách café nóng hơn là lúc ấy.

Nghe nhạc ĐC-TL đôi lúc có được những khoảnh khắc hạnh phúc như thế, cũng tựa như hạnh phúc ngắn ngủi của người viết nên những tình khúc ấy. Cám ơn ĐC-TL, cám ơn những khoảnh khắc hạnh phúc ấy.

Mùa thu đã qua từ bao giờ. Thu tàn, nhưng đông vẫn chưa sang... Nhưng đã qua hết một mùa thu. Đã qua hết những mùa vui. Những cánh hoa *hướng dương* đã *tàn tạ trong đêm tối*. Những chiếc *lá thu còn lại đôi ba cánh* rồi cũng sẽ lìa cành.

Nhủ lòng thôi hết những mùa thu...

Câu hát ấy nghe như tiếng thở dài thật nhẹ, như bước chân ai thật khẽ vừa lặng lẽ rời khỏi chốn này, như tiếng động thật nhẹ nhàng của

chiếc lá cuối cùng vừa rụng xuống trong một ngày tàn thu.

Hình ảnh sau cùng về Đoàn Chuẩn tôi còn giữ được, và chắc là còn giữ được mãi về sau này, là những ngón tay kẹp điếu thuốc của ông và những cử chỉ thật nhẹ nhàng, thong thả, gạt tàn thuốc vào chiếc gạt tàn trên mặt bàn. Trong lúc bà vợ ông nói và nói để trả lời các câu hỏi, ông ngồi lặng thinh, dõi mắt mơ màng theo làn khói thuốc (như thể những chuyện ấy chẳng có liên quan gì tới ông). Thật khó mà biết được một người ngồi lặng im với dáng điệu và cử chỉ như thế, với nét mặt không biểu lộ cảm xúc nào như thế, đang nghĩ gì trong đầu. Thế nhưng không hiểu sao, ánh mắt mơ màng ấy và ngón tay trỏ gõ gõ trên chiếc gạt tàn thuốc ấy theo một nhịp thật chậm rãi, thật thong thả và đều đặn ấy vẫn cho tôi cảm tưởng rằng ông đang chăm chú lắng nghe những nốt nhạc. Những nốt nhạc thật xa xôi mà cũng thật gần gũi, những nốt nhạc từng có một thời cùng với ông, và người bạn đường nghệ sĩ của ông, đi suốt chặng đường dài tuổi trẻ. Những nốt nhạc bềnh bồng dắt đưa ông về thăm lại những cây cỏ xanh tươi trên con đường trí nhớ, cho ông tìm gặp lại những mùa thu đã xa như dĩ vãng, những tà áo mầu bay lượn chập chờn, và cũng rớt xuống cho ông, chàng nghệ sĩ đa tình một thuở, những yêu thương đằm thắm nhất của một mùa nào lãng mạn.

Lê Hữu

TRONG DỊP KỶ NIỆM 39 NĂM NGÀY MẤT CỦA
VĂN HÀO NHẤT LINH 7.7.1963 - 7.7.2002

Tìm đọc **XÓM CẦU MỚI**

Cuốn trường thiên tiểu thuyết đã được NHẤT LINH cưu mang lâu dài nhất, và viết đi viết lại cả thảy năm lần:

Lần đầu viết năm 1940 tại Hà Nội, lần thứ hai năm 1943 tại Quảng Châu (Trung Hoa), lần thứ ba năm 1949 tại Hương Cảng, lần thứ tư tại Hà Nội năm 1951, và sửa chữa lần sau cùng bên dòng suối Đa Mê (Đà Lạt) trước khi đăng trên tờ Văn Hóa Ngày Nay năm 1958.

Xóm Cầu Mới thể hiện quan niệm viết tiểu thuyết mới nhất của Nhất Linh, không giống như những tiểu thuyết trước đây của ông.

Trong lần tái bản này, toàn bộ tiểu thuyết Xóm Cầu Mới đã được đánh máy lại đúng với bản thảo viết tay của tác giả mà gia đình đã mang qua Mỹ được vào năm 1975.

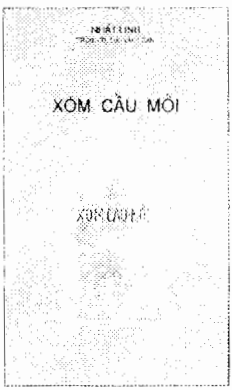

Liên lạc: **Văn Mới**
1127 W. Gardena Blvd., Gardena, CA 90247 USA
Điện thoại: (310) 366-6867

Sách dày gần 600 trang.
Giá US$25

Nhữnglầm lẫn, thiếu sót trong "Thơ văn Lý Trần"

Trần Văn Tích

Trong số các công trình giới thiệu thi ca cổ hiện nay, bộ *Thơ văn Lý Trần* (Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà nội; Tập I, 1977, 631 trang; Tập II, Quyển Thượng, 1989, 966 trang; Tập III, 1978, 822 trang) là một công trình có giá trị tuy rằng chưa đầy đủ. Bởi tổng tập còn thiếu Quyển Hạ Tập II. Nhóm biên soạn cho biết quyển này sẽ bao gồm những tác phẩm xuất hiện trong thời gian từ khi nhà Trần lên ngôi (1226) đến khoảng đầu đời Trần Dụ Tông (1341) nhưng không có tên tác giả, hoặc có tên tác giả thì cũng không soi sáng được gì nhiều cho sáng tác (ví dụ *Việt điện u linh tập*) v.v..

Dẫu biên soạn hết sức công phu nhưng rải rác *Thơ văn Lý Trần* vẫn có một số lầm lẫn hay thiếu sót, nhất là ở những bài dịch, những lời chú. Có thể là do các soạn giả bận rộn, nhưng nhất là do phương tiện tra cứu có hạn. Những lầm lẫn thiếu sót ấy tuy không quan trọng lắm nhưng cũng ít nhiều ảnh hưởng đến giá trị tham khảo của tác phẩm. Do đó, sức tác động của tư tưởng thơ văn người xưa cũng bị giảm sút chút đỉnh và ảnh hưởng về mặt nghệ thuật của nền văn học đối tượng cũng kém đi đôi phần. Công việc đính chính lại cho đúng sự thật, bổ túc thêm cho tròn nghĩa lý ở một đôi ba điểm được lựa chọn là nội dung bài viết này.

Về hình thức trình bày, khuyết điểm lớn là Tập I đã dùng lối chữ Hán giản thể đang thịnh hành ở Hoa lục để ghi lại các bài thơ, văn Lý Trần; một việc làm có thể nói không quá lời là phi lịch sử. Cũng may là Tập II và Tập III đã được in bằng kiểu chữ hán phồn thể quen thuộc với những Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi (Tập II do Thượng tọa Thích Đức Nghiệp viết chữ hán, Tập III không thấy để tên người viết chữ khối vuông).

Về thích nghĩa từ vựng, vì không có những bộ bách khoa từ điển chữ hán để tham khảo nên nhiều chỗ "*chưa hiểu, hoặc hiểu không chắc chắn, đều có nêu rõ, để sau này tiếp tục tra cứu thêm.*" (Tập III, tr.9). Nhóm biên soạn đan cử "*các tài liệu đã dùng làm căn cứ, như Từ hải, Bội văn vận phủ, Phật học đại từ điển v.v..*" (Tập I, tr.194). Đành rằng có thêm *vân vân* nhưng dù sao cũng đủ thấy là tài liệu tham khảo ít ỏi về số liệu và nhất là khiêm nhượng về tầm vóc. *Từ nguyên, Từ hải, Khang Hi* là những từ điển phổ thông, chỉ tương đương với loại *Petit Larousse Illustré* của Pháp. *Bội văn vận phủ* do Trương Ngọc Thư đời Thanh vâng lãnh chiếu chỉ biên soạn, là loại thư [1] kiểu lớn dùng để tra cứu văn chương điển cố và cách dùng câu hay vần đẹp. *Phật học đại từ điển* có vẻ không phải là *Hán-Anh Phật học đại từ điển*, nguyên là cuốn *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms* do Thành Văn Xuất bản xã hữu hạn công ty in lại ở Đài Bắc năm 1975. Không kể *Bội văn vận phủ, Từ hải* và *Phật học đại từ điển* được biên soạn và trình bày theo phương pháp xếp chữ và mô hình kiểu Tây phương. Nhưng đây vẫn không phải là loại từ điển bách khoa như *Hán ngữ đại từ điển, Trung văn đại từ điển*, chúng là những tài liệu tham khảo đồ sộ cả về tầm vóc (khổ giấy lớn) và độ dày (từ mười hai đến bốn mươi quyển)[2]. Các mục từ trong loại sách công cụ này được phân chia thành điều để sắp xếp (từ đơn nghĩa, từ đa nghĩa), để giải thích (nghĩa đại thể, nghĩa chính, nghĩa rộng, nghĩa ví dụ, nghĩa vay mượn), kèm theo dẫn liệu thi tuyển văn tuyển để minh hoạ; vì thế hình thức ấn loát sáng sủa, rõ ràng, nội dung mạch lạc, mang tính hợp lý nội tại chặt chẽ, mang tính thực dụng rộng rãi. Chính những loại từ điển lớn này mới có thể cung cấp tương đối đầy đủ dữ kiện thông tin bổ ích để chú thích thi ca cổ Hán văn.

Sau đây xin nêu ra vài trường hợp thiếu sót, sai lầm, xem như những ví dụ. Có ví dụ tôi đã từng đan cử trong những bài viết thuộc quá khứ, nay cũng xin chép lại, nếu cần thì bổ chính thêm, để thành bài viết hoàn chỉnh.

* Tập III, bài thơ *Đại tạ ngự tứ mặc hoạ long* (Thay người tạ ơn vua ban cho bức tranh rồng thủy mặc) của Nguyễn Ức có hai chữ *ngũ tự* và *tam đạo*. Phần Chú thích ghi như sau (trang 36) :

"Năm chữ (*ngũ tự*) : chưa rõ xuất xứ. Có người cho là phú, quí, thọ, khang, ninh. Nhưng ý đó không thích hợp với bài thơ này. Ba đường (*tam đạo*) : chưa rõ tác giả muốn nói gì. Cả câu này và câu trên nghĩa còn chưa rõ, chờ tra cứu thêm."

Nội dung bài thơ liên hệ cho biết có vị sư từ cung vua tới mang tặng tác giả một bức tranh vẽ rồng do Hoàng đế minh hoạ. Trên bức tranh đó:

Xuân hồi ngũ tự khê lưu quang,
Ấn phân tam đạo châu ngưng hương.

Dịch thành văn xuôi :

Mùa xuân về trên năm chữ như những dòng khe chảy ánh sáng,
Dấu ấn chia làm ba đường như những hạt châu đọng mùi thơm.

Hán ngữ đại từ điển, quyển 1, trang 355 ghi cho *ngũ tự* ba nghĩa mà nghĩa thích hợp nhất với toàn cảnh bài thơ là nghĩa thứ ba : *chỉ ngũ ngôn thi*; như vậy, trong câu thơ Nguyễn Ức, *ngũ tự* có thể được hiểu là bài thơ năm chữ. *Tam đạo*, cũng theo cùng từ điển (quyển 1, trang 237), có năm nghĩa, mà đáng chú ý là nghĩa 1, chỉ ba cung cách con cái thờ phụng cha mẹ theo đạo hiếu : *sinh tắc dưỡng, một tắc tang, tang tất tắc tế* (cha mẹ còn sống thì nuôi, cha mẹ mất thì để tang, hết tang thì lo cúng tế); nghĩa 3 chỉ *quốc thể, nhân sự, trực ngôn*; nghĩa 5 là *chính đạo, kỳ đạo, phục đạo*. William Edward Soothill and Lewis Hodous, *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*, Kegan Paul, Trench, Trubner & Co. Ltd., London, 1937, ghi cho *tam đạo* ba nghĩa nhưng chỉ có nghĩa thứ nhất là thích hợp với văn cảnh bài thơ : *tam đạo* đồng nghĩa với *tam luân : hoặc đạo, nghiệp đạo, khổ đạo* (illusion, karma, suffering). Bức tranh Nguyễn Ức được ban tặng do một vị sư mang đến nên có lẽ nghĩa Phật học này thích hợp nhất, do đó, có thể hiểu *tam đạo* là một khái niệm thuộc lĩnh vực giáo lý Đức Thích Ca. Như thế, hai câu thơ có thể dịch là:

Mùa xuân trên bài thơ năm chữ như...
Dấu ấn giáo lý Đức Phật như...

Có nhiều phần chắc bài thơ năm chữ là bài thơ đề vịnh trên bức tranh rồng.

Nhà Trần là triều đại có những mối tình lớn. Trần Thái Tông vì Lý Chiêu Hoàng mà trốn lên núi Yên tử, suýt bỏ ngôi vua. Trần Khắc Chung mãi mãi không quên Huyền Trân công chúa dẫu người đẹp đã trở thành hoàng hậu Chiêm thành. Trần Quang Khải đặt vào tay vợ là công chúa Phụng Dương ốm nặng lời vĩnh quyết : *Lai sinh chi nhật, nguyện vi phu phụ như sơ* (Kiếp sau xin được làm vợ chồng như xưa).

Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Hán Anh cũng từng sống hai mối tình lớn, nhất là Nguyễn Phi Khanh. Thuở trẻ nhà nghèo, hai chàng thư sinh họ Nguyễn phải ngồi dạy học ở nhà quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, được quan Tư đồ ủy thác nhiệm vụ dạy dỗ cô con gái Trần thị Thái cho Nguyễn Phi Khanh và cô em Trần thị Thai cho Nguyễn Hán Anh. Cả

hai thiếu nữ lá ngọc cành vàng đều cùng yêu say đắm hai vị gia sư. Ngô Sĩ Liên cho biết trong *Toàn thư* : "*Ứng Long* (tức Nguyễn Phi Khanh) *nhân đùa bỡn lả lơi, làm thơ ca bằng quốc âm để trêu ghẹo Thái, rồi thông dâm. Hán Anh cũng làm thơ quốc âm bắt chước Ứng Long. Khi Thái có mang, Ứng Long bỏ trốn. Đến ngày Thái đẻ,* (Trần) *Nguyên Đán hỏi rằng : 'Ứng Long đâu rồi?'. Người nhà trả lời là Ứng Long sợ tội bỏ đi rồi. Nguyên Đán nói : 'Vận nước sắp hết rồi, biết đâu không phải là trời xui ra thế, vị tất không phải là phúc của nhà mình.' Bèn gọi hai nho sinh về bảo rằng : 'Người xưa đã có việc này, không thấy chuyện Văn Quân và Tương Như sao? Nếu được như Tương Như để tiếng đời sau thì ta cũng bằng lòng.' Hai nho sinh rất cám ơn, cố sức học, đều thi đỗ cả.*"

Cung cách xử sự khoan dung hoà ái đó của Trần Nguyên Đán đối với Nguyễn Phi Khanh khiến nhóm biên soạn *Thơ văn Lý Trần*, Tập III, khi chú thích câu thơ

Đa bệnh hoàn liên Mã Trưởng Khanh

(Bệnh nhiều lại càng thương cho Mã Trường Khanh)

trong bài *Thu trung bệnh* (Ốm vào mùa thu) của Nguyễn Phi Khanh (trang 418), đã cho rằng : "Mã Trường Khanh (...) tức Tư Mã Tương Như một nhà văn đời Hán. Khi cho phép Nguyễn Phi Khanh lấy con gái mình, Trần Nguyên Đán đã nêu Tương Như là một tấm gương lập công danh cho Phi Khanh(...)." Lối giải thích biện luận như thế không ổn. Vì tại sao Nguyễn Phi Khanh lại nhắc đến "một tấm gương lập công danh" vào lúc đang bị đau ốm?

Câu thơ của thân phụ Nguyễn Trãi bố cục hô ứng rất chặt chẽ, giữa *đa bệnh* và *Mã Trường Khanh* có mối liên hệ nhân-quả : vì bệnh nhiều nên càng thông cảm với Tư Mã Tương Như.

Trong lịch sử y học Trung hoa, có những người bệnh rất nổi tiếng mà Tư Mã Tương Như là một. Qua hồ sơ bệnh lý họ Tư Mã, y sử Trung hoa đã chứng tỏ biết đến bệnh đái đường từ trước Công nguyên, mà thuở bấy giờ đã và đến bây giờ vẫn gọi là *tiêu khát*. Cuốn sách gối đầu giường của các lương y phương đông, cuốn *Hoàng Đế Nội kinh Tố vấn*, trình bày ở thiên *Kỳ bệnh luận* : phàm chất béo khiến sinh chứng nội nhiệt, vị ngọt khiến sinh chứng trung mãn; đến khi khí đó tràn lên thì sẽ chuyển thành chứng *tiêu khát*. Yves Hervouet, dựa vào *Sử ký* Tư Mã Thiên và một số tài liệu khác, trong bài biên khảo *Un poète de cour sous les Han : Sseu-Ma Siang-Jou* (Presses Universitaires de France. Paris. 1964. p.55) kể rằng các dấu hiệu rối loạn dinh dưỡng và bài tiết xuất hiện lúc Tư Mã Tương Như mới ba mươi tuổi, và đến hai thập niên cuối đời thì nhân vật lịch sử tài hoa này thường viện chứng trạng *tiêu khát* để

lánh xa chính trường.

Bài *Hán cung từ* của Lý Thương Ẩn đời Đường đan cử bệnh *tiêu khát* của Tương Như :

Thị thần tối hữu Tương Như khát,
Bất tứ kim hành lộ nhất bôi.
(Nhiều quan lại bị tiểu đường như Tương Như,
Không hề có một chén rượu được ban cho).

Mai Nghiêu Thần đời Tống trong bài thơ *Ngụy văn dĩ tử bệnh khát tặng ý dĩ*...cũng nhắc đến chàng Tư Mã với chứng bệnh trầm kha :

Ngụy vô Tương Như tài,
Ngẫu bệnh Tương Như khát.
(Ngụy vốn không có tài của Tương Như,
Chỉ ngẫu nhiên bị tiêu khát như Tương Như).

Trong bài thơ *Tặng y sư Vương Lập Phương*, Cao Khải đời Minh lại sử dụng cùng điển tích :

Thi nhân diệc hữu Tương Như khát,
Nguyện khất đan sa cựu tỉnh tuyền.
(Ví thử người thơ bị bệnh tiêu khát như Tương Như,
Thì xin nguyện tìm đan sa nơi nguồn giếng cũ).

Nguyễn Du trong bài thơ *Y nguyên vận ký Thanh oai Ngô Tứ Nguyên* cũng nói về chứng *tiêu khát* của họ Tư Mã :

Tiêu khát nhật tăng Tư Mã bệnh,
Mộng hồn dạ nhập Thiếu Lăng thi.
(Bệnh tiêu khát của Tư Mã Tương Như ngày càng nặng,
Ban đêm mộng hồn thường gửi vào thơ Thiếu Lăng).

Qua bài *Ngọa bệnh thư hoài*, Nguyễn Thông khi lâm bệnh mạn tính lại đề cập đến Tương Như, y như Nguyễn Phi Khanh :

Đỗ Phủ vô gia biệt,
Tương Như trường niên bệnh.
(Không nhà ly biệt như Đỗ Phủ,
Bệnh hoạn liền năm giống Tương Như).

Chứng *tiêu khát*, theo nhãn quan đông y, là do tích nhiệt ở trung tiêu, hư hoả vọng động, thận tinh hao tổn; âm hư và táo nhiệt lại làm tiêu hao tân dịch ở phế vị và âm tinh của thận; vì trọng điểm âm hư là ở thận, âm thương liên lụy đến dương, nên bệnh kéo dài và thường làm thận dương cũng bị hư. Đối với tây y, bệnh đái đường là một bệnh do thiểu năng nội tiết nên tồn tại suốt đời. Do đó, khi muốn mô tả tình trạng ốm đau liên miên là người xưa liên tưởng tới nó. Từ Nguyễn Phi Khanh qua Nguyễn Du đến Nguyễn Thông. Như vậy thân sinh Nguyễn

Trãi đã nhắc đến Mã Trường Khanh trên giường bệnh chỉ vì đó là một trường hợp bệnh lý kinh niên lừng danh và quen thuộc của phương đông, chứ chẳng phải vì nhớ lời ông ngoại Nguyễn Trãi. Nhóm biên soạn *Thơ văn Lý Trần* có lẽ do thiếu kiến thức y học nên đã không nhận ra điều này, từ đó, rất có thể đã đoán sai ý tứ câu thơ.

Trong một số trường hợp khác, nhóm biên soạn tỏ ra dường như thiếu kiến thức dược liệu học, thực vật học. *Thơ văn Lý Trần*, Tập III, trang 18, dịch nghĩa và chú thích chữ *toa* : "chữ toa vốn chỉ một thứ cây có tên khoa học là Cyperus rotundus, rễ của nó gọi là "hương phụ tử ", là một vị thuốc bắc. Ở đây tạm dịch chung là "cỏ" cho dễ hiểu." Thật ra vị thuốc bắc liên hệ không phải là rễ (*Radix*) mà là thân rễ (*Rhizoma*) cây *Cyperus rotundus* L., cho nên khoa dược liệu học gọi nó là *Rhizoma Cyperi*. Nhưng thiếu sót đáng tiếc là nhóm biên soạn không biết rằng đây chính là cây cỏ cú, một loại cỏ dại mọc tràn lan khắp nước ta, một loại cỏ khó tiêu diệt đối với nhà nông, một vị thuốc thân quen đến nỗi giới dao cầu thuyền tán hằng truyền tụng là *nam bất thiểu trần bì, nữ bất ly hương phụ* nghĩa là chữa bệnh cho đàn ông không thể thiếu trần bì, chữa bệnh cho đàn bà không thể không dùng hương phụ. Và câu thơ dịch phải mang tính khẳng định hơn, không thể "tạm dịch chung là 'cỏ' " mà cần dịch dứt khoát là "cỏ cú". *Từ hải* chú thích *toa thảo loại* là Cyperaceae.

Nhân chuyển tên gọi một loài cây trong bài *Nguyệt* của vua Trần Nhân Tông (Tập II, quyển Thượng, trang 465), nhóm biên soạn lại đãng trí không để ý đến khung thời gian nghệ thuật của thi phẩm nên dịch không chính xác. Câu thứ tư : *Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ* được dịch thành văn xuôi là "Trên chùm hoa quế trăng vừa mọc". Nhưng nếu căn cứ vào câu thơ thứ hai *Lộ trích thu đình dạ khí hư* (Móc rơi nơi sân thu, khí đêm trống không) thì ý tứ giữa hai câu thơ dịch trở thành thiếu nhất quán. Mùa thu là mùa thu hoạch hạt quế để ươm trồng cây non, cho nên hoa quế không thể nở vào mùa thu mà nở vào giữa xuân hay cuối xuân. Chữ *mộc tê* trong Hán văn quả có được người vùng Giang nam dùng để chỉ cây quế. Nhưng *mộc tê* cũng còn là tên cây mộc *Osmanthus fragrans* Lour. được trồng khắp Đông dương, Trung hoa, châu Á nhiệt đới. Hoa cây mộc rất thơm, dùng để ướp trà, gọi là trà mộc, bên cạnh trà sen, trà lài, trà ngâu v.v..; nó cũng được dùng để ướp thuốc lá. Trà mộc, theo y học cổ truyền và theo bản thảo, có dược tính thanh phế, chỉ khái (giúp dễ thở, làm giảm ho). Cho nên câu thơ của vua Trần phải được dịch là "Trên chùm hoa mộc trăng vừa mọc."

Cũng cần đề cập tới một số chú thích điển cố về nho gia, điển cố về Phật học mà tôi cảm thấy có vẻ còn có vấn đề nên thảo luận hay bổ túc thêm.

Tập III, trang 387, bài *Bồi Băng Hồ tướng công du xuân giang* (Theo tướng công Băng Hồ đi chơi sông xuân), thơ Nguyễn Phi Khanh, phần chú thích ba chữ *hiếu liêm thuyền* ghi : "chưa tìm được xuất xứ". Xuất xứ của kết cấu từ vựng này là chuyện Trương Bằng ghi trong phần *Văn học*, sách *Thế thuyết tân ngữ*. Trương Bằng người quận Phổ ngô, đỗ hiếu liêm, tự xem và được xem là người kỳ tài, từ đấy thành điển tích dùng để đề cao bậc tài sĩ [*vi bao mỹ tài sĩ chi điển* (*Hán ngữ đại từ điển*, quyển 4, trang 201)]. Thơ Đỗ Phủ, bài *Đắc Quảng châu Trương phán quan Thúc Khanh thư sử hoàn dĩ thi đại ý* :

Vân thâm phiêu kỵ mạc,
Dạ cách hiếu liêm thuyền.

Khi dịch bài thơ này, Nhượng Tống cũng không hiểu điển tích *hiếu liêm thuyền* nên đã chuyển thành thơ lệch ý nguyên tác, do đó, bài thơ dịch Việt ngữ hoá thành khó hiểu :

Mây khuất dinh quan tướng,
Đêm tìm thuyền khách thơ.[3]

Dựa vào văn cảnh của toàn thể bài thơ, dựa vào ý nghĩa của bản thân câu thơ, phải dịch khác đi thì mới khỏi bị khiên cưỡng :

Mây che tướng phủ,
Đêm xa người tài.

Tập II, trang 154, bài *Niêm tụng kệ* nhắc đến nhân vật Mục Châu, được chú thích số 45 ghi là : "chưa rõ lai lịch". Mục Châu là một thiền sư Trung hoa. Bài *Niêm tụng kệ* đan cử một loạt thiền sư hán tộc: Mã Tổ, Qui Sơn, Phổ Nguyện, Lâm Tế, Triệu Châu v.v..Mục Châu sống vào thế kỷ thứ IX, có công án được ghi lại trong *Truyền đăng lục*, vốn trụ trì chùa Long Hưng, môn đệ của thiền sư Hoàng Bá. Mục Châu hỏi một thiền tăng từ đâu đến, thiền tăng chỉ quắc mắt, không đáp (*trừng mục, vô ngữ*)[4].

Tập II, trang 160, chú thích hai chữ *lục niệm* trong bài *Sơ nhật thì*, các soạn giả đã dành khá nhiều giấy mực để trình bày cách giải thích một khái niệm Phật học có vẻ như do chính mình sáng tạo ra : "*Sáu khoá niệm* : Lễ Phật tụng kinh sáu lần theo sáu thì trong một ngày đêm. Theo cách tính thời gian của âm lịch thì mỗi ngày đêm gồm 12 thì, có các tên là : tí, sửu, dần, mão, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi; nhưng ở đây Trần Cảnh chỉ chia làm sáu thì; ông chọn những thời điểm tiêu biểu cho mỗi buổi, đó là : sáng sớm, giữa trưa, hoàng hôn, chập tối,

nửa đêm và lúc sắp qua đêm. Mỗi thì có một khoá lễ riêng. Đào Duy Anh chú sáu niệm là : niệm Phật, niệm Pháp, niệm tăng, niệm trời, niệm giới, niệm bố thí." Rồi từ suy luận đó, nhóm biên soạn đi thêm bước nữa và đặt đầu đề cho bài thơ là *Dần thì cảnh sách chúng kệ* (Kệ khuyên răn lúc giờ dần) mặc dầu văn bản cổ đã ghi sẵn cho bài thơ đầu đề *Sơ nhật thì*. Thật ra *lục niệm* trong thuật ngữ nhà chùa chỉ có một nghĩa như Đào Duy Anh ghi nhận. *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms* (op.cit.) trang 135, giảng : "The six thoughts to dwell upon : Buddha, the Law, the Order, the commands, almsgiving, and heaven with its prospective joys." Tomohiro Matsuda, trong *A Dictionary of Buddhist Terms and Concepts,* Nichiren Shoshu International Center, Tokyo, 1983, trang 401 cho rằng *lục niệm* là "six kinds of contemplation : six types of meditation referred to in the Fugen Sutra (*Phổ Hiền kinh*) and in the Nirvana Sutra. They are contemplations on the Buddha, the Law, the Order, the observance of the precepts, the benefit of almsgiving, and rebirth in heaven."

Tương tự như vậy, *bát thủy* trong từ vựng thiền học là nhằm chỉ tám con sông của Ấn độ, chứ không phải như Tập II, trang 51 hiểu thành "nước tám tính" với lời giảng giải dài dòng qua chú thích số 40 : "*Nước tám tính* (bát thủy) : thuật ngữ đạo Phật chỉ có từ *bát công đức thủy*, tức thứ nước có tám tính chất tốt như trong sạch, mát ngọt..., nhưng ở đây có thể tác giả nói gọn. Hoà thượng Phúc Điền dịch là *vào nước*, tức là *nhập thủy*." Câu văn có chữ *bát thủy* thuộc bài *Phổ thuyết tứ sơn* trong *Khoá hư lục* của vua Trần Thái Tông, phần *Tứ sơn* :

Âm tinh cực thịnh, nhất thiên vũ tuyết cánh phân phi,
Dương khí tiềm tiêu, bát thủy ngưng ba tăng lẫm liệt.

được nhóm biên soạn dịch thành :

Âm tinh cực thịnh, khắp một trời mưa tuyết bời bời,
Dương khí tan dần, nước tám tính đóng băng càng giá lạnh.

Vua Trần dành phần *Tứ sơn* cho tướng của sự chết, nó là mùa đông trong năm (*Nhân chi tử tướng, tuế nãi đông thì*). Mùa đông âm khí tăng trưởng, dương khí tiêu tán, mưa tuyết khắp trời, nước sông đông đá. Hai câu thơ nhà vua dùng để tả cảnh thiên nhiên cụ thể. Đó là những thông tin vật lý, khí tượng, thời tiết cho nên không thể dính dáng đến tính chất nước trong nước ngọt, như nhóm chủ biên tưởng tượng suy diễn. Và hoàng đế chủ nhân nguyên tác chắc chắn không hề "nói gọn". Còn Hoà thượng Phúc Điền thì vì không hiểu thuật ngữ *bát thủy* nên đã sửa lại cổ văn để biến *bát* thành *nhập*, do hai chữ hán này vốn rất giống nhau! *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms* (op.cit.) giảng nghĩa dứt khoát rõ

ràng nơi trang 38 : "*Bát thủy* : eight rivers of India – Ganges, Jumna, Sarasvatì, Hiramyavatì or Ajiravatì, Mahi, Indus, Oxus, and Sità." Trong số tám con sông này có những con sông quen thuộc hay có tên chữ hán : Hằng hà (Ganges), Ấn hà (Indus), Ma hà (Mahi), Tất Ia (Sarasvatì). Tóm lại, hai câu thơ phải dịch lại là :

Âm tinh cực thịnh, khắp một trời mưa tuyết bời bời,
Dương khí tan dần, nước tám sông đóng băng càng giá lạnh.

Trang 214, Tập II, chú thích số 3 : "*Quy giáp* : chưa rõ là loại hương gì, theo mạch văn có thể đoán đây cũng là một thứ hương thơm." *Qui giáp* được vua Trần Thái Tông nhắc đến trong *Lục thì sám hối khoa nghi*, phần *Hậu dạ thì*, nội dung mô tả buổi lễ dâng hương lúc tảng sáng, qua đó đề cập đến nhiều loại hương thơm cúng Phật :

Viễn ti Ngô quốc chi tước đầu,
Cao quán Quế lâm chi qui giáp.

Dịch giả Đỗ Văn Hỷ chuyển thành :

Vượt xa tước đầu Ngô quốc,
Quí hơn qui giáp Quế lâm.

Theo sách *Thái bình ngự lãm, Thuật dị ký* thì *qui giáp hương* là loại hương quế tốt (*qui giáp hương tức quế hương gia giả*), nó còn có tên là *tử mộc hương, kim đỗ hương, nghiệt hương*; sản xuất ở hai quận Thương ngô và Quế lâm (đúng như vua Trần Thái Tông viết trong nguyên tác : "*Quế lâm chi qui giáp*"). Đó là một loài hương quế rất thơm, theo phần sách dẫn từ *Hương phổ, Dị hương* trong *Thuyết phu*: "*Qui giáp hương tức quế hương chi thiện giả.*" (Hương qui giáp là hương quế hạng tốt).

Có những khái niệm đặc thù thuộc văn hoá Hán tộc mà có lẽ khi chuyển sang Việt ngữ nên để nguyên chứ không nên dịch. Trong đông y chẳng hạn, *khí* là khí, *huyết* là huyết; nếu dịch *khí* thành hơi, *huyết* thành máu thì vừa ngô nghê vừa sai lệch. Đơn vị đo lường chuyên biệt của khoa châm cứu, *thốn*, là *thốn đồng thân*, không thể dịch thành tấc. *Thơ văn Lý Trần* đôi khi chuyển *khí* thành hơi, ví dụ câu thơ thứ hai bài *Nguyệt* của vua Trần Nhân Tông (Tập II, trang 465) :

Lộ trích thu đình dạ khí hư.

được dịch thành văn xuôi là :

Móc rơi trên sân thu, hơi đêm thoáng mát.

Trong khi đó thì ở một số bài thơ bài văn khác, *khí* được chuyển nguyên văn sang Việt ngữ :

Dạ khí phân lương nhập hoạ bình.
(Huyền Quang. *Tảo thu*. Tập II, trang 699)

dịch nghĩa là :

Khí đêm chia hơi mát vào bức rèm vẽ.

nhưng lại dịch thơ thành :

Hơi mát đêm thâu lọt tới mành.

Một câu thơ khác :

Thu lai lương khí sảng hung khâm.

(Tịnh Giới. *Hãn tri âm*. Tập I, trang 536)

dịch thành thơ :

Thu về hơi mát dạ lâng lâng.

Trong cả hai câu thơ dịch sang Việt ngữ, thay *hơi* bằng *khí* thì cũng không phạm luật bằng trắc.

Cổ nhân có câu *Trí giả thiên lự tất hữu nhất thất*, người thông minh suy nghĩ một nghìn điều tất nhiên cũng có một đôi điều thiếu sót. Cho nên phiên âm, dịch nghĩa, chú thích hàng ngàn bài thơ chữ hán cho dẫu là qua khả năng của một tập thể, thì sai lầm hay thiếu sót cũng là điều có thể thấu hiểu được, có thể chấp nhận được. Như đã trình bày ở phần mở đầu, đọc kỹ những bài thơ, bài kệ, bài phú v.v..trong ba tập *Thơ văn Lý Trần*, không thể nghi ngờ, càng không thể phủ nhận công trình tìm hiểu kỹ lưỡng, tra cứu cẩn thận của nhóm biên soạn. Nhưng mặc dù vậy, việc đưa ra những nhận xét bổ túc, việc đóng góp các ý kiến cụ thể về mặt này hay mặt khác, về điểm này hay điểm kia, vẫn rất cần thiết, nhằm mục đích bổ sung cho tập sách được hoàn chỉnh hơn. Cho dẫu rằng những ý kiến đưa ra, những luận điểm trình bày có thể mang tính chủ quan nhiều ít.

Một vài thí dụ về mặt thiếu sót của quá trình tiếp thu các câu thơ câu văn cho thấy khi dịch văn chương chữ Hán, chỉ cần hiểu sai một chữ, chuyển sai một ý, phiên âm sai một từ, chú thích trật một điển, nhận nhầm một kết cấu ngữ pháp là sẽ đưa câu thơ câu văn đến một nội dung khác với nội dung mà tác giả muốn ký thác, là sẽ dẫn người đọc, người tham khảo tài liệu, người nghiên cứu văn bản đến những suy luận rất xa với nguyên ý của người xưa. Cho nên bất cứ bản phiên âm, dịch nghĩa nào thuộc lĩnh vực thơ văn chữ hán cũng cần có nhiều ý kiến đóng góp mới mong đỡ phần thiếu sót.

Nhưng nhiều khi vẫn không làm được đến nơi đến chốn. Đấy là trường hợp hai câu thực trong bài *Đăng Thiên kỳ sơn lưu đề* (Lên núi Thiên kỳ đề thơ lưu niệm) của Phạm Sư Mạnh (Tập III, trang 103) :

Vân thâm long ngự liễu nan phan.

dịch sang văn xuôi là :

Màu xanh che ruộng[3] chim hạc, nay lại đến thăm,

Mây phủ kín nơi rồng ngự, thật khó mà vin tới.

Nội dung bài thơ ghi lại những cảm nghĩ của tác giả khi lên núi Thiên kỳ ở châu Đông triều, một ngọn núi có nhiều cảnh đẹp, có lắm di tích.

Về hai chữ *hạc điền*, chú thích 3, trang 105, ghi như sau : "*Ruộng chim hạc* (hạc điền) : chưa rõ là ruộng gì. Bd.HVTVT chú thích là : ruộng nhà". Chữ *hạc điền* không có trong *Hán ngữ đại từ điển*, nhưng *Trung văn đại từ điển* thì có ghi ở mục từ 48157.27, trang 16847, quyển 36. Tuy nhiên nó chỉ có một nghĩa duy nhất : *Hạc Điền* là tự hiệu của một số nhân vật lịch sử như Lý Giác đời Tống; Xa Vạn Dục, Đoan Mộc Quốc Hồ, Trương Hạc, Lục Quang Húc và Lữ Hiền Cơ đời Thanh. Tất nhiên nếu có sự liên hệ văn học sử giữa các danh tính vừa kể với bài thơ Phạm Sư Mạnh thì chỉ có thể là trường hợp Lý Giác đời Tống, vì lẽ nhà Thanh sau hai triều đại Lý Trần. Lý Giác vốn là chỗ quen thuộc của văn chương Lý Trần qua câu chuyện đi sứ Việt nam được sư Đỗ Pháp Thuận thù tiếp và cùng làm thơ vịnh ngỗng. Vậy phải chăng có mối tương quan nào đó giữa con người này và ý thơ Phạm Sư Mạnh? Tuy nhiên tìm hiểu sâu hơn thì thấy là không vì : (1) chữ *giác* trong tên Lý Giác sứ giả sang Việt nam viết với bộ *kiến*, chữ *giác* trong tên Lý Giác có tự Hạc Điền viết với bộ *ngọc*; (2) Lý Giác sang nước ta năm 987, còn Lý Giác trong *Trung văn đại từ điển* lại sinh năm 1219, mất năm 1307. Vậy là tắc tị với chữ *hạc điền*.

Nhưng chưa hết. Trong hai câu thơ, đối với *hạc điền* là *long ngự*. Chữ này, như đã trích dẫn, được dịch là "nơi rồng ngự". *Long ngự* không hề có nghĩa này mà chỉ có nghĩa là xa giá nhà vua[6], và từ đấy hiểu rộng ra, chỉ hành vi của bậc đế vương (*quân lâm thiên hạ, đế vương chí thế*; *Hán ngữ đại từ điển*, quyển 12, trang 1481). Đào Phương Bình dịch thơ câu này chính xác hơn :

Xe rồng mây khuất, khó đường lên.

Long ngự được Bạch Cư Dị dùng trong bài *Trường hận ca* khi cực tả tâm trạng đau đớn của Đường Minh Hoàng tiếc thương Dương Quí Phi lúc dừng xe nơi Mã ngôi :

Thiên tuyền địa chuyển hồi long ngự,
Đáo thử trù trừ bất năng khứ.
(Trời đất xoay vần, xe vua trở về,
Đến đây tần ngần không nỡ dời chân).

Phạm Sư Mạnh từng nhiều năm làm quan to, tất có lắm cơ hội theo vua hỗ giá, và trong một dịp hầu vua đó, đã cùng xa giá lên núi Thiên kỳ; nay làm thơ hồi tưởng lại. Hai câu thơ, hai chữ khó, tôi chỉ tạm tìm

được nghĩa lý của một chữ để giảng được một câu, câu thứ hai. Còn câu thứ nhất thì đành chịu.

Bài viết này vẫn còn tồn nghi.

Trần Văn Tích
02.07.2002

1 *Loại thư* là sách phân loại, *vận thư* là sách về vần. *Bội văn vận phủ* vừa là loại thư vừa là vận thư.

2 *Hán ngữ đại từ điển*, La Trúc Phong chủ biên, Joint Publishing Co., Ltd., Hongkong, 1988, 12 quyển. *Trung văn đại từ điển*, Chủ nhiệm Ủy viên Trương Kỳ Hu, Trung quốc Văn hoá Nghiên cứu sở, Trung hoa dân quốc ngũ thập nhị niên nhị nguyệt xuất bản, *The Encyclopedic Dictionary of the Chinese Language*, The Institute for Advanced Chinese Studies, Feb. 1963, 40 quyển.

3 *Thơ Đỗ Phủ*. Nhượng Tống dịch. Lê Đức Niệm sưu tầm, giới thiệu. Nhà Xuất bản Văn hoá Thông tin. Hà nội. 1966. tr. 190.

4 Cheng Win fu & Hervé Collet. *Carrément Zen* (Dứt khoát thiền). Moundarren. Millemont. 1997. :139.

5 *Thơ văn Lý Trần* ghi "mộng chim hạc", tôi chủ động đính chính lại.

6 *Thơ văn Lý Trần* ghi chữ *ngự* này với bộ *sách*, nhưng nó cũng được viết với bộ *mã* (theo cách viết của *Hoàng Việt thi tuyển* và *Hán ngữ đại từ điển*).

Sau khi xuất bản và phát hành rộng rãi khắp nơi
hai tác phẩm văn chương quan trọng:
Xóm Cầu Mới
của Nhất Linh
và Đất Trời
của Nam Dao
nhà xuất bản **Văn Mới** sắp phát hành một tác phẩm khác
trong tháng Tám 2002:

Con Nữ

tuyển tập truyện ngắn đầu tay
của *Đỗ Quỳnh Dao*
Sách dày 180 trang, trình bày mỹ thuật, giá 10 Mỹ kim
Mời bạn đọc bốn phương tìm mua, tìm đọc.

Chuyện văn cùng bác sĩ phân tâm về những giấc mơ cực kỳ phi lý

thưa bác sĩ, thú thật có đôi lúc tôi sợ
nhiều đêm mưa ngoài tôi nằm trăn trở
thương tích lâu rồi ngỡ lành
chợt còn lên hiện thành
những giấc mơ
ngắn ngủi thôi
như đoạn quảng cáo giữa cuộn phim dài
lắm khi vô âm, vô sắc, chẳng hình hài
chỉ là chiếc bóng mà... ôi, sao thân thiết
đã gặp đã gần gũi đã mật bùi rồi ly biệt
vâng, tôi muốn chuyện văn về những lần chia tay ấy
trong mơ chúng không mùi vị
nhưng vô cùng dị kỳ
khi tỉnh dậy còn quanh quất hương thơm
trong gian phòng mười hai thước vuông - chật
tôi tự giam mình tám tiếng mỗi ngày
không, tôi vẫn nghĩ
mỗi chúng ta một ngục thất - ngoài
là tổ quốc - quê hương
trong là mơ tưởng - đoạn trường
về những u uất cực kỳ phi lý
và ấm ướt Freud
mặc cảm rắn trườn lên da thịt cấm
tôi ngẩng mặt chờ sấm sét thuở khai thiên
ném tôi vào quỹ đạo cõi vô biên
tôi váng vất
quanh chỗ trú những tinh hà không tên tuổi
đêm thoát xác - rắn bỏ lại phần da sám hối
biền biệt vào trang tăm tối chữ thánh kinh
tôi nằm đấy
biện luận cùng chăn gối
thời tiết chung thân trở giấc gọi thêm mùa
pha sắc tóc cô đơn từng sợi rối
có lẽ vậy, chúng bắt tôi ngẫn ngại
chợt thấy ra chân tình những đêm vui
là sâu thẳm ngăn đôi bờ thực mộng
tôi cố gắng nhủ lòng không uỷ mị
vâng, đúng rồi, cũng thường thôi lý lẽ của hợp tan
của đêm ngày, và sinh tử - mùa màng

nhưng tôi yếu đuối không nhập vào cõi hạnh
của thản nhiên
như đất vẫn an tâm chờ địa chấn
tôi muốn kể thêm vài liên luỵ
giữa tôi và những nhân vật trong mơ
không đâu, tôi với họ - những diễn viên ưu hạng rất tình cờ
hoá trang nhau đôi lúc giữa tuồng đời
tình cảm ư?
có, những bật thức khắc giây rồi tơi tả
theo thác vọng rưng rưng từng giọt muộn
tôi mong đợi - vâng,
những tan tác cực đoan mùa gió chướng
buổi hoàng hôn tàn tạ lấp bàn tay
che không đủ những sờn vai cơm áo
lạnh nỗi gì - không một chữ gọi tên
tôi xoay xở tìm định nghĩa một từ - quên
chợt tháng thốt hiện ra nghìn ưu tưởng
vẫn còn đấy trong túi hẹn - một gút khăn nguyện ước
và lửa xém mảnh cường toan vật vã lũ thiêu thân
cháy tận cùng luôn cả những cơn mơ
thú thật, có đôi lúc tôi sợ
tâm linh tôi mỏng mảnh vỡ tan thôi
tôi biết chứ, bèo bọt kia rồi trôi mãi ra khơi
bờ bến tận chỗ sao khuya vừa lịm tắt
chốn không gian khắc khoải tẩm nhập vào
những thời gian câm nín tuổi xuân trôi
tôi khuyết tật
khâu vá mảnh hình đời
ngơ ngẩn một nhếch cười bên chấn sắt
gian phòng tôi - giờ đây - rộng hiu hắt
những bạn tôi - giờ đây - quay quắt ngô nghê
sáng trưa chiều du mộng thuốc an thần
tôi vất hết những túi nhớ
cả vuông khăn tẩn liệm mỗi u hoài
trần truồng đi đứng ngủ
sấp ngửa đếm đêm ngày
dây dấu tích hình xâm bằng mật ngữ
thoát thai từ cơn mơ loạn mệt nhoài
tôi ghi lại từng chương trên da thịt
mà nghĩa lý
chỉ mình tôi thấu hiểu.

Ngô Nguyên Dũng

Cô Bắng Nhắng

Tràm Cà Mau

Khi chưa biết tên thật của cô, chúng tôi đặt cho cô biệt danh là Bắng Nhắng. Nhiều bạn bè, chưa biết biệt danh đó là của ai, nhưng khi nghe lần đầu, cũng đã mường tượng ra được người ta ám chỉ cô. Tên thật của cô là Leslie, nhưng tôi thích kêu bằng biệt danh hơn, vì nó chỉ rõ một hình ảnh. Tuổi cô chừng trên hai mươi lăm, da đen màu mốc, gốc Phi Châu, không biết tổ tiên cô bị bắt qua Mỹ làm nô lệ từ đời nào. Cô có dáng điệu lanh chanh của một con chim lạ nhiều màu sắc, ăn mặc diêm dúa, thời trang đặc biệt không giống ai. Những chiếc áo dài, áo ngắn, váy đầm, được chắp nối bằng nhiều thứ vải màu mè khác nhau, và kiểu mẫu đặc biệt, làm cô nổi bật trong đám đông. Người cô thấp, gầy, mà cái mông nhoi ra đàng sau nhọn lẽu, có lẽ vì đôi guốc cao gót làm cô phải nhoi mông ra sau để giữ thăng bằng. Tóc cô kết xoắn tít nhiều lọn như chỉ rối không gỡ được. Cái miệng cô đặc biệt chu ra phía trước với đôi môi dày, bôi son đỏ choét, như làm tiên phong cho toàn thân thể. Răng cô thì cái lớn, cái nhỏ, không đều, thưa thớt, lại cũng chìa ra phía trước, hai cái răng cửa đè lên môi dưới. Mũi cô thấp bành ra hai bên, nếu nhìn kỹ thì có dáng của cái mũi con giả nhân. Móng tay móng chân của cô để dài, sơn màu đỏ thẫm, cong quắp lại như móng vuốt loài ác thú. Mới gặp cô lần đầu, nhìn cái hình dáng đó, nếu không có ác cảm ngay, thì cũng khó có được cái tình cảm bình thường. Có kẻ bảo rằng, ông trời bất công, tặng cho cô một cái nhan sắc đặc biệt như thế, làm sao mà cô có thể kiếm cho ra một tấm chồng.

Lần đầu tiên tôi gặp cô ở sở làm việc, trong cầu thang, khi sắp đi lên các tầng trên cao, tay cô giữ nút bấm cho cửa còn mở, chờ cho mọi người bước vào. Cái miệng cô cười toe toét:

- Bà con ơi, nhích vào bên trong một chút để có chỗ cho người khác

vào. Càng sát nhau thì càng ấm. Chúng ta tập sắp lớp cá mòi cho quen. Hôm nay sắp đến thứ bảy chủ nhật lại rồi. Vui lên. Trời đẹp lắm. Cám ơn Chúa đã cho ngày thứ sáu.

Mọi người cười ồ lên, vì hôm nay là thứ hai, buổi sáng mới vào làm việc, ai cũng mệt nhọc sau hai ngày nghỉ ở nhà. Tôi cười theo và cảm thấy trong lòng vui vẻ theo lời đùa nghịch của cô. Thang máy đi lên, đến mỗi tầng lầu cô reo lên:

- Tầng bảy đây nhé, ai đánh bài thua hết tiền trong ngày nghỉ vừa qua, thì ghé tầng nầy mà xin vay . Tiền lời thấp lắm, có thể bán nhà mà chưa trả hết nợ.

- Đây tầng mười hai, ai có đói bụng, còn buồn ngủ thì ra đây, ăn một bụng no, rồi kiếm chỗ mà ngủ cho say. Nhớ đừng để xếp biết mà bị sa thải nghe.

- Tôi phải ra tầng nầy, ai muốn lên thấu thiên đàng thì đi tiếp. Chúc tất cả một ngày vui vẻ. Chào.

Cô lanh chanh chạy ra khỏi cầu thang và quay lại vẫy tay chào. Trên môi mọi người còn giữ nụ cười. Thang máy tiếp tục đi lên trong sự im lặng, không ai nói với ai lời nào.

Một lần khác, cũng gặp cô trong thang máy, cô đùa với mọi người:

- Bà con ơi, vui lên đi vì hôm nay chúng ta còn việc làm, chưa bị thất nghiệp như nhiều người khác trong tiểu bang nầy. Ai không vui, mà buồn bã thì uổng lắm. Cám ơn Trời đi.

Cô Bắng Nhắng đi đến đâu, nói chuyện khôi hài và cười đến đó. Mỗi buổi sáng đến sở, gặp cô trên hành lang, cô chào hỏi ríu rít và tươi vui. Cô nói vài câu khôi hài nhẹ nhàng, để cùng cười. Những nụ cười nầy có công hiệu làm nhẹ bớt nỗi bực bội của một ông chồng buổi sáng ra đi bị vợ cằn nhằn làm khó, làm vơi bớt cái nặng nề khuôn mặt của bà vợ giận dỗi ông chồng không chịu làm theo ý bà, làm phai bớt u uất của cô gái hận tình, làm nguôi niềm lo âu đè nặng trong lòng của người có tâm sự khó khăn, làm tăng thêm niềm vui cho người đang vui đón một ngày mới. Cô không mất công sức, mất tiền bạn chi cả, mà đem đến cho mọi người chút yêu đời, khởi đầu cho một ngày sống. Có khi cô còn ca hát vài đoạn nhạc khôi hài mà cô bắt chước các tài tử trên truyền hình để diễu và mô tả cái hình ảnh hiện tại. Cô còn múa tay khoa chân, cái miệng chu dài thòng ra mà diễn tả. Nếu người khác, thì có lẽ tự chế, không dám làm những cử chỉ mà thiên hạ có thể cho là lố lăng đó. Sau khi cô ra khỏi thang máy, một ông người gốc Ấn Độ già, đầu đội cái khăn to tổ bố, bao kín tóc tai, râu ria che bao quanh mồm miệng, chỉ để lộ hai làn môi đen dày, xem bộ ông không ưa cách đùa nghịch của cô,

nói nhỏ:

- Con người nầy chắc chưa bao giờ đọc được câu " im lặng là vàng", ồn ào , điệu bộ lố bịch kỳ quái.

Một ông khác cười và trả lời ông Ấn Độ :

- Ông bạn ơi, đừng khó khăn quá. Ông chỉ muốn mỗi ngày gặp những bạn đồng nghiệp mặt mày đăm đăm, cáu kỉnh như bị trĩ hành, những khuôn mặt rầu rĩ như thất tình sắp treo cổ tự vận, những dáng điệu lạnh lùng như nước đá mùa đông sao? Cô ấy làm trò, mua vui cho chúng ta, có ai mất gì đâu, mà lại được những nụ cười khai mở cho một ngày làm việc mệt nhọc căng thẳng.

Có lần cô thấy một người quen có bộ mặt rầu rĩ, không vui, cô cười hỏi:

- Sáng nay bị vợ hành hay sao mà trông khổ sở vậy?

Ông bạn phì cười và nói vài câu lấp liếm. Cô Bắng Nhắng tiếp:

- Ngày hôm nay đẹp tuyệt vời, tội gì không vui, uổng lắm. Mọi sự bực mình tạm gác qua đi, sống một giờ, vui một giờ. Đời người có mấy chốc. Ai mà không có chuyện khó khăn, đau khổ, nhưng cứ vui, cứ cười, rồi mọi sự sẽ qua đi, dễ dàng.

Có lần lên lầu mười tám tìm người quen, tôi gặp cô ở trước cửa thang máy, cô cười hỏi tôi:

- Gió nào đưa anh đến đây? Anh đi tìm ai, tôi có thể giúp anh được gì không?

- Tôi lên đây tìm ông Tom có chút việc cần. Không biết đích xác ông ngồi ở góc nào.

- Tom, ở đây có ba ông Tom, Tom Hoàng Tử, Tom Cao Bồi và Tom Yểu Điệu, thôi anh cứ đi theo tôi, không phải ông nầy, thì là ông kia.

Cô vui vẻ dẫn tôi đi quanh co qua các hành lang tìm. Khi đến đúng ông Tom tôi cần gặp, thì cô hớt hãi:

- Thôi nhé, tôi phải đi ngay, sợ trễ hẹn. Trễ hẹn là tôi bắt đền anh đó.

Rồi cô tung tăng bước mau. Tôi nhìn theo cô, thấy bước đi của cô trở thành duyên dáng, đáng yêu, không phải là bước chân kỳ dị của loài thú lạ.

Một buổi chiều chủ nhật, tôi chở vợ đi chợ, vừa chạy xe vào bãi đậu, thì thấy một người đàn bà nhảy ra trước xe khua tay chận tôi lại, tôi nhận ra cô Bắng Nhắng. Tôi thắng xe, cô hỏi lớn:

- Anh có dây câu bình điện hay không?

Tôi gật đầu, cô chạy theo xe tôi đến chỗ đậu, nói cười vui vẻ, và lấy dây câu bình điện. Tôi hỏi:

- Có cần câu điện từ xe tôi không? Sao vậy, để quên đèn chăng?

- Không phải xe tôi chết máy, mà xe của người khác, thấy người ta tội nghiệp, tôi hỏi mượn giúp. Thế là hôm nay tôi có dịp làm được một điều tử tế. Tôi sẽ chia phước cho anh chị năm phần trăm, tôi chỉ giữ lại chín mươi lăm phần trăm thôi. Hì hì hì ..

Vợ tôi nhìn cô Bắng Nhắng mà hỏi:

- Cô nào thế ? Ăn mặc như lên đồng. Coi bộ lăng xăng lít xít, nói năng ồn ào như bắn súng liên thanh.

- Cô nầy làm chung sở, anh không biết tên, người ta đặt cho biệt danh là cô Bắng Nhắng.

- Người nào đặt cho cô cái tên hay thật. Đúng như cái bắng nhắng của cô. Người đâu mà nhan sắc xấu xí dị kỳ quá. Không biết làm sao mà lấy chồng được nhỉ !

Sau khi câu bình điện xe xong, cô vừa đi vừa chạy, đến trả lại cho tôi sợi dây câu bình. Ưỡn ngực và nhổng mông ôm tôi một cái, nói lời cám ơn, rồi quay lại nói với vợ tôi:

- Nầy, chị đừng ghen nghe. Anh Nguyễn trong sở đàng hoàng lắm, khi nào cũng tốt với bạn bè. Nhưng mình là đàn bà, chỉ nên tin đàn ông chừng chín mươi phần trăm thôi, để mười phần trăm còn lại làm vốn. Ai mà tin hết trăm phần trăm thì có ngày vỡ nợ đó.

Nói xong cô cười hăng hắc, và tung tăng bỏ đi.

Cô Bắng Nhắng có con mắt tinh đời, khéo nhận xét và có cái miệng bạo dạn, dám nói ra những điều cô nghĩ. Gặp ai, cô cũng tìm ra một vài điểm hay và tốt đẹp để khen tặng, làm họ vui. Cô khen bà nầy có thân hình thon thả, gọn gàng, và hỏi bà làm thế nào để giữ cho được nét đẹp đó lâu dài như vậy? Khen cô kia có mái tóc óng mượt, hỏi cô dùng loại thuốc gội đầu gì để cho tóc được óng ả đẹp đẽ. Khen cái áo mới của một bà khác, và cho rằng cái kiểu áo đó thuộc loại thời trang mới nhất. Khen ông bạn kia đã lớn tuổi mà tóc còn dày và xanh um, chưa bị hói đầu. Cô khen ông hói đầu khác rằng cái đầu cạo trọc lóc làm cho ông ta trông khỏe mạnh như thanh niên hai mươi. Khen bà mập ăn mặc đúng điệu, sang trọng như Nữ Hoàng. Khen đôi mắt của cô gái kia long lanh sáng láng và hỏi rằng chắc cô thông minh lắm. Cô còn khen cả cái bụng phệ của ông già kia dạo này trông xẹp xuống nhiều. Khi vào bưu điện, cô khen bà nhân viên tử tế, nói rằng, chưa thấy ai kiên nhẫn và vui vẻ như bà nầy, và cô viết thư cho giám đốc bưu điện yêu cầu tuyên dương cách phục vụ khách hàng của bà. Mỗi lần vào quán ăn, cô giới thiệu với khách hàng chưa quen, biết cái món ngon đặc biệt của quán

nầy, làm chủ quán hãnh diện, sung sướng, tiếp cô như tiếp đãi ân nhân. Ai cũng có cái tốt, cái đẹp cho cô khen. Làm họ sung sướng với cái ưu điểm mà họ đang có. Tôi cũng muốn bắt chước cô Bắng Nhắng để khen thiên hạ, lấy lòng họ, nhưng thường không tìm được những đặc điểm để khen. Khi tìm được, thì ngại ngần, không dám mở miệng, sợ họ hiểu lầm. Tôi nhớ có lần, cũng trong cầu thang máy đi xuống nhà xe, tôi gặp bà Ludy, tuổi đã gần sáu mươi, người bà thấp và vuông vức, vì bề ngang đang phát triển thi đua với chiều cao. Hôm đó, bà vừa cắt tóc ngắn ngang ót, loại tóc của trẻ em bảy tám tuổi. Cái mái tóc ngắn của bà, làm cho bà kỳ dị hơn, vuông vức hơn, và nhìn vào thì muốn cười. Một anh bạn khác trong cầu thang, cười và khen bà : " Mái tóc đẹp quá, trông bà trẻ ra mười tuổi." Khi nói xong, thì anh nheo mắt làm dấu với tôi, và đưa ngón tay bí mật chọc chọc vào hông tôi, như muốn bảo tôi đừng cười. Bà Ludy thì tưởng thật, sướng quá cười hinh hích. Sau khi bà ra khỏi cầu thang, cửa đã đóng lại, anh bạn phá ra cười rất lớn. Tôi nói nhỏ :

- Bà ấy mà biết anh trêu ghẹo, bà giận, trả thù cho thì đừng trách.

Anh bạn cười ha hả:

- Bà ấy đâu có biết rằng mái tóc làm bà thành kỳ quái . Có lẽ đã có nhiều người khen xạo, mà bà ấy tưởng thật. Chỉ tội cho ông chồng, thấy vợ kỳ dị mà không dám nói ra, sợ vợ giận lẫy, khóc lóc thêm phiền.

Mấy hôm sau, cô Bắng Nhắng gặp bà Ludy, cô mỉm cười và nói với bà:

- Kiểu tóc mới nầy của bà cũng hay hay, nhưng tôi thích kiểu tóc cũ của bà hơn. Không biết nhãn quan tôi có sai không, chứ tôi thấy cắt tóc kiểu cũ, làm bà yểu điệu và đẹp hơn kiểu tóc nầy.

Cô biết khen đúng, và dám đưa nhận xét tốt cho người khác. Cô không vì muốn lấy lòng người khác mà khen bừa bãi, vô lý. Nhiều bà, nhiều cô, khi ăn mặc, trang sức lố lăng, người khác thấy, họ cười thầm, nhưng cũng khen mỉa chơi, nhưng các bà các cô tưởng khen thật, và không biết mình lố lăng, cứ thế mà làm tới.

Biết cô bắng nhắng quen và nhớ tên nhiều người, tôi hỏi cô làm sao mà nhớ được nhiều tên, nhiều người như vậy? Cô cho biết là khi nghe tên ai , cô cố gắng ghép thêm một tiếng khác nữa kèm với tên vừa nghe. Tiếng nầy có thể diễn tả được vài đặc điểm của người kia. Giả như Jack Bụng, Tony Đói, Frank Răng Ngựa, Jonh mũi cà chua, vân vân, nên khi thấy dáng điệu, là nhớ tên người. Hồi tôi chưa quen biết cô, mà gặp nhau chào, cô kêu tên tôi, làm tôi ngạc nhiên vô cùng.

Có một đạo kinh tế khó khăn, công ty thua lỗ, ba năm liên tiếp không ai được tăng lương. Người kiên nhẫn nhất cũng phải bất bình mà

buông lời than thở, có người bỏ đi tìm việc khác. Không khí làm việc nặng nề hơn. Cô Bắng Nhắng vẫn vui vẻ, vẫn nói cười và khôi hài mỗi ngày. Cô nói với bạn bè:

- Bực bội cũng chẳng được gì, dù sao nữa, mình vẫn còn đủ ăn, đủ tiêu, tiết kiệm lại một chút thôi, chứ chưa đến nỗi nào. Cứ vui, không vui thì thiệt hại cho mình trước. Mà phải vui chứ, trong khi, đáng ra công ty phải cắt giảm nhân viên, mình có thể ở trong đám bị cắt bỏ, mất việc. Thời buổi bây giờ, chắc chi kiếm lại được việc khác với đồng lương hiện tại nầy. Còn việc, cứ hăng hái làm, mình làm việc vui vẻ, thì năng suất cao, và có thể nhờ đó, mà công ty phục hồi lại vị thế kinh tế. Rồi tăng lương mấy hồi.

Vẫn có nhiều người không đồng ý với cô, than vãn, cằn nhằn, họ tự làm cho ngày tháng của họ mất vui, mất hạnh phúc, bình an.

Mỗi sáng gặp cô trong cầu thang, tôi thầm cảm ơn cô, đã giúp tôi có thêm một nụ cười, một niềm vui, và thấy mình yêu đời, yêu công việc hơn. Dường như cô đã tạo được những cái hạnh phúc nhỏ nhoi, gieo rắc chung quanh cô, lây lan ra mọi người chung quanh. Có lẽ hạnh phúc của cô là làm cho mọi người chung quanh vui lòng, nhắc nhở cho họ đừng bỏ phí hạnh phúc, đừng bỏ phí thì giờ quý báu cho những thương đau trắc trở. Cô chuyển cho họ nụ cười, để nguôi quên đi phần nào những khó khăn trong cuộc sống.

Có lần, tôi bắt gặp cô Bắng Nhắng ngồi khóc trong thư viện của sở. Tôi vô cùng ngạc nghiên, tưởng cô không biết khóc bao giờ. Tưởng cô không biết buồn, vì quanh cô, tôi luôn nghe lời nói hài hước và tiếng cười. Tôi kéo ghế ngồi cạnh cô và thầm thì :

- Tôi có thể làm gì được cho cô không? Thôi, đừng buồn và đừng khóc nữa.

- Anh cứ để cho tôi khóc, khóc được là vơi bớt nỗi buồn.

Tôi im lặng, để tay lên vai cô mà không ngại hiểu lầm. Sau một hồi khóc, cô kể cho tôi nghe nỗi buồn. Mẹ cô bị bệnh Parkinson biến chứng ra thần kinh phải nằm viện dưỡng lão từ nhiều năm, bố cô bị ung thư phổi đang chờ chết, cô phải chăm sóc bố mẹ . Em cô không nghề nghiệp, ghiền ma túy, hôm nay cô được tin em cô phạm pháp, vào tù. Cô biết thế nào nó cũng sẽ đi tù không sớm thì muộn. Nhiều chuyện khổ quá, cô không chịu nổi, phải khóc, khóc cho vơi buồn, chỉ có cách đó mà thôi. Cô chợt cười và hỏi:

- Khi tôi khóc, trông có xấu xí lắm không?

Tôi im lặng không trả lời, vì bình thường, cô đã quá xấu xí, không còn có thể xấu xí hơn được, mà có thể nói là khi khóc bớt xấu xí hơn. Tôi

bắt chước cô mà khôi hài:

- Không, khi cô khóc tôi thấy đẹp hơn thường ngày nữa. Những giọt nước mắt cô lóng lánh và trong như kim cương. Những giọt nước mắt đó không phải tuôn ra từ buồng mắt, mà chảy ra từ trái tim nhân ái hiền lành của cô.

Nghe tôi nói, cô Bắng Nhắng sung sướng quá và ôm chầm lấy tôi trong hai vòng tay:

- Anh nói như thi sĩ làm thơ. Anh làm cho tôi hết buồn rồi. Chuyện không giải quyết được, tội gì mà buồn lâu anh nhỉ. Chúng ta chấp nhận đời có cả tốt lẫn xấu, như một toàn bộ. Khi vui được cứ vui, tạm quên những khổ đau rắc rối. Tôi mà không làm được thế, thì trong mấy năm sau nầy, tôi đã chết mất vì phiền muộn , và cái bao tử của tôi đã ung thư nát ngấu.

Tôi trở thành thân thiết với cô Bắng Nhắng từ ngày đó. Tôi học được từ cô nhiều quan niệm về cuộc đời, về hạnh phúc, về cách đối xử với người chung quanh. Tôi chỉ không học được cái bắng nhắng lanh chanh của cô mà thôi. Tôi cũng không học được cái trang phục lòe loẹt kỳ dị của cô. Tôi không còn thấy cô xấu xí nữa. Nhiều người khác trong sở cũng không thấy cô xấu. Đặc biệt nhất là chính cô, cô cho cô là đẹp. Cô không biết cô xấu xí dị kỳ.

Có lần, cùng với vài người bạn khác đi ăn trưa chung với cô Bắng Nhắng, trên đường đi, cô chào hỏi mọi người qua phố, và họ cũng chào hỏi cô inh ỏi, làm như cô quen hết cả khu phố. Vào tiệm, chủ tiệm cũng mừng rỡ, chào đón ríu rít, cô hỏi thăm vợ con ông chủ, như là bạn thân tình. Một buổi đi ăn trưa chung với cô, tôi thấy trong lòng nhẹ nhàng, vui vẻ và yêu đời hơn.

Nhiều buổi trưa, cô đem thức ăn qua bàn tôi cùng ăn và giảng đạo. Ban đầu tôi cũng nể lòng mà nghe lơ là về chuyện đức tin, về kiếp sống đời đời mai sau. Khi chán quá, tôi nói với cô:

- Cô vẫn thường bảo là đừng lo chuyện ngày mai, vì chuyện ngày mai chưa tới, không lo được, hãy sống cho hôm nay. Chuyện ngày mai chưa lo tới, thì sao phí công làm gì, lo cho xa đến kiếp sống mai sau. Vả lại, chắc chi có hỏa ngục thiên đường mà phung phí thì giờ chuẩn bị cho ngày đó.

Cô Bắng Nhắng cười xòa mà nói:

- Phải tin tưởng một cái gì đó, phải biết sợ hình phạt của thiêng liêng, con người mới khỏi sa ngã vào tội lỗi. Ai cũng có nguồn tội lỗi ẩn ngầm bên trong. Khi cái thánh thiện yếu thế, thì cái tội lỗi vùng lên. Khi làm điều sai trái, nhiều người cũng ý thức được là họ đang là điều không

đúng, nhưng cứ làm. Nếu không sợ luật pháp trừng trị, cũng không sợ sự phán xét của thiêng liêng, thì không biết dừng lại, làm càn. Mà con người thì yếu đuối và dễ bị tội lỗi cám dỗ. Phải sợ một cái gì đó, để ngăn chận cái ác trong ta. Nói thật với anh, đức tin của tôi cũng có chừng mực thôi, nhưng tôi rán giữ gìn, để giữ mình, cho bớt sa ngã.

Cô Bắng Nhắng đi đến đâu, cũng được tiếp đón niềm nở, và quanh đó có tiếng cười giòn. Cô không tốn một đồng xu nào cả, mà mua được cái không khí vui vẻ, yêu đời bao bọc chung quanh cô. Cái bí quyết của cô, là quan tâm đến mọi người, chấp nhận mọi người với toàn bộ tốt xấu họ có, và cô có tài trào phúng, khi nào cũng nói được một câu khôi hài duyên dáng mua cười cho thiên hạ. Chỉ có thế thôi. Nhưng cô không mua được cảm tình với người chỉ huy trực tiếp của cô. Bởi vì bà nầy ganh tị, thấy cô được nhiều người thương, nhiều người săn đón vồn vã, và giao thiệp rộng rãi. Bà thì khó khăn, trang nghiêm, khép kín. Bà cứ tìm cách gây rắc rối cho cô Bắng Nhắng, giao cho cô những công việc khó khăn, khúc mắc, để có cớ mà phàn nàn, trách cứ. Cô vẫn vui vẻ chấp nhận phần lỗi của cô, và làm như không biết cái nhỏ nhen ti tiện của bà chỉ huy. Cô vẫn chào hỏi vui vẻ, tặng hoa cho bà, và nói chuyện tiếu lâm làm bà không nhịn được cười. Khi đã cười được, thì không còn khó khăn gầm gừ. Về sau bà nói thẳng thừng với cô:

- Tôi muốn ghét cô lắm, mà không ghét được. Con người gì mà khi nào cười nói ồn ào, lạc quan quá lố. Đời cô không có chuyện gì rắc rối, khổ đau trong cuộc sống cả?

Từ đó, bà thôi tìm cách làm khó cô, và càng về sau thì càng tử tế.

Một dạo liền mấy tháng, tôi không gặp cô Bắng Nhắng. Trong cao ốc hơn hai ngàn nhân viên nầy, có khi không gặp nhau hàng tháng là thường. Tôi hỏi thăm tin tức cô, thì có người cho biết cô đang nằm bệnh viện vì bị liệt thận, chờ thay thận mới, đang chờ có người hiến tặng trái thận. Chúng tôi tổ chức đi thăm cô, mang hoa đến bệnh viện. Gặp chúng tôi, và cô vẫn khôi hài như cũ, và khuôn mặt bệnh hoạn mệt mỏi vẫn nở nụ cười trên môi. Cô hết sức tin tưởng, sẽ có người cống hiến cho cô một trái thận, như trước đây cô đã từng cống hiến trái thận của cô cho người không quen biết nào đó đang chờ chết tại một thành phố xa xôi. Niềm tin nầy làm cho chúng tôi bối rối, lặng người. Cô nói rằng, cô chưa muốn chết, cô còn trẻ, còn phải lấy chồng, sinh con, và cuộc đời vui quá, làm sao mà chết được. Một người nói:

- Giá như trước kia cô không cho đi một trái thận, thì bây giờ cũng còn mà dùng. Cô có tiếc gì không?

Cô lắc đầu và nói đại ý rằng, nếu cô không cho, thì người kia đã

chết, và nếu cô còn giữ lại, thì chắc gì ngày nay quả thận đó còn nguyên vẹn, mà không hư.

Trong sở, một nhóm tình nguyện được thành lập để quyên góp, và vận động, đăng quảng cáo, mục đích xin một trái thận cho cô Bắng Nhắng. Tôi cũng xung phong làm việc cho ban vận động nầy. Đi phát thông cáo, dán giấy, thu góp tiền bạc. Một số người chịu thử nghiệm, xem thận của họ có hợp với cơ thể cô Bắng Nhắng hay không. Có chân trong ban vận động, tôi mới thấy đất nước nầy đáng yêu hơn. Vì lòng người đầy nhân ái và ấm áp, che giấu dưới cái vỏ bên ngoài mang vẻ lạnh lùng, ích kỷ, cá nhân. Bởi vậy, nên đất nước nầy mới mở rộng vòng tay chấp nhận cho tôi đến đây tìm tự do, tìm đời sống mới, khi bị chính đồng bào tôi dày vò, hành hạ, áp bức, không còn đường sống. Số người ghi tên thử nghiệm nhiều hơn là tôi nghĩ. Ban đầu, tôi cũng không thể tưởng tượng là mình có thể cống hiến trái thận cho một người quen biết thường tình như cô Bắng Nhắng. Tôi có thể hy sinh trái thận mình cho cha mẹ, vợ con, anh chị em. Chứ chưa hề nghĩ đến chuyện xẻ bụng mình ra, cho người không thân quen một phần cơ thể của mình. Tôi thấy nhiều người không quen thân với cô Bắng Nhắng, mà vẫn ghi tên, làm tôi cảm thấy hổ thẹn, nên phải miễn cưỡng ghi tên mình, và hy vọng thận tôi sẽ không thích hợp với cơ thể cô. Tôi tạm thời quên đi chuyện trái thận và vui vẻ sống hàng ngày. Cho đến khi tôi được báo tin kết quả thử nghiệm, trái thận có thể dùng cho cô Bắng Nhắng. Tôi thực sự lo lắng, và thật lòng, tôi sợ. Không biết phải quyết định làm sao cho đúng. Tôi cũng không dám trở lại thăm cô Bắng Nhắng, tôi cứ tưởng như vào đến bệnh viện, là người ta bắt tôi đè ra, rạch bụng móc ra một trái thận, chuyển qua cho cơ thể cô Bắng Nhắng. Trong một bữa ăn, tôi lựa lời nói với vợ tôi:

- Em nghĩ sao về những người hiến thận cho kẻ khác. Em nghĩ là em có thể hiến thận cho ai không?

- Thật là một hy sinh tuyệt vời. Em sẽ không hiến thận cho ai cả, ngoại trừ anh và các con.

- Em có biết, rất nhiều trường hợp, người ta hiến thận cho một người không quen biết gì cả, và sau khi hiến thân xong, người ta cũng không muốn biết ai là kẻ đã nhận một phần cơ thể của mình ?

- Em chịu. Theo em, thì những người nầy hoặc quá thánh thiện, hoặc quá ngu dại. Đem cho người lạ một phần cơ thể mình, là không có trách nhiệm đối với bản thân. Mình phải biết thương mình trước, rồi thương người khác sau. Những kẻ không biết tự thương mình, thì làm sao mà biết thương kẻ khác? Hành động hiến thận đó, thực tế, thì thấy

rất cao quý, nhưng trong sâu thẳm, thì em nghĩ là có thể vì ham được khen tặng tuyên dương, nên dại dột với bản thân.

Tôi bối rối, nếu phải cho đi trái thận, thì làm sao mà báo cho vợ biết, và làm sao mà thuyết phục cho vợ bằng lòng. Tôi nói :

- Nếu mình ngu dại, để cứu một mạng người, thì em nghĩ có nên ngu dại không?

Vợ tôi nhăn mặt, gắt gỏng:

- Anh nói gì chuyện đó cho mất vui? Hay là, hay là, anh định cho ai trái thận chăng?

- Phải, anh định cho một người trong sở quả thận của anh, nhưng phải hỏi ý kiến em trước. Thật sự, thì anh cũng chưa có quyết định dứt khoát. Anh cũng sợ lắm.

Vợ tôi xanh mặt, hốt hoảng hỏi:

- Ai ? Anh định hiến thận cho ai? Người nào mà thân thiết đến mức đó?

- Chẳng phải thân thiết chi cả. Em nhớ cái cô Bắng Nhắng mà chúng mình gặp cách năm trước, trên bãi đậu xe khi đi chợ không?

- Cái bà ăn mặc như lên đồng ấy à ? Làm sao mà quên được? Anh có bị bà ấy cho ăn bùa mê thuốc lú chi không mà định xẻ chia cơ thể ra cho bà ? Anh đã điên chưa? Anh nói đùa hay nói thật ? May mà em biết cái cô ấy xấu xí, không ghen, chứ người khác, thì cũng hiểu lầm là có tình ý chi khác.

Tôi đem đầu đuôi câu chuyện ra kể cho vợ nghe. Ngồi nghe mà khuôn mặt vợ tôi cứng như sắt nguội. Vợ tôi kết luận:

- Không, em không bằng lòng để anh cho ai quả thận. Người khác cao thượng thì kệ họ. Ngay cả bản thân em, nếu có chết thì chịu, em cũng chẳng muốn anh hy sinh quả thận cho em nữa là. Nếu anh hy sinh cho bố mẹ, cho con cái, thì em không có quyền ngăn cản anh. Cùng lắm, nếu anh hy sinh quả thận cho người yêu xưa cũ, thì may ra còn có lý. Chứ cái bà lên đồng đó, có chút chi thân thiết, tình nghĩa mà anh coi thường cái thân thể mình. Bây giờ, thân thể anh, không còn là của riêng anh nữa, mà của vợ, của con. Anh không thể tự tiện. Đừng hy sinh vợ con cho người dưng nước lã. Anh đừng làm em khổ vì chuyện không đâu.

Bị vợ kịch liệt phản đối, thì cái ý nghĩ cho quả thận để cứu mạng cô Bắng Nhắng càng thao thức trong tôi. Đến sở, tôi hoang mang, tâm trí để vào nơi hư không, công việc làm có nhiều sai sót. Tôi đem nỗi khó khăn trong lòng ra tâm sự cùng vài người bạn thân, hỏi ý kiến, người thì ngăn cản việc hiến thận, người thì khuyến khích. Lo lắng đến phải uống

thuốc an thần tìm giấc ngủ mỗi đêm, làm tôi phờ phạc.

Tôi gắng thuyết phục vợ thêm vài lần, nhưng vợ tôi cương quyết chống đối và bảo, nếu anh không thương vợ con, mà thương người ngoài, thì cứ làm. Anh muốn làm vợ con khổ, thì anh làm đi.

Rồi một tai nạn xe hơi xẩy ra, vợ tôi và đứa con gái út bị hôn mê, đưa vào bệnh viện cấp cứu. Con gái út tôi lái xe, chở mẹ đi phố, đang chạy với tốc độ sáu mươi lăm dặm trên xa lộ, thì một chiếc xe cắt ngang, xe chạm vào nhau. Con tôi vội vàng quay tay lái tránh, chiếc xe đâm vào rào cản ngăn đôi xa lộ. Xe lật. Người ta kéo kịp vợ con tôi ra khỏi xe trước khi thùng xăng bùng cháy. Vợ tôi bị ngất, sáu giờ sau mới tỉnh dậy. Đứa con gái bị dập lá lách, phải mổ và cắt bỏ. Tôi cuống cuồng lo chuyện gia đình, quên đi câu chuyện hiến thận cứu cô Bắng Nhắng. Nhưng hai ngày sau khi ra khỏi phòng cấp cứu, vợ tôi nằm trên giường bệnh nắm tay tôi mà nước mắt rưng rưng nói:

- Như có thần linh che chở và cứu mạng cho hai mẹ con. Cám ơn Trời Phật cho em và con còn sống sót mà không tàn tật. Mình mang ơn nhiều người quá. Em đã nghĩ kỹ, việc hiến thận của anh là đúng, và nên làm. Đáng ra, em phải khuyến khích anh làm việc tốt đó, chứ không phải ngăn cản. Phải qua kinh nghiệm cận kề cái chết, mình mới sáng suốt, biết việc gì phải, nên làm, việc gì sai nên tránh. Con người sống trong an bình quá, đôi khi quên đi những hoạn nạn cũ, và trở thành ích kỷ.

Tôi không còn tinh thần nào để nghĩ đến chuyện cứu giúp người khác, gia đình mình lo chưa xong, thì giờ đâu mà nghĩ đến việc bên ngoài. Nhưng vợ tôi cứ thúc giục mãi, buộc lòng tôi phải kêu điện thoại xác nhận sẽ cho cô Bắng Nhắng trái thận, với điều kiện sau khi vợ con tôi hoàn toàn bình phục và trở lại sinh hoạt bình thường. Bây giờ thì chính tôi lại lo lắng, nghĩ đến những bất trắc khi lên bàn mổ, và ảnh hưởng suốt đời sau khi mất đi một trái thận. Cái hăng hái trong lòng tôi chùng xuống, và mong cho ngày hiến thận càng chậm càng tốt. Đôi khi cái ích kỷ trong tôi dâng lên, và tự hỏi tại sao mình lại phải cho đi trái thận. Cô Bắng Nhắng cũng chưa đủ thân tình, chưa đủ ân nghĩa, tại sao tôi phải hy sinh. Nhưng khi nhìn lại danh sách tình nguyện thử nghiệm để hiến thận , thì tôi thấy ý nghĩ của mình còn hẹp hòi và ích kỷ. Tôi vẫn lo lắng không yên lòng.

Tôi bận rộn công việc chăm sóc đứa con út sau khi nó rời bệnh viện. Vì không muốn chờ lâu, cô Bắng Nhắng nhận quả thận của một người khác. Tôi thở phào sung sướng nhẹ nhõm. Vợ tôi cũng mừng vui vì có người đã cho cô Bắng Nhắng trái thận.

Sau một thời gian thay thận, cô Bắng Nhắng trở lại làm việc, cô vẫn

lanh chanh, bắng nhắng và vui vẻ. Gặp ai cô cũng vồn vã cám ơn, như chính những người đó đã cho cô quả thận.

Một buổi trưa, thấy tôi đọc báo Việt Nam, cô Bắng Nhắng nói rằng, cô cứ tưởng chữ Việt Nam cũng ngoằn ngoèo như tăm vụn rơi vung vãi. Thì ra cũng là mẫu tự abc . Cô muốn tôi để dành báo chữ Việt củ cho cô, càng nhiều càng tốt. Tôi đem cho cô mấy thùng báo cũ, cô mừng lắm. Về sau tôi biết mỗi tháng, cô vào nhà tù thăm viếng, giảng đạo, an ủi những người không may mất tự do. Trong tù có rất nhiều bà người Việt Nam, họ yêu cầu cô kiếm cho họ báo để đọc đỡ buồn. Một lần, vợ tôi và tôi đi theo cô Bắng Nhắng và nhóm đạo của cô, vào nhà tù thăm những người đồng hương bất hạnh nầy, nhưng các bà xấu hổ, không muốn gặp chúng tôi. Cô Bắng Nhắng nói với :

- Anh chị đừng buồn mà phải mừng là họ không dám gặp người đồng hương, nghĩa là họ còn biết xấu hổ, còn biết đâu là phải trái, để ăn năn không phạm nữa.

Cô cho chúng tôi biết có hơn hai chục bà gốc Việt Nam trong nhà tù nầy. Nghe mà tôi buồn suốt mấy ngày. Đi ra xứ người, làm chi mà đến nỗi mang tù tội vào thân. Đã tìm được tự do, sao không biết quý, mà để mất đi, phải nằm tù. Khi tai qua nạn khỏi trong vụ lật xe trên xa lộ, vợ tôi hướng về tôn giáo, và tin tưởng có đấng thần linh che chở. Bởi vậy nên có ngày Chủ Nhật cô Bắng Nhắng rủ chúng tôi đi nhà thờ, để dự lễ và học thánh kinh. Theo cô vào nhà thờ, chúng tôi phải kiên nhẫn lắm để ngồi cho hết buổi hành lễ tôn giáo vì sợ thiếu lịch sự nếu bỏ ra nửa chừng. Họ đã hành hạ cái thính giác của chúng tôi bằng thứ nhạc ồn ào, như la hét, như gào thét, bởi đám tín hữu trùm áo quàng dài màu tím, nhảy choi choi, vung tay múa chân loạn xạ, ngoác miệng ra thi nhau gào thét, thi đua ồn ào với tiếng trống xập xình, với tiếng đàn, tiếng kèn vang rộn. Trong số người gào thét nhạc nầy, có cô Bắng Nhắng, trông cô hùng hổ không thua chi đám bạn bè. Vợ tôi bấm tay tôi nói nhỏ:

- Làm như họ lên cơn điên hết cả rồi. Khiếp, không có một chút trang nghiêm nào của tôn giáo cả. Không biết họ nghĩ gì.

Sau những bài ca chói tai nhức nhối, ông mục sư bắt đầu giảng kinh. Ông chạy lui chạy tới trên bục cao như con gà mắc đẻ, hai tay múa may, chỉ trỏ, như đang giận hờn cãi cọ, sắp đánh nhau với ai. Tôi không hiểu hết ông muốn nói gì, dạy điều gì, nhưng thế mà có nhiều bà đưa khăn tay lên chậm nước mắt sụt sịt khóc lóc. Vợ tôi lại nói nhỏ:

- Mấy bà nầy lạ thật, cười đó, khóc đó, người đâu mà nhạy cảm đến thế.

Một lần là vợ tôi đủ khiếp, không dám theo cô Bắng Nhắng đến

nhà thờ của cô nữa. Mấy lần sau, cô lại rủ đi nhà thờ, tôi nói thật với cô về nhận xét của vợ tôi. Cô cười dễ dãi nói:

- Đến nhà thờ cũng phải vui mới lôi cuốn được thiên hạ. Nếu trang nghiêm quá, đứng đắn quá, không ai dám tới. Chúng tôi vốn tội lỗi ngập đầu, đến những nơi trang nghiêm thì sợ quá, thì sợ bị hỏi tội, sợ bị lương tâm cắn rứt. Vừa ca hát, la hét, vừa cầu nguyện thì cũng vui mà bớt đi mặc cảm tội lỗi. Cả ông mục sư cũng biết vậy, nên chỉ nói toàn chuyện tha thứ cho mọi lỗi lầm, hư hỏng. Từ từ mà dẫn dắt họ, để họ dừng lại một mức nào đó, không chìm quá sâu vào con đường xấu xa, tội lỗi.

Thì ra, chúng tôi đòi hỏi trang nghiêm một cách quá lố chăng.

Một buổi chiều thứ bảy, cô Băng Nhấng rũ tôi đi ăn thịt nướng trong vườn, và ban đêm ngắm trăng, nói chuyện đời. Tôi ngạc nhiên, tưởng chuyện ngắm trăng trà đàm là của dân Á Đông, chuộng nhàn nhã, chuộng thơ văn, chứ không phải là thú vui của đời sống vội vã, văn minh vật chất. Buổi chiều tôi chở vợ đến căn nhà của bạn cô trên đồi cao, có vườn rộng, nhìn xuống dưới xa thấy Vịnh San Francisco xanh ngắt dưới nắng rực vàng. Bên kia cây cầu là San Francisco nhà cao tầng ngổn ngang. Tôi nói với chủ nhà nơi đây cảnh đẹp như con đường dẫn đến vườn địa đàng. Ông nói rằng, trên cao nầy, ông có cảm giác gần với Chúa hơn, và bị dòm ngó xét nét nhiều hơn, và khi chết chắc khó chối tội đã sai phạm. Chúng tôi đến đúng hẹn, khách chỉ lưa thưa năm bảy người. Chừng một giờ sau, khoảng ba mươi cái ghế kê trên bục gỗ đầy khách. Trong một góc sàn, ông nhạc sĩ đàn phong cầm, bà vợ ông đàn vĩ cầm, một thiếu nữ chừng hai mươi tuổi thổi hắc tiêu, một thanh niên cột cái khăn hoa trên đầu giữ giàn trống, có hai người nữa đánh xập xòa và lắc hai quả lắc như trái bầu nhỏ. Tiếng nhạc trỗi lên, hai vợ chồng ông nhạc sĩ vừa đàn, vừa ca liên tiếp bài nầy qua bài khác. Mỗi người khách tự đi lấy thịt nướng, rau cải, vừa ăn vừa thưởng thức nhạc. Có người nói chuyện ồn ào, không để ý gì đến ca hát âm nhạc. Vài người ra sàn nhảy, múa tay hoa chân. Khi nhạc vui rộn lên, mọi người được kéo hết ra sàn, sắp hàng , một , người sau vịn vai người trước, đi lúc lắc nghiêng ngửa , làm tôi nhớ lại cái trò chơi rồng rồng rắn rắn thời thơ ấu. Tôi đi sau vợ tôi, ghé tai nói nhỏ : " Cho xin khúc đầu." Vợ tôi cười và quay lại nói: " Cả xương cả xóc" . Tôi tiếp: " Cho xin khúc giữa." Vợ tôi đáp: " Cả máu cả me". Tôi thì thầm tiếp; " Cho xin khúc đuôi" . Vợ tôi trả lời: " Cả xuôi cả ngược." Hai vợ chồng tôi không nín được, cười to vì nhớ lại cái thời xa xưa nô đùa chung nhau trong xóm của thành phố nhỏ. Buổi tối, chủ nhân tắt hết đèn điện, cho uống rượu nho ngọt. Ngồi ngoài sân, trời xanh ngắt, trăng tròn vành vạnh. Ánh trăng vàng rực chảy xuống

trên tàng cây kê lá. Bóng chúng tôi in rõ xuống sàn. Không khí mát lạnh. Chúng tôi vẫn ngồi vòng quanh trên bục gỗ. Bà chủ nhà đứng dậy, nói vài câu khôi hài. Tóc bà dài phủ xuống lưng óng ánh vàng, rồi bà đọc thơ của bà sáng tác. Tiếng đàn vĩ cầm nho nhỏ chạy đuổi theo lời thơ ngâm. Bài thơ đầu tiên có đại ý: "*Mỗi tháng chỉ có vài ngày tròn trăng. Trăng khuya cũng sẽ khuất bên phương đoài. Chúng ta ngồi đây chỉ có mấy giờ. Dễ gì bạn bè gặp nhau mãi. Sao không vui đi. Rượu ngọt hãy tràn ly, nói lời tử tế cho nhau nghe, mai đây không còn nhau, dù muốn nói cũng không còn dịp. Kìa trăng đã đi dần về hướng Tây, xuống ngủ trong biển mênh mang. Rồi chúng ta cũng chia tay khi đêm tàn.*".

Bà ngâm liên tiếp năm sáu bài. Có bài thơ ca tụng tình bạn, có bài ca tụng thiên nhiên, có bài nói lời cám ơn người bạn đời đã cho bà ngày tháng yên vui, nâng đỡ bà khi yếu đuối. Ông chồng bà ngồi nhìn bà với vẻ mơ màng say đắm, cảm động.

Ba người khách đàn ông khác, cũng là thi sĩ, một ông sống tại San Francisco có đeo khoen trên tai, cái vòng lóng lánh dưới ánh trăng khi ông nghiêng đầu ngâm thơ ông. Ông nầy ở trường phái trừu tượng, tôi không hiểu thơ ông muốn nói gì. Hai ông khác, một ông tóc tai râu ria bờm xờm như con sư tử, áo quần xốc xếch thùng thình, ngâm thơ tình yêu, những nỗi khắc khoải của trái tim bị thương tích trong tình yêu, cô đơn, mong nhớ. Ông thi sĩ khác thì yểu điệu như con gái, lời nói chậm, rõ ràng ngâm thơ đạo, bài thơ nào cũng có Chúa, có ân phước, có niềm tin. Bốn người thi sĩ thay nhau ngâm thơ, chủ nhân ông đưa chai rượu cho khách chuyền quanh. Nhiều bài thơ, khi nghe, tôi có thể ví với chuyện nước đổ lá khoai, chỉ hiểu lơ mơ và chẳng có rung cảm gì. Cô Bắng Nhắng thì ngồi giật giật toàn thân như khi nghe nhạc Rock. Tôi thấy cái đêm nầy, dễ thương, lãng mạn và hạnh phúc vô cùng. Không ngờ giữa phố thị huyên náo, còn có những tao nhân mặc khách yêu văn chương thơ phú, tổ chức những đêm ngâm thơ dưới trăng như thế nầy. Sương khuya rơi ướt cả vai áo, cả mái tóc, tôi run vì lạnh, nhưng vẫn thích thú và ngồi lại cho đến khi mãn cuộc. Tôi được ký tặng mấy tập thơ và ấp úng nói lời cám ơn. Sau nầy, cô Bắng Nhắng có đưa cho tôi đọc mấy bài thơ của cô viết, ý thơ cũng chẳng có gì đặc biệt, còn nhạc thơ, luật thơ Mỹ thì tôi hoàn toàn mù tịt, cho nên tôi cứ khen hay cho cô vui. Một buổi ăn trưa, tình cờ tôi gặp cô trong quán, cô mời qua ngồi chung bàn và tâm sự:

- Tôi sắp lập gia đình anh ạ. Sau cơn bệnh hiểm nghèo, tôi thấy mình cần có một gia đình ấm cúng và cần có người mànương tựa nhau. Trước đây tôi sợ lập gia đình, vì cái gương của bố mẹ tôi. Gia đình bố

mẹ tôi là một địa ngục trần gian. Mọi người đều đau khổ. Bây giờ, tôi cảm thấy con người khó sống đơn độc, không có gia đình. Tôi đang băn khoăn không biết phải lựa chọn thế nào cho đúng . Người mà tôi đặt nhiều tình cảm hơn, thì tôi sợ đời sống nheo nhóc sau nầy. Anh ấy không có nghề nghiệp chi rõ ràng cả. Việc làm, khi có khi không. Con người mơ mộng, sống trên mây, chỉ thích làm thơ, không màng chi đến tiền bạc, vật chất. Tôi đã là nạn nhân của nghèo khó trong tuổi thơ, tôi sợ hãi cái nghèo, sợ hãi sự nheo nhóc. Nghèo khó dễ mất hạnh phúc lắm. Người kia, thì có nghề nghiệp vững vàng, tài chánh khá, nhưng là một con người duy lý trí, cân đo cuộc đời quá kỹ lưỡng. Cả hai người đều tốt. Có lẽ tôi sẽ chọn người có tài chánh vững vàng. Anh nghĩ sao?

- Tôi chẳng nghĩ sao cả. Mỗi người có một hoàn cảnh, có kinh nghiệm quá khứ riêng. Tuổi thơ tôi cũng sống trong nghèo khổ, nhưng tôi đã chọn tình yêu chứ không chọn kinh tế. Tình yêu có thể thành chất keo, nối hôn nhân bền chặt hơn, và có thể chịu đựng nhau trong tương lai dài. Lấy nhau vì kinh tế, thì mai sau, nếu kinh tế suy sụp, hay không còn dồi dào như mình mong ước, e rằng hôn nhân khó tồn tại lâu dài.

Tôi thầm nghĩ, bất cứ ai, khi muốn kết hợp cuộc đời với cô Bắng Nhắng, thì họ phải là người sâu sắc, chín chắn, để thấy cái đẹp nội tâm quan trọng hơn là cái nhan sắc bên ngoài. Tôi nhìn cô Bắng Nhắng và hỏi một câu mà tôi không định hỏi vì sợ mất lòng:

- Theo cô nghĩ, thì tại sao các ông kia yêu và muốn cưới cô ? Vì kinh tế, vì cảm tấm lòng của cô hay .. vì nhan sắc ?

- Tôi chẳng giàu có gì, và không đẹp lắm, thì tôi nghĩ họ yêu tôi vì đồng tâm cảm, khi ngồi bên nhau thấy tìm được yên ổn, vui vẻ, và họ hy vọng tôi sẽ tạo dựng được một gia đình nhiều hạnh phúc hơn là sóng gió. Tôi không đòi hỏi nhiều, và biết thế nào là đủ trong giới hạn của mình. Biết bằng lòng với những gì Thiên Chúa ban cho. Tôi thấy được nước đầy nửa ly, chứ không phải thấy nước lưng nửa ly.

Tôi cười, vì cô tự cho cô là không đẹp lắm, nghĩa là cô đẹp. Thì ra, đa số đều tự thấy họ đẹp. Cứ mỗi ngày nhìn vào gương rồi quen mắt, yêu những đường nét quen thuộc của mình trong gương. Rồi lấy đó mà làm tiêu chuẩn mỹ thuật. Bởi vậy, nên có khi gặp một người, mà họ tưởng như đã hẹn hò từ muôn kiếp, bị tiếng sét ái tình phang xuống ngay. Bởi vì người kia có vài đường nét trên khuôn mặt giống họ. Cho nên có nhiều cặp vợ chồng, mặt mày đường nét giống nhau. Tôi nói thật:

- Có lẽ người nào lấy được cô, đều sẽ có một gia đình hạnh phúc. Tôi nghĩ những người muốn lấy cô, họ đã rất trưởng thành trong quan

niệm tạo dựng gia đình. Họ không mù quáng, không ham mê nhan sắc, không sôi nổi, không tìm lợi lộc vật chất . Cả hai người cô nói trên đều xứng đáng. Lấy ai cũng được.

Cô Bắng Nhắng cười, nụ cười trêu chọc tinh quái, và hỏi tôi:

- Nếu anh trẻ lại và chưa có gia đình, thì anh có chịu lấy một người như tôi không?

Tôi lúng túng, ậm ừ, rồi nói:

- Có và không. Có, nếu tôi khôn ngoan chín chắn. Không, là vì nếu tôi còn trẻ, thì có lẽ tôi ham các thứ khác hơn là lập gia đình.

Tôi không dám nói là nếu trẻ, tôi còn ham mê nhan sắc, và khó mà chấp nhận lấy con người có cái bề ngoài kỳ dị như cô làm vợ. Tôi nói tiếp:

- Tôi thường hành động theo hướng dẫn của tình cảm nhiều hơn là lý trí. Nhiều khi biết là sai, nhưng tôi vẫn làm, vẫn không cưỡng được cái tình cảm yếu mềm trong tôi.

Mấy tháng sau, tôi đi dự đám cưới cô Bắng Nhắng. Cô lấy một ông mục sư trẻ. Khi bắt tay, tôi hỏi nhỏ :

- Ông nầy có phải là một trong hai ông mà cô tâm sự với tôi trong quán ăn không?

Cô nháy mắt tôi và nói:

- Không. Tôi bây giờ làm dâu của Chúa. Chồng tôi có Chúa canh giữ, và có nguyên cả một họ đạo nhìn vào. Muốn thiếu đàng hoàng cũng không được.

Khi ngồi trên ghế, vợ tôi thì thầm:

- Ông mục sư đẹp trai, to cao oai vệ như như tài tử chiếu bóng John Wayne mà lấy cái bà đồng cốt bé tí teo đó, da đen mốc, giống như con phượng hoàng đứng bên con cú.

- Em chưa biết đó thôi. Cái vỏ ngoài xấu xí dị kỳ kia, có chứa một trái tim bằng ngọc. Anh mà còn trẻ, và chưa có gia đình, anh cũng muốn lấy cô ta làm vợ. Nhưng có lẽ cô ta không chịu lấy anh đâu.

- Thế thì, anh đánh giá em không bằng cô ấy sao?

- Nhất em, nhì trời, thứ ba mới đến cô Bắng Nhắng.

Vợ tôi véo tôi một cái thật đau.

Có lần cùng đi với chồng đến nhà tôi ăn giỗ, cô Bắng Nhắng nhìn bức tranh vinh quy bái tổ treo trên tường, bức tranh võng anh đi trước, võng nàng theo sau , vợ tôi giải thích ý nghĩa bức tranh cho cô nghe. Kể thêm cho cô rằng, cái thời xưa đó, hôn nhân theo dàn xếp của cha mẹ, đàn ông cưới vợ về mới biết vợ mình ra sao. Cô cười hinh hích và nói:

- Cần chi phải là thời xa xưa ở xứ chị, cả thời nay và khắp nơi trên

thế giới, có đàn ông nào cưới vợ mà biết vợ mình ra sao đâu, phải cưới về sống chung lâu năm mới biết vợ mình như thế nào.

- Chị học đâu mà thuộc nhiều chuyện tiếu lâm thế? Khi nào cũng có thể đem chuyện tiếu lâm chêm vào.

Cô Bắng Nhắng thở dài và nói:

- Hồi nhỏ tôi khổ lắm , khi nào cũng âu sầu ảm đạm, nhìn đời bằng con mắt bi quan, hận đời. Tôi không có bố, mẹ tôi cũng không biết bố tôi là ai. Mẹ tôi lấy bố dượng tôi bây giờ, hai người cực khổ và gấu ó nhau quanh năm. Rồi mẹ tôi chết vì tai nạn lưu thông, khi đó tôi mới sáu tuổi. Bố dượng tôi lấy mẹ kế của tôi bây giờ. Bà nầy cũng đã có một người con, tôi ở với bố dượng. Vì nghèo túng, nên gia đình khi nào cũng như địa ngục. Tôi và thằng em con bà kế mẫu thương nhau lắm, nên bà mẹ kế cũng thương tôi. Nhà khổ quá, tôi không thiết tha gì đến việc học hành. Năm mười sáu tuổi, anh hàng xóm làm tôi có bầu, mà không chịu lấy tôi, lúc đó tôi chỉ muốn chết. Bỏ học, đi lang thang, mặc áo lùng thùng che cái bụng đang nở lớn, cứ vào tiệm sách và thư viện mà ngồi vì không biết đi đâu, làm gì. Tôi thường đọc các truyện tiếu lâm cho vơi nhẹ bớt âu lo. Vô tình vớ được mấy cuốn sách dạy về thương yêu, hạnh phúc, và làm sao tìm cho mình một lối sống tích cực. Đọc nhiều, rồi thấm lần lần. Khi đọc một bài thơ ngắn, đại ý rằng, *nếu hôm nay còn có cái gì để ăn, không đói, còn có áo mặc, không lạnh, còn có mái nhà che, còn có gia đình để về, thì bạn còn sung sướng hơn nhiều tỉ người trên thế giới nầy, họ đang đói, đang lạnh, đang cô đơn, đang bị tù đày, áp bức.* Chỉ một câu nầy thôi, tôi như giác ngộ, và biết mình còn may mắn hơn nhiều tỉ người trên thế giới, mà thôi hận đời, thôi oán trách gia đình, thôi ghét bỏ xã hội. Tôi định chờ sinh xong, đi kiếm việc làm nuôi con, nhưng đứa bé chết trong bụng. Tôi trở lại trường, quyết chí học hành, rồi vừa đi làm, vừa đi học, giúp bố mẹ tôi đỡ phần nào túng quẫn. Dạo đó, tôi có một cuốn sách tiếu lâm, đi đâu cũng mang theo, khi rảnh thì mở ra, xem đi xem lại, thuộc lầu. Rồi nói chuyện khôi hài cho bà con nghe, ai cũng thích, ai cũng cười, và tôi đi đâu cũng lọt qua dễ dàng. Khi đi phỏng vấn xin việc, tôi cũng tìm cách nói chuyện hài hước cả với người đang phỏng vấn mình . Nhờ thế, mà tôi có việc dễ dàng, và khi đi làm, ai cũng thân thiện, giúp đỡ mình. Tôi rán học hết hai năm đại học cộng đồng, xem như đã cố gắng vượt bực, phải đi làm để giúp bố mẹ nuôi tôi, cho họ đỡ nghèo túng vật chất. Tôi là kẻ may mắn, không bị chìm xuống, không bị vùi lấp trong tăm tối như đa số bạn bè tôi ở khu phố nghèo nàn ổ chuột đó . Chỉ nhờ biết chút lạc quan, ý thức rằng mình còn sung sướng hơn nhiều tỉ người trên thế giới nầy, nếu mình không biết đón

Ơn mẹ

Ơn mẹ ơn bưởi thanh trà
Ơn triều nước ngọt Biên Hòa vườn xưa
Ơn mẹ ơn điệu ru trưa
Võng huyền nhiệm bện tơ dừa chuyện thơ
Ơn mẹ gió mát quạt mơ
Ơn mưa gạo nếp ơn tờ vần gieo
Ơn nắng trên sân trường reo
Chõng tre nghiêng dỗ hiu hiu chỗ ngồi
Ơn chân mẹ bước tinh khôi
Ơn đường quê mát ơn lời khoan thai
Ơn bông trái lúc mãn khai
Ơn vệ cỏ ơn đường dài có cha
Chút tro còn thấm hương trà
Dế mèn ngủ giấc từ hoa dị thường
Ơn bèo xanh tấm trong mương
Ơn ngọn rau đắng ơn tương bọt bào
Giấc rạng đông ơn chiêm bao
Ơn ai khảy khúc ca nhầu nửa khuya
Rong dài ơn mẹ biển kia
Ngón tay lọn tóc còn chia hai trời
Vô minh ơn giọt sương rơi
Nhẹ trong cõi gió nói lời từ tâm
Tới lui ơn mẹ chỗ nằm.

Nguyễn Việt Thường
Nhớ thương về Mẹ Hè 2002.

nhận, thì sẽ bị phạt, bị khổ đau, bị dìm xuống trong bất hạnh.

Vợ tôi nhìn cô bằng con mắt cảm phục, nể nang. Khi cô về rồi, vợ tôi nói:

- Em tưởng cô ấy đồng bóng hời hợt, không ngờ cô ta sâu sắc, chín chắn, còn đáng làm thầy dạy đời cho chúng ta nữa đó./.

Chuyện qua đường

Hồ Như

Huyên đến phòng mạch bác sĩ mười lăm phút trước giờ hẹn. Huyên hay bồn chồn, nôn nả như thế đấy, cho dù biết rằng đến sớm hay muộn nàng cũng phải chờ. Các vị bác sĩ luôn bận rộn, và nhân viên của họ không biết phân thời khoá biểu hợp lý, cho nên lúc nào họ cũng trễ ít ra là nửa tiếng.

Căn phòng đợi chỉ có một người phụ nữ trẻ. May quá, Huyên nghĩ, nàng sẽ không phải chờ quá lâu. Mấy cô thư ký sau quầy rôm rả khảo chuyện với nhau hoặc trên điện thoại, chẳng buồn liếc mắt đến nàng cho có lệ. Huyên chọn chiếc ghế trong góc, vớ tờ báo gần nhất. Trong phòng đợi kiểu này, không có tờ báo nàng sẽ nổi điên rất nhanh. Nhất là bây giờ, lúc nàng đang lo lắng về những dấu hiệu bất thường của cơ thể mình.

Không biết người phụ nữ trẻ kia đợi đã lâu chưa? Cô ta ngồi thu mình trong ghế, trầm tĩnh và yên ả, khác hẳn Huyên. Mắt cô nhìn xuống, một bàn tay xoải trên bụng. Dáng người cúi nghiêng của cô, cánh tay cong từ vai xuống bụng, có vẻ gì dịu dàng và âu yếm lạ. Một người mẹ trẻ có thai lần đầu, Huyên đoán ngay, và bộp chộp hỏi :

- Chắc chị khám thai?

Người phụ nữ ngước lên. Đôi mắt lướt qua Huyên một thoáng rất nhanh. Cái nhìn lượng định, đắn đo, già dặn hơn nhiều so với gương mặt của cô. Nhưng cuối cùng, Huyên có được câu trả lời :

- Vâng.

- Chắc là lần đầu?

- Vâng. Sao chị biết?

- Kinh nghiệm. Tôi thấy trên mặt chị những cảm giác của tôi khi có thai cháu đầu lòng.

Một nụ cười thoáng qua trên môi người phụ nữ :

- Cháu bao tuổi rồi chị ?

- Ba tuổi. Nghịch khiếp lắm chị ạ. Lúc có thai mình đã thấy cực, nhưng cực bầu bì sinh nở không thấm gì với cực nuôi.

Người phụ nữ nhìn xuống bụng mình. Bàn tay cô dịu dàng xoa nhè nhẹ lên đó, như thể muốn vuốt ve đứa bé bên trong :

- Tôi biết tôi sẽ không phải cực với nó nhiều.

Không đừng được, Huyên nghĩ thầm : rồi sẽ biết. Con nít còn nằm trong bụng là thiên thần thánh thiện trong ước mơ của các bà mẹ. Đến khi chúng biết đi, biết chạy, biết phá, đôi khi chúng vẫn là thiên thần, nhưng thường chúng giống tai hoạ nhiều hơn.

Người phụ nữ vẫn cúi nhìn bụng mình, chắc không thấy vẻ đùa cợt trên mặt Huyên. Cô thở dài nho nhỏ :

- Tôi thương nó quá.

- Sinh nó ra, chị còn thương hơn gấp bội.

Người phụ nữ ngước nhìn Huyên. Đôi mắt cô trống rỗng :

- Tôi không sinh nó ra đâu.

Nụ cười trên môi Huyên chùng lại, hụt hẫng. Người phụ nữ tiếp :

- Chị lạ lùng lắm phải không? Chị muốn biết tại sao không?

Cả hai câu hỏi, dĩ nhiên, đều thừa thãi. Nhất là câu hỏi thứ nhì. Có người phụ nữ nào không tò mò, không lắm chuyện, không ưa vạch vòi vào đời tư kẻ khác. Cho nên Huyên nghiêng người về phía người phụ nữ, mắt mở to chờ đợi. Người phụ nữ quay mặt đi, chừng như khó chịu với cái nhìn lục lạo của Huyên. Dù sao thì họ cũng chỉ là hai người mới gặp, cô kể lể chuyện riêng tư chắc cũng cần một khoảng cách nào đó, như tấm màn che giữa ông cha và người xưng tội. Huyên lảng mắt ra chỗ khác, đặt dính chúng vào bình hoa giả cạnh cửa ra vào.

Người phụ nữ bắt đầu kể.

Mười tuổi, tôi nhận ra mẹ không thương tôi. Năm ấy, tôi có đứa em cùng mẹ khác cha đầu tiên. Nhìn cách mẹ chăm sóc nó, tôi lường được tình thương của mẹ đối với mình. Trước kia, tôi cứ ngỡ sự lạnh nhạt và gắt gỏng của mẹ là tính tình riêng của bà. Dĩ nhiên mẹ không thương tôi cũng phải. Tôi chỉ là sự nhắc nhở đến lần lầm lỡ cay đắng của mẹ thời con gái. Cha tôi bỏ mẹ tôi trước lúc biết mẹ có thai. Dù có biết, chắc hẳn ông cũng dứt áo đi theo đoàn hát có cô đào trẻ đẹp. Bị gia đình nhiếc móc, thân thuộc cười chê, mẹ cắn răng điền vào trong khai sanh tôi "vô thừa nhận". Tôi chưa bao giờ dám hỏi mẹ có thử tìm cách phá thai không? Hồi đó, mọi chuyện chắc khó khăn hơn bây giờ nhiều.

Như thế, tôi là chứng tích cho sự dại dột đàn bà của mẹ, một thứ phản ứng phụ không may của tình yêu. Có tôi, mẹ không thể quên đi hay chối bỏ quá khứ. Mới hai mươi tuổi, khi các cô bạn còn điểm trang rộn ràng kén chọn, mẹ bón cơm cho tôi trong căn phòng nhỏ, không có ngay cả sự nâng đỡ dù vật chất hay tinh thần của gia đình. Mẹ không bao giờ kể về những ngày tháng chông chênh đó, nhưng tôi có thể đoán được, từ đôi mắt tối mẹ nhìn tôi, rằng tôi không chỉ nhắc mẹ đến sự ruồng rẫy của ba tôi, mà còn cả thời gian chơ vơ và đáng sợ mẹ phải tập đương đầu với cuộc sống. Hai mươi tuổi, ngoài trường học, gia đình và người yêu, mẹ có biết gì hơn. Phải kiếm sống và nuôi con nhỏ, chắc hẳn không ít lần mẹ tôi khóc vì lo âu, khổ sở hay tuyệt vọng. Mẹ vào làm trong một gia đình hai vợ chồng già, lo bếp nước, dọn dẹp. Tôi lớn lên, đi học lớp một, mẹ cũng dành dụm được ít vốn mở một hàng tạp hoá. Năm sau, mẹ gặp ba dượng tôi. Tôi không biết bà có yêu ba dượng tôi theo kiểu yêu đương lãng mạn như với ba tôi hay không, nhưng tôi chắc tình cảm của bà với ông nặng nghĩa hàm ơn. Có ông, bà không cần phải dài dòng giải thích về tôi, nửa trốn tránh, nửa giả dối.

Có ba dượng tôi, mẹ không thương tôi thêm được chút nào. Tôi vẫn là chứng tích cho vết nhơ tiết hạnh của mẹ. Ba dượng tôi cũng không thương tôi, tuy rằng lúc mới quen biết mẹ tôi, đứa con nhỏ là cái cớ để ông kiếm dịp "đỡ đần" cho bà. Với ông, tôi cũng là chứng tích rằng ông không phải là người đàn ông đầu tiên trong đời mẹ. Năm ngoái, tôi đọc trong một câu chuyện nửa đùa nửa thật rằng người đàn bà muốn là người tình cuối cùng của người đàn ông, nhưng người đàn ông muốn là người tình đầu tiên của người đàn bà. Gần hết thế kỷ hai mươi, ở nước Mỹ tình dục tự do thừa mứa này, người đàn ông còn đòi làm kẻ đầu tiên như vậy, chắc hẳn người đàn ông trong xã hội nặng phong kiến Việt Nam xưa như ba dượng tôi lại càng khó chịu hơn vì mình là người thứ nhì. Ông ghét tôi hơn khi tôi nhất định không chịu gọi ông là "ba" như má tôi muốn. Chín tuổi, tôi biết người đàn ông xa lạ không phải là ba ruột của tôi, không thương tôi, và sẽ không thay đổi cho dù tôi có cố gắng giả vờ ông là ba thật của tôi đi nữa. Ba dượng có thêm lý do để ghét tôi, nhưng ông không đối xử tệ với tôi. Ông nhạt nhẽo, thờ ơ, không biết vô tình hay cố ý rập theo cách đối xử của mẹ. Có lẽ ông ngại tiếng cha ghẻ, như mẹ ngại tiếng xử tệ với con cái.

Mấy năm sau, cả gia đình tôi sang Mỹ. Chuyện này nhờ ba dượng tôi có họ hàng ở làng chài đâu đó gần Vũng Tàu. Lúc đó chưa có cướp Thái Lan. Đến Mỹ, mẹ và ba dượng tôi đi làm cho một hãng điện tử, mới đầu là đóng xếp hàng, sau thì học lắp ráp mạch điện. Hai người

cùng siêng năng, làm thêm giờ là chuyện thường. Về nhà, mẹ tôi còn phải lo cơm nước. Tôi đi học hết ngày, tối vật lộn với tiếng Mỹ và bài tập. Như thế chúng tôi chẳng có mấy khi gặp nhau hay nói chuyện với nhau. Thật ra, cũng không khác gì lúc ở Việt Nam. Hồi đó, hết buổi đi học, tôi hay quẩn quanh hàng xóm nhiều hơn ở nhà. Được hai năm, mọi chuyện tạm ổn định, ba dượng tôi muốn có đứa con trai. Mẹ chiều ông, sinh đứa nữa. Mẹ sinh con trai thật. Lúc ba dượng và em kế tôi xúm xít quanh mẹ và đứa nhỏ, tôi nhận ra mình thừa thãi biết chừng nào. Không phải tôi không muốn xà đến nựng nịu đứa bé, nhưng tôi biết ba dượng không thích, mẹ cũng không thích. Đứa em kế, sinh ra khi tôi mười tuổi, xa cách với tôi không những vì số tuổi mà còn vì tôi cảm thấy mẹ và ba dượng không muốn tôi gần gũi nó nhiều. Lúc nó nhỏ, thay vì để tôi trông nó những lúc mẹ đi bán hàng, mẹ nhất định mang nó theo. Tôi không ghen tỵ với nó, chỉ thấy buồn buồn. Bây giờ, nghĩ lại, tôi đoán rằng trong thâm tâm ba dượng và mẹ tôi, tôi vẫn là đứa con hoang, đứa con vô thừa nhận của một người cha vô trách nhiệm. Tôi mang giòng máu phụ bạc, không đáng tin, không đáng kể.

Năm sau nữa, tôi gặp ba ruột tôi lần đầu. Thật lạ, phải lưu lạc đến đất Mỹ mênh mông này tôi mới gặp ông. Dĩ nhiên tôi đâu biết ông là ai. Ông nhận ra tôi, nhận ra những đường nét trên khuôn mặt tôi loáng thoáng nhắc ông nhớ lại mình hồi trẻ, người con gái ông yêu vài tháng và không nhớ lâu. Thấy ông nhìn sững từ bên kia lối đi của khu chợ Việt bé xíu, tôi bỗng tự hỏi : biết đâu là... Có lẽ là linh tính. Ông mới có vẻ lân la hỏi chuyện, tôi đã tuôn ra rành mạch tên tuổi quê quán mẹ tôi, tỉnh táo thêm chi tiết tôi là con vô thừa nhận, sinh năm... Ông không nhớ rõ quen mẹ tôi năm nào, nhưng ông nhớ cô đào cải lương tài sắc một thời, và ông ngỡ ngàng : vậy ra...cháu là...Tôi muốn cười, nhưng cười không nổi. Mẹ ít khi gọi tôi tiếng "con", bây giờ người cha mới gặp cũng không thốt ra được tiếng ấy. Thật ra, tôi cũng không gọi ông là "ba" được. Tôi chưa hề biết ông, chưa hề mơ tưởng về ông, chưa hề nghĩ sẽ có lúc chúng tôi đối diện nhau. Giữa lối đi đông đúc, người ta chen qua xô lại chọn rau quả, ông giải thích rằng ông không biết mẹ tôi có thai. Tôi đoán ông muốn nói nếu ông biết, ông đã làm một điều gì đó, cưới xin qua loa cho mẹ tôi đỡ bẽ bàng chẳng hạn. Ông cho tôi số điện thoại, mời tôi đến nhà chơi. Ông và vợ (có lẽ lấy cho xong sau mối tình với cô đào cải lương) ở một căn nhà khiêm nhường, với bốn đứa con. Gặp tôi bất ngờ, ông gấp gáp muốn đền bù mười mấy năm bằng cách nhận tôi là con, nhưng ông quên hỏi ý vợ. Bà trông khá phúc hậu, đẫy đà hơn mẹ tôi, nhưng môi mím chặt khi tôi đến. Ba tôi

lúng túng, lũ em cùng cha khác mẹ nửa tò mò nửa lạ lẫm. Chỉ mười phút sau khi bước qua ngưỡng cửa, tôi đã biết mình sẽ không trở lại lần nữa. Tôi cảm thấy mình dại dột, ngớ ngẩn quá. Tôi không nhớ rằng tôi là chứng tích cho quãng đời mẹ muốn quên đi, và ba dượng tôi không muốn biết. Với ba tôi và vợ ông, tôi cũng chỉ là dấu vết của một chuyện không ai muốn nhắc nhở đến. Ở nhà mẹ hay nhà ba, tôi cũng chỉ là chiếc bóng đen của một dĩ vãng không đẹp. Tôi chắc nếu mọi người có thể xoá tôi ra khỏi đời họ, như xoá bụi phấn trên bảng đen, họ đã làm từ lâu. Sau một tiếng đồng hồ ngượng nghịu trong phòng khách của ba, tôi cáo từ ra về, chập choạng muốn té trên những bậc thềm dẫn ra cổng. Chưa bao giờ tôi cảm thấy lẻ loi, khốn khổ đến như vậy. Tôi cứ tưởng tôi đã lì ra, đã chai đi, nhưng đâu đó trong những ngõ ngách của tâm linh, tôi vẫn hy vọng rằng ba sẽ khác mẹ, sẽ thương xót tôi hơn. Bây giờ, nghĩ lại, tôi đoán rằng không phải ba mẹ không thương tôi. Họ chỉ không thương tôi đủ để vượt qua những giới hạn, trắc trở tôi mang đến cho họ khi cấn thành.

Mười bảy tuổi, sắp qua mười tám tuổi, tôi vào học trường đại học xa nhà mẹ bốn trăm dặm đường. Tôi nghĩ mẹ và ba dượng tôi cũng biết tôi sẽ không về nữa. Hai năm cuối cùng trung học, tôi đi làm, lo các thứ giấy tờ để chắc chắn rằng sau khi đủ mười tám tuổi, tôi sẽ hoàn toàn độc lập, không còn liên hệ với mẹ và ba dượng về tài chánh nữa. Những ràng buộc giữa chúng tôi mỏng manh quá, đơn thuần là sự bất lực của một đứa trẻ chưa đủ quyền hạn và khả năng tự quyết. Khi tôi không còn cần mẹ và ba dượng vì cơm áo nữa, những thứ tôi có thể cần nơi họ không mua được bằng tiền và họ không sẵn sàng cho. Tôi rời nhà mẹ không buồn không vui. Tôi mất hẳn chút mơ mộng rằng tôi sẽ, nhờ một phép lạ nào đó, gần gũi mẹ và các em hơn, nhưng đồng thời tôi nhẹ nhõm vì không còn là chiếc bóng vật vờ trong tổ ấm không bao giờ thuộc về tôi.

Hai mươi hai tuổi, tốt nghiệp, tôi nhận việc làm đầu tiên, độc thân, không có cả bạn trai. Tôi không nghĩ mình cố tình tránh né tình yêu. Bao nhiêu năm cô đơn, tôi trông chờ tình yêu mới đúng. Nhưng lũ con trai trong trường trung cũng như đại học không làm tôi rung động chút nào. Họ ngang tuổi hoặc lớn hơn tôi chút chút, trông ngờ nghệch và trẻ con quá. Những khuôn mặt măng sữa và những lời tán tỉnh vụng về không lọt vào được trái tim vốn e sợ nhút nhát của tôi. Những cô bạn gái chung quanh đã có vài ba mối tình, tôi vẫn còn ngơ ngác đi tìm một bóng hình chỉ lờ mờ thoáng hiện lên vào những lúc cô đơn nhất, như lúc dọn vào căn chung cư, đứng giữa căn phòng trống không im vắng.

Hai mươi hai tuổi, cuối cùng tình yêu cũng đến. Người ấy là ông xếp ở sở làm, mới ly thân hai tháng trước khi tôi vào làm. Không bao lâu sau, chúng tôi bắt đầu hẹn hò, thoạt tiên lấy cớ công việc. Người ấy không đẹp trai, không trẻ trung, không hào hoa cũng không khéo nói. Tuổi trung niên, một vợ ba con, ông đã có dáng nặng nề tuy chưa đến nỗi béo phệ. Tôi yêu ông điểm nào? Tôi yêu sự chững chạc từng trải của ông. Tôi yêu sự săn sóc tỉ mỉ ân cần của ông. Có ai không yêu một người vừa là thầy lại vừa là bạn mình? Mà có cần lý do không nhỉ? Tại sao không chỉ đơn giản là tôi yêu ông, thế thôi?

Tôi lao vào tình yêu với tất cả sự liều lĩnh và ngốc nghếch của đứa bé chưa biết gì về cuộc sống. Chưa bao giờ là thiếu nữ với tất cả ý nghĩa của danh từ, tôi thành đàn bà, thành tình nhân trong hai tuần lễ đầu tiên chạm mặt với tình yêu. Mọi thứ xoay đảo chung quanh tôi như trò chơi trong hội chợ, và tôi, nửa choáng váng nửa say đắm, chưa biết nói câu từ chối với người yêu.

Huyên thở hắt ra. Nàng không nhận ra mình đang nín thở. Người phụ nữ nhìn Huyên, cái nhìn thẳng thắn, không trốn tránh, thoáng qua một chút giễu cợt cay đắng:

- Chị đã biết kết thúc rồi chứ gì?

Không. Huyên nói dối trơn tru, tuy rằng nàng biết câu trả lời nhanh như vậy chính là dấu hiệu của giả dối. Nhưng người phụ nữ, cô gái, không để ý. Cô quay nhìn về cánh cửa đang mở. Một người phụ nữ khệ nệ bước vào, che khuất cả ông chồng đứng giữ cánh cửa. Đừng nhìn, Huyên nghĩ. Chỉ tủi thêm thôi. Hàng ghế bên kia, ông chồng lăng xăng dọn chỗ, nâng đỡ cho người phụ nữ ngồi xuống. Ông tíu tít hỏi vợ có bị khó chịu không, có muốn đọc sách báo gì không. Khi người phụ nữ đã yên chỗ, ông lại vội đến khung cửa sổ nhỏ báo cho cô thư ký biết tên vợ, nhỏ nhẻ thêm rằng con đầu lòng, vợ ông hay mệt, không hiểu phải chờ bao lâu? Người phụ nữ trẻ dời mắt khỏi cặp vợ chồng. Huyên chờ đợi cái cau mặt buồn bã, hay vẻ ghen tỵ ngấm ngầm. Nàng ngạc nhiên thấy đôi mắt tươi sáng, gần như vui sướng của người phụ nữ trẻ. Cô mỉm cười khi gặp mắt Huyên:

- Dễ thương quá hả chị? Tôi thích người đàn ông biết lo gia đình, thương con thương vợ thế đấy.

Chút bóng tối thoáng qua khuôn mặt đang tươi cười. Huyên nghĩ thầm cười được một nụ là hay lắm rồi. Sớm muộn gì cô cũng sẽ nghĩ đến mình, đến cảnh lẻ loi trong căn phòng chờ ngột ngạt tù túng này. Người phụ nữ trẻ lại quay mặt đi, tiếp tục kể.

Tôi mới nói tôi thích người đàn ông biết trách nhiệm. Người yêu của tôi cũng vậy. Xa vợ, xa con, anh ấy buồn rầu lắm. Có lẽ vì cô đơn quá, nên mới dễ vương vấn chuyện tình cảm với tôi. Gần đây, tôi nhận ra anh ấy cần an ủi hơn cần tình yêu, vì tình yêu của anh ấy vẫn còn ở lại trong căn nhà anh chung sống với vợ con. Khi tôi nhận ra điều đó, anh ấy cũng không còn cần sự an ủi của tôi nữa. Sau gần một năm xa cách, thái độ vợ anh ấy bắt đầu dịu lại, để anh về nhà thăm con thường hơn, cũng không phản đối khi anh mời đi chơi, dự tiệc ở hãng chẳng hạn. Mối tình của tôi, vốn dĩ thầm lén từ lúc bắt đầu vì quan hệ làm việc, càng lúc càng mờ nhạt hơn. Lúc đầu, tôi còn khóc lóc, hy vọng níu kéo anh ấy, nhưng dần dà tôi nhận ra sự bất khả của hoàn cảnh. Nếu anh ấy là người đàn ông chăm lo gia đình, dĩ nhiên anh phải lo giữ gìn gia đình có sẵn, bao nhiêu năm tình nghĩa chứ? Nếu tôi lôi được anh ấy ra khỏi quyến luyến vợ con, chắc anh không phải, hoặc sẽ không còn là người tôi yêu nữa. Vả lại, anh ấy đâu có thực sự yêu tôi. Nói cho đẹp, thì tôi là an ủi tạm thời. Trắng trợn hơn, tôi là vui chơi thoáng qua cho đỡ buồn...

Tháng trước, anh ấy thu hết can đảm gây sự tìm cớ bỏ nhau. La nhỉ, sao người ta phải la lối, cáu kỉnh mới bỏ nhau được? Tôi biết tôi còn trẻ dại, nhưng tôi nghĩ tôi đủ lớn để hiểu những lý lẽ anh ấy sẽ nêu ra trước và sau khi hối hả thu dọn đồ đạc về ở chung với vợ. Tháng trước, tôi mất kinh. Tôi ngỡ mình buồn bực quá đấy thôi. Nhưng tháng này, tôi biết...

Thằng bé (tôi muốn nghĩ nó là con trai) ngoan lắm chị ạ, không làm cho mẹ nó mệt mỏi, đau lưng hay nôn mửa gì hết. Nghĩ đến nó, tôi vui lắm. Từ nhỏ, tôi sống như cây cỏ, chẳng cho ai, thậm chí chính mình. Tôi quăng mình nhập vào đời anh ấy, nhưng anh ấy chẳng cần tôi. Thằng bé sẽ là ý nghĩa cuộc sống của tôi, sẽ là chỗ nương dựa tình cảm tôi vẫn thiếu thốn. Tôi mơ đến ngày nó chào đời, mơ được chăm sóc cho nó, thương yêu nó, lo lắng cho nó. Tôi mơ đến đôi mắt xoe tròn trẻ thơ, mơ làn da mịn, bàn tay bàn chân bé xíu. Tôi mơ sự âu yếm, quấn quít của nó. Nó sẽ cần tôi, như tôi cần nó. Chỉ mới đang hình thành trong bụng tôi, nó đã là cần thiết. Những ý nghĩ về nó lấp lại khoảng trống trong thời gian cũng như trong tâm hồn tôi sau mối tình tưởng là kinh khủng nhưng hoá ra trống không.

Tôi vẫn mơ về thằng bé. Tôi cứ dùng chữ "mơ", vì tất cả hình như chỉ là giấc mơ. Những gì tôi vẽ vời tưởng tượng về thằng bé, và tôi, là cõi thiên đàng tôi muốn có. Nó sẽ là câu trả lời cho tất cả bế tắc, thiếu thốn tình cảm của tôi. Như tôi đã từng nghĩ mối tình của tôi sẽ là câu trả

lời. Mối tình, trong thực tại, chẳng còn chút nào vẻ lộng lẫy tôi chờ mong. Thằng bé, và tôi, sẽ ra sao? Tôi không nghi ngờ tình yêu của tôi đối với nó, cũng không nghi ngờ tình yêu của nó đối với tôi, nhưng tôi không thể không so sánh hoàn cảnh của tôi bây giờ và mẹ tôi xưa kia. Dĩ nhiên tôi sẽ tránh được rất nhiều những khổ nhục mẹ tôi đã trải qua. Chắc chắn tôi sẽ không thấy nó là cái gai trong cuộc đời như mẹ nhìn thấy tôi. Có thể tôi sẽ không bao giờ nghĩ đến hôn nhân của riêng mình nữa, để tránh cho nó cảnh dượng ghẻ. Nhưng cho dù tôi có bảo bọc âu yếm nó như thế nào chăng nữa, tôi không thể cho nó một người cha thật sự. Người cha như tôi vẫn ao ước và chưa bao giờ có. Người cha mỗi lần nghĩ tới tôi vẫn cảm thấy nhói đau cảm giác bị ruồng bỏ. Có thể tôi sẽ là người mẹ toàn hảo, và nó sẽ lớn lên an bình, vui tươi hơn tất cả những người tôi đã gặp. Câu hỏi cuối cùng là: tôi có muốn đem một cuộc đời, cuộc đời của đứa trẻ tôi hứa sẽ thương yêu nhất trên đời, ra làm cuộc thí nghiệm, thử thách cho lý thuyết và khả năng thực hành của tôi?

- Tối nay, em lạ lắm.

Huyên siết bàn tay chồng vòng ngang người nàng, không trả lời. Nàng muốn được đắm mình vào trong bóng tối ấm cúng của căn phòng ngủ, dưới lớp chăn nệm thơm mùi xà bông quen thuộc. Huyên biết chồng muốn nói gì. Suốt buổi tối, nàng tươi tắn hơn bình thường, âu yếm chồng con hơn bình thường. Khi bé Hằng đi ngủ, nàng ngồi cạnh chồng khi anh đọc truyện dỗ con bé ngủ. Bây giờ, nàng nhất định nép lưng vào người chồng, giữ cánh tay anh ngang người, như đã lâu rồi nàng không làm. Nhưng nàng không muốn giải thích, kể lể, vì bất cứ điều gì nàng nói cũng sẽ dẫn đến người phụ nữ trẻ nàng gặp trong phòng mạch hôm nay. Nàng không muốn kể lại cho một người khác, cho dù người ấy là chồng nàng, sự tin cậy thân mật người phụ nữ trẻ đã chia xẻ với nàng. Giữa họ, mối đồng cảm, sự liên hệ vô hình giữa hai người đàn bà riêng tư đến nỗi nàng muốn giữ nó riêng cho mình, cho dù sự gặp gỡ và câu chuyện trao đổi giữa họ hoàn toàn ngẫu nhiên. Người phụ nữ trẻ kể vì có lẽ cần được kể lể. Huyên nghe vì tò mò. Có lẽ điều bí mật Huyên muốn giữ gìn là đứa trẻ đang yên ả lớn lên trong bụng mẹ. Huyên không muốn nói đến mầm sống tinh khôi ấy, như người tín mộ không muốn dùng lời phàm tục diễn tả một điều thánh thiện. Huyên không biết đứa trẻ ấy có cơ hội chào đời hay không, nhưng khi nhắm mắt ngủ tối nay, nàng sẽ mơ đến hạnh phúc đơn sơ của một người đàn bà, và phép lạ tình yêu người đàn bà ấy hằng tìm kiếm đến bằng phép lạ của trẻ thơ. *Hồ Như*

Thiên Thu

Bùi Bích-Hà

Một vầng trăng non,
Theo em đến nơi anh ở.
Những con đường chớm thu,
Lá phong đang đổi màu.
Cả thành phố là một vết thương tấy đỏ.

Dưới chân em,
Những con đường hẹn hò
Nôn nao nằm thở.
Mọi ngôi nhà đều đóng cửa,
Thầm hỏi riêng nhau
Lòng chúng ta có cánh cửa nào vừa chợt mở?

Con đường chạy ven một giòng sông
Mùa này nước cạn.
Có chỗ sóng lao xao,
Cồn lên mầu mực tím.
Giòng sông có một chỗ đau
Vì đá.
Trái tim em có một chỗ đau
Vì chút tình rất lạ

Con đường chạy qua khu rừng vàng úa.
Cành trơ, khẳng khiu.
Gió ngắt đi những chiếc lá cuối
Cho mùa đông đang về
Và mùa xuân sẽ hồi sinh.
Gió cuốn đi trong lòng em những niềm vui cuối
Có còn xanh khi mùa xuân trở lại?

Anh ơi, cất giùm em
Thiên thu
Trên môi hôn.

Gió của thời khuất mặt

Lê Minh Hà

...Vẫn biết chết rồi là hết chuyện. Mà sao...

Mà sao thế nọ, mà sao thế kia. Chao ôi, sao mà Ngân cứ luôn khốn khổ vì những câu hỏi vòng quanh cuộc đời như thế. Sao Ngân lại cứ luôn khổ sở vì băn khoăn thương nhớ những cuộc đời có quen và không quen.

Như buổi chiều nào đang hối hả nhặt nhạnh đồ trong siêu thị vứt vào xe đẩy cho kịp giờ đóng cửa, chợt bâng khuâng dừng bước bên cái ngăn đầy có ngọn toàn những vải là vải. Những quả vải tròn nhỏ nhỏ, giống hệt vải thiều. Ngân biết, chẳng làm gì ra có vải thiều ở chốn này. Chẳng có cái ngọt ngào đầy dụ dỗ ấy đâu, chẳng có hạt điếc đâu. Toàn những hạt to muốn lộn nhào ra khỏi vỏ và vị thì đôi lúc chua như sắp sửa lên men. Nhưng mà những quả vải nhập từ xứ xa nào chẳng biết bán đầy ở đây lại làm lòng Ngân cồn cào cơn đói nhớ. Nhớ người đàn bà trẻ trẻ như Ngân nhưng mặt mũi thì hốc hác và môi nở nụ cười vừa mời mọc vừa ngơ ngác ngồi nép bên đống vải đổ sát chân tường cơ quan nọ buổi trưa nào, giữa những người đàn bà vừa dựng xe máy sà xuống mồm năm miệng mười nếm và mặc cả. Những người đàn bà ấy, và những người đàn ông trong bộ quân phục cũ đứng bên những cái xe thồ đầy ắp su hào bắp cải mỗi chiều đông Hà Nội bao giờ cũng làm cho lòng dạ Ngân nao nao buồn, khiến Ngân không thể nào thật tình mặc cả. Đằng sau những bộ áo quần tàu tàu ấy, đằng sau những gương mặt toàn những nét vạc xuống làm cho nụ cười vừa chân tình hơn vừa tội nghiệp hơn kia có những gì? Những năm tháng như thế nào đã in dấu lên gương mặt họ? Ngân biết, chưa chắc họ đã vất vả hơn mình, và cái chính là chưa chắc họ đã thấy rằng họ đã khổ như mình cứ mải thương

vơ cho ra vẻ người chung cảnh. Mà nói chưa chắc làm gì, chính là thế đấy, mình với họ xa lạ biết bao.

Thế nhưng Ngân vẫn tiếp tục đi chợ mua rau không mặc cả dù có lúc đồng tiền phân bạc kiếm ra bồng bềnh trên tay được dăm ba hôm đã biến đi đâu tiệt cả, vẫn cứ có cảm giác như giữa mình với họ từ đời thuở nào đã ruột rà một kiếp rạ rơm, vẫn đau đớn những nỗi niềm không thể khóc. Đến bây giờ Ngân vẫn không thể nào nhớ thực ra bài báo về những người lính ấy có đăng tấm ảnh nào không, nhưng mà Ngân cứ có cảm giác mình đã nhìn thấy họ ngồi cóm róm và ngơ ngác giữa sân dinh Độc lập, hai mươi mấy năm sau ngày chiến thắng, vào lúc người hướng dẫn du lịch đang cao giọng cho đám đông nghe về chiến công của chính họ trong ngày chiến thắng cuối cùng. Không ai quan tâm tới mấy người lính cũ mới được vời ra từ lịch sử có thật đã cố tình bị lãng quên, không ai biết mấy ông nhà quê mới được rước từ đáy cái làng nghèo nào ở miền Bắc vào kia là ai và họ đang bồi hồi, đang luống cuống, đang ao ước những gì giữa thành phố Sài gòn ngày kỉ niệm một phần tư thế kỉ chiến thắng. Chính cái xe tăng họ ngồi trên đã húc sập cả cổng dinh Độc lập, gần như cái cảnh mà mấy chục năm qua người ta đã thấy, năm nào cũng thấy, trên ảnh, trên phim, vào tháng tư tháng năm này. Thế chăng? Lịch sử? Lịch sử không diễn ra mà là được làm ra, có thể nhuộm đi nhuộm lại và cũng có thể tẩy xóa. Chẳng khó gì vào thời buổi mỗi ngày sống của con người là một trang sử mà tựu trung vẫn thiếu vắng người chép sử này. Thế cho nên Ngân không thích tin vào những dòng sử viết. Ngân không quên được nỗi hoang mang tuổi lên mười khi tìm ngược tìm xuôi trong sách giáo khoa lịch sử của mình vẫn không thấy một dòng về những quốc gia đã tiêu vong để làm nên Tổ Quốc bây giờ, những điều mà Ngân đã đọc được từ hồi bé tí năm sáu tuổi, trong một cuốn sách Bình dân học vụ của ông Lẫm bố chị Thục, được ông xếp rất cẩn thận trên bàn thờ ngày nào. Đâu Chiêm Thành? Đâu Phù Nam Chân Lạp? Tâm hồn trẻ thơ cứ như một cánh cửa sẵn lòng để gió xô, cứ buộc Ngân day dứt mãi: Đâu là sự thật? Sự thật có thể có nhiều gương mặt được không?

Đi xa, Ngân nhớ những người bạn cũ và kinh ngạc khi bạn bè hiện lên trong một tầm vóc mới, dưới một luồng sáng mới. Cũng vẫn là cảm giác ấy, khi Ngân để rung lên trong trí một dòng thơ, một âm giai tha thiết tuổi nào. "Hỡi Paco ơi dòng sông mênh mông đôi bờ xanh biêng biếc nước chảy xiết sâu thẳm... Qua tháng ngày hỡi sông ơi có

biết anh lái đò tên gọi A Sanh... A Sanh ơi ngày đêm anh lái đò trên sông... Đò anh đưa bao người đi đánh Mỹ bao năm ròng chiến công anh thầm lặng..." Phải, ví như câu hát này, ví như câu chuyện về người anh hùng này. Hay là cả câu hát rộn rã suốt tuổi nhỏ của Ngân này nữa: "... Đuốc lồ ô bập bùng lên ánh lửa...sóc Bom bo rộn rã tiếng chày khua... bồng con ra võng để đòng đưa... giã gạo ban đêm vì ngày bận làm mùa... Cách mạng cần gạo nhiều để đánh Mỹ... sóc Bom bo sẵn có cối chày đây... người Bom bo sẵn có đôi bàn tay..." Những bà mẹ không tên bồng con ra võng ngày năm ấy Ngân đã nhìn thấy, trên ti vi, mặt mũi nhăn nheo, miệng móm, váy áo xốc xếch quay lưng lại ống kính đi vào túp lều nát. Và người anh hùng A Sanh, tên vang vang trong bao nhiêu chương trình ca nhạc phát đi khắp nước đấy mà cũng thành vô danh suốt một phần tư thế kỉ chiến thắng, đã chẳng được nhớ ra, đã quên gần hết tuổi trẻ của mình, quên cả tiếng phổ thông, chỉ vì nghèo đói quá, cơ cực quá, ngồi cóm róm ngơ ngác trong bức ảnh đăng trên báo. Những hình bóng thiểu não ấy bao giờ cũng làm hiện lại trong trí Ngân những hình bóng khác, mà Ngân đã gặp trong tuổi bé bỏng của mình, một chiều bố mẹ gấp rút đưa đi sơ tán. Họ hành quân dọc theo đường quốc lộ, dáng lao về phía trước, chân đạp trên rơm rạ ngày mùa, trẻ, khoẻ, ba lô và quân phục mới toanh. Một chú bộ đội nhấc mũ khỏi đầu vẫy vẫy Ngân lúc con bé quay đầu nhìn lại. Y hệt một bức ảnh mà Ngân rất thích nhìn thời ấy. Nhiều năm sau, mỗi lần gặp lại bức ảnh đó, Ngân lại thấy tim mình chững nhịp. Những người lính ấy còn sống hay đã chết từ hồi ấy? Họ ở đâu bây giờ? Ý nghĩ thực nào đã ngổn ngang lòng họ dọc đường ra trận?

Chắc hẳn nhiều lắm niềm vui mà ngọn gió thời đại đã thổi lộng hồn người ngày ấy, lộng suốt thiếu thời Ngân. Nhưng chắc hẳn còn có những niềm tâm cảm khác. Ngân nhớ chú Trong hàng xóm ở cái làng nhỏ Ngân đã theo bà về sơ tán lần thứ hai, năm bảy mốt bảy hai. Chú lành như bóng sung dập dờn bên bến nước, nơi bọn Ngân thích lặn xuống mò trai. Những con trai nửa nhỏ mình mà lắm thịt, những con trai vông xốp xáp thịt ít nước nhiều dai ngoách tụ dưới bóng sung sao mà nhiều thế, ngày nào đi tắm lặn xuống quờ chân cũng nhặt được dăm con, mấy chị em dồn lại là đủ cho bà làm bữa canh chiều. Chú Trong học giỏi nhất làng, nhưng thi ngược thi xuôi chả được vào đại học. Làm sao mà vào được khi chú có một ông bố địa chủ từng có những năm mẫu đất và cả một cái nhà gỗ năm gian, lại còn dám tự tử khi bị đấu. Cái thời đó Ngân chỉ có thể mường tượng qua những câu chuyện của các bà

hàng xóm vẫn sang chia cho bà ít lá trầu không, dúm thuốc lào và nhân thể xin mấy mảnh hạt cau khô hay miếng vỏ quạch khi chưa tới phiên chợ. Bà bảo bà chỉ bắt đầu tập ăn trầu vào chính cái đận ấy, khi bố chú Trọng tự tử và làng nước bùng lên câu chuyện ông nội làm Việt gian bị ta trừng trị. Khẩu trầu đủ cau đủ thuốc đủ giấu không làm bà say chẳng khác đàn ông say rượu, giúp bà nguôi đi chốc lát những nông nỗi bấn loạn trong lòng. Cái mùi trầu nhai đã giập thơm rất ấm lẫn mùi khai khai bốc ra từ các bà hàng xóm có thói quen vén ống quần xả tồ tồ vào nồi nước giải để đầu ngõ hay cạnh chuồng lợn ám ảnh suốt tuổi bé của Ngân, làm cho những câu chuyện xưa đọng bám chặt hơn trong kí ức, dù Ngân chưa từng trải chúng bao giờ.

Chú Trọng không được đi đại học là lẽ dĩ nhiên rồi, vì ông bố địa chủ đã đành, mà còn vì Mỹ lại đánh mạnh ra miền Bắc. Những trận bom rơi ở đâu đâu cũng đủ làm chao đảo cả làng. Ông Thống nhà cuối ngõ vừa về được mấy năm, đầu lúc nào cũng cạo trọc như cái hồi còn đi cải tạo suốt ngày cúi cúi lệch lệch vì cái bắp cày, cái bừa hay quang gánh lúc thúc theo sau đít trâu lại bị gọi ra ủy ban và lại phải cắp quần cắp áo ra đi. Lúc ông đi, cái đầu trọc tóc đã bạc cả mà chưa kịp húi lại vẫn cúi cúi lệch lệch như thế. Cả ngõ theo ra, chỉ mỗi bà và hai mẹ con chú Trọng nhìn thoáng qua vợ con ông rồi quay lưng lầm lũi vào nhà. Sau hôm đó, chú Trọng trích ngón tay lấy máu viết đơn xin nhập ngũ. Mẹ chú sang ngồi nhai trầu với bà, mặt lặng như sông mùa nước cạn, mãi mới khẽ khàng: "Nó bảo em rằng thì là mẹ ở nhà có gì nhờ cậy xóm giềng, con đi một xanh cỏ hai đỏ ngực, con sống hay chết thì mẹ với con Xanh ở nhà đằng nào cũng yên hơn. Bác bảo có mẹ nào em nào yên mà sống nổi khi con chết anh chết". Chú Trọng đi một mạch, lên đến trung úy rồi mới chết ngay sau ngày kí hiệp định Paris. Mà lại chết vì bị sét đánh trên đường lần đầu về thăm mẹ từ lúc đi B, cũng chả được tính là liệt sĩ. Chú sống thì hiền mà chết thì trông dữ quá. Cả người đen sạm như gỗ đã đem xông khói, riêng cái đầu thì trụi thùi lụi nứt mấy đường như qủa dưa hồng. Chú chết, cô Xanh nhất quyết không chịu bỏ mẹ đi lấy chồng, mãi đến lúc tuổi heo héo rồi mới lấy chú thương binh miền Nam ở trại gần làng, chỉ vì có thế mới được ở cùng mẹ. Cô đâu biết rồi sẽ có ngày chiến thắng và cô sẽ chẳng còn lí do gì để trụ lại với mẹ già, sẽ phải bồng bế con cái tay mang tay xách mấy thứ đồ nghèo theo về quê chồng tít tận Tây Ninh. Cô đâu biết rồi sẽ có ngày chẳng thể nào cất giọng hát vào một điệu làn thảm hay bình bán ở vùng đất xa xôi ấy. Cô đâu biết mối tình Nam Bắc của mình sẽ còn được nhắc nhỏm mãi trong

làng, sẽ là thương nhớ tuyệt vọng của mẹ trong tuổi già lủi thủi.

Tính năm tính tháng thì thực ra Ngân đâu có sống bao lâu cùng những con người có tuổi có tên mà vẫn hoàn toàn vô danh ấy. Nhưng sao Ngân vẫn cảm giác như nửa con người mình thuộc về nơi đó, thuộc về những con người đó. Và nửa mình kia là của cái ngõ nhỏ rối rắm đủ thứ chuyện đời dường như không đáng gì. Chuyện hai cô gái già có chung một tuổi trẻ thanh niên xung phong, sau ngày chiến thắng lại có chung lòng can đảm để cùng không chồng mà chửa, được nhà máy chia một phòng, cáu giận nhau cứ vài ba hôm lại kê kích tủ giường để án ngữ cái bụng nhau mỗi lúc khệ nệ cái rổ cái chậu ra ra vào vào nấu nướng. Chuyện hai người đàn bà đi cùng một cái cầu thang bao năm ngọt nhạt thân tình đột nhiên xích mích. Mà cũng lại sau ngày chiến thắng. Không! Lúc đó lại chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước rồi. Người đàn bà trẻ sau mấy lần đi công tác Sài gòn đã đổi đời, chí ít cũng là đổi trang phục. Áo quần đồng màu lòng tôm mỏng tang, đi một bước là gợi hình dung một bước về tấm thân còn mỡ màng lắm sau bao năm tháng bồ bịch liên miên chờ chồng. Mà bồ ra bồ chứ. Toàn những vị đã thành danh ở cái nơi mà người đàn bà làm việc và được coi là rất được việc. Chị ta sinh con với một trong những người đàn ông ấy, công khai gọi người chồng chính thức mới trở về trong bộ quân phục tàu tàu là ông xưng tôivà sau khi ông ta trở lại với vùng rừng đã gắn bó bao ngày gian khổ thì bà vợ công khai gọi ông bồ là bố cu Tũn nhà em. Cả khu tập thể đã choáng váng khi bà ta lao cả tấm thân màu mỡ vào bà hàng xóm trước nay vẫn chị chị em em, hét vang: "Tao đĩ tao đẻ ra thiên tài, còn mày chính chuyên mày sẽ làm mẹ thằng mất xác". Tưởng như họ sẽ không bao giờ quên nổi cái đêm ngồi chầu mặt nhau sau trận giáp lá cà, chung sức diệt muỗi ở trụ sở công an phường dưới gốc cây đa già. Thế mà buổi chiều kia, dắt cái xe đi ngang qua nhà hàng xóm, thấy bao nhiêu guốc dép để ngoài, khói hương nghi ngút và tiếng nghẹn ngào, người đàn bà trẻ rùng mình. Một năm sau, vào ngày ấy, bà ta sẽ lễ mễ bê một nải chuối to và thẻ hương áp vào người, rụt rè gõ nhè nhẹ vào cánh cửa mở của nhà hàng xóm, nghẹn giọng: "Chị cho em được thắp cho cháu một nén hương". Hai người đàn bà sẽ đứng nhìn nhau, người đàn bà mẹ liệt sĩ kia sẽ lặng lẽ đẩy cánh cửa rộng hơn cho hàng xóm bước vào, và vẫn lặng lẽ như thế đặt đồ lễ của người đàn bà trẻ lên bàn thờ... Ngân biết mình tại sao mê sử mà không chọn học sử. Lịch sử nào chép những nỗi niềm kia?

Tính khách quan của các sự kiện cố nhiên phải là thuộc tính của mọi sử liệu. Nhưng, sẽ phải coi thuộc tính giả định ấy là phẩm chất. Liệu có sử gia nào không tự tín? Liệu có sử gia nào thật sự khách quan khi truy tìm sự kiện, và đằng sau chúng là bản chất rất người của thời gian. Mà ngay cả khi đạt tới yêu cầu khách quan, tác phẩm sử học dường như vẫn hàm chứa một sự tàn nhẫn không thể loại bỏ. Bởi vì người ta luôn chỉ thấy trong đó bóng dáng các cá nhân anh hùng thành hay bại, hoặc kẻ phản bội bại hay thành. Còn đám đông luôn lao đi trước, dựng hồn sông núi dậy bằng cái chết, bằng mất mát của riêng mình, bất quá lắm cũng chỉ được tôn là "quân ta", "bên ta", chỉ còn được quy thành những con số tổn thất. Với Ngân, điều ấy bất nhẫn. Mỗi một người là một thế giới, một miền tâm cảm, không ai có thể thay thế cho ai. Hai tiếng "nhân dân" nếu không làm cho con người xúc động bởi ý thức đời đời về những số phận ẩn tàng trong đó thì hoàn toàn vô nghĩa. "Dân là nước". Phải! "Dân là bể". Phải quá! Nhưng trước hết, nhân dân là từng người từng người một, sống âm thầm lầm lũi quanh nhau, nếu có xôn xao lên được chăng thì cũng chỉ như là cái xôn xao bụi nắng.

Lê Minh Hà

Đã phát hành khắp nơi

gỗ thức trên rừng

Tập truyện mới của Tâm Thanh
sau *Thiên Nga Giữa Cõi Người*
do Văn Học xuất bản năm 1999

Tác giả được bạn đọc Văn Học yêu mến trong nhiều năm qua
Văn Mới xuất bản, giá 12 Mỹ kim kể luôn cước phí

Liên lạc:
Văn Mới: 1127 W. Gardena Blvd., Gardena, CA 90247
Phone: (310) 366-6867

Chớm hạ

Mùa hạ vừa hé cửa
vuông sân bỗng tưng bừng,
ngang một cành thông xoãi
chú sóc nâu ngồi nhìn.

Cô cánh cam rực rỡ
nép bên đóa hồng nhung,
môi ngậm giọt sương nhỏ
mát như viên kẹo thơm.

Có con chim mỏ đỏ
hót trong hàng liễu xanh,
tiếng rơi trên vạt cỏ
trong veo như khánh rung.

Bay theo trăm cánh bướm
mùa hạ xưa đến gần,
mặt hồ nôn nao sóng
sen hồng hay gót chân.

Lẫn trong bao nỗi nhớ
giọt thời gian đậm hương,
nối từng âm đoạn cũ
lòng vẫn xanh cốm non.

Sáng nay hạ vừa chớm
ô hay đã quá xuân,
sao thủy tiên còn nở
sao mà em nhớ anh!

Nguyệt Thư

Phải chi

Đỗ Quỳnh Dao

Đã ngoài tám giờ mà buổi sáng vẫn chưa đến. Vầng đỏ trốn lì ở tận mãi đâu đợi buổi tối cuốn gói đi thật xa rồi mới dám lấp ló. Bầu trời thấp chùng, ui ui xam xám như còn lo sợ. Suốt đêm qua vạn vật phập phồng nơm mớp trước cơn thịnh nộ của tạo hóa, mưa tung tới tấp cây roi nước để giương oai với sét sáng lóe đang xé toạc bóng đen và sấm gầm gừ làm run rẩy màn khuya. Mưa quất sét chớp sấm nổ, quần nhau đến ngất ngư xiểng liểng rồi bỏ đi không một liếc mắt đến bãi chiến tàn. Để lại giờ đây, bờ tường ẩm chương phồng từng mảng sơn sắp tróc vẩy và mặt đất ủng xói lở thành những vũng bùn lầy lội. Xa hơn trên sân cỏ, mấy băng gỗ đợi nắng đến hong khô mớ xương khớp ê ẩm và chiếc cầu tụt mọng nước ngửng cổ ngóng tiếng cười của lũ trẻ.

Nó vẫn thích ngồi bên cửa sổ phòng khách và nhìn ra ngoài. Mỗi lần nó đều thấy như có gì cồn cào trong bụng, trồi lên ngực lên mặt và bật ra nơi khóe mắt. Lúc đó nó có cảm giác đã rời khỏi người và trở nên nhẹ nhàng trong suốt. Nó không còn là nó nữa. Nó là giọt nước, giọt nước rơm rớm, tức tưởi, nghẹn ngào, giọt nước khóc mà không biết vì sao khóc mà chỉ biết ngộp choáng dưới bao nhiêu ước muốn. Phải chi nó cũng nghịch ngợm nhảy tót vô vũng đọng cho tung toé nước khắp quần áo, phải chi nó cũng tung tăng đến trường cặp sách trên lưng vừa đi vừa trả bài trong đầu, phải chi nó chỉ lo nhả từng vòng khói phì phèo, phải chi nó chỉ lo vẽ mắt tô son để chài trai. Ừ phải chi nó như vậy, quậy phá hồn nhiên nhu mì ngoan ngoãn lẳng lơ hư hỏng. Như mọi đứa trẻ. Nó là một đứa trẻ nhưng nó khác mọi đứa trẻ vì nó không đi đứng chạy nhảy mà chỉ ngồi yên ở đây, ngồi bên cửa sổ phòng khách và nhìn ra ngoài.

Có tiếng khóa khua trong ổ. Dì đẩy cửa bước vào, nó gọi là dì cho thân mật chứ thật ra họ không có một liên hệ gia đình nào cả. Chỉ là mẹ nó và dì cùng có cái giọng nói giòn tan và sáng rỡ mặt trời của vùng Marseille. Dì là người láng giềng đến trông nom khi mẹ nó đi vắng. Một người tốt và đáng tin cậy, ngoại trừ giờ giấc co giãn theo số ly Pastis dì cụng. Dì bước lại ôm hôn nó và hỏi:

- Fifille-Con gái-dậy rồi hả?

Giọng nói líu lo như khoanh tròn từng lời, với những chữ cuối kéo dài nhừa nhựa.

Nếu nhìn kỹ, người ta có thể đoán là lúc trẻ dì cũng đã từng phủi ra khá nhiều đàn ông bu quanh, nhưng bây giờ chỉ ngoài năm mươi mà dì giống như một căn nhà hoang phế. Lỗi ở định mệnh cướp mất chồng con của dì trong một tai nạn. Lỗi ở vận xui kết dì với người chồng sau vũ phu rồi cuối cùng bỏ dì. Lỗi ở những ly Pastis lúc đầu uống để quên và dần dà uống vì ghiền. Lỗi ở thời gian rón rén đi từng bước kín đáo cho đến một hôm khi soi gương dì thấy mình điêu tàn đổ nát, có muốn thương lượng điều đình chi nữa với thời gian cũng không kịp. Trên mặt, những sợi cơ như mất tính đàn hồi buông xuống hai gò má chảy nhão và tô đậm mớ nếp gấp đâm tua tủa. Mỗi nếp nhăn quanh miệng là một thử thách, mỗi đường gấp quanh mắt là một thất bại. Cái duy nhất còn sót lại của thời xuân sắc là đôi mắt sáng như sao băng, loại sao mà khi nhìn thấy người ta vội vàng thì thầm một ước nguyện. Đôi mắt giờ đây vẫn lấp lánh sao nhưng đã từ lâu dì hết tin vào phép lạ.

- Con gái có đói bụng không?

Dì vừa nói vừa lùa tay xoa mái tóc nó, mấy tóc xoăn tít từng lọn nhỏ như con chó Pékinoise. Nhưng nó không phải là con chó, nó thua con chó vì nó không biết cắn, không biết bỏ chạy, không biết bảo vệ người khác hay chính mình, và cũng không biết sủa. Thật ra dù có sủa kêu hay gầm gừ, có ai nghe nó không?

- Thôi mình sửa soạn ăn sáng nhé.

Dì buộc khăn cho nó và bắt đầu phết bơ mứt lên hai miếng bánh mì khô. Phần dì chỉ có một tô cà phê đen thôi. Dì ăn ít nhưng hầu như bao nhiêu Pastis đổ vào không làm dì say mà tụ vào máu và đông thành mỡ, có lẽ vì thế nên thân hình của dì bị nuốt trọn trong những ngấn thịt nồng nặc mùi hồi. Dì nhâm nhi tô cà phê và bắt đầu nói. Cũng một câu chuyện mở đầu bằng-hồi thời của dì. Cũng một người nghe -là nó. Có sao đâu, dì nói để mà nói chứ chẳng chờ đợi gì nơi nó, chỉ vì có nó ngồi trước mặt chứ nếu không dì đã rù rì với Pastis rồi.

- ...Dì nghĩ con nên vô trường, con thì có bạn cùng trang lứa và mẹ

con thì cũng đỡ lấn cấn.

Không, nó không muốn vô trường, nó không cần bạn bè. Cách đây mấy năm, nó có ở lại trường sinh hoạt nguyên một tuần lễ và bây giờ khi nghĩ đến nó vẫn còn thấy gai gai ớn ớn. Vả lại mẹ nó cũng không chấp nhận để nó ở trường, lẫn lộn với những đứa trẻ khác tuy có tay hay chân nhưng lại thiếu cái đầu. Bà muốn nó hòa nhập với những đứa, vừa có đầu suy nghĩ vừa có tay múa may và chân chạy nhảy. Nó cũng muốn như vậy nhưng làm sao được? làm sao đòi hỏi ở đứa trẻ cái mà người lớn chưa chắc đã làm được? họa chăng là thánh mới đủ nhẫn nại và kiên trì. Nhưng đừng nhắc đến thánh nữa, nó biết chắc không có thiên đàng với thánh thần hái từng giỏ hạnh phúc từng sọt đau khổ đem rắc đồng đều cho mọi người. Nếu không tại sao nó phải ngồi đây?

Không, nó không muốn vô trường, nó không muốn xa mẹ. Cứ cho là ở trường nó sẽ có đông bạn bè nhưng lỡ mẹ không vô thăm và quên nó luôn thì nó có sung sướng không? Nó cần mẹ, cần thấy mặt, cần nghe tiếng, cần ngửi mùi. Mỗi chiều, từ thứ hai đến thứ năm, khi cây kim đồng hồ đứng thẳng thì nó bắt đầu nôn nao rộn rã. Chừng nửa giờ sau, khoảng sáu giờ rưỡi thì mẹ nó đi làm về. Nó ngồi yên trong phòng nhưng nó rõ hết. Mẹ mở cửa bước vào, móc chùm khóa lên cây đinh đóng trên tường bên cạnh, rồi treo áo khoác lên mắc. Chân bà thong thả rút khỏi giày và xỏ gọn đôi dép đi trong nhà. Đôi dép xanh, có chùm len xanh, có gót cao kêu lót cót trên sàn gỗ. Tại sao không là đôi dép thấp vừa nhẹ nhàng cho chân, vừa êm ái cho màng nhĩ? tại sao lại xanh mà không màu khác? Không cần thắc mắc, có những thứ đã có từ thuở nào và trở thành thói quen. Chỉ biết nếu thiếu vắng thì nó sẽ nhớ vô cùng, thế thôi. Cũng như màu xanh có mặt khắp nhà, đâu đâu cũng màu xanh, xanh sơn cửa, xanh vải màn, xanh men sứ, xanh gạch lót, xanh giấy dán tường, xanh vinyl trải phòng tắm, và xanh luôn cả gương mặt thiếu nắng của nó.

Bây giờ mẹ vào phòng ngủ, cất vô tủ cái ví Vuitton giả rồi đi tắm. Khi trở ra, bà nằm phịch trên giường, mặt ngước nhìn lên trần. Bà có vẻ mệt và chán, như cây cải héo với mấy chân lông nở toạc. Chắc bà cũng muốn chui xuống chăn, vùi đầu vô cái gối hình chữ nhật có dúng quanh bằng lụa xanh, và ngủ. Ngủ một giấc dài thật đã, để quên hết mọi sự. Nhưng bà thở hắt ra và ngồi dậy chậm chạp. Bà có thể quên tất cả, quên bà quên người khác nhưng bà không quên được nó, vì nó tùy thuộc vào bà.

Bà đưa nó vào phòng tắm để rửa ráy. Mỗi chiều bà đều lau rửa nó và đến chiều thứ năm thì có dì sang giúp bà tắm cho nó. Vì bà đi nghỉ

cuối tuần ngay chiều thứ sáu sau khi tan sở và chỉ trở về chiều thứ hai. Xong vô bếp sửa soạn cơm tối cho nó. Nói cơm tối cho có vẻ động nồi khua chảo, chứ thật sự chỉ một miếng jambon cong queo với khoai tây tán ăn liền, hoặc tóm gọn hơn, một lon đồ hộp. Giản tiện, sạch bếp và đỡ mất thời giờ. Đừng tưởng bà vụng về không biết làm cơm, lúc trước bà cũng bày biện nấu nướng đủ món nhưng từ khi chị nó dọn ra ở ngoài bà đã dẹp luôn cái tạp dề làm bếp vô trong tủ. Một hôm chị nó bất chợt về thăm nhà và thấy nó đang ăn đồ hộp. Mở tủ lạnh ra, chỉ chèo queo vài trái cà chua thâm đen và lát thịt nguội khô đét. Chị cằn nhằn:

-Sao mẹ không nấu thức ăn tươi cho nó?

-Thì đồ hộp cũng bổ cũng tốt vậy. Nó ngồi không suốt ngày thì đâu cần bồi dưỡng chi nhiều.

Mẹ nó có lý đấy, có làm việc thì mới có đốt ca lô, còn nó có làm gì đâu mà đòi hỏi nhiều. Cứ nhìn bà đi, làm việc quần quật suốt ngày mà buổi tối hầu như không ăn gì ngoài mẩu phó mát và trái cây.

- Mẹ kiêng ăn vì muốn cho gầy đẹp chứ nó có muốn vậy đâu. Vả lại ăn ít hay nhiều cũng đều cần có chất tươi.

- Bộ trái cây không phải là chất tươi sao?

Thật ra chị nó không nên trách mẹ vì mỗi khi đi chơi cuối tuần về, bà đều mang cho nó một gói Mac Do còn nóng, dầu chiên thấm loang ra hộp giấy.

Bà để nó ăn một mình trong bếp và ra ngồi trên xa lông ngoài phòng khách. Rồi bấm máy điều khiển mở truyền hình, như một người cô độc mở truyền hình để khỏa lấp im lặng để cảm thấy có người bên cạnh mình. Nó kề cận bên nhưng không phải như một người mà như cái tủ cái bàn vì nó cũng im lìm tựa gỗ. Trên màn ảnh, cô xướng ngôn viên đang đọc tin tức trong ngày. Bà mặc kệ tin tức trong ngày, nó chẳng dính dáng đến, ngày của bà đã quá dài quá nhọc rồi, tội quái gì để ý đến ngày của người khác. Bà chỉ lắng nghe bản dự đoán thời tiết để sửa soạn bộ cánh cho ngày mai và nhìn sững màn ảnh với một thoáng ganh tị đôi môi dày gợi cảm của cô xướng ngôn viên. Khi nó ăn xong, bà giúp nó làm vệ sinh tối và thay quần áo đi ngủ. Xong, dọn dẹp bếp và về phòng. Lúc ấy cũng đến giờ chiếu phim trên đài 1-TF1, nhưng bà không ngồi xem vì có thú khác hấp dẫn hơn: đọc sách. Thoạt tiên bà đọc sách để dỗ giấc ngủ, dần dà sách giúp bà thoát và mang lại cảm giác thong dong tự do. Khi đó bà trở thành các nhân vật nữ trong chuyện, lúc thì cô thợ xưởng máy hăng hái trong cuộc biểu tình đình công, lúc thì cô y tá "không biên giới" tận tụy trong tiếng súng ì ầm. Lúc nào bà cũng đóng vai, không thiết yếu là vai chính, nhưng luôn luôn chịu ép quên mình.

Niên liễm đóng cho thư viện chưa bằng giá một quyển bày bán ngoài phố, tha hồ mà bà mượn sách và bay lượn thỏa thích với sự hy sinh được thăng hoa.

- Nè, Fifille-Con gái, nhớ để dành cho dì một phần với nhé, phần trăng đó. Nãy giờ dì nói chuyện với con mà con cứ như ở trên cung trăng, trên đó có đẹp không?,..tội nghiệp cho mẹ con, bà ấy còn trẻ quá, cứ như dì vậy mà khỏe, không ai làm khổ mà mình cũng không làm khổ ai, có chăng mình tự làm khổ với rượu.

Dì ngừng nói và lim dim đôi mắt, đôi mắt sao băng mất hút thật xa dưới hai mí sưng mụp. Lâu sau dì nói tiếp, giọng trầm xuống như đang phân trần, không biết với nó hay với chính dì:

- Thật ra mình tự làm khổ với rượu hay mình nhờ rượu để quên khổ?...Dì thương hai mẹ con, mẹ khổ con khổ người nào cũng khổ cả. Không thể nào sống như vậy mãi, phải thay đổi cách sống mới được, nhất là mẹ con còn trẻ quá.

Có chắc mẹ nó biết mình còn trẻ? một người đàn bà bị chồng thôi, với lương tối thiểu vỏn vẹn bốn số, quần quật trong bổn phận và trách nhiệm cùng hai con, đứa đầu vừa nứt mắt đã bỏ học lêu lổng còn đứa sau thì suốt ngày ngồi lì một chỗ. Một người đàn bà với thời khóa biểu chằng chịt như vậy làm sao còn thời giờ để đếm số tuổi và nhớ mình còn trẻ? họa chăng là để làm toán cộng cô đơn và bất hạnh của mình.

Chuyện nào cũng có một bắt đầu, vậy thì câu chuyện này phải được bắt đầu bằng mục giới thiệu các nhân vật. Đứng đầu áp phích là nó, sau đó là mẹ nó và dì. Chị nó xuất hiện rất ít ở đây nhưng sẽ trở lại thủ vai chính trong lần khác. Có vài người được nhắc thoáng qua, như ba nó, vợ sau của ba, ông nhà đèn bạn của mẹ, vv... Nó là một bé gái mười hai tuổi, ở cái lứa này lẽ ra nó phải non xèo búp mới nhú hay nếu có trổ mả sớm hơn thì hơ hơ nụ hàm tiếu. Nhưng nó già háp như trái giú ép. Nó già vì vị đắng của giận trong miệng. Nó già vì đã hiểu biết quá sớm, hiểu mình phải cúi đầu chấp nhận và nhất là hiểu mình không có quyền đòi hỏi khi mình không là gì cả. Còn tên nó là...? tên là gì nó cũng chẳng nhớ, đã từ lâu không gọi đến nên quên béng. Đừng tưởng nó ngốc nghếch đần độn, chưa chắc những trẻ khác biết nhiều bằng nó. Mảng óc của mấy đứa kia chỉ là hột đậu trắng so với khối xám của nó, nung núc những tế bào não to béo. Có gì lạ đâu, động cơ thì cơ nở còn động não thì não phì. Cứ tì tì hết xem truyền hình đến đọc sách, luôn cả mấy quyển tự điển Larousse, Robert gì cũng nhai, thét rồi nhiều thứ

chui tọt và nằm luôn trong đầu nó. Thử hỏi tên thủ đô của bất cứ quốc gia nào trên thế giới, thử hỏi con cameleon-cắc kè màu gì? thử hỏi ...Trong tích tắc đồng hồ thì nó đã trả lời. Nó không nhớ tên mình vì không cần thiết, có nói chuyện với ai đâu mà cần nhớ tên? Với dì thì chỉ Fifille-Con gái, với mẹ nó thì có hỏi hay dặn dò đều trỏng không. Với nó thì không lắc đầu không gật dầu không trả lời. Nó chỉ nói, kể chuyện và hát nữa khi có một mình, còn những lúc khác thì trơ phỗng tượng đá. Có lẽ vì nó sợ mẹ nó nổi tam bành, lỡ bà lên cơn giận như lần đó thì ôi thôi, mặt bà xanh còn hơn cái áo xanh đang mặc và miệng bà cong cớn một loạt từ dữ dằn. Tốt nhất là im lặng, và nhìn chỗ khác kẻo bà lại hét:

- Nhìn cái gì? đừng có giương mắt nhìn tôi như vậy. Bộ muốn trù ẻo hả? Xéo, lủi.

Cũng là đôi mắt này hồi xưa, xưa như cái thuở mẹ ôm nó vào lòng và nói:

- Mẹ yêu con gái của mẹ quá. Cho mẹ hôn đôi mắt tròn xoe như mắt nai Bambi, cho mẹ hôn bé Bi của mẹ.

Phải rồi, tên ở nhà của nó là bé Bi vì đôi mắt tròn xoe như mắt nai Bambi. Bambi, bam bi, bé Bi. Cũng là đôi mắt này hồi xưa, xưa như cái thuở mẹ nó kể chuyện cổ tích bắt đầu không phải bằng -ngày xưa có ông vua bà hoàng hậu mà là -ngày xưa có ba mẹ sinh ra hai cô con gái khấu khỉnh, cô chị giống cha dong dỏng tóc óng mượt màu rơm mới và con em mũm mĩm như mẹ tóc xoăn tít màu mật ong. Ai cũng trầm trồ hai con búp bê mặt khác nhưng áo quần luôn luôn chỉ một kiểu. Trong tiệm, mẹ nó hỏi cô bán hàng:

- Cô lấy cho tôi kiểu áo này, một "hai" tuổi và một "sáu" tuổi.

Ở nhà, ba nó nói:

- Thang hạnh phúc của ba có ba bậc, khi ba cưới mẹ ba trèo lên bậc thứ nhất có chị ba bước lên bậc nhì và có bé Bi thì ba đứng trên cùng.

Không biết ở đỉnh hạnh phúc ba nó có kịp thấy gì không vì bậc thứ ba mục nát và chiếc thang gẫy vụn một buổi sáng năm nó lên sáu tuổi. Buổi sáng đó khi thức giấc nó thấy khắp người bải hoải và mắt nhương lên khó khăn. Vừa dợm đi vài bước thì hai chân đã mỏi rừ. Rồi hai chân nặng, hai chân lết, hai chân khuỵu, và hai chân bất động.

...

Những tháng ngày sau đó chỉ để ra vô nhà thương và mỗi lần đều giống nhau y hệt. Vẫn phòng đợi với những chậu hoa, kiểng giả và đống tạp chí cũ bong góc. Vẫn phòng bệnh và mớ dây, ống tiếp thuốc lòng thòng chực sẵn ở đầu giường. Vẫn phòng xoa nắn hăng hắc mùi thuốc khử với máy móc lạnh lùng đe dọa. Vẫn cái không khí căng thẳng của lo

âu, trông đợi, mong chờ, hy vọng và cuối cùng ... thất vọng. Bây giờ ông bác sĩ hết nói với nó:

- Cái bệnh này đến và đi rất bất ngờ, không bao lâu thì sẽ chạy nhảy trở lại.

Bây giờ ông chỉ khuyên tiếp tục làm vật lý trị liệu.

...

Lúc đó nó là cái rốn trong vũ trụ nhỏ gia đình: mọi sự đều, vì, cho, để bé Bi. Không gian sống của cả nhà cô đọng quanh cái -bé Bi muốn bé Bi không muốn bé Bi thích bé Bi không thích, nhường cho em đi con chơi với em đi con đừng làm ồn để em ngủ đừng quấy để mẹ lo cho em...Nhưng chỉ vài tháng sau, chị nó không quấy không ồn và nhường tất cả cho em để tung tăng với các bạn, còn nó thì hết vòi vĩnh hết muốn làm quả trứng được nâng niu mà muốn như chị nó như mọi đứa trẻ, được chạy nhảy leo trèo. Không muốn ăn cà rem, không muốn gấu bông, không muốn búp bê, không muốn ngoan. Vì ngoan với người lớn có nghĩa là ngồi yên một chỗ. Trên xe lăn.

Nó ngồi yên năm đầu, ba mẹ khắng khít. Nó ngồi yên năm thứ hai, ba mẹ xô xát. Nó ngồi yên năm thứ ba, ba mẹ bỏ nhau, đúng hơn ba nó bỏ đi. Mấy mẹ con vẫn xúm xít ở lại trong chung cư này. Họ sống, đúng hơn mẹ nó sống, như để đợi ba trở về, như thể ông đang du lịch hay bận đi làm xa. Mẹ nó đã nghĩ và tin chắc như vậy. Ngay cả khi ông có người đàn bà khác, -nhằm nhò gì cỏn chỉ rù quến được cái vỏ bên ngoài chứ trái tim của chồng bà vẫn ở với vợ con. Ngay cả khi ông đòi ly dị và cưới cỏn, -í xì rồi thì chồng bà cũng sẽ trở về. Như thể bà gạt phắt ý nghĩ ba nó yêu người đàn bà kia và không thể sống thiếu họ.

Dì đứng dậy thu dọn chén bát bữa điểm tâm mang vô bếp. Vừa lết đôi chân phình ra hai bên như miếng phó mát chảy vừa tiếp tục nói chuyện râm ran.

- Ông...lúc này bết bát quá, nghe bà vợ kể là ông ta mất ăn mất ngủ từ hồi con chó của họ chết già. À con gái bà... có em bé rồi, mới ẵm về khoe tuần rồi...

Nó cố nhớ những ông Mít bà Xoài này, nhưng có vét cạn trí cũng không hình dung ra được. Chịu! Nó nhìn theo dì và đếm thầm nhịp nhảy của hai trái mông núng nính trong chiếc áo cô tông không dạng. Trái lên trái xuống, trái ừ trái không, cái ừ cái không, oui-non, oui-non. Ôi nó thương dì quá, nó thương như dì là, với máy phát thanh ra rả, với mùi rượu hồi nồng nặc, với hai bắp chân sưng phù ngoằn ngoèo gân xanh. Duy chỉ một điều làm nó nóng mũi nhột nhạt, đó là dì hay nói:

- Tội nghiệp cho con gái, con gái thật đáng thương.

Tại sao lại tội nghiệp? tại sao lại đáng thương? tội nghiệp đáng thương một người tật nguyền đồng nghĩa với coi thường khinh khi họ. Nó không cần thương hại không cần tội nghiệp. Thật ra chưa biết ai đáng tội nghiệp hơn ai? nó không vững vàng nhanh nhẹn bằng người khác nhưng nó bỏ xa họ về sức chịu đựng. Người lành lặn chỉ mới đụng vài mất mác thua thiệt thì đã than như bộng, còn người tật nguyền phải làm sao với nỗi bất hạnh đeo dính trên người? Họ phải gồng mình. Gồng mình với buồn tủi, hờn giận, ganh ghét, chán nản. Gồng mình với cổ nghẹn, ngực tức, bụng sôi, thân rã rượi. Gồng mình để quán xuyến sự đau khổ, rào giữ nỗi xúc động và tổ chức những tình cảm của mình. Họ gồng mình để sống vì họ yêu và quí trọng cuộc sống. Như vậy ai đáng thương hơn ai, ai đáng nể hơn ai?

Nó nghĩ một ngày nào đó nó phải nói với dì đừng gán cho nó mấy chữ đáng thương hay tội nghiệp nữa.

- Bây giờ dì đi chợ mua thức ăn để trưa nay làm trứng tráng với nấm cho con gái ăn, con gái thích không nè? Có ai kêu cửa cũng đừng mở nhé.

Dì dặn tuy biết thừa là nó sẽ không mở cửa cho ai, cũng như nó biết rõ dì không chỉ đi chợ mà còn tạt vô tiệm thuê một cuốn phim video. Vì ngoài rượu dì còn có một đam mê khác, là xem phim, nhưng không phải bất cứ phim nào mà phải là phim tầm tã sướt mướt. Người khác gắn sao cho quán ăn hay khách sạn còn dì thì chấm điểm phim theo số khăn dùng để xì mũi lau nước mắt. Càng tốn nhiều khăn thì cuốn phim càng có triển vọng được giải Oscar với dì.

Nó lăn xe đến gần cửa sổ. Bên ngoài trời vẫn ủ ê một màu tro mặc cho ngọn cỏ ướt ẩm đang co ro ngóng nắng. Đối diện, dãy chung cư với những ô cửa lặp lại, sáu hàng ngang tám hàng thẳng, thiểu não như khối bê tông bị rỗ mặt. Bỗng dưng nó thấy có gì đè nặng nơi ngực.

...Như mọi người, nó cũng có lúc vui lúc buồn.

Những ngày nó thấy đời sống rực rỡ muôn màu, những ngày nó là nắng, là sâu hóa bướm sắp rời khỏi kén. Những ngày ấy nó sắp xếp cuộc sống thật gọn gàng, dĩ nhiên theo cách của nó. Nhắm mắt lại và "thấy" những gì muốn. Nhắm mắt lại "thấy" đôi chân mập mạp rắn chắc, nhắm mắt lại "thấy" đôi chân đi đứng chạy nhảy, rồi bơi lội, trượt tuyết và luôn cả khiêu vũ. Có gì khó đâu? nó nhớ rõ từng động tác phải làm và vẫn thường xuyên ôn dợt trong đầu để một ngày nào đó...biết

đâu nó khỏi bệnh. Nhắm mắt lại, nó là bong bóng biển xủi trắng trên cát, là bọt xà bông đủ màu cầu vồng mong manh lơ lửng,... Muốn gì mà lại không được? Ăn ngon? nhắm mắt lại còm măn rồi thì đủ mọi món nóng sốt. Mặc đẹp? nhắm mắt lại rồi tha hồ chọn áo quần hợp thời trang chất nghẹt trong tủ. Nó còn có thể "thấy" cả tình thương nữa. Nhắm mắt lại, nó thấy chị nó về thăm. Ô chị nó đẹp quá, đẹp như ảo tưởng như giấc mơ như núi tuyết lượn lờ trong ráng chiều trên tấm bưu ảnh. Chị xoa đầu nó và chơi với lọn tóc nâu xoăn... Nhắm mắt lại, nó thấy mẹ gội tóc cho nó và vuốt nhè nhẹ như đang làm mát xa da đầu. Xong mẹ cầm chiếc khăn ướt lau khắp người nó. Ưm ưm, mềm quá thơm quá, mềm như bông gòn, thơm như táo xanh. Nhắm mắt lại, hai chị em nó đang say mê nghe mẹ kể chuyện. Mẹ kể chuyện thật hay, chỉ điểm xuyết vài chi tiết thì câu chuyện bừng dậy với đủ cả sắc thanh mùi vị cùng cảm giác. Cũng có lúc bà hơi quá đà nhưng luôn luôn biết cách xoay trở rất hợp lý.

- Sao kỳ trước mẹ bảo bà phù thủy luôn luôn mặc áo đen mà kỳ này mẹ lại nói mặt bà ta đỏ hoét như cái áo đang mặc?

- Thì phải rồi, mấy áo đen dơ hết phải giặt, phơi chưa khô nên bà phù thủy thay đỡ áo đỏ!

Nhắm mắt lại, nó thấy ba đưa cả nhà đi chơi rồi...Rồi chỉ vậy thôi, dù có muốn thấy gì khác cũng không được, cái đầu bướng bỉnh của nó từ chối không chịu làm việc tiếp. Cố gắng lay chuyển não thì cũng chỉ vài hình ảnh rời rạc nhảy giựt rồi đứng khựng lại, trắng xóa. Y hệt cuốn phim bị đứt.

...Như mọi người nó cũng có lúc này lúc nọ.

Những ngày nó là mưa, là lá rụng là chim ướt. Những ngày nó thấy cuộc đời trống rỗng, đục nhờ như nước đọng. Những ngày nó chỉ muốn mất trí nhớ để quên sạch. Lần đó, ba nó hỏi gặng:

-Mấy giờ cô đến đón nó?

-Khoảng 20 giờ. Bệnh viện ở hơi tréo đường, phải đổi đến hai lượt buýt...

Ba cắt lời:

-Không có khoảng mà đúng 19 giờ 45.

Rồi ấp úng thêm như thể rất bực mình vì phải giải thích với mẹ nó:

-Tối nay ở nhà có khách.

Mẹ hôn phớt nó rồi dẫn chị đi thật nhanh. Ba vừa đẩy nó vô nhà thì bà vợ sau đã cằn nhằn:

-Tuần này đâu phải tới phiên anh trông? tại sao lại đòi gởi, bộ đây

là nhà giữ trẻ hả?

-Bà ngoại của bé Bi ốm nặng phải vô nằm nhà thương, cô ấy đi vô thăm làm sao mà dẫn nó theo được?

-Anh muốn làm sao thì làm, em không thể vừa làm cơm tiếp bạn vừa lo cho nó.

...

Nó vẫn nghĩ nếu lúc đó ba nó trả lời :

-Thì đã sao?

hay ông đừng nói gì mà chỉ nín thinh im lặng. Có lẽ cuốn phim trong đầu nó sẽ chiếu tiếp tục và nó sẽ "thấy" được những hình ảnh trước khi ba nó bỏ đi.

Nhưng ông đã nói:

-Trời ơi tại sao lại phạt tôi phải vác cái thập tự này?

Khi đó, hình như nó ngồi cứng ngắc và nhìn sững một chấm vô hình dưới đất, cơ hồ muốn kềm giữ ý nghĩ và cảm xúc. Khi đó, hình như nó là đầu đầy ắp ngực nóng ran với cảm giác sáng suốt một cách khó chịu vì thấy mọi sự lố bịch trơ trẽn. Ba nó yếu đuối, không sao. Ba nó trốn trách nhiệm, không sao. Nhưng ông không có quyền nói nó là thập tự ông phải vác, vì thập tự này của nó và nó một mình cáng đáng. Một mình vác thập tự, không biết đến bao giờ và có thể là vĩnh viễn suốt đời. Một mình với thiệt thòi, ước mơ và tuyệt vọng, một mình với thân xác nổi loạn tinh thần sụp đổ. Một mình để khước từ chính mình, để ngoảnh mặt không nhìn mình trong gương, để muốn không phải là chết mà chưa bao giờ hiện hữu. Hiện hữu làm gì khi thân tâm xa lạ, thân chỉ còn là một tập hợp tế bào bên cạnh tâm thờ ơ dửng dưng rơi hẫng vào thinh không. Không, ông không có quyền nói vậy. Vì nó là con ông và vì nó tuy không có chân nhưng có trái tim và tình cảm thì nằm trong tim. Ông thản nhiên bóp vụn tình cảm của nó và thê thảm hơn nữa là ông không mảy may biết đã làm nó tổn thương. Nó nghĩ có thể nó sẽ đỡ khổ hơn nếu nó chỉ là một tai nạn ngoài ý, là cái sót lại của xung năng tình dục nơi hai con cái đực. Nhưng nó là kết quả của tình yêu là nấc thang hạnh phúc và nó nợ của ba nó "cái gọi là" tình cha con, "cái gọi là" vì tình ấy cũng què quặt như nó. Khi đó, hình như nó muốn khóc để giọt nước mắt tống tháo "cái gọi là" ấy, nhưng đôi mắt nó vẫn khô queo ráo hoảnh. Không biết phải cần bao nhiêu thời gian để giọt nước mắt trào khỏi khóe?

...

Lần đó mẹ nó vui như trúng số, những gì bà dự đoán đều đúng cả. Mặc sức mà bà đay nghiến, dù cho nó có giải nghĩa cách nào đi nữa: -

Biết lắm mà, thứ chằn tinh thì làm sao mà tốt với con người khác, không hiểu cỏn làm gì mà bé Bi sợ không chịu về thăm ba nó nữa. Bà còn chì chiết thêm khi chị nó bớt về bên kia, sau ngày bà vợ sau của ba nó có em bé: - Đúng là ác phụ, ăn ở thế nào mà từ đứa nhỏ đến đứa lớn đều chạy hết!

Những người đàn bà bị chồng bỏ, có người cúi đầu cam chịu, có người lật trang đời mới, có người hằn học kiểu: -dặn đứa lớn rình xem bên kia "thằng cha đểu giả của mày" làm gì và dạy đứa nhỏ chia vanh vách động từ là (être) "cha tôi đã, là và sẽ là thằng khốn nạn". Mẹ nó thì khác, mọi sự đều do cỏn. Bà lờ chuyện cỏn chỉ xuất hiện rất lâu sau khi chồng bà bỏ đi, bà quên cỏn săn sóc con bà những khi chúng về bên kia, -í xì, thêm bát thêm đĩa có gì khó đâu! í xì, rửa ráy bé Bi thì có nặng nhọc gì! Bà không thấy (hay không chịu thấy?) là cỏn làm vậy vì yêu chồng, mà chỉ nghĩ là con hồ ly giả nhân nghĩa tung hỏa mù để nắm chồng của bà.

Bà đại thắng khi cả hai đứa trẻ đều lắc đầu không muốn về bên kia. Bà hài lòng nhưng không vui vì bây giờ bà hiểu cỏn mới là vợ của chồng bà, còn bà chỉ là bà trước, bà cũ, bà ex.

Dì đi đã lâu nhưng nó vẫn ngồi thừ một chỗ. Bỗng dưng nó thèm nghe tiếng động, những tiếng động bình thường trong nhà, tiếng mở cửa, tiếng nước chảy, tiếng chén bát khua chạm, tiếng bàn ghế xô đẩy, những tiếng động bình thường trong căn nhà có sự sống. Nó lăn xe đi khắp như để tìm kiếm cái gì. Bánh xe kêu xoèn xoẹt trên sàn gỗ thật vô duyên lạc lõng...

Phòng của chị nó hẹp nhưng thật sáng nhờ khung cửa sổ rộng nhưng là cái sáng không hồn, buồn hiu như con gấu bông nằm lăn lóc trên giường, tiu nghỉu như bộ pyjama vắt trên ghế. Ánh sáng ngóng chị để cười giòn tan trên những sợi óng mượt khi chị hất tung mái tóc. Ánh sáng đợi chị để nhảy lung linh trong đôi mắt sâu thẳm lúc chị ca. Chị không phân biệt nổi một nốt nhạc nhưng ư ử rung ngân ngay sau khi nghe vài lần một bài hát. Giọng chị không thánh thót hay trầm bổng, chỉ là một chuỗi ấm, ngắn hơi, gần đứt đoạn và lúc cuối câu thì bật tiếng kêu thảng thốt rạn vỡ như để bày tỏ. Nó không cần biết chị hát hay dở sai đúng, nó chỉ biết chị hát cho chị cho nó và cho ánh sáng hồi sinh trong căn phòng. Cũng trong phòng này chị thì thào kể cho nó nghe bao nhiêu chuyện, và luôn luôn chị ngồi trên ghế hoặc quỳ dưới đất để mặt ngang tầm với nó, chứ không bao giờ đứng nhìn từ trên xuống. Nó khúc khích khi chị giả bộ trịnh trọng giống mấy thằng con trai lúc mời chị đi

xi nê và thành khẩn khi chị tâm sự về giấc mơ làm người mẫu. Chưa gì nó đã thấy khán giả đứng dậy vỗ tay tán thưởng khi chị xuất hiện trên podium trình diễn thời trang, chưa gì nó đã thấy hình chị ngập đầy trên mọi tạp chí phụ nữ. Ôi nó nhớ chị quay quắt... Lần cuối chị tạt về thăm nhà thật ngắn ngủi, chỉ đủ để lục mớ bạc lẻ mẹ nhét trong cái thẩu nhựa trên tủ bếp, để mượn nó sợi dây chuyền cùng tấm mề đay vàng bà ngoại sắm cho hai chị em, để xoa đầu và hôn nó. Khi ra cửa, chị quay lại nhìn nó thật lâu, không biết chị nhìn để xin lỗi hay để dặn nó đừng nói lại với mẹ. Lúc đó đôi mắt của chị thật lạ, như thể hai con người nở phình ra...

Nó đẩy cửa vào phòng mẹ và ép sát chiếc xe vào một bên tường, tránh lát gỗ thứ năm giữa sàn bị gãy. Lạng quạng để bánh kẹt vô lỗ hỏm thì gay go đấy. Nó lăn xe đến tủ áo và mở ra. Hít lấy hít để như muốn hòa trộn và tan biến trong cái mùi, không hẳn khó chịu của mồ hôi mà cũng không phải dễ chịu vì quần áo đã mặc rồi còn ủ nước hoa và son phấn. Mùi của mẹ nó. Bà có thói quen thay đổi bộ cánh mỗi ngày, chỉ giũ cho thoáng và móc lại trong tủ. Vài lượt mặc rồi mới gom đi giặt, với thời gian chiếc tủ áo ướp ngấm trong cái mùi đặc biệt. Nó nhắm mắt và hít sâu vào tận cùng lồng ngực mùi của mẹ nó... Như có tay mẹ đang ôm nó, vuốt tóc, cọ má, xoa mũi, gãi lưng và thì thầm: -Bé Bi có thương mẹ không? Nó rên rĩ sung sướng, như đứa con nít chưa biết nói vừa mới khám phá ngón chân cái của mình và u ơ khoe mẹ.

Bỗng nó cụt hứng và bực mình khi mắt chạm vào bức ảnh để trên bàn nơi đầu giường. Đã tự dặn mình đừng nhìn nhưng nó vẫn luôn luôn bị hút vào cái từ trường đóng khuôn này. Nó cầm bức ảnh lên, bức ảnh của những ngày vui cũ. Cả nhà đi xem Hội chợ Trône, mẹ dắt chị và nó nắm tay ba đứng bên cạnh, trên đôi chân khỏe mạnh sẵn sàng chạy nhảy đu trèo. Nhưng mẹ giữ làm gì bức ảnh này khi ba đã có hạnh phúc mới và mẹ có ông nhà đèn? Ông nhà đèn là bạn trai của mẹ, cùng làm chung sở nhà đèn nhưng khác văn phòng. Theo lời dì kể, ông góa vợ và đeo đuổi mẹ từ lúc ba mẹ ly dị. Mẹ thì vẫn lơ lửng trong ảo vọng ba quay về và chỉ mới để ý đến ông từ khi ba có con với vợ sau.

Chuyện mẹ có ông nhà đèn tự nhiên không có gì lạ. Thì cũng như chị nó, như dì (nếu dì chịu bỏ rượu và ốm bớt, nó nghĩ vậy). Như mọi người. Dĩ nhiên không có nó trong cái mọi người này, nó không có bạn nhưng đâu phải vì vậy mà mẹ phải làm giống theo. Ông nhà đèn quàng lưng mẹ, gác tay sau ghế mẹ. Cũng bình thường thôi. Ông cầm nĩa với dao lớn để cắt con gà rô ti và nói: -ai ăn cánh ai ăn đùi ai ăn ức, ông rót rượu vào ly cho mẹ mà không cần hỏi ý, như để khẳng định người đàn bà này của mình và mình là chủ của gia đình. Thì đã sao.

Nhưng nó không thích ông vì ông dồn mẹ đến ngả hai, lần đó nó nghe mẹ khóc nức nở trong điện thoại:

-Tại sao phải dứt khoát? tại sao phải chọn lựa? tại sao phải bỏ nó vô trường?

Và nó ghét ông vì ông khiến cho mẹ nói ra cái mà mọi người, trừ nó, đều nghĩ.

-Sao ăn uống không coi chừng làm đổ tùm lum hết vậy? Bộ muốn hành tôi hả, bao nhiêu chưa đủ sao?

-Con đâu cố ý, tại mẹ cắt miếng lớn quá chứ đâu phải lỗi con.

-Phải rồi, không phải lỗi của ai hết, mà là lỗi của tôi. Tại tôi hết, tại tôi mà thằng cha bỏ đi, con lớn hư hỏng, con nhỏ bệnh tật. Tại tôi dữ nên bị chồng bỏ, tại tôi ác nên đẻ con què quặt, tại tôi không biết dạy con nên nó xì ke nghiện ngập. Tại tôi thích khổ nên đút tay vào cùm, tại tôi thích cực nên đeo gông vô cổ. Tại tôi hết, cái gì cũng tại tôi...

Mẹ ơi đừng nói vậy, con không bao giờ muốn hành mẹ. Xưa nay con chỉ biết mẹ lo cho con, nhưng đâu biết mẹ đã đuối sức với những - thay, tắm, cho bé Bi ăn, đi xi nê đi ăn tiệm, ai trông nó? đi hè đi nghỉ xa, ai giữ nó?-

Bây giờ con mới biết mẹ mỏi mòn với những loay hoay lẩn quẩn này, bây giờ con mới hiểu con là mụt nhọt làm ung thúi đời mẹ. Con phải làm sao đây? con biết làm sao đây?

-Nhìn nhìn, nhìn cái gì? cái mặt chằm vằm bộ muốn trù ẻo tôi hả? đi đi, đi về phòng đi, đừng ở đây giương mắt ếch mà nhìn như thằng cha bây nữa.

Giọng mẹ cứa sắc như miểng sành qua hàm răng khít rịt, đừng mẹ ơi giọng của mẹ là mật ngọt mà. Đầu mẹ lắc lư, miệng mẹ khi nghiến khi bĩu, đừng mẹ ơi mặt mẹ cứ nhão chảy như sáp đèn cầy nhầu nát như cái áo chưa ủi nhưng mẹ đừng như thế này.

-Sao hỏi mà không trả lời? câm rồi hả? què, câm, còn gì nữa cứ ra hết đi cho đủ bộ!

"Nhắm mắt lại" nó nghe mẹ nói:

-Mẹ không có ý nói cho bé Bi đâu, mà nói cho ông trời cho ai khác đó.

Nhưng mở mắt ra chỉ thấy trời ở tít tắp trên kia và một mình nó bên cạnh mẹ.

Ông trời ác quá, nếu đã bắt nó bị bệnh thì hãy làm tới cùng, cho nó đần ngốc để khỏi nghe khỏi thấy khỏi hiểu. Còn không thì có khó gì, ông chỉ búng tay cái chách thì nó bay thẳng lên đó. Hai cái ông Guillain

Barré trí tuệ đã khám phá ra bệnh này, nếu không tìm được thuốc chữa thì ít nhất cũng cho biết chừng nào nó đi chứ? Dở ẹt! Nghe nói mấy đứa trẻ bị bệnh thường mất sớm, không biết nó còn ngồi ở đây cho đến bao giờ?

Các dãy nhà bắt đầu trở mình, náo nhiệt ầm ĩ. Người lớn cười nói, trẻ con khóc la, vợ chồng đập lộn, cha mẹ mắng con, hàng xóm gây gổ, nhạc Rap gào đua với nhạc Á Rập cổ truyền, tiếng chai lon khua trong cột rác, tiếng chân đá vào cửa thang máy,... ngần ấy tiếng hòa hợp trong tấu khúc quen thuộc của một ngày thứ bảy nơi chung cư nghèo này.

Nắng đã thập thò, không nguyên vẹn mà cắt lát dầy, trải trên dãy đối diện. Chờn vờn ở các chậu hoa máng nơi cửa sổ rồi xà đến ve vãn mấy chị primevère. Chị hàm tiếu chị viên mãn, chị nào cũng tươi rói với lời tán tỉnh. Tha hồ mà nắng huênh hoang phơi phới bên chị búp lỏn lẻn chúm chím và chị nở toe toét hả hê...Nắng bây giờ ngập đầy các nốt rỗ khiến khối bê tông lấp lánh sáng người ánh kính trên cửa sổ. Nắng lan tràn trên sân, lau khô băng gỗ, vỗ về cầu tụt, rồi bám sát ngọn cỏ ẩm như để xin tha thứ cái thói chàng ràng bên hoa. Đây đó bên cạnh những ăn ten truyền hình lộ thiên, áo quần đủ màu lao xao nhún nhảy trên cây phơi nơi lan can, mặc cho ông gác dan chỉ trỏ la lối:

- Dẹp! làm ơn dẹp mấy cây phơi áo quần vô. Ở chung cư chứ bộ ở nhà riêng hay sao mà muốn làm gì thì làm. Cũng phải nghĩ đến người khác chứ, đâu phải chỉ có một mình thôi.

Bỗng dưng nó thấy nôn nao mong cho mau đến tối thứ hai để gặp mẹ. Nó sẽ trò chuyện lại với mẹ, sẽ nói mẹ đưa nó vô trường và khi nào rảnh thì vào thăm. Nếu mẹ không đi thăm thì cũng chẳng sao vì nó cảm thấy mẹ thương yêu nó. Và như vậy nó đã thấy đủ lắm rồi!

26-06-2002

Đỗ Quỳnh Dao

(trích từ "Con Nữ", tập truyện ngắn , vừa do Văn Mới xuất bản).

Đính chính:

Trong Văn Học số 195, bài Một chiều chủ nhật của Trúc Chi, trang 101, câu thơ Nguyễn Du trong Truyện Kiều bị đánh máy lầm, xin bạn đọc sửa lại cho đúng: "Mập mờ đánh lận con đen". Mục Tin Văn trang 137 khoảng giữa trang có chú thích "xem TV, VH số...). Con số bị sót là 194.

Amsterdam

Tặng Văn Cẩm Hải

là môi hổ phách
hôn lên biêng biếc màu trời.
là vàng nắng mật ong
hắt qua ngôi nhà sún răng.
là cầm cư loài chim đất
lông là rêu bám mái cong.

là ghế bàn thâm nâu.
là zích zắc quán hàng.
bếp trưa vắng khói
ai ngồi tơ mơ gạch ngói.
là kim cương đeo cổ gác chuông.
là mùi mưa giẻ bình yên
đi vào giấc ngủ Anne Frank.

là Descartes tra vấn xác thân
vàng con mắt đêm. là không gian
Rembrandt bát ngát tàn nhang.
là đèn đỏ đèn xanh mò dưới đáy kênh.
là sữa căng em một ngày cạn mẹ.
là con chữ phân thân giữa dòng
dấu than dấu hỏi dấu chấm vân vân.

là bên kia gió mùa nhiệt đới
là bên này biển biệt ngàn khơi

là đất thấp hơn biển một đời người.

Cao Xuân Tứ
03. 07. 02

Thắp nến giữa trời

Phạm Hải Anh

Tặng bức tranh cùng tên của họa sĩ Thái Tăng An
Cho Hậu, Nhím, Nhọn, Hiền.

Bảy giờ sáng, điện thoại réo:

-Chị xong chưa? Chờ tí em lên đón nhé.

Tiếng của Hậu. Bà cô nhận xét thằng này cười nhìn thấy suốt cả đại tràng nên Hậu hân hạnh đèo thêm biệt danh "Môn" đằng sau. Thực ra Hậu đẹp trai, miệng rộng, răng khểnh có duyên. Từ ngày nó có người yêu, chị em sinh phúc không gọi Hậu Môn trước mặt bạn gái nó. Hậu Môn mà hẹn bảy giờ thì cứ nhẩn nha chờ đến chín giờ.

Chín giờ mười lăm, Hậu Môn đến, cười hi hí:

-Chị đợi lâu không? Bỏ cả bồ để đến rước bà chị đi chơi nhé. Hiền với Nhím đang chờ ngoài kia.

-Ai đèo tao?

-Tay lái lụa này chứ ai.

-Mày đèo, tao vãi linh hồn. Tao đi với thằng Hiền.

Lần trước đi Ba Vì với Hậu Môn, nó tắt máy để xe lao như cục đá từ đỉnh núi, xuống đến chân núi rồi xe còn đà trôi đi cả kilômét nữa. Sợ teo tim, về nhà mới biết mình còn sống. Din đi xe Hiền, Nhím đi với Hậu. Bốn chị em hăm hở phóng xuống Hưng Yên.

Nhà sàn nằm sâu giữa vườn nhãn tán mâm xôi xanh đậm. Hậu vọt đi thám thính, cầm về mấy quả khế xanh lè, có vẻ thất vọng:

-Nhãn chưa ra quả, táo chát lè. Chỉ có mấy quả khế chua xít răng.

Nhím trợn mắt:

-Mày đi câu cá hay phá vườn? Liệu hồn người ta tống cổ cả lũ!

-Dám! Mình là khách xịn.

Hiền loay hoay kiểm tra mớ cần câu. Nhím dõng dạc gọi thêm giun đất và thính nếp. Phải là thính nếp mồi mới nhạy. Hậu xắng xở chạy ra ao nhòm. Ao rộng, chạy ôm lấy vườn cây, dưới tán lá xanh om. Xa xa là đồng lúa. Nước ao đục lờ lờ không thấy bóng con cá nào, nhưng mà tăm nổi lên thì nhiều. Hậu tính toán:

-Câu được cá nấu ăn tươi mới sướng. Sẵn khế đây bảo nhà bếp nấu canh chua.

-Cá của Nhím là phải nướng. Chấm nước mắm thì là, gừng, ớt thật cay.

-Ừ thì con nướng, con nấu canh.

-Con to nhất phải đem về. Chứ ở nhà lại cười chị em mình đi câu cá tận Hưng Yên mà về tay không.

-Bảo nó cho mình cái thùng to to. Xô bé tẹo thế này đựng làm sao hết cá.

Hậu chọn chỗ dưới gốc sung. Nhím gốc táo. Hiền ra tít tận đầu cầu ao. Din vác chiếu chạy vòng quanh, chỗ thì kiến cắn, chỗ lắm muỗi mắt, chỗ lại nắng quá. Nhím gắt:

-Bà chị muốn câu được cá thì phải chịu gian khổ chứ. Thế này thì bao giờ mới có cá ăn cho!

Tĩnh mịch. Nắng lọc qua tán cây xanh lỗ chỗ những đốm sáng trên mặt chiếu. Gió rười rượi. Có tiếng cá đớp nước lóc bóc. Mấy cái đầu phao nổi lềnh bềnh. Nhím ngâm nga: "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo. Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo..." * Hậu trèo lên cây sung , hái một nắm quả đút túi quần. Cái này là để tí nữa ăn gỏi cá. Bốn tay câu mà ra tay, nhất định bữa trưa sẽ có cá bảy món. Hậu thấy bụng sôi lóc bóc. Giật cần câu lên, rủa lũ cá ở đây khôn, rỉa hết cả giun rồi chạy làng. Din chợt rú lên:

-Thằng Hiền nó câu được cá rồi kia kìa.

Hiền nghiêm nghỉm nãy giờ, nhổm lên đắc thắng gọi Nhím mang xô đến đựng cá. Con cá giếc bằng ngón tay cái, giãy đành đạch. Gỡ lưỡi câu ra, cá bé, ngón tay Hiền thì to, Nhím xuýt xoa:

-Bác sĩ gì mà gỡ con cá ra làm lòi cả mắt nó rồi đây này.

-Yên chí, bác sĩ chữa cá mù thành sáng. Đảm bảo tí nữa nó bơi trong bụng Hậu, tìm đường suốt từ tiền môn đến hậu môn không lạc.

Din chạy bay về xem cái cần câu của mình. Đầu xuôi đuôi lọt. Một con cá đã cắn câu rồi là hậu vận sẽ hanh thông.

Tăm lên rất nhiều, đầu phao nháy lia lịa, nhưng vẫn không có cá. Nắng đứng bóng trên ngọn sung, có dễ đã một giờ chiều. Hậu đứng lên:

-Để em ra nhà bếp gọi món ăn. Không có cá thì ăn chim vậy.

Bữa trưa dọn dưới giàn thiên lý. Gà luộc. Chim quay. Một đĩa gỏi sung chấm mắm tôm, chiến lợi phẩm của Hậu. Cũng có cá, con cá quả to tướng, chắc không phải câu được từ ao này. Nhím vừa gắp cá, vừa nghi ngờ:

-Có khi chúng nó lừa mình. Ao không có cá hoặc toàn cá con.

Hậu hùa theo:

-Chứ gì. Tay em là sát cá lắm cơ. Lần trước đi câu ở trại Găng, được con trắm cỏ gần hai cân. Nó mà thả cá to, mình câu hết nó lỗ vốn chết cha. Chim này ai ăn cho.

Cả lũ gật gù. Chúng nó đã rắp tâm lừa mình, ngu gì mà câu tiếp. Hậu bỏ ra gốc sung, nằm vắt chân hát ư ử. Tiếng hát nhỏ dần, chuyển thành tiếng ngáy. Hiền cần mẫn đi kiểm tra mấy cái cần câu. Din hỏi Nhím:

-Hiền sắp cưới chưa?

-Chim sắp vào lồng rồi. Hậu thì đang u mê em nào ấy. Còn chị? Bây giờ anh béo nhà chị ở đâu?

-Còn nhà chị gì nữa. Từ ngày chia tay, anh ấy cũng hết béo rồi. Giữ eo thon để đóng phim tình cảm tập hai. Bây giờ đang ở Trung Quốc.

-Chị định thế nào?

-Chả định gì cả. Thế còn Nhím?

-Em chẳng biết. Bọn con trai bây giờ cứ nhạt nhạt thế nào.

Gió xào xạc. Một lá ổi già xoay xoay, đáp xuống chiếu. Nhím nhặt lấy, xé thành nhiều mảnh vụn, thổi bay tung lên:

-Mai là chị em mình lại mỗi đứa một nơi nhỉ. Chị về xứ bò sữa, Hậu sang Lào, Hiền đi Thái du học. Con Nhọn lận đận tít bên Nga còn chả về được. Em ở bên ấy chán rồi em biết, cũng khổ lắm, chỉ vì mưu sinh thôi.

Hiền nhặt về một con tôm, thả vào xô nước. Nhím đứng dậy rũ áo:

-Chị đá thằng Hậu Môn dậy đi. Chiều muộn rồi.

Mấy chị em lụi hụi thu dọn đồ nghề. Cái xô to, con tôm với con cá giếc bơi ép vào đâu, căng mắt tìm không thấy. Nhím bảo:

-Cá này mèo nó cũng không thèm. Phóng sinh béng.

-Có hai con, mình những bốn người, ai được phúc đây?

-Cho mày tất.

Hiền hắt ào xô nước xuống ao. Cơm tôm búng càng tanh tách. Cá

giếc chột loạng quạng bơi nghiêng. Hậu an ủi:

-Mình tuy câu được ít nhưng chủng loại phong phú, cả tôm lẫn cá. Nhím đã chụp ảnh chưa?

Ảnh thì nhiều. Gốc táo. Gốc chuối. Gốc sung. Dưới rặng tre lơ phơ lá... Cái nào cũng tựa gối ôm cần chăm chú, chỉ không thấy cá. Bốn Lã Vọng chờ thời. Bốn Lã Vọng từ cái ao hôm ấy đã bay đi bốn nước... Xa xôi lắm mà lại như rất gần. Thoắt cái đã là tết Nguyên Tiêu. Trăng xuân đêm nay không rực rỡ mà rất dịu. Thắp lên giữa trời bốn ngọn nến. Bốn ngọn cho bốn Lã Vọng đang lênh đênh chân trời góc biển. Câu áo cơm, giật lên may rủi, vui buồn nặng trĩu đầu dây. Lửa nến vươn thẳng. Cứ mải chấn gió, không biết trời đã lặng. Không gian màu ngọc lục bảo trong văn vắt. Nến cháy lách tách nghe như tiếng hạt mầm tách vỏ. Có cái gì lướng vướng chạm vào má. Quệt tay thấy đầm đìa trăng.

Phạm Hải Anh
Amsterdam 11/06/2002

* Thu điếu - Nguyễn Khuyến.

Đã phát hành khắp nơi

những phương trời khác

tuyển tập đoản văn của Bùi Bích Hà

gồm 31 đoản văn bàn về nhiều đề tài nhà văn Bùi Bích Hà viết trong thời gian gần đây.

Cảo Thơm xuất bản, sách dày 296 trang, giá 12 Mỹ kim

Sách hiện đã bày bán ở các hiệu sách.

Collage

(Trầm Cà Mau – Tạo Nhàn, Văn Học số 191)

Nắng cũng hân hoan mưa cũng thú
bão, tuyết hòa mình với cỏ cây
với hoàn cảnh, tạo niềm vui – để
tiếng nhạc reo vui hát mỗi ngày

Đôi khi thoang thoảng hương thơm nhẹ
xuống phố đi tìm một nét tranh
nhắm mắt . lạ kỳ nhân sinh – thấy
cánh khói sương bay nhịp bước hành .

Cầu treo ở sáu mươi

gởi LC, THĐ và các nhâm ngọ

Thêm được nếp nhăn. rụng chòm tóc
hóa ra bị thịt đã bèo nhèo
dòm ai đi dứng. hồn-khô-mộc
mà chút sinh phần ôm nhánh treo

À dương! thì cũng lòa tứ phía
bước ra đường bắc lộn đường nam
hấp háy con mắt. hồng. lạc tía
lác đác phương chiều. hoa. biệt âm

Này đêm chăn. dỗ tình si. ngụ
bờ bợt mê mê hóa mộng liều
nghe đâu móng ngựa ầu ơ. gõ
thức dậy. phong trần. yêu cứ yêu .

Hoàng Xuân Sơn

Thánh ca

Trần Thị Diệu Tâm

Trên phố chợ đông đúc ồn ào của một buổi sáng chủ nhật, tôi gặp Hân.

Nhận ra tôi, Hân mừng rỡ. Tôi mời cô vào một tiệm ăn gần đấy để thăm hỏi. Trước những câu hỏi dồn dập của tôi, Hân chậm rãi trả lời, cho biết:

" Hân vượt biên một mình, ba má còn ở lại bên ấy"

Nước mắt cô ràn rụa chảy ra, cô nói trong nước mắt:

" Cái giá phải trả quá đắt"

Tôi không biết nói gì để an ủi, tận cùng của đau đớn, chỉ nên im lặng chia xẻ thôi. Tôi đưa cô thêm tấm khăn giấy thấm nước mắt.

Sau cùng thì tôi cũng nói được đôi ba câu cho cô an lòng. Đến đây được là mừng rồi. Hãy bỏ qua những đau buồn. Hân còn trẻ,tương lai còn dài. Xứ này là xứ của tự do, cố gắng sẽ thành công. Sau những câu thông thường như thế, tôi bỗng chợt nhớ đến một người. Không biết có nên hỏi thăm không. Hỏi như thế nào.

" Xóm mình, có còn ai đi được qua đây không?"

Hân lắc đầu: "Hân cũng có dò hỏi nhưng chưa biết ai, hiện giờ Hân ở với gia đình người bác. Đang đi học thêm để có việc làm rồi bảo lãnh cho ba má sang, đó là ý nguyện cuối cùng của Hân"

" Đám bạn cũ của mình trong ca đoàn thế nào?"

" Sau khi anh đi thì tình hình căng lắm, họ đâu còn để cho sinh hoạt nữa"

Tôi ngập ngừng hỏi thăm người đàn ông ấy:

"Thế Cha P. ra sao"

Hân cho biết:

"Ông ấy đang chuyên dịch các tác phẩm Anh Pháp ra tiếng Việt để

kiếm sống, cũng tạm ổn."

Hân lảng qua chuyện khác, hỏi thăm tôi đã lập gia đình chưa. Tôi lắc đầu nói bù đầu đi học đi làm thêm trong bao nhiêu năm, bây giờ thong thả thì thấy đời mình đã rêu phong rồi.

" Anh thấy Hân có già đi nhiều không? Hỏi thật đó"

Tôi nhìn Hân cười, làm sao có thể trả lời câu hỏi như thế trước một cô gái có tiếng là xinh đẹp, cô gái ngày xưa mình đã từng say mê trong thầm lặng. So sánh hình ảnh Thúy Hân ngày ấy với bây giờ thì thật là khốn khổ cho tôi. Tôi không dại gì làm cho cô buồn lòng trong lúc này. Người đàn bà nào cũng muốn mình trẻ mãi không già. Có lẽ họ cho rằng chỉ nhan sắc mới có thể làm cho người khác quý trọng mình. Riêng tôi, thấy rằng họ còn đáng quý ở nhiều điểm khác.

Tôi mỉm cười: " Thời gian biến động vừa qua đã giúp Hân hiểu đời sống quý chừng nào, đó là điều quan trọng nhất"

Hân nói: " Lúc này anh nói chuyện hay lắm."

"Vì, tôi không còn sợ Hân nữa"

" Tại sao lại sợ?"

Tôi không trả lời, vì không sợ có nghĩa là không còn yêu.

Trước kia, cô đã không hiểu, thì bây giờ có hiểu cũng vô ích thôi. Đừng tưởng rằng tình yêu có giá trị muôn thu, mãi mãi ngự trị trong mỗi người yêu. Người ta thần thánh hóa nó chỉ một lúc nào đó thôi. Ở một giai đoạn cao độ, người ta có thể nói đến cái chết nếu không được yêu nhau. Sau khi nếm mùi thập tử nhất sinh của chuyến vượt biên, tôi bình thường hóa mọi chuyện trong đời sống. Vượt qua được cái chết, là có thể vượt qua tất cả. Đời sống xuất hiện với tôi cùng với cơ duyên của nó. Không bất ngờ, không biến cố.

Tôi xin địa chỉ và số điện thoại của cô, hẹn sẽ gặp lại.

Trở về nhà, tôi nhớ lại Hân. Không phải Hân bây giờ, mà Thúy Hân ngày ấy. Đó là quãng thời gian sau bảy mươi lăm. Chúng tôi cùng ở chung một xóm. Nhưng trước kia tôi không thể nào làm quen được cô. Hân con nhà giàu, lại xinh đẹp. Nhà cô nuôi con chó bẹc-giê luôn gầm gừ với những tên con trai nào lảng vảng trước cổng. Dù học thuộc lòng những câu nói văn chương bóng bẩy trước khi gặp người đẹp, tiếng sủa hung dữ của nó cũng làm bay mất hồn vía và bay luôn cả lời hay ý đẹp. Tôi là đứa nhát gái, lại nhát luôn cả chó. Làm sao quen được nàng.

Thế mà sau bảy lăm, mọi chuyện đều thay đổi một cách ngược đời, ai cũng biết. Nhờ thế tôi mới được quen Hân. Hân mời tôi vào hát chung với ca đoàn trong họ Đạo của nhà thờ. Tôi trả lời tôi không có đạo, cũng chẳng tin tưởng gì ở Chúa, Đức Mẹ thì làm sao tôi hát nổi những bản

nhạc thánh. Nhưng Hân nói: "Anh cứ vào sinh hoạt và hát chung với nhau, anh sẽ tìm thấy niềm tin ".Tôi bằng lòng, đây là một dịp may cho tôi gần gũi với nàng. Tôi là thằng con trai mới lớn, việc gì phải ràng buộc lôi thôi với Chúa với Phật.

Từ ngày ấy, tôi chăm chỉ đến nhà thờ vào sáng thứ bảy, chủ nhật để đồng ca dưới sự điều khiển của Cha P. Để có thể hát vững nhịp, tôi phải học thuộc lời các bản nhạc. Mẹ tôi lo lắng hỏi: "Này, mày định đi đạo đó hả". Tôi trả lời cho yên lòng mẹ: "Thay vì đi ngồi quán cà phê cho bọn công an để ý, con đi nhà thờ cho được phúc mà".

Sau đó theo lời đề nghị của Cha P. những ngày thường, nếu người nào rảnh xin đến hát giúp lễ buổi sáng vào lúc 5 giờ sáng. Hân là giọng ca nồng cốt của ban nhạc, không thể nào từ chối. Vì thế tôi cũng không thể nào từ chối. Sáng nào tôi cũng dậy từ lúc chuông đổ hồi một, tỉnh táo đến nhà thờ trong lúc mọi người đang say ngủ. Các cụ bà có đạo trong xóm mến phục tôi, họ nghĩ rằng Chúa đã soi sáng cho tôi. Nhưng tôi hiểu hơn họ, nếu không yêu Hân, tôi không phải nhọc công dậy sớm đến thế. Và cũng không có gì hạnh phúc hơn khi tin rằng Hân đang có cảm tình với tôi. Sẽ yêu tôi. Mặc dù tôi chưa hề ngỏ ý, và Hân cũng chưa biểu lộ tình cảm của mình. Vì nàng là một thiếu nữ kín đáo, và cốt cách. Hy vọng nào cũng có khả năng linh dược, nhất là hy vọng được yêu.

Đi nhà thờ sáng chủ nhật, là đi tham dự một lễ hội có tính cách thiêng liêng, lại vừa gặp gỡ nhau. Đây là dịp cho mọi người tìm lại được không khí an lành của những ngày cũ. Nhà thờ không đủ sức chứa, vì không dự liệu sự nẩy mầm của lòng tin tôn giáo đến mức độ mãnh liệt đến thế. Phải đi sớm trước nửa giờ may ra mới có chỗ đứng.

Trong vòm không gian cao cả của giáo đường, ánh sáng chan hòa với mùi trầm hương. Mọi người đang chiêm ngắm, khẩn cầu. Tiếng hát của Thúy Hân từ từ cất cao... lạy thánh nữ Đồng Trinh, xin cho lòng con hoan lạc đón mừng ơn mừng cứu độ từ trời cao... Tiếng hát thần thánh như giòng suối mát tẩy sạch nỗi đau tuyệt vọng. Hình như mọi người trong lúc ấy nín thở để nghe nàng hát. Đức Mẹ đang hiện ra trong lòng mọi người, Thiên Chúa đang ban ơn sủng. Đó là mãnh lực của thánh ca. Mãnh lực của Thúy Hân.

Sau buổi lễ, nhiều cô cậu chờ đón để được gặp mặt người hát làm quen, nhưng Hân luôn luôn tránh đám đông. Sau đấy ca đoàn sinh hoạt chung với nhau, chia xẻ những vui buồn trong nhóm cùng với cha P. Đấy là một linh mục trầm tĩnh, có năng khiếu về âm nhạc. Hân cho tôi biết ít nhiều về Cha, như đã từng du học tại Pháp, Bỉ, và có cả các bằng

cấp về triết học Đông phương. Hân nói Cha muốn thay đổi các nghi thức hành lễ cho phù hợp với phong tục Việt Nam, vì thánh lễ có vẻ Tây Phương quá.Thấy tôi có vẻ quý phục Cha, Hân càng được dịp nói nhiều hơn. Hân biết nhiều chuyện của nhà thờ, trong khi tôi chẳng để ý gì. Không phải vì Hân mà tôi qúy trọng Cha P, cá nhân của Cha đã là điều làm cho người khác tôn trọng. Trước khi được làm linh mục, có lẽ tư cách cá nhân phải được huấn luyện kỹ càng, từng chi tiết nhỏ. Huấn luyện từng câu nói, ánh mắt, một cái bắt tay hay một nụ cười. Đó là một mẫu người phải có khả năng thu hút niềm tin nơi kẻ khác. Bọn trẻ tụi tôi kính trọng là phải.

Có lần một người trong ca đoàn nói đùa: "Cha P đẹp trai, học giỏi đi tu thật uổng quá."

Hân tức thì đáp ngay:

"Phục vụ cho Chúa mà uổng sao?"

Tôi thì nghĩ rằng, nhờ đi tu Cha P mới được trở thành người đàn ông như thế . Nếu không, chắc gì được may mắn đời trọng vọng. Và có người đẹp như Thúy Hân ca tụng đến thế. Nhiều lần tôi mời Hân đi ăn sáng riêng với tôi, nhưng nàng đều từ chối viện cớ này cớ nọ. Tôi cảm thấy sợ và lo lắng.

Sống dưới chế độ cộng sản, ai cũng biết sợ. Người ta sợ cả tiếng chó sủa đêm, như báo hiệu một sự bắt bớ tù đày. Mẹ tôi còn sợ đến cả cái thùng rác. Vì nó có thể nói cho người hàng xóm biết rằng, trong đó có cả mấy cái xương gà. Thỉnh thoảng Mẹ tôi dúi thêm ít tiền còm cho chú đổ rác.Trong vô số các nỗi sợ của mọi người, tôi cũng có nỗi sợ của tôi. Đó là Hân và Cha P . Mỗi lần gặp một trong hai người, tôi không biết phải nói gì cho họ vui lòng, cho đúng với ý muốn của tôi. Một người tôi yêu và một người làm tôi lo lắng.

Cha P là một con người có kiến thức rộng, ăn nói diễn tả mạch lạc chính xác, dáng dấp trang nhã, một người đàn ông lịch duyệt đúng nghĩa. Còn tôi chỉ là một thằng con trai chưa xong bằng cấp đại học. Nói năng thì ấp a ấp úng, chẳng ra làm sao. Khi cần phải nói những lời tình cảm, thì tôi không mở miệng được. Nhất là lúc đứng trước con gái. Có lẽ biết thế, thỉnh thoảng Hân khen tôi có giọng hát trầm ấm. Nhờ vậy tôi bớt mặc cảm, có thêm can đảm tiếp tục hát cho ca đoàn. Có lần khi đứng cạnh để hát chung bè, Hân chê tôi hôi mùi khói thuốc. Tôi bực mình bỏ hát đi ra ngoài. Hân tìm tôi xin lỗi:

"Anh không nên hút thuốc nhiều, có hại"

Tôi định nói: "Nếu em yêu anh, thì anh bỏ hết." Nhưng không dám.

Tôi để ý khi Hân đứng cạnh Cha P tập hát, tôi cắc cớ tự hỏi Hân

cảm thấy mùi vị gì. Mùi đàn ông, hay mùi thần thánh. Thánh thần chắc hẳn chẳng có mùi vị nào vì họ không còn có phái tính .Chỉ có vạn vật chúng sinh đau khổ mới phát sinh ra mùi. Mùi của chất người. Khói thuốc trong tôi, chính là nỗi đau đớn tuyệt vọng của một tình yêu không được đáp trả. Nỗi đau đang âm ỉ cháy. Tôi hút thuốc nhiều, là đốt cháy cho tiêu đi.

Từ đó trong các bản thánh ca tôi gửi gấm chút lòng thành đơn chiếc.

Gần lễ Phục Sinh, ai nấy đều bận rộn. Ca đoàn phải chuẩn bị cho những bản trường ca đặc biệt cho lễ nửa đêm. Tôi bỏ lớp học ở trường vì không muốn nghe mãi giọng điệu lên lớp của một "phó tiến sĩ" ngoài Bắc vô. Về đến nhà, mẹ tôi cho biết có chuyến đi ở Rạch Giá coi bộ chắc chắn. Tôi ngán ngẩm, lần nào cũng hụt, chạy trối chết. Tôi gật đầu vâng dạ cho mẹ vui lòng. Mẹ nói: lui tới nhà thờ nhiều coi chừng, tụi nó không ưa gì Chúa Phật đâu, đừng dại, chỉ khổ thân mẹ thôi.

Tôi ra khỏi nhà, nghĩ đến Hân, đến rủ nàng qua cha P tập hát. Nhưng Hân không có nhà. Tôi đi thẳng đến nhà thờ. Không có Hân ở đấy.

Tôi châm rãi băng qua lối đi ngôi vườn nhỏ, nơi ấy có phòng sinh hoạt của ca đoàn. Ngôi vườn có bóng cây tỏa mát, vài bụi hoa tường vi dại leo quanh bức tượng của Thánh Nữ. Bức tượng có vẻ buồn bã hơn mọi ngày, không ai còn chăm sóc ngôi vườn nữa. Mọi thứ đều hoang phế . Cỏ dại cũng sợ không dám mọc. Trong sự hoang vắng chạng vạng buổi chiều, tôi thấm thía một nỗi buồn, u uất và mịt mù. Tôi chỉ mong có một người để tâm sự.

Tôi nghe tiếng đàn dương cầm trỗi lên rất nhẹ nhàng, bản "Chúa đã sống lại ", tiếng đàn dịu xuống để nhường cho giọng hát cất lên. Hân đang hát .Tôi yêu tiếng hát ấy biết là bao!

Tôi dừng lại, Hân đang tập hát trong căn phòng có khung cửa sổ mở toang. Tiếng nhạc quấn theo tiếng hát reo vui hớn hở. Qua tấm màn mỏng màu trắng, tôi thấy Hân đứng cạnh chiếc dương cầm. Cha P đang chăm chú dạo các phím nhạc. Hân mặc chiếc áo dài trắng, dáng người thanh thoát, hiện ra trước mắt tôi như hình ảnh một thiên thần. Thiên thần đang ngợi ca vũ trụ vừa tái sinh. Vũ trụ ấy chỉ có hai người, người đàn và người hát.

Tôi đứng như thế mà không biết đã bao lâu, chỉ sợ một chút động đậy của mình sẽ làm tan biến khung ảnh kỳ diệu ấy.Và đồng thời, tôi hiểu, tại sao Thúy Hân hát hay đến thế. Nàng chỉ hát cho một người, với một người.

Cùng lúc ấy tôi thấy mình thật là tầm thường tồi tệ, không một

chút xứng đáng nào với hy vọng có Hân.

Tôi từ chối góp giọng hát cho ca đoàn vào đêm lễ Phục Sinh. Tôi nói cho Hân biết là đang chờ người ta đưa đi. Nhưng thật ra, đêm ấy tôi đứng chen lẫn phía dưới đám đông giáo dân, để nghe nàng hát. Đêm phục sinh mà lòng tôi lại chết đi.Và khi bắt gặp chiếc thánh giá trên cao, hình tượng ông Giêsu đang nhìn tôi âu yếm. Tôi tin chắc rằng trong đời ông ấy, cũng đã đôi lần cảm thấy tuyệt vọng và lẻ loi.

Sau thánh lễ , tôi đi bộ về nhà một mình trong đêm, lòng thanh thản, thấy thật là dễ chịu khi biết chấp nhận.

Và chuyến đi về Rạch Giá thành công . Tôi xa rời kỷ niệm, bắt đầu tái sinh sự sống ở miền đất không có ám ảnh.

Lâu lắm, tôi mới nhận lại tin tức của Hân, cô cho biết đã xin được việc làm tốt. Cô nói thêm: ông P sắp qua đây, gia đình bảo lãnh, thế nào cũng đến thăm anh.

Tuy hứa như thế mà chẳng thấy cô dẫn "ông P" đến thăm tôi. Và sau đó thì cô gọi đến, bất ngờ báo tin vui:

"Hân xin mời anh đến dự đám cưới nhé, chỉ tổ chức đơn sơ thôi, em sẽ gửi giấy mời anh"

Tôi ngạc nhiên:

" Sao giỏi thế, chắc chắn sẽ đến chia vui, nhưng ông nào ở đây? "

Hân cười vang trong điện thoại:

"Không ai xa lạ gì với anh, ông P mà."

Tôi giật mình, nhưng bình tĩnh lại ngay:

"Thế thì nhất rồi, ông ấy là người hiếm có trên cuộc đời trần tục này."

Hân giải thích:

" Anh ấy đã xin được phép của tòa thánh lúc ở Việt Nam, không còn là linh mục nữa, chắc anh ngạc nhiên lắm phải không?"

Tôi trả lời chậm rãi để tỏ cho Hân biết tôi không ngạc nhiên:

"Hân và ông ấy đã khéo léo sắp đặt đoạn cuối một câu chuyện tình tuyệt đẹp."

Hân cho biết:

" Chúa muốn con người hạnh phúc, nhưng loài người hay đặt ra những lề luật khắc khe."

Lời của ông P trong giọng nói của Hân. Một người ly dị để lấy một người khác. Chuyện bình thường, dù là ly dị với thần linh.

"Hân nhờ anh đến làm người chứng trên giấy tờ nhé"

Tôi đồng ý. Tôi là người làm chứng sự ngay lành của tình yêu hai người. Mọi chuyện không có gì đáng ngạc nhiên, bất ngờ. Đó không

phải là một biến cố, phải xảy ra như thế thôi. Tôi mong ước Hân sẽ còn tìm thấy hạnh phúc trong thánh vịnh lời ca, dù rằng cuộc sống có khi chỉ là bài ca đứt ruột.

Một hôm, lái xe ngang qua một ngôi nhà thờ nhỏ, trông có vẻ tiêu điều vì hoang vắng, ngôi nhà thờ gợi lại ký ức cũ. Tôi dừng xe, đi bộ vào trong. Không gian lạnh, không một bóng người, tôi ngồi giữa những hàng ghế trống không. Những thần tượng trên kia trông thật lẻ loi, họ đứng đấy chờ những con người đau khổ tới van xin một chút may mắn. Nhưng chính họ, lại là những người đau khổ nhất lúc ở cõi trần này.

Từ lúc qua đến đây, tôi gạt ra ngoài hết những tình cảm vớ vẩn có thể làm xao lãng công việc học hành, sống như một người vô tâm vô cảm, để tiến thân vào xã hội mới. Nay bỗng dưng, khi nhìn thấy ngôi nhà thờ nhỏ bé này, một chút vương vấn nào đó. Nơi đây có lẽ ít giáo dân lui tới, đèn nến cũng lù mù, không đủ thắp sáng một lời cầu xin. Những hình tượng trên kia đang nhìn xuống, chờ đợi gì, tôi không biết, nhưng trông người nào cũng buồn bã lạ thường.

Trong buổi chiều chạng vạng nơi đây, tôi nghe tiếng hát của Hân từ ngày nào... xin cho con được mến yêu và phụng sự Chúa...

Trong nỗi tiêu điều của thần linh, có nỗi tiêu điều của tôi.

Trần Thị Diệu Tâm

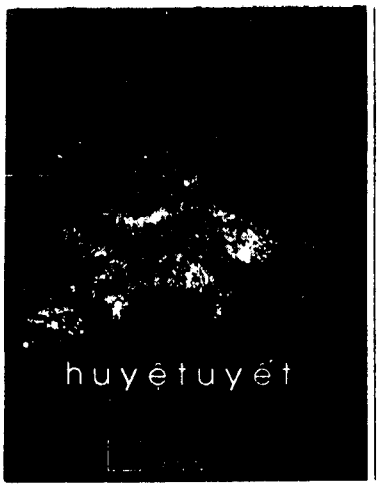

VÕ ĐÌNH
huyệt tuyết
10 truyện - 10 chuyện

Giá 12MK

VĂN NGHỆ

Say sóng

Thùy Dương

(truyện ngắn, tiếp theo kỳ trước)

Những ngày tiếp sau qua như giấc mơ. Cứ đêm xuống, tôi thầm đếm còn lại bao nhiêu ngày trên đảo.

Hôm nay, ngày cuối cùng. Đêm qua, cả bọn ngồi quanh bếp lửa nướng cá. Đứa nào cũng tiếc sẽ phải quay về thành phố. Hương ngâm nga bài thơ gì "đất lạ", "đất quen" nghe hợp cảnh lắm. Xasa cũng tham dự đêm nướng cá dù anh nhất quyết không chịu ăn để bảo vệ cho "luận chứng" rằng cá vùng này "không an toàn thực phẩm". Chúng tôi đã chứng minh hẳn trên cơ thể sống của mình rằng không những cá mà cả nghêu, sò, ốc, hến... vùng này đều "tốt bụng" hết. Còn di hại về sau ư? Dân lân cận vùng nổ hạt nhân Trernobul còn chưa thấy, huống hồ nồi cháo trai ngọt lịm này (!). Xasa bảo, chúng tôi ngày mai sẽ làm cuộc du ngoạn sang bờ sông Vàng. Vàng hả? Đứa nào, đứa nấy đã muốn thành những nhà đào vàng xứ Alatxca ngay.

- Không phải có vàng mà bờ sông đó hướng Tây, chiều xuống mặt trời chiếu vàng rực. Ở đó bãi tắm như ở biển.Các bạn sẽ thấy tuyệt lắm. Ngày mai đi muộn hơn bình thường nhưng chúng ta mang theo đồ ăn, chiều mới về.

Cả bọn vỗ tay tán thưởng dự định hấp dẫn của Xasa.

Sau khi ăn sáng, chuẩn bị đồ ăn, chúng tôi nai nịt gọn ghẽ lên đường. Tôi mặc chiếc quần bò màu mận chín tự tạo từ chiếc quần bò cũ xin được của mấy người năm trên. Tôi cắt ống tua rua, khâu hai chiếc túi bên đùi rất chi là "hầm hố". Chiếc áo kẻ carô xanh nhạt của con trai mua từ đầu kỳ thực tập trong cửa hàng thiếu nhi được tôi buộc túm hai vạt trước bụng rất bụi bặm. Ba đứa con gái ra tới nơi đã thấy Xasa và lũ con trai đứng kiểm tra thuyền. Thấy đông đủ, Xasa phát lệnh:

- Chúng ta đi bằng thuyền khoảng hai giờ dọc theo bờ sông. Chú ý đừng để thuyền xa bờ quá, gặp xoáy ngầm nguy hiểm. Mỗi thuyền đều phải có phao phòng dự. Tôi đi trước, mọi người theo tôi. Nào... khởi hành!

Bốn chiếc thuyền được bọn con trai kéo ra. Chúng hét váng:

- Cô nảo, cô nao, có phải vợ tao... chui vào thuyến nhá!

Tôi còn cắm cúi cởi giầy để lội ra, Xasa đứng trên thuyền gọi với:

- An lại đây nhanh, đi cùng tôi.

Tôi ngần ngừ rồi vung vẩy chạy ào xuống nước về phía anh để sau lưng tiếng léo nhéo trêu ghẹo của lũ con trai. Bọn quỷ đó không buông tha. Chúng cho thuyền chạy sát chọc tôi kiểu cải lương:

- An ơi, sao nỡ bỏ quê hương mà theo "ngoại bang" zậy?

Tôi nóng mặt, quay lại hươ hươ nắm đấm về phía chúng. Xasa không hiểu:

- Mọi người đùa gì vui thế An?

- Không có gì đâu – tôi chối – à, Xasa bảo mọi người đua thuyền nhé, xem ai đi nhanh hơn.

- Hay đấy, đằng nào đường tới đó cũng còn xa.

Anh đứng lên vẫy mấy thuyền lại gần:

- Đường đi sẽ dọc theo bờ này cho tới chỗ xanh mờ kia. Bây giờ bốn thuyền đua nhau xem ai chèo nhanh hơn. Đồng ý đua không?

Cả lũ hú lên như bầy người da đỏ sắp xông trận. Tôi cũng ngồi xuống ngay ngắn, tay cầm hai mái chèo mà chưa biết sẽ chèo ra sao.

- Bắt đầu! Xasa hô lên.

Tôi luống cuống khua loạn xị. Xasa cúi lên, cúi xuống nhịp nhàng. Con thuyền tiến lên vun vút. Bên cạnh, thuyền của bọn chúng cũng không thua. Hằng ngồi trong thuyền của hai tên con trai. Nó hò hét rất điệu nghệ. Tóc nó dài, bay theo gió rất tạo dáng. Tôi buồn rầu so sánh với mái tóc ngắn tủn, đâm xỉa lia tia của tôi. Cái Hương đang chèo thuyền. Nó buộc chiếc khăn đỏ lên đầu, mang cặp kính đen như nghệ sĩ. Tôi vẫn phục hai đứa đó về khoản chịu khó ăn mặc chứ đâu như tôi. Suốt đời quần bò, áo phông, đi lại chẳng bao giờ khoan thai. Thảo nào, bọn con trai bảo tôi giống "thằng nhóc" hơn giống con gái. Tôi mải nghĩ lung tung nên không nghe thấy tiếng Xasa:

- An...An... nghĩ gì mà khua nước ngược chiều thế. Muốn thua sao?

Tôi nhìn anh. Xasa nheo mắt nhìn tôi. Tôi chợt bật hỏi:

- Xasa này, anh thấy tôi giống con trai không?

Xasa hơi ngạc nhiên nhìn tôi rồi cúi xuống chèo tiếp. Tôi chờ anh.

- An thích giống con trai à?

Sao tôi ghét kiểu trả lời bằng câu hỏi đến thế!

- Thích thì sao? Tôi cũng không thua.

- Thì cứ làm như mình thích, miễn là vui thôi. Giọng anh hiền hòa chẳng khiêu khích như tôi.

- Nhưng... là con gái vẫn... vẫn đẹp hơn, như Hằng và Hương đó.

Xasa lại im lặng nhưng anh mủm mỉm cười.

Sao tôi cũng ghét luôn cái kiểu cười khó hiểu đó quá!

Tôi làm thinh, bỏ mái chèo, ngồi chống tay nhìn ra xa. Nắng đã lên cao, khá chói chang. Tôi cúi sát mặt nước, vốc nước hất lên mặt. Nước mát rượi chảy đầy mặt, tràn xuống cổ, bò trong áo nghe nhồn nhột. Tôi thích thú vốc một vốc lớn thả lên đầu cho chảy túa xuống người. Tôi khẽ cười mà không nhận ra Xasa dừng tay chèo đang nhìn mình. Gặp ánh mắt anh tôi vội ngồi lại ngay ngắn. " Sắp lại bị sửa gáy đây" tôi chờ. Anh vẫn nhìn tôi. Khó hiểu, tôi lắc lư đầu, mấy giọt nước trên tóc chảy xuống môi mát mát, tôi lè lưỡi kéo giọt nước vào miệng. "Mình có bị nhọ mặt đâu mà hắn nhìn gớm thế nhỉ". Nghĩ thế nhưng tôi vẫn cẩn thận nhìn lại. Chẳng có gì đặc biệt ngoài chiếc áo sơmi bị nước ướt cứ dính vào da tôi. Tôi kéo vạt áo lên lau mặt:

- Xasa, anh nhìn gì mà như thấy quỷ hiện lên thế?

Xasa bối rối. Anh cúi chèo tiếp. Hình như trong mắt anh có điều gì lạ lạ.

Thuyền chúng tôi tụt sau thuyền khác nhưng chỉ lúc sau chúng tôi đuổi kịp. Bọn chúng mỏi tay quá nên thả cho thuyền trôi. Khoảng rừng xanh đã thấy gần hơn. Xasa đưa ống nhòm lên nhìn rồi đưa tôi.

- An nhìn theo hướng kia kìa. Thấy bờ bên không?

- Có, thấy rồi. Ôi, Xasa, sao cây đổ nghiêng xuống dòng sông vậy?

- Đó là bên lở của dòng sông. Trước đây, đảo đó cũng lớn như đảo mình ở. Mỗi mùa nước qua đi, đảo lại sụt lở một khúc. Xưa rừng cây đó ở mãi trong đảo. Giờ nước ăn đến nửa rừng rồi.

- Nghĩa là lúc nào đó sẽ không còn rừng nữa, sẽ không còn đảo đó nữa?

- Có thể. Môi trường, địa chất thay đổi không ngừng nhất là khi ảnh hưởng của dòng chảy qua...

- Có thể, ngày nào đó... cả đảo mình cũng bị dòng sông cuốn đi sao? Tôi thắt lòng khi nghĩ đến chuyện đó.

- Cũng có thể... điều đó sẽ sảy ra... Nhưng đồng thời, sẽ xuất hiện những cồn cát mới, lớn dần thành đảo mới, sẽ rộng không kém những cái mất đi. Luật chuyển hóa mà An. Quy luật thiên nhiên sao tránh được.

- Nhưng An không muốn sự mất đi đó. Nó phũ phàng quá... Tôi buồn bã đến mềm lòng.

- An nhớ bài hát An viết cho tôi không? "Cát bụi lại trở về cát bụi". Đảo từ hạt cát hợp nhau mà thành, ngày nào đó lại trở về hạt cát , lại lăn lóc trong dòng sông, hy vọng tìm cho mình một cồn cát giữa dòng để dừng bước...

Tôi chợt nhận ra nơi khóe mắt mình có giọt nước nóng tràn xuống má. Tôi quay nhanh đi giấu Xasa. Nghe trong gió có tiếng anh thoảng nhẹ:

- An... An... nghe tôi này...

Tôi quyệt nhanh đuôi mắt, quay nhìn anh.

- An nghe bài hát " Tất cả sẽ qua đi" chưa?

- Có, An nghe mấy lần, Alla Pugachôpva hát hay lắm.

- An còn nhớ đoạn điệp khúc không?

"Rồi một ngày tất cả sẽ qua đi
Cả ánh sáng cuối cùng nơi dương gian
sẽ về nơi vô tận
Cả nỗi buồn cả bao niềm hạnh phúc
tới một ngày cũng lặng lẽ bỏ đi
Nhưng... ta vẫn hát về niềm tin vĩnh cửu
rằng tình yêu sẽ tồn tại muôn đời
chỉ tình yêu vượt ra ngoài quy luật..."

Anh hát khẽ. Tiếng anh hay tiếng sóng đang vỗ về tôi mà ngọt ngào đến thế.

- An, An tin không?

- Sự vĩnh cửu?

- Tình yêu?

Tôi nuốt một nhịp sóng trong lòng.

- Có, An tin, tình yêu vĩnh cửu nếu...

- Sao lại nếu?

- Nếu... nếu thực sự có tình yêu.

- An không tin có tình yêu?

- An... An không biết nữa. An... An chưa có yêu ai.

Tôi tránh ánh nhìn của anh, quay ra sông. Con sóng ngoài lăn tăn mà lòng tôi ngập sóng ngả nghiêng. Tôi cảm giác cái nhìn của anh đang xoay quanh tôi. Không cưỡng nổi, tôi quay lại. Cặp mắt xanh lơ sao vô định và buồn thế. Tại sao? Con sóng lại quấn lấy tôi. Tôi trôi bồng bềnh

trong nỗi buồn hư ảo mất anh. Hình như tôi say sóng...

Bốn con thuyền cập bến Vàng khi nắng đã hong cát nóng bỏng. Chúng tôi kéo thuyền lên bờ rồi lăn quay ra bụi cây nằm nghỉ. Bọn con trai chèo thuyền lâu mỏi tay kêu trời. Ba đứa con gái lọ mọ kéo tấm vải mang theo, trải ra làm bàn ăn. Đồ ăn chẳng có gì ngoài bánh mỳ và đồ hộp. May còn túi táo hôm kia ông lái tầu tốt bụng ghé qua cho. Một bình nước lớn nấu từ hoa bạch dương kiểu Nga. Xasa bỏ đi đâu một hồi về rủ mấy đứa con trai:

- Tôi tìm thấy một cái đầm bé mà nhiều cá lắm. Mình đi bắt về, kiếm củi nướng. Mấy cô gái ở lại nghỉ ngơi.

Bọn con trai vội vàng vác vợt theo Xasa. Ba đứa ở lại nằm ngắm trời. Tôi thấy buồn buồn rủ bọn nó đi dọc bãi cát xem có gì hay mà chúng không đi. Tôi ngắt cành lá che đầu đi lang thang. Bãi cát vô vàn sỏi. Nhiều viên trắng tròn nhẵn nhụi, có đường vân khá đẹp. Tôi nhẩn nhơ nhặt đầy hai tay. Chán lại ném xuống dòng sông. Sóng lớn, đánh vào bờ tung bọt trắng chứ không lăn tăn hiền hòa như mạn bên kia. Tôi đi tới chỗ gấp khúc của bãi, gặp một sườn đồi lở. Rễ cây trồi ra tàn khốc. Cách bờ một khoảng, nơi gặp nhau của hai dòng chảy, rõ những xoáy nước hun hút lao vào bờ. Tiếng nước đập vô bờ như tiếng gào không ngớt. Tôi mải mê chìm đắm trong cuồng loạn của dòng sông. Dường như con sông đang muốn bứt hết từng viên đá, từng mảng đất để cuốn chúng vào lòng. Đất lặng yên, cam chịu, chỉ có tiếng thông vi vút hòa cùng cành lá sồi lao xao... Cảm giác không bình yên trong tôi. Tôi tự hỏi "Sao bên kia êm ả, hiền hòa mà ở đây sục sôi, dữ dội thế này. Phải chăng sự êm ả kia chỉ là tạm thời, là chứa ẩn cơn xoáy nước sẽ tới một ngày...". Tiếng gọi vang vẳng đằng sau bứt tôi khỏi những ý nghĩ không vui. Tôi quay về. Tiếng sóng gào xa dần, dường như cơn ác mộng vừa qua.

Bọn con trai và Xasa vác về lưng xô cá đủ loại. Bọn chúng trầm trồ:

- Cá nhiều kinh khủng. Ở Việt nam chẳng có chỗ nào nhiều cá như thế...

Xasa cầm một bó lá xanh mướt.

- Lá này chua chua, ăn như xalat.

Anh giải thích, đưa tôi bó lá đi rửa.

Lửa được nhóm lên. Mấy con cá xiên chờ than nướng. Mặt trời chiếu hắt khắp mặt sông và bờ cát. Quả là vàng rực. Đến những đám cây xanh rì cũng như bị nhuốm vàng.

Tôi rủ:

- Dân tình ơi, đi tắm thôi. Đằng nào củi còn đang cháy, chưa có

than.

- Đúng là con gái mà ham chơi – thằng Long chọc tôi – có ế chồng sớm.

- Ế đến già còn hơn lấy dạng con trai lắm lời. Tôi trả đũa.

May sao cái Hằng và Hương hôm nay theo phe tôi.

- Đúng rồi, lắm lời thế thì cho ngồi trông cá trên bờ.

Tôi nhảy chân sáo đi thay đồ tắm.

Nước ấm áp. Sóng dềnh qua, dềnh lại nâng người nhẹ bẫng. Chúng tôi đứng thành vòng chơi bóng ném. Tiếng cười đùa đánh thức cả khoảng rừng, họa hoằn lắm mới có bước chân người.

Xasa ngồi trên bờ mải ghi chép những số liệu anh vừa đo được trong mấy vùng đi qua. Tôi rón rén tới sau lưng anh với vốc nước trong bàn tay. Tôi đổ ào vào cổ áo anh rồi chạy vụt đi. Xasa giật mình đứng bật dậy. Thấy tôi đang cười khoái chí, anh bỏ cuốn sách xuống đuổi theo tôi. Tôi cắm đầu chạy xuống nước, tưởng anh đang mặc đồ dài không theo được. Ai dè, cứ nguyên bộ trên người Xasa lao theo tôi xuống nước. Chạy được đoạn, nước đã tới ngang vai. Tôi quay trước quay sau không biết làm sao vì đâu có biết bơi để ra xa hơn. Nhìn không thấy anh, tôi đã tưởng thoát. Bỗng ùm, tôi bị kéo tuột xuống nước. Nước tràn vào mũi, tôi hoảng hốt quẫy lung tung. Vừa nhô lên đã thấy khuôn mặt anh kề sát. Tôi cố vùng chạy nhưng bị anh kéo vai trở lại.

- Á... à... trêu người khác mà tưởng thoát hả!

Tôi nhìn xung quanh tìm đồng minh nhưng cái Hằng, Hương đang tít trên bờ phơi nắng. Tôi lại giở bài "khổ nhục kế" cũ rích:

- Ái, ái con gì cắn chân đau quá.

- Đâu đâu, cắn chỗ nào?

Xasa vòng tay ôm lấy tôi vừa khua tìm chân tôi. Tôi cuống quýt đẩy anh ra:

- Hết rồi, không cắn nữa rồi.

- Há há... lần này không lừa được "thầy" nhé! Xasa cười "hết cỡ" vì bắt nọn được tôi.

Tôi líu ríu không biết làm sao thoát khỏi vòng tay anh. Mặt chúng tôi gần tới mức có thể chạm vào nhau. Tôi run rẩy vì một mong muốn tự dưng đến. Tôi thèm dựa vào vai anh để được trôi lan man trong điệu tango trên sông làm sao. Tôi rụt rè nhìn anh. Màu xanh mắt anh hay mầu trời? Tôi mất trọng lượng trong vòng tay anh, chìm nghỉm vào vô định của đôi mắt đang đắm đuối nhìn tôi. Một giây trôi qua... hơi thở của anh thật gần. Tôi run bắn từng sợi dây thần kinh. Chờ đợi... bỏ chạy... tôi không còn phản ứng nổi. Chợt một ngọn sóng lớn ở đâu ập xuống làm

cả hai choàng tỉnh. Tôi ho sặc sụa, anh cũng vậy và chẳng ai bảo ai, chúng tôi phá lên cười. Cười vô tư như những đứa trẻ vừa khám phá ra một trò chơi mới mẻ, hấp dẫn.

Chiều bắt đầu xuống. Nắng vàng đậm tươi lên dải sông như người họa sĩ đang quét sơn màu óng ả cho bức tranh. Chẳng đứa nào muốn về. Hương cất giọng thi sĩ:

- Có những nơi mình chỉ một lần trong đời đi qua để mãi trở thành ký ức, mãi như luyến tiếc cho một sự mất mát nào đó không cưỡng được.

Tôi chống gối nghe nó nói. Năm tên con trai cũng trở nên lạ lùng. Mỗi đứa ngồi một chỗ mơ màng ngắm dòng sông. Có Hằng cứng rắn hơn cả. Nó lặng lẽ dọn đồ. Gió chiều thổi ngang bãi kéo theo những chiếc lá khô bay vu vơ.

Để con đường về không nhàm chán, Xasa dắt chúng tôi đi một đường mới.

- Đường này qua một quãng đầm rất đẹp. Nhất là khi hoàng hôn xuống. Tôi tới đó nhiều lần mà lần nào cũng thấy say mê.

Bốn chiếc thuyền len lách đám lau sậy trên đầm tiến đi. Mặt đầm vô số hoa. Tôi khua khoắng được một ôm. Bọn tôi lại cười đùa ầm ĩ. Những đàn chim giật mình hoảng loạn bay lên nháo nhác. Dáng chúng in trên nền trời vàng suộm đẹp như cảnh vùng Amazon. Giữa đầm có khoảng nước rộng trong vắt, nhìn tới đáy. Chúng tôi dừng thuyền lại nghỉ. Tôi nằm vắt người trên thuyền, chân đu đẩy, mắt nhìn những đám mây lờ lững trôi về phía chân trời. Xasa có vẻ ít nói hơn trên đường về. Thỉnh thoảng, anh nhìn tôi lặng lẽ đến khó hiểu. Còn tôi đã vui vẻ lại và như con nhắng, trêu trọc hết người này, người kia. Lúc này, cái Hằng mới rút ra chai rượu vang nó mang theo định để cả hội uống trên bãi tắm nhưng khi đó ai cũng đói sau khi bơi, chúi vào ăn quên cả uống. Nó dõng dạc tuyên bố rất chủ tọa:

- Đây là chai rượu uống chia tay với đảo. Mấy khi được uống rượu cùng nhau giữa đầm, không bàn ghế, không cốc ly. Chúng ta chuyền nhau uống cho thân thiết, từ thuyền này qua thuyền kia.

Tôi ngồi bật dậy làm thuyền chao điên đảo:

- Xứng đáng làm thủ lĩnh khoa Sinh! Ura (hoan hô) Hằng! Hằng muôn năm!

Hằng nhìn tôi, lườm rất đàn chị:

- Chỉ được cái nhí nhố!

Xasa đón chai rượu Hằng đưa, rút dao mở. Tôi hấp háy mắt nhìn. Chẳng phải vì tôi thèm khát gì cái thứ đắng chát đó mà tính tôi thích

những gì... ấn tượng. Kiểu như, nếu tôi mà biết bơi, chắc tôi phải nhảy tùm xuống đầm một cái cho... ấn tượng hẳn (!). May mà tôi xuống nước là chìm như cục đá nên không thể... bốc đến thế được thôi.

Chai rượu chuyển qua, chuyển lại giữa các thuyền. Thuyền láng qua, láng lại xao động mặt nước. Mùi rượu thơm ngan ngát. Sau mấy ngụm dù chưa thấm chút men nào nhưng hình như ai cũng lơ mơ hơn trong cảnh sắc hoàng hôn đang tan dần trên từng chòm lá, ngọn lau. Chẳng đứa nào nghĩ tới ngày mai phải xa nơi này nữa. Dường như chúng tôi sẽ ở lại đây mãi cùng thiên nhiên, cùng tình cảm bạn bè thân thiết không chút uẩn khúc, u mờ.

Thuyền chúng tôi nối đuôi nhau về đảo dưới ánh sáng những ngôi sao. Xasa nhẩn nhơ lúc khua chèo, lúc thả cho thuyền trôi. Tôi chẳng nhớ mình luyên thuyên những gì sau mấy ngụm vang. Chắc không thể thiếu những ý tưởng ngông cuồng và tràng diễn thuyết về bóng đá ắt mọi người. Bọn con trai được thể khích bác tôi. Tôi dóng dả:

- Tối mai ta được về xem bóng đá rồi. Không phải ngồi trên hòn đảo tối tăm, hoang dã này nữa. Trời ạ, một ngày hai trận bóng xem no nê luôn...

Tôi còn nhấng nhố nói gì chẳng để ý đến ai. Đến mức cái Hương phải la lớn:

- Bà ơi, bà nói hết phần người khác rồi. Hỏi xem Xasa có ù tai vì bà không?

Tôi lè lưỡi nhìn anh. Xasa đang mân mê đan dây hoa từ đống hoa tôi vơ được trong đầm. Anh cười hiền lành với tôi đến nỗi cái Hương không còn có thể mắng tôi thêm được nữa. Tôi chuyển giọng "thỏ non":

- Xasa, anh đan đẹp quá. Sao anh khéo tay thế! Dạy An đan với!

- Sao? Tưởng An chỉ thích xem đá bóng thôi chứ hoa lá gì?

- Hoa lá là chuyện khác chứ -Tôi kéo tay anh- Xasa tức An chuyện gì vậy?

- Tức An chê đảo này tăm tối, hoang dã.

- Tôi... -Tôi tìm cách bao biện- nói chơi thôi An yêu đảo lắm, Xasa biết mà.

- Làm sao tôi biết. Xasa vẫn nói bằng giọng "lơ lơ".

Trời tối mờ mờ. Tôi chẳng nhìn rõ mặt anh để coi anh có đang trêu tôi không mà còn biết đường chèo chống. Tôi ầm ừ rồi nói chắc chắn như thề:

- Thật chứ, An chỉ muốn được ngồi cả đêm trên thuyền này, tới khi nào tàu tới đón về thành phố mới đi thôi!

Xasa bật cười:

- Khoác lác có hạng!

- Tôi không nói khoác mà. Tôi ngồi đây ai lôi cũng không đi nhé!

Tôi vênh mặt vẻ ngang tàng. Chưa đủ, tôi lấy tay làm loa gọi bọn đi trước:

- Ê... ê... Tao không về đâu, tao đi chơi tiếp đây.

- An ơi, mày say sóng hay say rượu thế? Tụi nó hét trêu tôi.

- Cả hai! Tôi gào lại.

Tiếng cười nói của bọn chúng xa xa lẫn vào tiếng sóng.

- Thấy chưa!

- Thấy rồi! Tôi khẳng định An mang 70% kiểu gen con trai!

- À há... 30% còn lại?

- Thể hiện ở kiểu hình.

- Làm sao?

- Phải xem đã!

Tôi biết mình bị mắc lỡm Xasa nên đành im lặng lờ đi. Trời tối dần. Trăng chưa lên. Gió hình như lặng hơn. Không khí có vẻ nằng nặng. Tôi hỏi:

- Sao trời có vẻ khang khác đúng không Xasa?

- Mai sẽ mưa.

- Nhưng có nhiều sao thế kia, sẽ nắng chứ?

- Có cả mưa, cả nắng.

- Mà quan trọng gì. Mai cũng về thành phố rồi.

- An muốn về đó lắm à? Giọng anh chợt buồn.

- Không phải... nghĩa là, mình không còn đây thì mưa có ảnh hưởng gì đâu. An muốn nói thế. Còn anh?

- Tôi không biết. Ừ mà quan trọng gì.

- Xasa, đôi khi tôi cảm thấy anh rất cởi mở, có khi lại xa cách làm sao ấy?

Tôi nhìn anh. Anh dấu tôi tiếng thở nhè nhẹ.

- Tại sao? Tôi hỏi tự nhiên không giấu diếm suy nghĩ của mình.

- An này, để tôi đeo thử vòng hoa này cho An xem đẹp không nhé!

Anh vươn tay choàng vòng hoa lên đầu tôi. Tôi lắc lư làm bộ.

- Giống công chúa không?

- Công chúa "Mắt huyền".

Tôi thầm nhủ "tất nhiên rồi, làm sao mắt tôi xanh như mắt anh được". Tôi chợt nhận ra giữa chúng tôi là sự khác biệt. Sự khác biệt mà tôi quên bẵng do những ngày qua, chúng tôi sống quá thân thiết. Tôi chẳng còn nhớ giữa anh và tôi là hai nền văn hoá, hai quan niệm về cuộc sống khác nhau. Ừ thì chúng tôi đã có lúc tự cảm thấy gần lắm

nhưng... có lẽ sóng đẩy chúng tôi vào phía nhau thôi. Biết đâu khi trở về thành phố, anh quay về với môi trường của anh, tôi có cuộc sống, mối quan tâm của tôi... sóng sẽ tan. Ý nghĩ đó bỗng vỡ òa trong tôi một nỗi buồn. Chẳng nhẽ mọi điều sẽ qua đi đơn giản thế sao? Tôi không muốn. Hình như tôi chưa bao giờ buồn như bây giờ. Tôi thuộc chíp người "ngọ ngậy". Buồn thì kiếm việc gì làm, hoặc đi phá người khác là hết buồn. Giờ tôi bất lực với nỗi lòng mình. Tôi nhìn ra dòng sông nơi có ngàn ánh sáng lung linh. Thành phố tôi phía đó, thành phố đó có cả Xasa nhưng hình như sẽ khác, sẽ không là anh, không là tôi nữa.

Thuyền bỗng khựng lại, tôi giật mình vội bám vào mạn thuyền. Nhìn lên bờ, đâu đã tới nhà? Tôi ngạc nhiên thấy anh bước xuống nước. Tôi ngồi im. Anh tiến lại phía tôi. Nước hất lên ướt hai vạt áo. Nắm bàn tay tôi đang bám vào thuyền, anh nhẹ nhàng ấp trong lòng bàn tay mình. Rất chậm, anh đưa lên môi khẽ hôn âu yếm. Tôi bần thần, im lặng soi mình trong đôi mắt anh. Tôi cảm nhận làn môi run run của anh. Còn anh, anh đọc được luồng điện đang chạy suốt người tôi. Mạnh mẽ, anh bế tôi lên, đưa tôi ra khỏi thuyền. Tôi nghe tiếng thở của anh, tiếng thở của tôi, tiếng nước sóng sánh quấn quanh chúng tôi. Bầu trời xa tít, nhập nhòa sao làm nền cho khuôn mặt thân yêu của anh. Nước cao dần chạm vào tôi. Nước bao bọc chúng tôi. Mát lạnh và dịu dàng quá. Bồng bềnh như một giấc mơ. Tôi vòng tay ôm cổ anh. Anh hay dòng sông đang nâng tôi lên để bờ môi ướt mềm của anh và tôi quấn lấy nhau. Tôi tan vào nụ hôn đầu đời giữa mênh mông sóng gọi. Những sợi râu cọ vào má, cằm ram ráp kích thích lạ kỳ. Tôi khẽ khàng, tự nguyện áp tấm thân trinh nữ vào anh. Từng tế bào trên cơ thể tôi chợt như bừng nở dưới bàn tay mơn man, run rẩy...

Tiếng còi tàu phá tan bầu không gian lạnh lẽo của buổi sáng mưa trên đảo. Cả bọn giục nhau dậy. Tôi cố nằm lại mấy phút để hưởng nốt vị thơm nồng của căn nhà gỗ. Vậy là phải xa rồi. Mấy ngày thôi mà như cả quãng đời đầy ắp hình ảnh và sự kiện. Chẳng bao giờ có thể quay lại nơi đây. Biết bao giờ được lênh đênh trên sông nước trong đêm, đâu còn được... Tôi nóng ran người nhớ lại cảm giác bên anh. Trong tâm thức như có nhánh chồi non đang vươn lên ngào ngạt nhựa sống. Một khoảng sáng mới lạ tôi chợt nhận ra làm lòng tôi nhẹ lâng lâng. Phải chăng là tình yêu - một từ tôi đọc cả ngàn lần trong chuyện, trong lời bài ca mà nay tôi mới biết. Ôi, tình yêu nhiệm màu bừng một niềm vui lạ kỳ ngay cả trong một buổi sáng mưa gió thế này.

Khi chúng tôi xách đồ lên tàu, trời ngớt mưa. Cả bọn ngạc nhiên khi

biết Xasa phải ở lại đảo hai ngày nữa để làm một số thí nghiệm mà người ta vừa chuyển ra đảo sáng nay. Cả bọn thấy chống chếnh khi không có anh cùng trên đường về. Tôi buồn xỉu mặt. Một điều như linh cảm rằng đã tới lúc giữa chúng tôi là khoảng cách không tránh khỏi. Cả bọn chia tay anh khá lưu luyến dù biết tới thứ hai sẽ gặp lại để anh ký điểm môn thực tập này. Tôi lủi thủi quay bước lên tàu. Một nỗi tủi hờn nhỏ bé dâng trong lòng.

- An, chờ tôi chút!

Tôi quay lại, mắt đã ngân ngấn.

- Đừng buồn quá vậy An! Người đi còn đỡ hơn người ở lại, nhất là ở lại một mình chốn này... chẳng có An nữa.

Tôi nuốt vào lòng giọt nước mắt. Tôi không muốn xa anh, không muốn để anh một mình nơi này. Sao tôi không thể ở lại cùng anh? Sao anh không bảo tôi ở lại với anh? Có điều gì sai đâu? Ai cấm chúng tôi? Ừ có thể nghe như tiếng "sét" nhưng tôi không cần gì hết ngoài anh.

- Anh muốn xa An sao? Tôi khẽ nói.

- Không... không bao giờ, nhưng không thể. Tôi không thể... không thể khác được. Xasa bối rối lạ lùng.

- Tại sao? Tôi hỏi mà nghe như tiếng vọng. Bao lần rồi câu hỏi "Tại sao" đập vào sóng mà không có lời hồi âm. Tôi nghe lòng mình xa cách quá.

- An... em về đi. Tôi sẽ tìm em. Dù sao, em hãy tin rằng tôi trân trọng vô cùng những ngày qua. Không dễ gì có được trong đời nhiều điều như thế... Nhất định tôi sẽ gặp lại em... dù tôi là ai đi nữa. Cầu Chúa phù hộ cho em!

Anh nắm nhanh bàn tay tôi rồi quay vội vào trong nhà. Tôi lững thững lên tàu với trái tim đầy sóng.

Khi tàu rời bờ, anh ra vẫy chúng tôi. Mưa lại rơi. Dáng anh nhòa dần trong màn mưa làm lòng tôi quay quắt.

Tôi giấu cả bọn nỗi buồn của mình bằng cách vờ ngủ gật gù trong khoang. Nghĩ anh một mình trên đảo, trên bãi vắng... mà khủng khiếp. Chưa có cuộc chia tay nào mà khiến lòng tôi đau đớn thế. Tôi ôm đàn hát bâng quơ.

" Mai đi xa rồi có nhớ ngày bên nhau
Anh đưa em về bóng dài trên lá cỏ
Dù rằng hạnh phúc lắm lúc còn cách xa
Tình yêu theo em vào ngày tháng..."

Thành phố hiện lên trước mũi tàu. Lòng tôi bớt sóng cồn. Tôi sắp trở về nhà, nơi đó chưa bao giờ có anh. Không kỷ niệm nhắc nhở. Còn anh - người đứng lại sân ga, người ở lại cùng kỷ niệm. Mong sao qua nhanh mấy ngày này...

Trút khỏi đống đồ, tôi cắp khăn đi tắm ngay. Đó là thói quen của tôi. Đi xa về là tắm. Khi trong lòng buồn bực cũng đi tắm. Lần này, có cả hai lý do để tôi nhảy xuống đó mà không chịu chờ hai đứa kia. Gặp con bạn cạnh phòng cũng đang "gột rửa" cát bụi, hương rừng Taiga của đợt thực tập cuối, tôi và nó thi nhau kể về nơi mình vừa trở về. Chợt nhớ ra nó học trong cùng ngành với Xasa, tôi hỏi dò:

- Lena, cậu biết Alecxandr Mikhailovich trong ngành cậu không?

- Biết. Đang làm doctor , đã có vợ.

- Cái gì? Có vợ?

- Ừ, cưới vợ hồi đầu năm. Anh ta học giỏi lắm. Một nhà khoa học tương lai về ngành môi trường...

- Không phải – tôi cố mong Lena nhầm người khác – anh ta cao chỉ chừng hơn mét bẩy, mắt xanh...

- Trông như giáo sĩ – Lena tiếp lời.

Tôi im bặt, đứng sững như trời trồng. Nước trên vòi hoa sen phun xối xả xuống đầu. Nước lạnh ngắt. Tôi chìm nghỉm trong dòng sông băng. Tôi ho sặc sụa, nước xối vào mắt, vào mũi tôi ngập ngụa.

- Anhia, cậu làm sao thế?

Tiếng Lena gọi thảng thốt. Tôi vẫn khua khoắng, vẫy vùng trong dòng sông giá lạnh... chợt trước mắt, Lena đang cầm khăn lau mặt cho tôi.

- Anhia, cậu làm mình hết hồn. Tỉnh chưa?

- Ừ, tỉnh rồi. Cám ơn... mình tự được rồi.

- Sao ho mà còn đứng trong vòi nước? Cậu ra mặc đồ đi. Người lạnh hết rồi.

Tôi loạng choạng ra phòng thay đồ, khoác chiếc áo bông ngồi thu lu như con mèo vừa vớt dưới sông lên. Đầu tôi vi vu không định hình một âm thanh hay ý nghĩ nào. Mãi lâu sau, chân tôi mới đủ sức giữ tôi đứng lên. Tôi thất thểu về phòng. Chẳng nói, chẳng rằng lăn đùng ra giường. Hai đứa xông vào đánh gió. Tôi mặc chúng vần ngang, vần dọc. Cái Hằng rên rẩm như bà già:

- Mày chúa liều mạng. Vừa về còn dính mưa, nghỉ chút hẵng tắm, chết ngay vì bẩn được đâu mà cuống lên. "Yếu còn hay ra gió" chừa cái thói tinh vi đi.

Lòng tôi quặn đau. Ừ, yếu còn hay ra gió. Biết sóng gió tình ái là gì chưa mà đâm đầu vào. Sao ngu thế là ngu!

Tôi nằm ngó trân trân lên mầu trắng lạnh lẽo của trần nhà. Mọi cảm xúc đang bị khóa chưa thể phản ứng với thông tin đưa đến. Chỉ sự trống rỗng ngập lòng. Im lặng của cảm xúc như mặt sông trước cơn bão rình rập. Tôi tự hỏi. Tôi buồn? Tôi căm giận? Tôi đau khổ? Không có câu trả lời. Chỉ nghe thật sâu là tiếng sóng ầm ì. Tại sao sau chưa một ngày mà mọi việc xa thế. Khoảng thời gian đó, không gian đó... ở đâu nhỉ? Đầu tôi váng vất. Viên thuốc cảm bắt đầu có công hiệu. Tôi trôi vào cơn mơ... Giấc mơ đưa tôi về bãi cát vàng rực bên bờ sông đầy nắng. Tôi nóng. Tôi khát khô. Tôi bước xuống dòng sông. Sao nước sông nóng bỏng thế này? Càng lội xa, nước càng nóng. Chân tôi bước hụt vào vùng xoáy. Tôi rơi... xoay tròn... ngã... cây đổ, đá rơi, đất cứ lở ào ào. Tôi hụt hơi, gào không thành tiếng...

- An... An...

Tiếng ai quen thế. Phải anh gọi tôi không? Tôi bật khóc nức nở. Tủi hờn, cay đắng, thất vọng... và cô đơn. Tại sao? Vẫn chỉ có sóng vọng lại tiếng tôi.

Tôi mở mắt nhìn xung quanh. Tại sao không có anh? Rõ ràng tôi đã nghe thấy giọng anh gọi tôi mà.

- An, mơ gì mà kêu ú ớ thế? Mà khóc ướt cả gối này. Hằng ơi, An sốt hay sao ấy. Nóng lắm.

Tôi vẫn nửa mê man trong cơn ác mộng. Tiếng sóng gào bên tai không ngớt. Môi căng mọng. Tôi nghe mạch máu mình đập nơi thái dương ngột ngạt.

- An khát và nóng quá. Sao người cứ dập dềnh như say sóng vậy.

- Uống ngụm nước đi. Hằng gọi bác sĩ rồi. Chắc cậu bị cảm lạnh. Nằm im mình đặt khăn lên trán cho. Cũng may đã về nhà chứ trên đảo thì biết làm gì.

Tôi nằm im cố không nghĩ ngợi.

- Hương, mở nhạc đi. Lâu không nghe nhớ quá. Đĩa ghita Francis Goya ấy.

Hương mở nhạc, kéo lại tấm rèm cửa che bớt nắng chiều đang vươn vào trong phòng. Tôi cố thở thật sâu để dìm con sóng đang xoắn vặt trái tim tôi. Từng tiếng nhạc rơi trong gian phòng, thánh thót, luyến láy. Khi như tiếng rên, khi cuồn cuộn chảy... dần dần, dần dần bao phủ lên vết thương lòng.

Cơn sốt qua đi. Tôi nghe trong tôi còn lại một nỗi buồn. Khi nó nằm

yên ắng trong tiếng nhạc. Khi nó lồng lộn cào xé gọi tôi về kỷ niệm. Tôi im lặng thi gan cùng nó. Tại sao tôi phải sợ nó chứ? Tôi ôm tivi coi hết trận bóng này qua trận khác. Giải bóng đã sang vòng play off. Kẻ chiến thắng sẽ nhận tất cả. Còn người thua... Lần đầu tiên tôi quan tâm đến nỗi đau của kẻ thất bại. Nước mắt đàn ông - tôi đọc đâu đó - hiếm hoi lắm. Khi niềm hạnh phúc hay nỗi đau lên đến đỉnh điểm, mà là trạng thái tinh thần, họ mới khóc. Nước mắt dàn dụa trên khuôn mặt các cầu thủ đội thua. Họ lầm lũi bước ra sân. Con đường của họ là xách valy từ giã Mudial. Lòng tôi nhói đau. Vẫn biết mọi cuộc thi bao giờ cũng chỉ có một người thắng nhưng... cả người thua cuộc và người đến được đích đều mang hoài bão lớn lao như nhau, đều hết lòng cho cuộc chiến như nhau. Kẻ ngậm ngùi ra về, kẻ hạnh phúc hân hoan bước tiếp vào cuộc đấu mới, mà rất có thể, cuộc đấu đó chỉ đem lại những giọt nước mắt đắng cay. Tôi nhận ra tôi có những suy nghĩ lạ kỳ, chưa bao giờ trong đầu tôi trước đây. Bọn con trai xem đá bóng cùng, trêu tôi:

- Cái An ốm, mất nửa số người cổ vũ, hơi buồn nhưng đỡ nhức óc dân tình.

- Không có đâu -cái Hằng tranh thủ- ốm mà nó tiêu hóa hết từng đó trận bóng, hết bóng là nhạc 24/24. Mình khỏe mà như nó cũng muốn đi viện.

- Yên tâm đi. Mai kia ta biến thôi. Hết hè ta mới về, tha hồ mà nhớ không có ai để "la miễn thuế" nhé! Tôi đùa lại.

Thế là hết năm học. Ngày mai làm sao tôi có thể gặp lại Xasa đây. Thà tôi cứ lầm lũi như mấy cầu thủ kia, xách valy lên máy bay còn hơn trở lại đấu trường đối diện kẻ loại mình. Họ chẳng ghét gì đối thủ của mình. Cũng như tôi chưa thể ghét anh được. Kỷ niệm đẹp như giấc mơ huyễn hoặc, vây bủa. Tôi chưa biết phân tích tình cảm. Tôi quen sống bằng phản ứng của mình trước mọi tham số cuộc sống đưa ra. Tôi không ép được mình ghét anh nhưng cứ nghĩ gặp anh, nỗi đau trỗi dậy. Tôi sợ.

Tôi nằm ôm chăn nhất định không chịu lên trường:

- Thì bọn mày lên ký sổ rồi lĩnh học bổng hộ. Cầm thẻ sinh viên theo là được, khó khăn gì không giúp nhau tí. Tao mệt thế nào ấy.

- Mày chỉ lý do, lý trấu để ở nhà xem bóng đá. Tao nói sao với anh ta đây. Nhỡ anh ta không ký vắng mặt, làm sao nhận học bổng cho mày được.

- Đố dám không ký đấy. Tôi bắt đầu cáu khi chúng nhắc đến Xasa.

- Khùng điên hết chỗ nói. Hằng vung vẩy ra cửa kết thúc cuộc nói chuyện với kẻ ương bướng như tôi.

Tôi nằm buồn bã. Giờ này kiếm đâu ra bóng đá mà hai đứa đổ riệt

cho tôi cái tội mải chơi đó. Tôi loanh quanh xếp dọn đồ đạc, sách vở. Mai hay kia là cùng tôi sẽ đi tới chỗ mấy đứa bạn. Kỳ nghỉ dài đầy nắng đang hứa hẹn mà lòng tôi thờ ơ. Lôi đàn gẩy lơ vơ thấy buồn hơn. Tôi quăng đàn sang bên bất lực với nỗi buồn mang tiếng sóng từ tim. Tôi nhớ có câu ca dao nói kẻ thất tình "Dựa đình, đình đổ. Dựa chùa, chùa nghiêng". Tôi đang dựa vào tủ sách mà tủ chẳng lay động. Nghĩa là tôi đâu có thất bát nỗi gì. Tôi lôi mấy đĩa nhạc Heavy metal ra bật hết volum. Mấy khi tụi nó không có nhà, phá cho sướng. Tôi vung vẩy cây phất trần theo nhịp trống. Tiếng nhạc nện nào lồng ngực nghe thùm thùm. Nhìn mình trong gương như con hề. Tóc tai xù lên, áo phông ngang bụng, quần lưng lửng bắp chân, tay giẻ lau, tay chổi chảy loi choi. Tôi rũ xuống cười mình. Vô duyên thật nhưng lòng tôi nhẹ bẫng. Tôi đã gỡ lại được một bàn với nỗi buồn đang là đối thủ dai dẳng của tôi.

Hương vào phòng, cuống quýt dục tôi thu dọn nhà.

- Nhà vừa dọn xong, chưa đủ sạch...

- Chốc nữa Xasa tới, đi cùng cả bọn. Tớ về trước dọn nhà.

- Hả? Anh ta đến làm gì? Tôi run bắn người.

- Nhà hết trà rồi hả An? Bọn mình nói An ốm, anh ta bảo qua thăm An. Phải ra cửa hàng mua trà thôi.

- Để tớ đi cho. Tôi cuống lên.

- Nhưng... nhỡ cậu đi chưa về anh ta đến thì thành ra bọn mình nói dối.

- Không, mình đi nhanh lắm.

Không chờ nó ngăn, tôi vội thay đồ rồi chạy bán sống, bán chết ra cửa.

Tôi ra đường, nhảy lên một xe bus bất kỳ, ngồi tới cuối bến. Mọi người xuống, tôi xuống. Lại tìm một xe khác, tôi trèo lên đi. Xe qua ga, tôi chợt nẩy ra ý định "phải đi khỏi thành phố này". Tôi vào mua vé cho chuyến đi đêm nay. Lòng tôi trống trải, hoang tàn như khoảng sân trong mùa lá rụng.

Cả kỳ hè, tôi lang bạt cùng bọn bạn. Dong duổi với chúng vài nghìn cây số. Tôi lấp khoảng trống lòng mình bằng những chuyến đi, bằng tiếng cười của bạn bè. Chỉ một lần tới nhà nghỉ bên sông Volga, lòng tôi mới bị quấy động ghê gớm bởi vùng sóng kỷ niệm đến thế. Bọn bạn tôi say sưa ngụp lặn, còn tôi không dám bước lại gần bờ cát. Dòng sông, tôi một lần đắm mình vẫn nguyên vẹn nỗi đam mê cuồng loạn. Đêm lửa trại, tôi chơi đàn cho mọi người hát hò. Tôi tránh những bài tôi từng hát

Xasa nghe. Tôi không dám nhìn bầu trời sao, không dám thả mình theo mặt sông. Khi tôi hát bài "Tạm biệt Olimpic Moscow" – bài hát nổi tiếng, vang lên khi chú gấu Misa long lanh giọt nước mắt, vẫy tay bay lên trời trong đêm bế mạc Olimpic tại Moscow năm 80 - một người đàn ông Nga tham gia lửa trại từ đầu bỗng nói:

- Cô gái ơi, cô có thể không hát bài này được không? Tôi không thể... tôi đã có một kỷ niệm đẹp quá... tôi không thể...

Tôi nhìn ông và tôi hiểu. Chẳng ai dám tấm dòng sông kỷ niệm của mình.

Ngày cuối của kỳ nghỉ tôi mới về. Lòng tôi bấn loạn vì sợ sẽ chạm mặt Xasa trên trường. Khoa Sinh lớn nhất trường Tổng hợp. Chỗ tôi tít tầng ba góc phía đông, còn chỗ anh bên kia. Nơi dễ gặp nhất là gian sảnh và bufet. Tôi sẽ đi cửa sau và ăn bên khoa Lý. Tôi biết đó không phải là giải pháp hay nhất nhưng tôi chưa đủ thời gian để có thể "bình thản" gặp lại anh.

Một tuần trôi qua, tôi bắt đầu nghĩ anh đi đâu làm nốt bản luận án. Lòng tôi yên ả dần. Cảm giác ai đó nhìn mình khi ở trường đã lắng xuống.

Sau giờ thí nghiệm, tôi chạy sang khoa Lý ăn. Bufet đông sinh viên. Tôi lơ đãng vừa ăn, vừa đọc báo. Cái tính xấu này cái Hằng suốt ngày mang ra phân tích rằng tôi làm trái những gì tôi học. Kệ nó. Nó quen làm chị cả rồi, không nhắc nhở người khác không chịu được. Tôi dừng đọc, lật trang báo. Chợt cảm giác lạ lạ, nhìn lên, cách mấy bàn, tôi nhận ra Xasa đang ngồi đó nhìn tôi. Hoảng hốt đến mức không ngờ, tôi thả chiếc thìa rơi tõm vào bát xúp làm bắn tung tóe xúp lên người. Chẳng ai xung quanh nghe thấy tiếng rơi vô lý đó nhưng đầu tôi như có tiếng sấm. Tay lập cập không cầm nổi cốc nước. Đối diện tôi, có một ghế trống. Tôi hoảng hốt khi thấy anh đứng lên. Thôi, giờ mà anh ta tới bên ngồi thì tôi sẽ ra sao. Tôi cúi gằm xuống tờ báo mà không nhìn thấy một chữ gì. Một phút trôi qua, vẫn thấy chiếc ghế trước mặt trống không, tôi liều mình ngẩng lên nhìn. Anh đã không còn đó nữa. Tôi ngó xung quanh. Chẳng còn bóng anh. Vậy là anh đã đi. Bàn tay tôi không run rẩy nữa nhưng chợt lạnh ngắt. Tôi ngồi nhìn chiếc ghế trống anh bỏ lại lòng dạ ngổn ngang. Tôi sợ gặp anh bao nhiêu, sợ đối diện với chính sự rắc rối trong tình cảm của mình bao nhiêu? Giờ anh đã thản nhiên thấy tôi... thản nhiên bỏ đi như chưa bao giờ gặp tôi trên thế gian này. Một tiếng nấc cay đắng trong lòng. Tôi tự rủa mình ngớ ngẩn. Nhưng hơn bao giờ hết, tôi biết rằng trên mọi tình cảm hướng về anh - giận hờn, uất ức, nhớ

mong... – tôi đã yêu anh nhiều lắm mà cứ cố chối lòng mình. Nhưng tình yêu đã lầm đường sao? Tôi thẫn thờ bước ra khỏi bufet. Đầu âm u, lòng tan tã. Nỗi buồn đánh gục cả tâm trí và thần sắc. Tôi không biết vì sao lại ngồi được trên chiếc ghế đá trong vườn trường. Tôi chẳng nhận ra một khoảng vườn đẹp, đầy nắng đã chớm sắc thu quanh mình. Chơi vơi trong nỗi buồn, lần đầu tiên tôi khóc, không phải trong mơ. Khóc lặng lẽ mà nhạt nhòa đau khổ.

Anh đến bên tôi. Quỳ xuống nhìn tôi. Tới đó, tôi mới nhận ra anh. Tôi không còn hoảng hốt, không còn tủi hờn như trong bao giấc mơ, không cả sự lãng đạm mà bao lần dặn mình phải thể hiện nếu gặp anh... Tôi nhìn anh qua hàng nước mắt lặng lẽ. Khuôn mặt anh xa gần, tan loãng trong hư vô. Anh cầm hai bàn tay tôi, áp lên má anh. Đôi mắt xanh lơ trong nắng hóa màu tro nhạt.

- An... bao ngày rồi, tôi chỉ mơ được ngồi bên em thế này thôi mà sao khó quá. Em bỏ đi như sự trừng phạt tôi. Tôi... tôi đã không nói cho em biết...

Tôi đặt ngón tay lên môi anh, ngăn lời anh lại. Im lặng của không gian bao lấy chúng tôi. Một chiếc lá rơi giữa tôi và anh. Tôi rút tay nhặt chiếc lá lên. Xasa ngồi lên cạnh, lau nước mắt cho tôi.

- Em có biết tôi có cả mùa hè vật lộn với sự hối hận và nỗi nhớ em không? Tôi hối hận vì để em đi khi lòng em đầy đau khổ. Dù em nói không phải thế tôi cũng không tin đâu. Chỉ cần nhìn em hoảng hốt ra sao khi em nhận ra tôi, tôi càng khẳng định rằng những gì em phải chịu cả mùa hè qua quá lớn cho trái tim nhạy cảm của em. Tôi chép thời khóa biểu lớp em, chờ em khi em vào giảng đường và khi em bước ra. Bao lần tôi muốn tiến lên gặp em nhưng em đi như trốn tôi dù em không nhìn thấy tôi trong đám đông. Hôm nay, tôi theo em vào trong bufet, tôi cần nói chuyện cùng em. Nhưng khi thấy em run bắn lên, tôi vội bỏ ra ngoài cửa chờ. Em đi sát qua mà không nhận ra tôi đứng đó. Em như trong cơn mộng du vậy, em biết không? Tôi theo em, đứng sau em mà em không hay. Khi em khóc lòng tôi tan từng mảnh. Em có giận tôi, ghét tôi, muốn xa tôi, muốn quên hẳn tôi đi nữa, tôi vẫn chỉ muốn nói em nghe rằng tôi yêu em. Một tình yêu mà chính tôi không tự thoát ra được ngay từ khi gặp em. Em tiềm ẩn con sóng ngầm kỳ lạ. Em sống tự nhiên đôi khi hoang dã trong ý nghĩ như cánh rừng chưa ai đặt chân tới. Dù em có nhí nhảng như một chú nhóc nhưng em không dấu được tôi trái tim dễ tổn thương của mình. Ngày đó, cứ mỗi lần em nhìn tôi là tôi bối rối. Nằm gian bên này, tôi cố nghe tiếng em lẫn trong tiếng mọi người. Tôi ghen với bạn bè em khi em nói tiếng Việt cùng họ. Tôi vẫn

biết tôi không có quyền đến với em nhưng đảo bé nhỏ và mộng mơ vậy, em hồn hậu và quấn quýt tôi tự nhiên đến thế, trái tim tôi có lỗi gì...

Tôi lắng nghe anh nói. Con sóng đâu đó cất tiếng dạt dào. Kỷ niệm tràn về cuồn cuộn, lâng lâng trên môi nụ hôn ngày nào. Anh thật gần, yêu thương và ấm áp. Tôi khẽ dựa vào vai anh. Tôi muốn tận hưởng niềm hạnh phúc được bên anh dù mong manh quá đỗi.

- An -giọng anh nhẹ như cơn gió– Em có muốn dòng sông tôi nhập với dòng sông em không? Chỉ cần em muốn thôi, An, tôi sẽ là con nước tự do về bên em. Riêng tôi, hai ngày một mình trên đảo, cả mùa hè dài như cuộc độc hành trên xa mạc... đủ để tôi hiểu tôi yêu em, cần em biết chừng nào rồi.

Tôi vẫn dựa vào vai anh. Mong sao thời gian đừng trôi để tôi được mãi bên anh thế này. Xasa vòng tay kéo tôi quay lại. Tôi ngước nhìn anh không giấu diếm tình cảm. Nụ hôn khao khát trong bao giấc mơ hoang tàn nay là sự thực. Bầu trời chao nghiêng trong nắng. Vồm cây chợt xanh xao, lòa xòa như tấm thảm dịu êm. Tôi chẳng muốn rời môi anh.

- An, em nói gì đi. Tôi nhớ giọng em trong trẻo lắm. Nhớ cả accent luyến láy khi em nói nữa. Em nói đi.

Tôi sẽ nói gì với anh đây. Nụ hôn đã nói đủ cả nỗi nhớ thương mà tôi ngàn lần muốn chôn dấu tận đáy lòng, ngàn lần muốn quên lãng mà nào quên được. Tôi muốn anh lại bên tôi như ngày đó. Tôi muốn giữa tôi và anh không một khoảng cách nào, dù khoảng cách của sự tưởng tượng đi nữa. Nhưng... sự thực vẫn là sự thực. Tôi là người thứ ba không nên có.

- Xasa... anh biết An nhớ tới điều gì không?

Xasa chờ tôi.

- An nhớ tới nơi gấp khúc của bãi Vàng. An đã nhìn thấy nơi đó có hai dòng chảy gặp nhau. Chẳng biết điều gì xui khiến chúng đến với nhau hay số phận, sóng nơi đó tung bọt trắng mờ. Những con xoáy sinh ra chạy vào bờ, điên đảo cấu xé đất cát, rứt từng miếng rễ cây, từng viên đá đang bám vào bờ, hút vào con xoáy, dìm chúng xuống lòng sông. An xót xa cho bờ bãi cứ cam chịu sự hất hủi của dòng sông. An nghĩ, nếu không có một dòng sông nữa vô tình đi qua đây chắc rằng con sông cũ vẫn hiền hòa ôm bờ, đêm ngày bồi đắp chứ đâu tan hoang như vậy.

Lặng im... lặng im đến vô tận. Tôi nghe tiếng thở dài của anh. Rất lâu chỉ có tiếng gió giữa tôi và anh.

- Còn tình yêu... sẽ trôi về đâu? Anh nói như tiếng nấc.

- Trôi về phía thời gian. Tôi nghẹn ngào trả lời anh.

- Tôi sẽ về phía đó, nơi có thời gian của tình yêu. Em đi cùng tôi

không?

- An cần sự tĩnh lặng của dòng sông.

- Sẽ có ngày em tìm được sự tĩnh lặng nhưng tình yêu, có bao giờ lặng sóng?

- An không biết.

- Tại sao phải vậy?

Trời ơi, con người phải bao nhiêu lần đặt câu hỏi này tới cuối đời? Tôi nhìn anh, muốn thu lại hình ảnh gần gũi của anh trong lần gặp cuối này.

- Để phù sa lắng đọng, để dòng nước hiền hòa đi anh. Có thể anh và An đã say cùng một con sóng... sóng ảo giác, sóng hoang đường... Biết đâu, khi sóng tan, lại thấy mình khác đi.

Tôi biết, tự tôi không tin. Lòng quặn đau khi phải xa anh nhưng tôi không thể mềm lòng. Vòng tay ôm anh, tôi khóc.

- Xasa, đừng gặp lại nhau nữa. An không thể... Anh hiểu An nhé. Rồi tất cả sẽ qua đi. Anh nhớ... anh đã hát An nghe đó. Chỉ còn... chỉ tình yêu ở lại. Xasa, An chưa từng nói với ai câu này, An nói anh nghe nhé! An... Tôi ngập ngừng và ghé sát tai anh thì thầm bằng tiếng Việt thật chậm – Em yêu anh. Em sẽ yêu anh mãi mãi.

Đêm đã khuya. Tôi khẽ ngồi dậy khoác áo, xách cây đàn ra phòng đọc. Mùa đông đang phủ tuyết trắng không gian. Năm mới về trên ngưỡng cửa. Dải sáng của đèn đường hắt lên mờ ảo như ánh trăng. Bức thư nhận được chiều nay đã khuấy động cả hồn tôi.

" An thương nhớ,

Tôi đang ở phía của thời gian. Tôi tìm cho mình sự tự do dù không biết dòng sông em có còn muốn đem phù sa tới dòng sông tôi không. Mặt hồ Baican đẹp lắm. Giá có em, tôi sẽ đưa em đi chơi thuyền như ngày nào. Em không cho tôi gặp em nhưng làm sao không cho tôi nhớ em được. Tôi chỉ cần nhắm mắt lại là thấy em, nghe tiếng em cười, em hát. Giờ tôi xa em lắm rồi Tremurich ạ. Dòng sông em tĩnh lặng chưa? Em còn hát những bài hát ngày nào không? Tôi luôn mang theo một kỷ vật của em. Đó là bài hát em viết cho tôi. Tôi không hát được nhưng đọc và nhớ lại tiếng em.

Tôi đã ở đây hơn một tháng. Cuộc sống vất vả, khó khăn nhưng tôi có niềm say mê công việc. Chúng tôi đang làm công trình bảo vệ môi trường nước ngọt hồ Baican. Một công trình lớn kéo dài nhiều năm. Tôi sống gần gũi thiên nhiên, hòa nhập cùng thiên nhiên. Tôi không cảm thấy khoảng cách với cây cối, sông hồ... Vậy sao tôi yêu em, tôi phải có

khoảng cách với em? Có khoảng cách nào nếu mình không tự tạo ra?

Có một điều may mắn An biết không? Ngày ở đảo, tôi hỏi dò được mấy bạn của em một câu tiếng Việt. Nhờ đó tôi hiểu em đã thì thầm điều gì mà lần đầu em nói lên lời với tôi. An, dù năm năm, mười năm hay hơn nữa, dòng sông tôi vẫn chờ em về thì thầm lời ngọt ngào ngày đó.

Mãi yêu em! Tình yêu của tôi. "

Tôi miên man trôi theo dòng kỷ niệm. Tiếng đàn bâng khuâng trong đêm ấp ủ nỗi cô đơn. Tôi còn nghe tiếng thở của anh trên ngực tôi trong đêm phiêu bồng huyền diệu. Tôi hiểu anh đã yêu thương và trân trọng tôi biết chừng nào, anh mới có thể giữ cho con thuyền anh và tôi không rơi vào vòng xoáy của ái tình, mà giữ lại chút mong manh trinh nữ cuối cùng cho tôi. Để giờ đây, khi xa nhau đến ngàn dặm của không gian, vạn dặm của thời gian, tình yêu của tôi và anh vẫn trọn vẹn, lung linh trong nỗi khát khao hoang đường, dai dẳng...

Moscow – Tháng Tư 2002

Thuỳ Dương

*: Tên gọi thân mật từ tên Alecxandr

Hộp thư

Thư liên quan đến việc gia hạn, mua báo:

Nguyễn Huy Thư (Las Vegas NV), Nguyễn Xuân Sinh (Annandale VA), Vß Tặng (HHK) (Dorchester MA), Dương Phước Luyến (đổi địa chỉ từ Florida về Houston TX), Dr. Trần xuân Dũng (Victoria Australia) , Lê Thanh Hà (Richmond BC Canada), Nguyễn Tâm (San Diego CA, gia hạn, đổi địa chỉ mới), Nguyễn Hồng Cẩm (Dallas, TX), Điệp Mỹ Linh (Alief TX), Đặng Hoàng (Springfield VA), Ysa Le Đình (Fountain Valley CA), Fung Ngo (Oakland CA), Phan văn Diep (San Francisco CA), Quynh Nhu Le (Boston MA), Bibliotheque Nationale de France (Frane, đổi địa chỉ), LoanTrang T. Đặng (Ventura CA), Nguyễn Đ. Bạn (West Chester PA), DA Information Services (VIC Australia), Divine Corp. (Westwood MA), Lê Trung Lập (Orlando FL), Trần Đức Hoan (Westminster CA), Đặng Thơ Thơ (Westminster CA), Nguyễn Minh Thu (Hawaii), Anh Thi Bui (Lancaster PA), Vũ văn Bắc (Anaheim CA), Liên Hải (Yorba Linda, CA), John C. Diep (Boynton Beach FL), Thuan Nguyen (Rochester MN), Lê thị May (Holland)

Đọc Gỗ Thức Trên Rừng của Tâm Thanh

Những đóa sen trong bùn qua nhãn quan Thiền

Xuân Đỗ

Gỗ Thức Trên Rừng là tác phẩm thứ hai của Tâm Thanh , do nhà Xuất Bản Văn Mới ấn hành trong tháng 5 vừa qua . Sách dày 220 trang , gồm có 17 truyện ngắn . Bìa do họa sĩ Khánh Trường trình bày.

Tâm Thanh là cây viết mới - nếu lấy mốc thời gian năm 1975 làm chuẩn - nhưng không phải là cây viết trẻ . Anh cầm bút trong tuổi trung niên , sau cuộc bể dâu lịch sử 30 tháng tư năm 1975, sau hơn ba năm sống kinh hoàng (75 -78) khi Miền Nam mới rơi vào tay Cộng Sản , sau một lần đối diện với tử thần trên biển cả (cuối năm 1979) , sau cơn trôi nổi về tận một xứ lạnh miền Bắc Âu, Na uy (1980) , và sau gần mười lăm năm làm lại cuộc đời trên một miền đất xa lạ về mọi mặt . Anh cầm bút và những truyện ngắn xuất hiện lần đầu tiên trên *Làng Văn* năm 1990 . Nhưng thực sự những đóa sen khoe hương sắc thắm, nở rộ trên hai tạp chí *Văn Học*, *Thế kỷ 21* ở Nam California, khoảng cuối năm 1997.

Tất cả những nghịch cảnh anh đã trải qua , trong những giai đoạn nghiệt ngã của lịch sử , của quê hương , của cuộc đời , đã ươm mầm văn chương tiềm tàng trong anh. Năm 1999, tạp chí *Văn Học* in tác phẩm đầu tay của anh, *Thiên Nga Giữa Cõi Người* . Cuốn truyện đã được độc giả và văn giới đón nhận ưu ái. Có lẽ trong nền Văn học Việt ở hải ngoại, anh là một trong những tác giả thành công ngay trên tác phẩm đầu tay

Thiên Nga Giữa Cõi Người là một tuyển tập gồm mười ba truyện ngắn. Một số truyện trong đó đã xuất hiện trên tạp chí *Văn Học* và *Thế Kỷ 21*. Cũng như bất kỳ nhà văn mới nào khác, Tâm Thanh dọ dẫm trên

bước chân tìm kiếm một lộ trình tâm thức cho ngòi bút của mình . Ngoái nhìn lại cố hương vẫn còn đắm chìm trong khổ nạn , trong ám ảnh hận thù vẫn tiềm tàng và âm ỉ của một thời khác biệt chính kiến , dù chiến tranh đã chấm dứt . Một chút mừng vui , khi đặt chân lên miền đất mới, nơi có tôn trọng tình người , có những định chế dân chủ , tự do và quyền công dân được tôn trọng .Nhưng những khác biệt về khí hậu, cuộc sống, ngôn ngữ , văn hóa ... nhiều khi như kéo lại những bi lịch và nỗi khổ đau của con người, vẫn còn ám ảnh khôn nguôi.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đón nhận Tâm Thanh trong *Thiên Nga Giữa Cõi Người*, khi giới thiệu cuốn sách , như một món quà của một tấm lòng yêu đời, yêu người và quí hơn, một sự lạc quan trong cuộc sống, dù trong hoàn cảnh bất trắc, ngộ nhận hay an vui, hạnh phúc. "Tâm Thanh viết văn như một cách tiếp nối nghề nghiệp anh đã từng làm ở quê nhà trước ngày tan đàn, rã gánh: nghề của một giáo sư triết học ... " *(*)*.

Sự thành công của *Thiên Nga Giữa Cõi Người* mang đến cho anh sự tin tưởng và đẩy sức viết và sáng tạo của anh mạnh mẽ hơn. Văn Mới in cuốn *Gỗ Thức Trên Rừng* vào tháng 5 năm 2002. Đây là một tuyển tập truyện ngắn thứ hai của anh, gồm có mười bảy truyện .

Mọi người cứ ngỡ, anh đã thành công với tác phẩm đầu tay, anh sẽ tiếp tục trên lộ trình tâm thức anh đã tìm thấy, truy vấn bi kịch của thân phận con người. Không phải vậy. Cảm hứng sáng tác trong *Gỗ Thức Trên Rừng* chuyển qua một lãnh vực mới, nhìn vào thân phận con người qua nhãn quan Thiền học trong triết lý Nhà Phật. Đây là một dọ dẫm mới, ít nhà văn nào thử nghiệm, nhưng Tâm Thanh, trong cái ung dung tự tại của một cây viết nhiều tự tin , anh đã đặt những bước chân nhẹ nhàng , nhìn được những khía cạnh tốt, thẩm mỹ và chân thành của con người .

Gỗ Thức Trên Rừng là truyện đầu và cũng lấy làm nhan đề cho cuốn sách . Câu chuyện xoay quanh trong hai nhân vật , đắm chìm trong cái khổ vì vô minh , vì tất cả tham , sân , si , lục dục , thất tình , hỉ , nộ , ái , ố , ngã , chấp ... Một người phạm tội giết người trong cơn ghen tương rồi chạy trốn lên núi , vì vợ ngoại tình . Trong cơn trốn chạy , hắn ta bị té gãy chân , tạt được vào một cái am trên núi . Người kia , có lẽ là tên trộm tình , cũng trốn chạy lên núi , cũng tạt vào trốn trong cái am trơ trọi kia , mà vị sư trú trì đi vắng. Câu chuyện không xác định thời gian , không gian - phi thời gian , không gian , như nhà văn Phạm Xuân Đài nhận định (**) - cho đến khi tiếng mõ và lời đọc câu chú " Yết Đế , Yết đế , Ba La Yết Đế , Ba La Tăng Yết Đế " (Vượt đi , vượt đi , vượt sang

bến kia , đậu lại bến kia) , hòa điệu với tiếng chim gõ kiến , tiếng gỗ trong rừng chợt tỉnh thức , và hai kẻ tội đồ kia có " đốn ngộ " không ?

Câu chuyện như một tổng thể của cuộc đời ô trọc trong thế giới ta bà , khổ đau này . Câu chuyện cũng như một công án Thiền , nhìn dưới nhiều khía cạnh . Câu chuyện cũng có thể nhìn như một minh họa cho khái niệm " vô ngã , vô tướng " , trong kinh Kim Cang , Đức Phật Thích Ca thuyết giảng trong hai mươi hai năm ròng rã .

Câu chuyện , tùy căn cơ và sự cảm nhận của người đọc , sẽ nhìn ra nhiều cảnh huống , hình tướng khác nhau , như một chiếc kính vạn hoa . Hay - dỡ , hiểu - không hiểu , hợp lý - không hợp lý , hiện thực - siêu hình vv...có thể là những đề tài bàn cãi . Nhưng tựu trung đây là một truyện có sức hấp dẫn , làm người đọc suy nghĩ , không phải là một truyện đọc giải trí , mua vui trong chốc lát .

Mười sáu truyện còn lại của tuyển tập , người đọc cũng cứ ngỡ , đây là những truyện tình nhẹ nhàng , những mãnh đời tỵ nạn của người Việt trôi dạt về miền lạnh lẽo , xa xôi của xứ Na Uy này. Cũng không phải vậy . Tâm Thanh có tài che giấu những ẩn dụ bên trong. Những ẩn dụ đó , cũng mang những cái nhìn rất ...Thiền , rải rác đó đây .

Tặng Vật là một truyện thật thương cảm , nói về một người con gái không may về tình duyên , không may về sức khỏe , khi vươn cơn bệnh viêm gan C cấp tính ngặt nghèo . Cơn bệnh chỉ có thể chữa trị được bằng cách thay lá gan của một người nào đó , khi chết đi , hứa tặng các cơ phận trong thân thể mình cho người cần đến .

Thời cơ sắp thuận tiện cho cô có được một lá gan , khi một đồng hương người Việt mà cô hay gặp trên xe bus , chán đời , muốn tự hủy cuộc đời mình bằng cách nhảy xuống từ một cao ốc mấy chục tầng lầu . Cô nghe tiếng " bíp " từ linh cảm và bồn chồn cùng mẹ đi ra phố . Quả nhiên , người chán đời cô đã gặp trên những chuyến xe bus , đã chào hỏi bằng những nụ cười vui vẻ , hồn nhiên . Cô gái có nụ cười và tấm lòng hồn nhiên , có thể cảm hóa được vạn vật , được cỏ cây , cô cảm hóa và thuyết phục được kẻ chán đời bỏ ý định tự hủy mình .

Câu chuyện chuyên chở được Tâm Từ Bi và Hạnh Bố thí của Nhà Phật . Hạnh bố thí trong lượng từ bi và tinh thần vị tha , hóa giải được tính tham của kiếp nhân sinh , một chiếc dây trói buộc thân phận con người bền bĩ và chặt chẻ nhất trong khổ đau . Cô gái đã quên mất , mình đang cần lá gan , nếu người kia chết đi . Cô gái đã quên nỗi khổ đau của chính mình mà chỉ nghĩ đến sự sống và hạnh phúc của người khác . Đẹp thay và cao quí thay !

Hai truyện Tiếng Sáo Gia Rai và Cái Ngày Ai Nấy Đều Tử Tế cũng

nằm trong dòng tư tưởng về Tâm Từ Bi và Hạnh Bố Thí cao đẹp trong Thiền học .

Truyện Bức Chân Dung chứa đựng về kiến chấp , chấp ngã .

Các truyện Còn Đóa Hoa Quỳ , Ngày Con Ra Trường và Giọt Sương Đầu Cành muốn nói đến cái mong manh của sự sống , tính Vô thường của mọi lẽ trên đời . Một chút vô tâm nào đó cũng có thể là nguyên nhân của một sự hủy diệt mầm sống . Như một cây hoa quỳ mọc lên từ một kẻ nứt ở chân tường , hằng ngày bao nhiêu trẻ em , người lớn qua lại , có thể bị dẫm nát (Còn Đóa Hoa Quỳ) . Như một tổ chim , với năm cái trứng bị ung thối - hủy diệt năm mầm sống chim con - vì sự cẩu thả của người chủ nhà , khi treo tổ chim lên cây (Ngày Con Ra Trường) . Như đời sống của một cô gái mong manh như một giọt sương sớm mai (Giọt Sương Đầu Cành) . Chẳng khác nào câu kinh "Sắc chẳng khác Không . Không chẳng khác Sắc . Sắc tức là Không . Không tức là Sắc" trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh .

Trong các truyện Con Giốc Mơ , Trái Mùa , Tiếng Động ,Tâm Thanh muốn nói đến tính an nhiên tự tại , chấp nhận bốn tiến trình của cuộc đời , đó là thành , trụ , hoại , diệt trong tinh thần Vô Úy . Con đường đi đến Chân Hạnh Phúc - Niết Bàn - phải bước qua khổ đau .

Trong *Gỗ Thức Trên Rừng* còn có những truyện tình đẹp vô cùng như Đèn Kéo Quân, Hương Xưa, Tên Người Yêu, Giàn Hoa Pháo Ở Nhã Điển , Con Giốc Mơ . Những mối tình đầy nét vị tha , một chút siêu thực trong thần giao cách cảm , trong hy sinh cho tha nhân .

Một điều thú vị sau cùng khi đọc *Gỗ Thức Trên Rừng* của Tâm Thanh là, những nét giễu cợt và hoài nghi rất ... Thiền vị trong hai truyện Đệ Ngũ Diệu Đế và Hai Chiếc Bóng .

Đức Phật sau khi đắc đạo , bài giảng đầu tiên là Tứ Diệu Đế (Bốn Sự Thật Mầu Nhiệm: đó là 1/ Khổ Đế : thực trạng đau khổ và vô thường trong thế gian . 2/ Tập Đề: nguyên nhân của khổ , 3/ Diệt Đế: sự chấm dứt cảnh khổ . 4/ Đạo Đế: con đường và phương pháp chuyển hóa , diệt khổ) . Tâm Thanh thêm được một Sự Thật Mầu Nhiệm thứ năm, đó là sự cảm nhận bằng trực giác của trẻ thơ về cái khổ của người cha trước sự nhẫn tâm của người mẹ phản bội . (Đệ Ngũ Diệu Đế) .

Trong truyện Hai Chiếc Bóng , Tâm Thanh viết "*... Thật là tình cờ - tôi gặp lại một người trong cùng một không gian , ở một thời gian cách xa gần hai mươi năm ! Thế mà triết gia nào nói người ta không thể tắm hai lần trên cùng một giòng sông nhỉ?*". Đây cũng là lời giảng Đức Phật hay dùng trong ví von về tính Vô thường .

Nhưng đây lại là cột lõi trong Thiền , sự phá chấp , cắt bỏ mọi trói

buộc rất ... thiền vị .

Tôi, người đọc sách , không muốn giữ cái khoái cảm lâng lâng cho riêng mình , sau khi đọc *Gỗ Thức Trên Rừng* , đã " liều lĩnh " viết lên những "lý giải" thật ngô nghê về một lãnh vực mênh mông , thiền vị trong truyện của Tâm Thanh . Một lãnh vực mà lý trí , ngôn ngữ , lời nói ... đều bị hạn chế . Với một tâm hồn rộng mở , Tâm Thanh "ngộ" được thiền .

Gấp cuốn sách lại, tôi có cảm giác như đang ngồi bên một hồ sen ở một cảnh chùa thanh vắng , trong một mùa hè oi bức . Làn gió nhẹ đưa hương sen thơm ngát dưới hồ , thoang thoảng trong không gian êm nhẹ. Tôi hít thở những hơi thật dài . Cảm ơn Tâm Thanh đã chấm phá nên những nét chân thành , chan chứa tình người , tuyệt đẹp của kiếp nhân sinh , thật ... thiền vị , trong một thời điểm nhân loại đang đứng bên hố thẳm của hận thù , giết hại nhau .

Mười bảy truyện ngắn trong Gỗ Thức Trên Rừng như các đóa sen đang hé nụ trong hồ , dưới ánh nắng đầu mùa hạ , tôi đang say sưa nhìn ngắm.

Xuân Đỗ

Đầu Hạ Nhâm Ngọ 2002

(*) Thiên Nga Giữa Cõi Người
Văn Học xuất bản 1999
(**) Thế Kỷ 21 số 156 tháng Tư , 2002
Phạm Xuân Đài , Đọc " Gỗ Thức Trên Rừng " .

Đã phát hành khắp nơi CD mới nhất
của nữ ca sĩ Quỳnh Giao
thơ tình phổ nhạc
hòa âm Duy Cường
gồm 11 bài thơ của Quang Dũng, Xuân Diệu, Du Tử Lê, Trần Dạ Từ...được các nhạc sĩ Phạm Đình Chương, Phạm Duy, Cung Tiến... phổ nhạc. Giá 15 MK kể cả cước phí
Liên lạc với: Đoan Trang Nguyễn
2800 Keller Drive #144, Tustin CA 92782-1018
Phone: (714) 544-0962

Tin Văn

Thế Quân

- Những nhà văn nữ không còn viết về Sex nữa?
- Văn chương Nam Phi sau thời đại Apartheid
- Một người mê sách: kẻ cứu tinh của một nền văn học
- Thêm một cái tang cho "Beat Generation": Philip Whalen
- Thành viên Á châu đầu tiên của Hàn Lâm Viện Pháp
- Một nhà văn Cuba đoạt giải văn chương Châu Mỹ La Tinh
- Hiện đại hóa Anh Ngữ: cuộc bầu chọn đầu tiên

*** Những nhà văn nữ không còn viết về Sex nữa?**

Sex và cuộc tìm kiếm quanh co một người bạn tình (a tortuous quest for a mate), vốn đã là cảm hứng lớn lao tạo nên những tác phẩm tiểu thuyết của các nhà văn nữ hàng thập niên qua, trông bộ không còn ăn khách nữa. Đó là nhận định của Angelique Chrisafis, thông tín viên văn học nghệ thuật tạp chí "The Guardian", Anh Quốc trong số ra ngày 10/6/2002. Tại sao vậy?

Bà Gillian Beer, giảng sư văn chương Anh tại đại học Cambridge, nguyên trưởng ban giám khảo giải Booker (Anh quốc) và hiện là một trong những giám khảo của giải văn chương "The Orange Prize for Fiction" dành cho những nhà văn nữ, đã làm ngạc nhiên khán giả tại buổi liên hoan "Guardian Hay" (London) qua bài diễn văn đọc hôm 9/6/2002, - với nhận định rằng vấn đề tính dục không còn là đề tài ưa thích của những nhà văn nữ nữa - hay chí ít cũng không còn là đề tài chính của họ. Điều đó cũng có nghĩa là những ám ảnh về quan hệ nam nữ với tất cả những chi tiết lý thú của nó đã bị những nhà văn nữ bỏ lại đàng sau. Theo bà, cái *libido* (dục tính) của đàn ông "chẳng còn là cột

cây nêu mà những nhà văn nữ xoay quanh để nhảy múa nữa".

Khám phá thú vị này có được là do sau khi đọc kỹ 100 tác phẩm dự giải "Orange" năm nay, ban giám khảo đã không còn tìm thấy loại dâm tính của một Anais Nin (1903-1977) hay thể loại hồi ký kiểu "Bridget Jones's Diary" của Helen Fielding, một loại sáng tác mà các nhà phê bình đặt cho một cái tên khá thời thượng là *"literary viagra"* (viagra văn chương). Cũng không còn những ước mơ thầm kín và những vấn nạn liên lỉ về tình yêu và các thao thức tình dục như trong những tác phẩm của Jean Rhys (1890-1979) hoặc Anita Brookner. Rõ ràng là có một hiện tượng mới: cảm hứng về *sex* trong văn chương phụ nữ (Anh và Mỹ) dường như đã chết, ít ra là cũng trong hầu hết những tác phẩm dự giải "Orange" năm nay. Thay vào đó xuất hiện một lô đề tài hoàn toàn mới lạ - tất nhiên là chỉ mới lạ đối với thế giới nữ lưu. Mới lạ và rộng lớn hơn: chiến tranh, gia đình, cộng đồng, sự thay đổi trong các vấn đề quốc gia, chủ nghĩa khủng bố hiện đại và lịch sử chẳng hạn. Họ bắt đầu viết theo kiểu của Doris Lessing hay Tony Morrison và Virginia Woolf. Bà Beer tỏ ra rất vui mừng khi nhận thấy trong danh sách chung tuyển giải năm nay có "The Siege" của Helen Dunmore, đề cập đến nạn đói ở thành phố Leningrad năm 1941; "Bel Canto" của Ann Patchett đề cập đến khủng bố xuyên lục địa; hay "Fingersmith" của Sarah Waters đề cập đến âm mưu phản bội vào thế kỷ 19 ở Anh quốc.

Nhưng nếu thế thì *sex* và những chuyện tình yêu lỉnh kỉnh đi đâu? Theo bà Beer, tất cả vẫn còn đó. Trong danh sách các tác phẩm chung tuyển, tình yêu và tình dục vẫn hiện diện đầy đủ, nhưng thay vì là trung tâm của tác phẩm, bây giờ chúng chỉ xuất hiện lót đường cho những sự kiện vượt ra ngoài những lo toan và ám ảnh cá nhân. Những chi tiết lỉnh kỉnh, thầm kín mà phong phú, đa dạng của đời sống phụ nữ nhường chỗ cho những quan tâm rộng lớn hơn về vai trò của cả hai phái tính trong các vấn đề xã hội. Ở đây, sự thay đổi cách viết có lẽ có liên quan đến sự thay đổi trong cách nhìn của người phụ nữ về đời sống. Nghĩa là có sự thay đổi trong quan niệm về nữ quyền (feminist). Trước đây, những nhà vận động nữ quyền thường chỉ tập trung sự tranh đấu của mình trong việc tìm cách khắc phục cái mặc cảm tự ty về "phái yếu", nhất là mặc cảm về cái thế "hạ phong" trong chuyện chăn gối của người phụ nữ. Sau nhiều năm tháng vùng lên, hoặc là họ cảm thấy đã đạt được thắng lợi rồi hoặc cảm thấy việc tranh đấu như thế không còn cần thiết nữa nên...nghỉ xã hơi chăng! Bây giờ, những nhà văn nữ viết cùng lúc để đáp ứng, không chỉ là với biến cố 11/9/2001, mà là nhiều chuyện khác, bằng cách tỉnh táo nhìn thẳng vào lịch sử thay vì chỉ loay hoay nhìn lui

nhìn tới bản thân mình. Sự thay đổi đó một phần cũng xuất phát từ những độc giả phụ nữ. Theo nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu xã hội cũng như văn chương, trong thời gian gần đây, phụ nữ nói chung ít quan tâm đến những chuyện vụn vặt đàn bà trong "Bridget Jones's Diary", nhất là loại hiện tượng đặc thù như hiện tượng khổ dâm (masochism) chẳng hạn.

Xuất hiện tại buổi liên hoan, có cả nhà văn nữ đã được bà Beer nhắc đến, Helen Fielding, tác giả của "Gridget Jones 's Diary". Được hỏi cảm tưởng về lời phát biểu của diễn giả, Helen cho biết đề tài của bà sau này sẽ là "non-Gridget Jones's Diary", nghĩa là nhân vật không còn là những người đàn bà độc thân nữa. Bà sẽ không viết tác phẩm kế tiếp của "Bridget Jones's Diary", nhưng tập trung trên một tác phẩm hoàn toàn mới với đề tài rộng lớn hơn, bao gồm cả nước Mỹ, nơi bà đang sống và cả những nơi xa xôi như ở Phi Châu.

"The Orange Prize for Fiction" là giải văn chương hàng năm lớn nhất tại Anh Quốc dành cho chỉ một tác phẩm trúng giải mà tác giả là phụ nữ. Giải được sáng lập vào năm 1996 do một nhóm phụ nữ lớn tuổi hoạt động trong ngành xuất bản đứng ra đảm trách, nhằm giới thiệu những tác phẩm văn chương xuất sắc do phụ nữ viết, đồng thời cũng qua đó, giúp đưa các tác phẩm của phụ nữ vào một thị trường độc giả lớn lao hơn.

Nhà văn đoạt giải Orange năm nay, công bố vào hôm 11/6/2002, là bà Ann Patchett, tác giả của truyện dài "Bel Canto". Giải được trả bằng hiện kim, trị giá 30 ngàn bảng Anh, tương đương với khoảng 45 ngàn đô-la.

*** Văn chương Nam Phi sau thời đại Apartheid**

Sau cuộc nội chiến Mỹ (1860-1865), người da đen ở Hoa Kỳ được giải phóng khỏi chế độ nô lệ. Ai cũng tưởng họ sẽ rất sung sướng vì đột nhiên được sống tự do, bình đẳng. Ấy thế mà, không. Trái lại, họ cảm thấy lạc lõng. Từ trước, tuy làm thân phận nô lệ, nhưng cuộc sống của họ, dù sao cũng có người lo, khỏi phải vận dụng trí óc. Bây giờ, bị buộc phải làm người tự do, họ mất phương hướng, không biết phải làm gì.

Tình trạng đó có cái gì tương tự với người da đen Nam Phi sau khi chế độ *apartheid* (phân biệt chủng tộc) bị sụp đổ năm 1994. Ông Mandeda lên năm chính quyền, trao lại cho người da đen tất cả những gì mà họ ao ước và tranh đấu bằng xương máu mấy thế hệ để có được. Nhưng sau một thời gian đầu ngây ngất, họ chững lại, ngơ ngác. Đó

cũng là tâm trạng của những nhà văn da đen Nam Phi hiện tại. Được giải phóng rồi, họ cầm bút mà không biết phải viết những gì. Ca ngợi chế độ mới ư? Chưa có gì phấn khởi đáng để ca ngợi. Tiếp tục chưởi rủa bọn phân biệt chủng tộc ư? Họ bị lật đổ rồi, kẻ thì vào tù, người thì mất quyền, 5 triệu người da trắng trở thành thiểu số "bị trị", chẳng còn hứng thú đâu mà chưởi những người thất thế. Chế độ mới mở toang cánh cửa ra cho thấy cả một con đường thênh thang trước mắt với vô vàn cơ hội, nhưng đồng thời cũng với vô vàn thách đố.

Phải đợi đến mấy năm sau.

Nhà văn Zakes Mda, 53 tuổi, mà tác phẩm đầu tay là "Ways of Dying" xuất bản năm 1995, đã từng sống lưu vong ở nước ngoài đến 32 năm. Khi trở về nước, ông hết sức thất vọng khi thấy số lượng các tác phẩm văn chương quá hiếm hoi. Tất cả có thể đếm được trên đầu ngón tay, dù mấy năm vừa rồi hoạt động xuất bản bắt đầu có vẻ rộn rịp. Đã thế, dù hết sức cố gắng, những nhà văn da đen - chủ nhân ông của nước Nam Phi mới - cũng không cách nào vượt qua nổi những khuôn mặt "khổng lồ" trong văn giới Nam Phi như Nadine Gordimer, J.M. Coetzee, Athol Fugard. Mà điều đáng buồn hơn nữa là các khuôn mặt lớn này là những người da trắng và không những thế, sự nghiệp của họ lại gắn liền với phong trào tranh đấu chống sự kỳ thị chủng tộc trước đây. Mda buồn bã nhận xét: "Viết về quá khứ thì dễ hơn nhiều, đó là sự thật. Bởi vì quá khứ đã tạo ra những câu chuyện làm sẵn rồi (ready-made stories). Bạn thấy không, thời đó, có một biên cương rõ ràng giữa thiện và ác. Đen thì là thiện, trắng thì là ác. Xung đột nằm ở đó. Không có khu vực trung gian. Nhưng bây giờ chúng ta không còn như thế nữa. Trong tình hình mới mẻ hiện nay, đen thì không hẳn đã tốt (và trắng không tất nhiên là xấu). Có quá nhiều tội phạm da đen; lại có nhiều người da trắng tốt. Chúng tôi đã trở nên bình thường. Và thật là đau khổ khi được trở nên bình thường (It' s very painful to become normal) (...) Nhiều người đã từng là nhà văn rất năng nổ trước đây, bây giờ không còn cách gì viết nổi một chữ kể từ khi chế độ *apartheid* chấm dứt. Chúng tôi đã phải học tập xem thử tự do là cái gì vậy. Hiện chúng tôi vẫn còn học tập".

Từ nhiều thập niên, những nhà văn da đen bị hành hạ và đàn áp bởi chính quyền da trắng. Nhiều người bị tù đày. Những người khác phải chọn kiếp sống lưu vong. Các nhà xuất bản và các tạp chí văn học từ chối in bài vở và tác phẩm của họ. Hầu hết tác phẩm của họ đều bị cấm lưu hành tại Nam Phi. Thế nhưng, dù trong hoàn cảnh nào - tù đày, lưu vong, bị săn lùng đêm ngày - họ vẫn tiếp tục cầm bút, vẫn viết để tiêm sức sống và sự cam đảm cho đồng bào của họ đang rên siết dưới ách

thống trị của chính quyền da trắng kỳ thị. Trong thập niên 1930, Sol Plaatje trở thành nhà văn da đen Nam Phi đầu tiên có tác phẩm xuất bản bằng Anh văn. "Mhudi", một tiểu thuyết lịch sử, diễn tả sự thất bại của bộ lạc Ndebele vào những năm 1800 do một liên minh giữa đen + trắng. Nối tiếp là Can Themba và Nat Nakasa viết những truyện ngắn về đời sống thành thị và về chế độ *apartheid* vào những năm 1950. Cả hai, sau này, đều bị buộc phải lưu vong nếu không muốn bị giam tù. Cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, xuất hiện một nền văn chương phản kháng (protest literature): thơ ca, truyện (ngắn và dài) đều đồng loạt ca ngợi công cuộc đấu tranh chống lại chính sách kỳ thị chủng tộc của nhà cầm quyền da trắng. Các nhà văn tạo ra những nhân vật độc đáo bị kiềm tỏa trong đói, nghèo, tuyệt vọng, bị kỳ thị dã man. Văn chương trở thành là nơi biểu lộ khát vọng được sống trong tự do, bình đẳng, no ấm.

Bây giờ, họ có tất cả. Những đề tài cũ chẳng còn ăn khách. Sau một thời gian chững lại, hai năm rồi, người ta thấy có sự chuyển động trong sáng tác văn chương, nhất là sự xuất hiện các nhà văn trẻ. Nhà văn Phaswane Mpe, 31 tuổi, nhận xét "Những vấn đề chủng tộc tất nhiên không còn chiếm ưu thế trong đời sống của tôi nữa. Thế giới bây giờ phức tạp hơn nhiều so với chuyện da trắng - da đen. Chúng tôi tự do. Chúng tôi dám chọn những đề tài không hề được lưu tâm tới trong những năm tháng dưới chế độ *apartheid*". Sự xung đột đen - trắng nhường chỗ cho xung đột khác: xung đột giữa những người da đen ở lại chiến đấu chống kỳ thị và đồng bào họ lưu vong ở nước ngoài trở về và đang bon chen kiếm việc làm, xung đột giữa truyền thống và văn minh thành thị, xung đột giai cấp ngay trong thế giới những người da đen. Những người da đen trẻ, có học thức bây giờ có thể sống thoải mái, tự do giữa cả hai thế giới đen và trắng. Những người này, do điều kiện kinh tế tốt hơn, có xu hướng đi tìm một căn cước mới cho mình, một cuộc tìm kiếm khổ đau vì họ không thấy mình thuộc về thế giới nào, đen hay trắng. Họ quá xa cách với thực tại da đen (tội lỗi, nghèo khổ, trình độ thấp...) nhưng lại chẳng thể trở thành đồng hạng với da trắng (chỉ vì màu da không thể nào tẩy xóa đi được).

"Welcome to our Hilbrow" của Mpe đề cập đến những đường phố tối tàn với đĩ điếm, tội phạm, bệnh AIDS đang đe đọa cuộc sống bình an của họ. Sello Duiker, 27 tuổi, qua "The Quiet Violence of Dreams" (2001) diễn tả một người đàn ông da đen có học chiến đấu với bệnh tâm thần và rồi chịu an phận với tình trạng đồng tính luyến ái. Một truyện khác cũng của ông, "Thirteen cents" (2000), diễn tả những đứa trẻ bụi

đời vật lộn để sống còn trong một xứ sở mà sự đụng độ giai cấp càng ngày càng gay gắt.

"The Heart of Redness" (2000) của Mda, đề cập đến sự căng thẳng giữa những người da đen chấp nhận các giá trị Tây Phương và những người da đen khác muốn phục hồi và bảo vệ những giá trị truyền thống, kể cả những tập tục, lễ nghi vô cùng phản khoa học và lạc hậu. Truyện đồng thời cũng diễn tả sự tan vỡ ảo tưởng của những người da đen lưu vong, trở về nước với ấm ấp hy vọng về một đất nước tươi đẹp, để chứng kiến một đất nước mà những người cầm quyền mới chỉ là những người cầm quyền cũ với màu da khác. Họ cũng tham nhũng, bất công, đàn áp và thậm chí còn... kỳ thị hơn cả những người da trắng.

David Atwell, giáo sư Anh văn tại đại học Natal - người viết về nhà văn Coetzee và mới đây có biên soạn một cuốn về lịch sử văn học Nam Phi da đen - cho rằng "Những nhà văn da đen đang bướng dẫn một cuộc tranh cãi về tất cả mọi loại vấn đề, chứ không chỉ là vấn đề chủng tộc. Dưới chế độ *apartheid*, vấn đề là chủng tộc và kháng chiến. Bây giờ cuộc đấu tranh thắng lợi rồi, phạm vi trở nên rộng lớn hơn nhiều đối với các nhà văn".

Những nhân vật trong các tiểu thuyết mới, tất nhiên không còn là những người da đen nghèo khổ đấu tranh kiên cường chống những người da trắng giàu có, bóc lột. Nhân vật da đen bây giờ có thể là Tshepo, một sinh viên thuộc giai cấp trung lưu như trong một truyện mới đây của Duiker, lái xe hơi đắt tiền và học trường tư, thích giao du với người da trắng thượng lưu hơn là với bạn bè đồng chủng. Là một Camagu trong truyện của Mda, đậu tiến sĩ và có nhiều kinh nghiệm làm việc từ một công ty ở New York, trở về quê nhà kiếm một việc làm tương xứng, nhưng lại không muốn quy lụy những người da đen mới lên cầm quyền. Hoặc là một Refentse, giáo sư phụ giảng đại học, vợ là biên tập viên của một nhà xuất bản lớn. Họ lớn lên trong một vùng quê nghèo, mơ ước được sống ở đô thị, cuối cùng thực hiện được giấc mơ của mình để rồi trở thành một cái gì y như thể trưởng giả học làm sang. Ngoài ra, nhân vật còn là những người bị bệnh *AIDS*, những đứa trẻ lang thang bụi đời, những tội phạm. Cũng còn có những nhân vật đại loại như một người da đen, đã từng bị đánh đập tàn nhẫn vì chống lại nhà cầm quyền da trắng, bây giờ trở lại đàn áp thô bạo đồng hương của mình. Cũng không thiếu những nhân vật tha hóa, chạy đua theo các tiện nghi vật chất, học đòi những thói trưởng giả rởm như đặt tên con theo tên của các hãng sản xuất nổi tiếng, tên của hãng điện thoại di động hoặc nuôi chó loại đắt tiền, vân vân. Và một nét đặc biệt cần lưu ý, những nhân vật da

trắng (ngày xưa vốn xuất hiện như những người ác) thì bây giờ lại trở nên những người lương thiện, đàng hoàng, sống có thủy có chung trong lúc những người da đen thì trái lại.

Theo nhà văn Duiker, "Căng thẳng chủng tộc đen - trắng mờ nhạt dần khi những người da đen có thể theo đuổi giấc mơ của họ đến cùng" (...) "Chúng tôi là những người bình thường với những tình cảm, tham vọng và tất cả đang bon chen để sống còn. Những nhà văn da đen đàn anh đã phải viết về những bất công tồn tại lúc đó. Giờ tôi có thể nói những gì tôi muốn. Tôi tự do"

Nghe lạc quan thật! Thực ra, theo nhận định của nhiều nhà văn khác, bên dưới những dấu hiệu lạc quan đó, vẫn tiềm ẩn những rối loạn mới: bạo động, tội ác và cả... hình thức *apartheid*. Trong truyện của Mpe, ta thấy một số nhân vật là người da đen, lại chấp nhận thiên kiến của người da trắng, nhìn những người da đen khác một cách khinh bỉ, nhất là những người da đen mà họ gọi là những "black foreigners" (những người ngoại quốc đen) và tố cáo những người này đã mang bệnh *AIDS* về nước truyền nhiễm và tồi tệ hơn là...ăn cắp công ăn việc làm của những người trong nước!

Ôi, tự do, giải phóng, độc lập vân vân và vân vân. Tất cả rốt cuộc, vẫn chỉ là những danh từ. Khi chưa có được, chúng ngân vang rổn rảng, hấp dẫn, mời gọi. Nhưng khi cầm được trong tay rồi thì hóa ra là...*nothing*. Cuộc nhân sinh vẫn cứ thế mà quay cuồng. Thì làm sao được. Nhìn vào trong nước, gần 30 năm sau khi đánh bại những người quốc gia, cả một nền văn học Cộng Sản dường như vẫn cứ thế - loay hoay, gượng gạo và nghèo nàn.

Có lúc tôi lẩn thẩn tự hỏi, nếu như bỗng nhiên chế độ Cộng Sản Việt Nam lăn đùng ra chết thì không biết các bạn tôi và tôi ở hải ngoại này có còn chút cảm hứng gì để tiếp tục viết?!

*** Một người mê sách: kẻ cứu tinh của một nền văn học**

Trên thế giới, chắc hiếm có người nào mê sách như Gene Smith. Và nhờ mê sách mà vô tình ông cứu vớt một nền văn học. Bởi thế mà ký giả Barbara Stewart của New York Times đã không ngần ngại gọi ông già Smith là "*a savior of Tibet's literature*" - người cứu tinh của cả một nền văn học đang bị lâm nguy: văn học Tây Tạng.

Có thể nói, ông Smith đang sở hữu cả một kho tàng văn chương Tây Tạng lớn lao mà ông sưu tập được từ năm 37 năm nay. Theo ước tính, ông hiện có khoảng 12 ngàn tác phẩm văn chương Phật Giáo và văn

chương chịu ảnh hưởng Phật Giáo của Tây Tạng. Những học giả Mỹ đánh giá công trình sưu tập văn chương của ông là công trình to lớn nhất ở phương Tây và có thể to lớn nhất trên thế giới. Nhiều trường đại học thương thuyết với Smith để mua toàn bộ hay một phần bộ sưu tập của ông với cái giá đặc biệt, nhưng ông cương quyết từ chối. Không phải vì ông ích kỷ, nhưng ông có một dự tính khác. Thay vào đó, ông muốn chia sẻ toàn bộ công trình của ông với tất cả những ai quan tâm đến kho tàng văn chương Tây Tạng, bằng cách *scan* hàng trăm triệu trang sách vào máy vi tính và đưa toàn bộ lên một Website đặc biệt (*tbrc.org*) để mọi người có thể sử dụng miễn phí. Công việc này sẽ do một tổ chức bất vụ lợi mà ông sáng lập tên là "Tibetan Buddhist Resource Center" đảm trách và dự trù sẽ hoàn tất trong vòng 5 năm.

Gene Smith năm nay 65 tuổi, độc thân, sinh trưởng trong một gia đình theo giáo phái Mormon (một giáo phái do Joseph Smith sáng lập ở Hoa Kỳ vào năm 1820, thờ Chúa Jesus và dựa vào thánh kinh, nhưng có những cách giải thích riêng về thánh kinh và về thượng đế), nhưng cải đạo sang Phật Giáo. Ông dành cả cuộc đời, tiền bạc và năng lực vào công trình sưu tập sách độc đáo này. Vì thế, ngay cả việc mua một căn nhà để làm chỗ dưỡng già ông cũng chẳng để tâm. Ông cho biết "Tôi không có con cái gì. Do đó, tôi khỏi phải lo lắng dành dụm để gửi chúng vào đại học. Tiền tôi kiếm được, tất cả đều nằm hết trong sách". Lý do đưa ông đến việc nghiên cứu văn chương Tây Tạng cũng khá lạ. Số là hồi chiến tranh Việt Nam, ông là một sinh viên phản chiến tại đại học Washington. Nhưng thay vì chọn cách xuống đường biểu tình, ông xoay sở để được hoãn dịch bằng cách ghi danh tình nguyện học một trong những ngôn ngữ khó học như tiếng Mông Cổ hay Thổ Nhĩ Kỳ, và sau này khi có một vị Lạt ma Tây Tạng sang, thì ông chọn học tiếng Tây Tạng. "Tôi tìm cách làm bất cứ điều gì giúp tôi khỏi phải đi phục vụ ở Việt Nam. Hơn hết thảy mọi thứ, tôi muốn đứng ngoài cuộc chiến". Smith học triết lý và quan điểm về thế giới của Phật Giáo Tây Tạng với lạt ma Deshung. Theo ông, Deshung "là một người duy lý nhất mà tôi gặp trong đời. Tôi học được từ ông rằng 'Chân lý chỉ đúng bên trong hệ thống của nó' (Truth is true only within its system)". Lạt ma Deshung là một người mê sách. Và nỗi đam mê ấy truyền sang Smith khiến ông trở thành một người mê sách luôn.

Sau 5 năm theo học tiếng Tây tạng, theo lời khuyên của vị lạt ma, Smith du hành qua Ấn Độ nhiều lần để sưu tập sách. Như ta biết, văn minh Tây Tạng là một nền văn minh ẩn dấu. Cho đến sau khi Trung Quốc xâm chiếm Tây Tạng, thế giới không mấy ai biết đến nền văn

minh đặc biệt này. Bởi thế trên thế giới, không đâu có các tác phẩm của Tây Tạng, kể cả ở những thư viện lớn nhất. Elliot Sperling, giáo sư dạy về văn minh Tây Tạng tại đại học Indiana, nói "Tây Tạng là một thế giới văn chương mênh mông và tự lập (self-contained). Những người Tây Tạng hết sức kính trọng tất cả những gì viết ra thành chữ. Đó là một nền văn minh viết-đọc (literate civilization) có lịch sử cả 1000 năm và sản xuất một khối lượng đồ sộ những tác phẩm văn chương".

Thế là Smith trở thành nhà chuyên môn đầu tiên mang văn minh Tây Tạng đến với thế giới phương Tây. Donald Lopez, chủ tịch phân khoa Ngôn Ngữ và Văn Hóa Á Châu tại đại học Michigan, cho biết "Smith là nhà chuyên môn về Tây Tạng đầu tiên. Ông ấy đã đưa môn nghiên cứu về văn hóa Tây Tạng thành sự thực". Những sách mà ông tìm được và xuất bản xuyên qua Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, rốt cuộc đã trở thành nền tảng cho những nghiên cứu về Tây Tạng ở Hoa Kỳ. Trong việc xuất bản đó, ông thường mua lại những bản sao những tác phẩm Tây Tạng cổ và phân phối cho các trường đại học và các thư viện.

Nhưng để có được những tác phẩm như thế không phải là việc dễ dàng.

Trước hết, ở Tây Tạng, người ta không biết in sách. Sách toàn được hoàn thành bằng cách chép tay hoặc khắc trên các bản gỗ và lưu giữ trong các tu viện (vốn là những trung tâm học tập) hoặc trong nhà riêng. Đã thế, mỗi một trong 4 tông phái Phật Giáo Tây Tạng lại có một nền văn chương riêng biệt. Chẳng có ai đã từng làm một bản phân loại hay một bản danh sách đầy đủ sách của các tông phái. Sau khi Trung Quốc xâm lăng, sách lại bị phân tán khắp nơi, chẳng biết tác phẩm nào còn tác phẩm nào mất.

Thứ đến, các tác phẩm văn chương Tây Tạng thường là do những người tỵ nạn Tây Tạng chịu đựng bao nhiêu khổ ải, vượt những ngọn núi cao trong dãy Hy Mã Lạp Sơn mang sang Ấn Độ hoặc các xứ khác. Tìm hỏi cho ra người có mang sách đã là một việc khó. Lại phải biết sách nào hiếm quý và quan trọng hơn cả trong mỗi tông phái chính, nghĩa là phải có một kiến thức sâu rộng về văn chương Tây Tạng và đòi hỏi một công trình nghiên cứu kỹ lưỡng. Nếu không thế, thì người ta sẽ chỉ sưu tập được những cuốn sách bình thường và tầm thường mà thôi, ông Smith cho biết.

Để khắc phục những khó khăn nói trên, Smith phải toàn tâm toàn ý làm việc liên tục, tìm đến những vị lạt ma lưu vong và nhiều lần cầu cứu đến cả đức Đạt Lai Lạt Ma để tham khảo ý kiến về những tác phẩm có giá trị, đồng thời gửi những nhà chuyên môn đến các nơi xa xôi trong xứ

Ấn Độ cũng như Nepal để săn lùng cho kỳ được sách. Derek Kolleeny, một dịch giả Tạng ngữ và là thành viên trong ban điều hành "Tibetan Buddhist Resource Center" cho biết "Trong quá trình làm việc như thế, kiến thức về văn học của ông Smith trở nên mênh mông, phi thường". Rốt cuộc, ông trở thành giám đốc lưu động của văn phòng thư viện đặt ở New Delhi và sau này đặt ở cả Indonisia và Cairo. Nhà ông ở tại New Delhi trở thành nơi dừng chân bắt buộc của nhiều sinh viên trên thế giới bị lôi cuốn bởi nỗi đam mê nghiên cứu về văn chương Tây Tạng.

Hiện nay, ông đã nghỉ hưu và dự định chuyển chỗ ở về thành phố New York, nơi mà một cơ quan văn hóa tên là "Rubin Cultural Trust" hứa cung cấp cho ông những địa điểm mở văn phòng. Phải có đủ chỗ để chứa thêm một số sách hiện đang tồn trữ và hàng trăm cuốn sách mới khác vừa được tìm thấy thời gian gần đây - những cuốn mà từ lâu người ta tưởng là đã bị phá hủy, ông cho biết như thế.

Bảo Jene Smith là người cứu tinh của cả một nền văn học, quả không có gì quá đáng!

*** Thêm một cái tang cho "Beat Generation": Philip Whalen**

Philip Whalen, một trong những thành viên nòng cốt của trào lưu văn chương nổi tiếng Hoa Kỳ "Beat Movement" vừa từ trần hôm 26/6/2002 tại San Francisco sau một cơn bệnh kéo dài, hưởng thọ 78 tuổi. Ông sinh năm 1923 tại thành phố Portland, bang Oregon. Trong thời gian Đệ Nhị Thế Chiến, ông nhập ngũ và phục vụ trong đơn vị không quân. Sau chiến tranh, ông trở lại theo học tại đại học Reed College và tốt nghiệp cử nhân năm 1951.

Qua sự lôi kéo của Gary Snyder, một trong hai người bạn thân ở chung phòng khi còn theo học đại học, Whalen tham dự buổi đọc thơ tại "Six Gallery" ngày 7/10/1955 - buổi đọc thơ đã đi vào văn học sử Hoa Kỳ, vì tại đây, bài thơ trứ danh "Howl" của Allen Ginsberg lần đầu tiên đã được đọc lên trước đông đảo quần chúng đánh dấu sự hình thành một trào lưu văn chương mới được gọi là "Beat Generation". Sau đó, Whalen làm quen với Jack Kerouac, Michael McClure, Kenneth Rexroth, Lawrence Ferlinghetti..., gia nhập nhóm và góp phần tích cực vào sự phát triển của "Beat Generation" những năm sau này. Whalen vốn không phải là người sính thơ, nhưng sau khi ở trong nhóm, ông bắt đầu làm thơ và theo nghiệp thơ cho đến lúc cuối đời. Cũng như những thành viên khác của Beat, ông say mê triết lý Phật Giáo và tìm thấy ở trong thứ triết lý đông phương này nguồn cảm hứng bất tận cho đời sống cũng như

sáng tạo. Ông đã để tâm nghiên cứu Phật Giáo từ hồi còn ở trong quân đội, bởi thế khi gặp nhóm chủ trương Beat, ông như cá gặp nước. Ông du hành sang Nhật nhiều lần và dành nhiều thời gian học Phật Pháp ở đó. Năm 1973, ông xin quy y và trở thành một nhà sư Phật Giáo Thiền Tông (Zen Priest). Về nước, ông coi sóc cơ sở truyền bá Phật Giáo "Dharma Sangha" tại thành phố Santa Fe, bang New Mexico năm 1984 và sau này, coi sóc một trung tâm Phật Giáo khác ở San Francisco cho đến khi chết.

Ông xuất bản nhiều thi tập, trong đó có "On Bear' s Head" (1967), "Canoeing Up Cabarga Creek: Buddhist Poems 1955-1986", "Heavy Breathing: Poems 1967-1980". Ngoài ra, ông cũng xuất bản hai truyện dài: "You Didn' t Even Try"" và "Imaginary Speeches for a Brazen Head". Thơ của ông còn xuất hiện trong tuyển tập thơ Hoa Kỳ "New American Poetry" (1959).

Whalen đóng một vai trò đáng kể trong trào lưu "Beat Generation" và sau này trong phong trào Phục Hưng Thi Ca Hoa Kỳ (Poetry Renaissance) ở San Francisco. Khác với nhiều sáng tác của những Beats khác, giọng thơ của ông có tính trào lộng, phi chính trị và đề cập đến những cái tầm thường, vô nghĩa trong đời sống với một sự trân trọng. Paul Christensen, trong "Dictionary of Literary Biography, viết: "Văn phong và nhân cách khác thường của Whalen góp phần tạo nên đặc điểm nổi bật trong thơ như là một tiếng nói vừa đầy tục lụy vừa trung thực, lại phức tạp và nhiều biến điệu của giai đoạn giữa thế kỷ (TK20) cuồng loạn, ông là một tay hát rong và nhà tư tưởng đầy sáng tạo luôn luôn khước từ cái cung cách đạo mạo trong suốt thời kỳ phục hồi lớn lao lối viết thơ tình mộng ảo trong nền thi ca Mỹ".

Ta hãy thưởng thức một bài thơ điển hình của Philip Whalen:

The Memory Of
Mr J who had been poor for years
Inherited all the money in the world
Bought a gun to blow a hole in his head
To let in air and light he said
To let me out

Today, I have my head to shave
There are lights and shadows in it
All too soon empty open ashes
Join mirthfully to earth

Trào lưu Beat (Beat Movement) hay còn gọi là "Beat Generation" là một trong những trào lưu văn chương quan trọng trong lịch sử văn học Hoa Kỳ. Các nhà viết lịch sử văn học Hoa Kỳ thường gọi họ là nhóm người "bất đồng chính kiến" (dissident groups) vì họ chống đối lại mọi hình thức sinh hoạt văn học cũng như đời sống và xã hội giai đoạn sau chiến tranh. Là những người quá chán chường với nền văn minh vật chất kiểu Mỹ sau Đệ Nhị Thế Chiến, họ muốn tạo dựng nên một nước Mỹ mới - một nước Mỹ hướng về tâm linh (spiritual). Phong trào bị những nhà phê bình kinh điển bài xích dữ dội lúc khởi đầu, nhưng không suy yếu chút nào mà lại còn lan tràn ảnh hưởng rộng rãi. Văn thơ của họ là một tổng hợp giữa truyền thống hoang dã của văn chương Mỹ với Phật Giáo, huyền thoại thổ dân và thiên nhiên.

Theo các nhà nghiên cứu văn học thì từ "beat" do Jack Kerouac đặt ra từ những năm cuối thập niên 1940 và trở thành một thuật ngữ văn học để chỉ những nhà văn, nhà thơ trong nhóm. Nguyên ngữ của nó là một tiếng lóng được sử dụng trong những nhóm xiếc hay văn nghệ trình diễn lưu động để chỉ tình trạng tuyệt vọng, túng quẫn, bế tắc, không lối thoát trong đời sống của những người "Sơn Đông mãi võ" Hoa Kỳ. Cũng là một thứ tiếng lóng trong thế giới của dân hút xách, đĩ điếm, theo đó, "beat" có nghĩa là "bị tước đoạt" (robbed) hay bị "lừa đảo" (cheated): *to be beat is to be down and out. You are beat but free when you have nothing left to lose*. Có thể hiểu đại khái là: bị "beat" tức là bị loại bỏ, nhưng khi bị loại bỏ thì anh tự do vì anh chẳng còn gì để mất. Nhóm Beat sử dụng từ này với ý nghĩa "kiệt sức" (exhausted), "phá sập" (beat down). Vào một ngày tháng 11/1948, trong một cuộc trò chuyện với nhà văn John Clellon Holmes, Kerouac lần đầu tiên sử dụng cụm từ "Beat Generation" để chỉ tình hình của cả một thế hệ bị lừa đảo, bị tước đoạt bởi những trò đạo đức giả sau Đệ Nhị Thế Chiến. Bốn năm sau, 1952, "Beat Generation" lần đầu tiên đi vào công chúng qua một bài báo có tựa đề "This is The Beat Generation" của Holmes in trên tờ "New York Times". Từ đó, "Beat Generation" chính thức trở thành tên của nhóm. Theo Holmes, Beat Generation là "một loại tinh thần hoặc linh hồn trần trụi, một cảm giác bị giản lược đến tận đáy của ý thức" (a sort of nakedness of mind, and, altimately, of soul, a feeling of being reduced to the bedrock of consciousness). Sau này, Ginsberg giải thích thêm "Ý chính của Beat là chúng ta bị đẩy xuống đến một mức độ trần trụi nào đó, nơi mà lúc bấy giờ ta có thể nhìn thấy thế giới này trong một cái nhìn mộng ảo, là sự cảm thông nguyên vẹn cổ xưa với những gì đã xảy ra trong

bóng đêm u tối của linh hồn". Sau này, tự điển "Random House Dictionary", với sự góp ý của Kerouac, cho một định nghĩa cụ thể hơn: "Beat Generation là thành viên của một thế hệ lớn lên sau chiến tranh thứ II, được xem như là kết quả của sự tan vỡ ảo tưởng xuất phát từ chiến tranh lạnh, muốn thực hiện một cuộc vượt thoát huyền ảo (mystical detachment) khỏi những căng thẳng xã hội và tình dục". Từ xuất phát điểm đó, họ sáng tác hoàn toàn dựa trên tự do và cảm hứng cá nhân, cách ly hẳn với cái xã hội bên ngoài mà họ cho là chẳng mấy quan tâm đến sinh hoạt tinh thần. Họ sống buông thả, thoát ngoài mọi ràng buộc và có người (như Kerouac) đắm chìm trong hút xách, tình dục sa đọa. Văn phong thoát khỏi mọi quy ước, có tính ứng khẩu (improvisational), nguyên chất (raw), không câu nệ hình thức, kết cấu. Những người theo trào lưu của nhóm gọi là những *Beats*.

Điều đặc biệt cần ghi nhận: Phật Giáo là tôn giáo của *Beats*. Phật Giáo bắt đầu ảnh hưởng đến những khuôn mặt chính yếu của Beats vào những năm giữa thập niên 1950 khi Kerouac và Ginsberg đào sâu vào triết lý Phật Giáo. Lúc đầu hai người chỉ muốn tìm hiểu cho biết bằng cách đọc các sách trong thư viện, nhưng sau khi gặp được Gary Snyder và Kenneth Rexroth (hai người rất thấm nhuần Phật Giáo) thì Kerouac và Ginsberg trở nên gắn bó sâu xa với tôn giáo này và tìm thấy trong đó chứa đựng nguồn cảm hứng vô tận cho các sáng tác của họ. Tất cả các tác phẩm của Kerouac viết vào những năm cuối thập niên 1950 như "The Dharma Bums" và "Big Sur" có thể được giải thích như là những dụ ngôn Phật Giáo. Ginsberg cũng viết các bài thơ chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật Giáo và ông đã dành nhiều tâm huyết và năng lực trong việc phổ biến Phật giáo trong 3 thập niên qua ở Hoa Kỳ.

Những thành viên nặng nổ của "Beat Generation" có Jack Kerouac (1922-1969), Allen Ginsberg (1926-1997), Gary Snyder (1930-), Kenneth Rexroth (1905-1982), Lawrence Ferlinghetti (1919-), Philip Whalen (1923-2002), Herbert Huncke (1915-1996), William Burroughs (1914-1997). Nổi bật nhất trong số đó là Jack Kerouac, người mà tác phẩm trứ danh "On the Route" (1957) viết trên giấy cuộn đã bán đấu giá được đến 2, 2 triệu đô la vào tháng 5 năm rồi, vượt xa con số 1,5 triệu đô la của bản thảo tác phẩm "Ulysses" của James Joyce (về Jack Kerouac, xin xem Tin Văn, Văn Học số 181, tháng 5/2001 và Tin Văn, Văn Học số 183, tháng 7/2001) và Allen Ginsberg, tác giả bài trường thi "Howl", với hơi thơ hoàn toàn mới lạ, siêu thực, một biểu tượng cho trào lưu Beat. Là một bài thơ đẫm dục tính, "Howl" trải qua rất nhiều khó khăn trước khi tòa án cho phép xuất bản, về sau được dịch ra 22 ngôn ngữ trên thế

giới và trở thành một trong những bài thơ được đọc nhiều nhất thế kỷ (TK20).

*** Thành viên Á châu đầu tiên của Hàn Lâm Viện Pháp**

Hàn Lâm Viện Pháp (Académie Francaise), diễn đàn trí thức hàng đầu của Pháp, vừa bầu chọn một thành viên mới, ông Francois Cheng, người Pháp gốc Trung Hoa, thế chỗ cho ông hàn quá cố Jacques de Bourbon-Busset (chết tháng 5/2001). Trong cuộc bỏ phiếu, ông nhận được 21 phiếu so với 4 phiếu dành cho Alexandre Astruc và 2 phiếu dành cho Pierre Clavaud, cả hai người này đều là những nhân vật tiếng tăm của Pháp. Ông Cheng là một tài năng đa dạng: họa sĩ, nhà thơ, nhà văn, dịch giả, nhà biên khảo và thư pháp gia. Năm nay 72 tuổi, ông Cheng được học bổng du học Pháp từ năm 1948, chỉ một năm trước khi Đảng Cộng Sản Trung Quốc chiếm quyền ở Hoa Lục. Lúc mới đến Pháp, người thanh niên 18 tuổi này chưa biết đến một chữ Pháp nào. Ông cặm cụi học tập, mãi đến năm 1977, lúc gần 50 tuổi, ông mới cho xuất bản tác phẩm đầu tiên là một tác phẩm biên khảo về thơ Trung Hoa, "L' écriture poétique chinoise". Vinh quang đến với người cầm bút này có phần muộn màng. Năm 1998, ông mới lần đầu tiên đoạt được một giải thưởng văn chương, lại là một trong những giải văn chương hàng đầu của Pháp, Femina, với tác phẩm "Le Dit de Tianyi" (bản dịch tiếng Anh có tựa đề "The River Below"). Đó là một tác phẩm nửa hư cấu nửa tự truyện. Cũng năm đó, ông đoạt giải André Malraux với tác phẩm "Shitao, la saveur du monde". Đến năm 2001, truyện dài mới nhất của ông, "L'Éternité n'est pas de trop" (Eternity is not Too Much), đoạt giải "Grand Prix de la Francophonie" của Hàn Lâm Viện Pháp. Ngoài ra, ông còn xuất bản các tác phẩm "Vide et Plain: le langage pictural chinois" và "D' où jaillit le chant" là những tác phẩm nghiên cứu.

Trong một buổi lễ vinh danh ông, tổng thống Pháp Jaques Chirac ca ngợi ông là "một nhà văn xuất sắc", một "người khôn ngoan của thời đại chúng ta". Việc bổ nhiệm ông vào Hàn Lâm Viện Pháp, theo Tổng Thống, cho thấy "sự tranh đấu cho tính đa dạng và đối thoại về văn hóa, đó cũng chính là sự tranh đấu của nước Pháp". Trong lời phát biểu đáp lễ, ông Cheng xúc động bày tỏ lòng biết ơn sâu xa đối với nước Pháp. "Cám ơn nước Pháp, xứ sở nuôi của tôi, đã mang lại cho tôi một ngôn ngữ đẹp như thế. Khi tôi chấp nhận viết bằng tiếng Pháp, ngôn ngữ này đã trở thành quê hương thực sự của tôi. Nước Pháp đã cho phép tôi có

được khả năng tìm sâu vào yếu tính của sự vật".

Francois Cheng nhập tịch Pháp năm 1971. Năm 1974, ông dạy văn chương và thẩm mỹ tại một số trường ở Paris và sau đó, tại trường Ngôn Ngữ Đông Phương. Ông là bạn của Jacques Lacan, nhà phân tâm học và Roland Barthes, nhà phê bình văn học.

*** Một nhà văn Cuba đoạt giải văn chương Châu Mỹ La Tinh**

Vào hôm thứ hai ngày 8/7/2002, nhà văn (cũng là nhà thơ) Cuba Cintio Vitier được chọn trao giải thưởng văn chương "Juan Rulfo Prize" năm nay. Theo ban giám khảo giải thì ông là "một trong những nhà văn và nhà phê bình quan trọng nhất trong thế hệ của ông" và là "một nhà nhân bản đích thực".

Trong lời phát biểu chấp nhận giải, Vitier nói: "Tôi đã chẳng hề mong mỏi một điều gì như thế. Nó làm tôi thực sự xúc động".

Cintio Vitier, năm nay 80 tuổi, rất nổi tiếng ở Cuba nhưng chẳng mấy ai biết đến ở bên ngoài đảo quốc này. Ông sinh ở tại thành phố Key West, bang Florida, Hoa Kỳ vào năm 1921, nhưng theo học ở Cuba tại một ngôi trường do cha ông xây dựng tại Matanzas, sau đó học đại học Havana và tốt nghiệp luật sư vào năm 1947, ba năm trước khi ông Fidel Castro, cũng tốt nghiệp tại nơi đây. Các tác phẩm của ông gồm có một cuốn văn xuôi "From Pena Pobre", hai tập thơ "Evenings" và "Testimonies", cùng một số tác phẩm phê bình lý luận về văn chương và văn hóa. Năm 1988, ông đoạt giải Văn Chương Quốc Gia Cuba. Tháng 5 năm nay, chủ tịch Castro trao tặng ông "Huân Chương Jose Marti" vì công trình nghiên cứu của ông về người anh hùng dân tộc Cuba này. Ông hiện là chủ tịch danh dự của Trung Tâm Nghiên Cứu về Jose Marti. Con trai của Vitier, Jose Maria Vitier, một trong những nhạc sĩ trứ danh nhất của Cuba, là người sáng tác nhạc phẩm "Misa Cubana" biểu diễn trong dịp chào đón Giáo Hoàng John Paul II đến viếng thăm Cuba năm 1988.

Điểm đặc biệt nhất của nhà văn Cintio Vitier này là ông vừa là một tín đồ Thiên Chúa Giáo sùng đạo đồng thời cũng là một người hết sức trung thành với cuộc cách mạng Cuba của Castro.

Được biết, giải thưởng "Juan Rulfo Prize" được lập ra để vinh danh nhà văn rất nổi tiếng nước Mexico Juan Rulfo (chết năm 1986) nhằm trao tặng cho các tác phẩm văn chương xuất sắc của những tác giả thuộc các xứ Châu Mỹ La Tinh và vùng Caribê cũng như các tác giả viết bằng tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha.

*** Hiện đại hóa Anh Ngữ: cuộc bầu chọn đầu tiên**

Như quý vị đọc trong Tin Văn, Văn Học số 193, tháng 5/2002, một người Anh tên là Richard Wade đã lập một Website trên mạng lưới điện toán toàn cầu nhằm vận động những người yêu thích tiếng Anh "hiện đại hóa" Anh Ngữ - nói cho cụ thể ra là vận động thay đổi cách đánh vần một số khá nhiều tiếng Anh mà ông cho là khó và phi lý (difficult and illogical words). Theo lời kêu gọi của ông thì ngày 30 tháng 6/2002 là ngày bầu chọn đầu tiên trên toàn thế giới (world vote) cách đánh vần 15 tiếng Anh mới, hợp lý và mọi người có thể viết dễ dàng. Sau đây là kết quả được công bố trên Website của ông:

Tỉ lệ phiếu bầu	Đánh vần kiểu mới	Cách đánh vần hiện nay
90.8%	FREND	Friend
62.2%	HITE	Height
58.3%	AXIDENT	Accident
57.5%	KAOS	Chaos
53.7%	FORINER	Foreigner
37.6%	VEW (24.3% chọn VU, 22.9% chọn VUE)	View
36.4%	BIZNIS (16.4% BIZNESS)	Business
32.1%	AKOMODATE (26.6% ACOMODATE)	Accommodate
32.6%	FEBRUARI (13% FEBRY, 12.7% FEBREWARY)	February
33.4%	UNCONSHUS (24.7% UNCONSIUS)	Unconscious
31.1%	SINSERELY (20.7% SINSEERLY)	Sincerely
32.8%	FORTI (29.3% FOURTY, 15% 4TY)	Forty
32.2%	NESESARY (19.7% NECESARY)	Necessary
26.6%	BECOZ (16.4% BEKOZ)	Because
19.3%	NOLLEGE	Knowledge

Bàn tay

ĐẠM THẠCH

Hồi nhỏ chúng ta chơi trò thang-thế-lật
Bề trắng ra bề đen
Khi bàn tay còn non sữa
Lớn lên. Bàn tay giống như cánh cửa
Với bề mặt bề trái
Bề mặt chìa ra ngoài, bề trái úp vào trong.
Rồi sẽ như mèo giấu c...
Bàn tay che tội lỗi nhuốc nhơ
Và ém nhẹm công lao bạn bè thân thuộc
Bàn tay thò ra mua chuộc!
Cánh cửa bắt buộc khép vào
Cài then tiêu cực
Đâu có nghe bàn tay căm tức
Dộng cửa rầm rầm, đập cửa của người dân?
Cánh cửa tất nhiên phải mở
Bề trái phơi ra ngoài
Chẳng còn mong lấp liếm!
Nhưng bàn tay không giống như cánh cửa
Cánh cửa lật thế nào cũng nhận ra bề mặt bề trái
Bàn tay tráo trở trắng đen
Trừ bàn tay nắm lại. Thành quả nắm
Đấm vào mặt giả dối!
Giống như quỷ đưa đường, ma dẫn lối
Đã chơi trò bề trắng ra bề đen
Riết rồi bàn tay không biết thẹn
Bàn tay lạnh nhạt với người quen !
Ôi! Bàn tay hồi còn rất nhỏ
Đã cố chơi trội bạn bè
(Không phải ngủ - mình toàn thức trốn)
Sẽ quen tay thích chiếm địa vị độc tôn!
Và những bàn tay
Thích tô lục chuốt hồng...
Trừ bàn tay
Cần mẫn của người dân!

Nhà văn Nam Dao
trả lời thư Bà Nguyễn thị Chi (Germany)

(đã đăng trên Văn Học số tháng Bảy năm 2002, #195)

Kính gửi bà Nguyễn thị Chi,

Cám ơn bà đã đọc kỹ CON MẮT XANH, trích đoạn trong 1 chương từ ĐẤT TRỜI, tiểu thuyết do nhà xuất bản Văn Mới vừa in. Viết văn như ném một bông hồng xuống vực. Thi thoảng mới có phản ứng từ độc giả, và tác giả cảm động khi có một chút âm vọng. Sau đây, tôi xin giải đáp các thắc mắc của bà trong thư nói trên: (các trích đoạn thư độc giả, in nghiêng)

Tây hồ nguyên là hồ Lãng Bạc ở thời Lý Thánh tông, vua cho dựng hành cung ở đây là đặt tên là Dâm đàm (Hồ mù sương). Đến thời nhà Lê được đổi tên là Tây hồ. Tôi nghĩ ở đây chỉ nên dùng tên Tây hồ.

Theo Đại Việt Sử Ký (DVSK), một phần Hồ Tây ngày nay thời Lý gọi là Dâm đàm. Lúc nào trong thời Lê tên hồ đổi ra Tây hồ? Ngay khi Lê Lợi chiếm Thăng Long? Ai biết được? Tôi dùng Dâm đàm (để nhắc độc giả tính lịch sử của tiểu thuyết (TT) trong phần mở chương 8, và sau thì dùng hồ Tây (vì người đọc thời nay quen địa danh này).

Xin hỏi chùa Báo Thiên là chùa nào? ở đâu vậy? Nếu tôi hiểu đúng ý tác giả thì chùa phải nằm gần khu vực Tây hồ, vì Nguyễn lão và Nguyễn Trãi hay ghé đó 'chuyện gẫu'. Những chùa quanh Tây hồ theo tôi được biết có chùa Trấn Quốc, đền Trấn Võ, chùa Kim Liên, Phủ Tây Hồ, đền Cẩu Nhi, chùa Phổ Linh, chùa Long Ẩn, ngoài ra trong vài trăm ngôi chùa, đền, đình, miếu, tôi được biết ở Hà Nội, chưa từng nghe tên chùa Báo Thiên, xin Tòa soạn hỏi giùm.

Chùa Báo Thiên bị phá tiêu tan trong thời Trịnh Nguyễn- Tây Sơn. Đến thời Pháp thuộc, người ta xây Nhà Thờ lớn trên nền chùa Báo Thiên (nay chùa trên phố Lý Quốc Sư, theo đồn đại, là một phần chùa Báo Thiên khi xưa).

Tác giả nói Nguyễn Trãi đã từng sống ở căn nhà cạnh hồ Thuyền Quang (tên đúng của hồ là Thiền Quang) điều này có đúng không, tôi chưa nghe nói bao giờ.

Điều này là do tôi «bịa đặt» vì chẳng có sách vở nào ghi lại khi thất sủng Nguyễn Trãi ở đâu. Tôi nghĩ thời đó chưa có chính sách hộ khẩu như sau này.

Hồ Hoàn Kiếm còn có tên là Lục Thủy, vì nước lúc nào cũng màu xanh lục, có tên là Thủy Quân vì xưa kia là nơi tập trận của Thủy binh, còn tên Thái Quân tôi chưa hề nghe nói.

Hồ quá nhỏ, đi một vòng mất 20 phút, tập Thủy binh thì tập thế nào? Còn Thái Quân, xin xem DVSK. Vào thời Lê Lợi, hồ Hoàn Kiếm ngày nay thật ra là một khúc sông Nhị trổ vào đất liền (và giả thiết tập thủy binh có thể hợp lý). Nhưng từ khi nào thì khúc sông này biến đi để ta có một cái hồ như hồ Hoàn Kiếm ngày nay? Vào thời Lê-Trịnh, khu Thăng Long có khoảng 400 hồ to nhỏ. Nay đếm chỉ còn độ 40 Đất đai địa lý, với thời gian, thay đổi nhưng thật ít tài liệu ghi lại chính xác.

Câu thơ:
Giơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài
có phải của Thị Lộ không hay là của Hồ Xuân Hương?
Bài thơ Thị Lộ thách 'đám sinh đồ Quốc tử giám' họa
Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ
Lại đây cho chị dậy làm thơ
Ong non ngứa nọc châm hoa rữa
Dê cỏn buồn sừng húc giậu *(chứ không phải dậu)* thưa
là bài mắng học trò dốt của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, chắc chắn không phải của Nguyễn Thị Lộ.

Giậu (chứ không phải dậu): xin chịu lỗi, và lại chỉ còn biết đổ tội

cho cố A de Rhodes, phiên âm Giời ra Blời, rồi sau, không biết tại sao thành Trời. Blời ôi! Trời ơi! Đi zzô, hay đi vô, zzui hay vui

Theo truyền thuyết, những câu trên người ta gán cho bà Hồ Xuân Hương. Cũng như sau này, những câu thơ lạc vận hóm hỉnh người ta đổ cho Bút Tre cả. Nhưng tôi giả như không biết vì, trong phần Ngoại Truyện của Đất Trời, tôi viết (lại phải trích, trang 402):

Truyền thuyết thứ ba, quyết rằng Thị Lộ là tiền thân của Hồ Xuân Hương, bà chúa thơ nôm, cô tổ của các vị thi sĩ gốc Giao Chỉ, kể cả thời dùng chữ quốc ngữ với các trào lưu nhập từ Âu Tây, từ lãng mạn đến hiện thực, rồi hiện đại và nghe đâu nay có cả hậu hiện đại. Tác giả tiểu thuyết này tin là thật. Có kẻ hỏi, tại sao? Xin hỏi lại, ai đã dám bảo *"Giơ tay với thử trời cao thấp, xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài"*, kể cả những nam nhi ngang tàng nhất như Cao Bá Quát? Lại có người bàn, bà Hương ngổ ngáo hơn Thị Lộ nhiều. Xin nhắc, ai đợi lâu mà chẳng bồn chồn nóng nẩy. Để tái sinh thành Hương, Lộ phải chờ mười hai vạn ba ngàn hai trăm mười bảy ngày.

Lộ phải chờ mười hai vạn ba ngàn hai trăm mười bảy ngày: Thưa bà, tất nhiên không thể chính xác. Ai biết ngày sinh tháng đẻ của HXH ? Cái thật đáng buồn là cho đến Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh mới 200 năm nay người ta cũng không biết đích xác có phải là trước tác của Nguyễn Du hay không? Thế nhưng người ta hô hoán trong sách Sử có đến 5 vạn quân Thanh chết ở gò Đống Đa! Là người Hà Nội, ai đã đi đến Đống Đa mànghĩ đến điều này thì không thể tưởng tượng ra 5 vạn tử thi trên cái gò bé tí ấy. (Đấy là chưa kể xác quân ta, có anh hùng thì cũng phải chết một ít chứ !)

Tại sao Thị Lộ là tiền thân cuả HXH? Xin đọc Đất Trời, tiểu thuyết, chứ không phải là sách của Viện Sử Học (nhiều khi không đứng đắn như tiểu thuyết! vì còn cái nhiệm vụ đúng chính sách).

Tác giả viết: "...có lẽ đây là đám sinh đồ Quốc tử giám, nơi Lê Lợi lập ra để dạy học cho đám con cháu bọn quan lại". Theo những sách sử tôi đọc, nhà Quốc tử giám được lập từ đời Lý (1076) chứ không phải do Lê Lợi lập ra. Rồi qua các triều đại nhà Trần, nhà Hồ sang thời Lê, triều đình chỉ có công tu bổ, mở rộng và làm cho việc học tập giảng dạy và thi cử trở nên qui mô hơn mà thôi. Quốc tử giám không "chỉ dành cho đám con cháu bọn quan lại" như tác giả Nam Dao nói. Từ thời nhà Trần năm 1253, đã "...xuống chiếu cho các nho sĩ trong nước đến Quốc tử viện (tức Quốc tử giám) học. Đến mùa Xuân tháng Giêng 1433, vua Lê Thái tổ tức Lê Lợi đã cho tuyển chọn con trai các quan và học trò ba lộ Quốc Oai, hai lộ Bắc Giang sung vào Quốc tử giám".

Tên Quốc Tử Giám có từ thời Trần, như bà nói (có sách nói rằng có từ thời Lý?). Lê Lợi cho con quan vào học thì ta có thể dựa vào DVSK. Thời đầu nhà Lê, học trò giỏi ở các lộ có thể được tuyển, nhưng con quan thì được vào học như một đặc quyền (xem xưa mà ngẫm ngày nay). Mở mang nền học thuật đến hàng dân là chuyện của thế kỷ 20 ở những nước giầu có, và nay, với chính sách "toàn cầu", cũng đang từng bước chìm vào hư vô!

Trên đây là những băn khoăn nghi vấn của tôi khi mới đọc xong phần đầu của "Con Mắt Xanh". Chúng tôi, những độc giả, đúng với nghĩa "độc giả" nhất, nghĩa là những người đã dành một phần tiền, một phần thời gian để mua, và đọc một tờ báo từ nơi xa xôi ấy. Nhiều người bảo chúng tôi phù phiếm. Thế mới biết lòng tôi yêu chữ nghĩa đến chừng nào, ham hiểu biết đến chừng nào, kỳ vọng biết chừng nào vào tờ báo.- Đọc thử tờ Văn Học một năm xem sao! Một người quen khuyên, khi thấy tôi loay hoay không biết chọn tờ nào trong vườn văn muôn vẻ của hải ngoại. – Tờ này đàng hoàng lắm. – người bạn thêm, và thế là tôi trở thành độc giả của Văn Học, chưa lâu năm, nhưng cũng không còn "mới tinh" nữa. Thấm thoắt hơn một năm đã qua, tôi tự nhủ "quả là danh bất hư truyền', lòng thầm cảm ơn lời khuyên của bạn.

Tôi đồng ý với quan điểm của Tòa soạn, tôn trọng tư tưởng cá nhân của các tác giả...cởi mở chịu chấp nhận nhiều khuynh hướng suy tưởng và sáng tạo', nhưng ở đây vấn đề lại là sự kiện lịch sử và tính chính xác của nó.

Thưa bà, người viết rất khổ vì tài liệu thì ít, lại lắm điều khó tin, và nhất là như tôi, đã xa quê hương gần 40 năm, lại coi việc viết tiểu thuyết không như nghiên cứu tính chính xác của những sự kiện lịch sử (tôi đang dốc sức vào cái sự kiện Hiệp định Paris mới đây, xem tài liệu Lầu 5 Góc, hồi ký của Kissinger, của Nixon, tướng miền Nam Đỗ Mậu, tướng miền Bắc Văn tiến Dũng, và hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, và thú thật rằng tôi tìm tính chính xác đến đỏ mắt mà không ra (tôi giảng dậy Toán Kinh Tế, làm việc với thói quen khoa học, và cảm thấy cái cõi nhân gian rối rắm này khó mà chính xác được, thưa bà!). Vâng, tôi lại xin trích Lời Ngỏ của tiểu thuyết Đất Trời:

"Ngoài dòng chính sử, còn có phần lịch sử hình thành qua trí tưởng tượng, óc phán đoán, và cao hơn là sự cảm nhận từ quá khứ những vấn đề của con người và xã hội hiện vẫn tồn tại. Ở đây, biến cố lịch sử trở thành đối tượng đem soi dưới lăng kính chủ quan, nhào nặn lại để rồi,

qua ngòi bút người viết, thành tiểu thuyết dã sử. Hiểu như vậy, không ai phủ nhận được phần trách nhiệm của những tiểu thuyết dã sử. Soi rọi vào những vấn đề nhân quần xã hội và thân phận con người trong quá khứ là một cách đi tìm sự sống tàng ẩn trong lịch sử. Lịch sử đó là lịch sử sống. Nó tạo được khả năng nhìn vào tương lai dưới một góc độ có ý thức."

Thái độ tôn trọng các tác giả của Tòa soạn rất đáng hoan nghênh, nhưng những độc giả như chúng tôi cũng đáng được quan tâm lắm chứ, vì chúng tôi không phải thuộc hàng những độc giả kiến thức dư thừa để lúc nào cũng sẵn sàng phát hiện ra những sai sót, hoặc đọc báo để tìm tòi phê phán. Ở đây chúng tôi là những độc giả đọc báo để thưởng thức những ý đẹp lời hay của văn chương, học lấy những điều khôn ngoan và bồi bổ thêm kiến thức cho mình.

Vài hàng gửi tới Tòa soạn, mong được hồi âm

Kính chúc quí báo mãi xứng danh là báo "văn học".

Một lần nữa, xin chân thành cám ơn bà và ghi nhận sự quan tâm chính đáng, vì như Bà viết trong thư, tuy "nhiều người bảo chúng tôi phù phiếm. Thế mới biết lòng tôi yêu chữ nghĩa đến chừng nào, ham hiểu biết đến chừng nào, kỳ vọng biết chừng nào vào tờ báo" bà vẫn tiếp tục quan tâm đến văn hóa, một vấn đề hiện nay trở thành chuyện sống còn. Lại xin trích Lời Ngỏ trong Đất Trời:

Nguyễn Trãi thường dùng khái niệm *thế thời* trong lẽ tuần hoàn. Đại Việt xưa, và Việt Nam bây giờ, cũng ở trong lẽ đó. *Cùng tắc biến, biến tắc thông* ?

Hiện nay, đó là vấn đề sống còn của một nền văn hóa. Nếu văn hóa tiêu vong, chúng ta sẽ là những đứa con rơi của tình cờ trong quá khứ. Và là những kẻ vất vưởng trên con đường vào tương lai.

Thưa bà, có lẽ chúng ta cùng chia chung một quan điểm, hay ít nhất cùng một nỗi âu lo chăng ? *Nam Dao (Canada)*

Sau khi nhà văn Nam Dao trả lời các thắc mắc của bạn đọc Nguyễn Thị Chi ở Germany, Văn Học đã liên lạc với nhà văn Nam Dao, và đã được Nam Dao chấp nhận tham gia một cuộc đối thoại bằng email với nhà văn Nguyễn Mộng Giác về vấn đề viết tiểu thuyết lịch sử. Căn cứ để thảo luận là hai cuốn tiểu thuyết hai nhà văn viết về cùng một thời điểm lịch sử, *Sông Côn Mùa Lũ* và *Gió Lửa*.Bài đối thoại sẽ đăng trên *Văn Học* số sau, tháng Chín 2002 (197)

giới thiệu sách mới

📖 Phạm Văn Liễu, *Trả Ta Sông Núi*, Hồi Ký 1, Ủy Ban Nhân Quyền Người Việt Hải Ngoại xuất bản, Văn Hóa tổng phát hành, 473 tr., giá US$20.00.

Tác giả Phạm Văn Liễu là một nhân vật quen thuộc trong chính trường Việt Nam từ những năm kháng chiến chống Pháp rồi Việt Minh. Trong thời đệ nhất Cộng hòa, ông là một trong những nhân vật chủ chốt lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm ngày 11- 11- 1960, song thất bại phải lưu vong sang Cao Miên. Sau năm 1963, ông hồi hương và giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia. Ra đến hải ngoại , ông tham gia hoạt động Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia do cố Đề đốc Hoàng Cơ Minh chủ xướng.

Tập 1 ghi lại những biến cố trong 35 năm, từ lúc ông ra chào đời vào năm 1928, cho đến năm 1963, lúc ông từ Nam Vang hồi hương sau ngày đảo chính lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm thành công. Theo lời ghi chú ở cuối trang 27, tác giả quả có trí nhớ tốt, vì cuốn hồi ký đầy đặc nhân danh, địa danh cũng như vô số biến cố trong quãng thời gian 35 năm này. Điểm đáng chú ý hơn hết, tác giả đã "trả lại sự thật lịch sử" cho lịch sử khi ông xác nhận lại một lần nữa vai trò chủ chốt và tư cách đáng phục của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi trong vụ binh biến 11-11-1960, bác bỏ hẳn những gì Vương Văn Đông viết về vị sĩ quan chỉ huy Nhẩy Dù trong cuốn sách *Cuộc Binh Biến 11-11-1960* của ông.

Trả Ta Sông Núi là một cuốn hồi ký có nhiều giá trị tư liệu về rất nhiều biến cố quân sự và chính trị Việt Nam trong những năm đầu của nền cộng hòa. Nó còn cho người đọc một cái nhìn khác về nhân vật và biến cố đẩy đưa đất nước đi dần đến chỗ mất vào tay Cộng Sản vào năm 1975.

Sách có bán tại các hiệu sách, hay liên lạc nhà xuất bản qua địa chỉ: Hoàng Đỗ, 1005 Saint Emmanuel St. #5 Houston, TX 77003

📖 Lê Xuân Nhuận, *"Cảnh Sát Hóa" Quốc sách Yểu Tử của Việt Nam Cộng Hòa*, Hồi ký, Xây Dựng xuất bản, 398 tr., giá US$20.00.

Đây là cuốn hồi ký mới nhất của Lê Xuân Nhuận, trước năm 1975 giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành Cảnh sát, với chức vụ sau cùng là Chỉ huy trưởng Cảnh Sát Đặc Biệt vùng I chiến thuật. Ông còn là một nhà thơ, kịch tác gia, dịch giả với hơn 20 thi kịch phẩm đã xuất bản trong và ngoài nước.

Tác giả lợi dụng lúc đang bị Việt Cộng dẫn độ từ Nha Trang, Khánh Hòa ra tới Đà Nẵng, cuối cùng đến Hà Nội, để thẩm vấn và khai thác tin tức tình báo chiến lược, thuật lại hồi ức của mình về những giai đoạn sinh sống và làm việc tại từng địa phương đi qua. Những hoạt động của ngành Cảnh Sát quốc gia sắc phục cũng như Đặc Biệt (Tình báo & Phản gián), được tác giả thuật lại tỉ mỉ, đầy đủ. Đặc điểm nổi bật nhất của cuốn hồi ký là tác giả dùng rất nhiều từ Hán Việt lạ, ít thông dụng, như đã từng làm trong cuốn hồi ký *Về Vùng Chiến Tuyến*. Ví dụ như "đặc cảnh" thay cho Cảnh sát đặc biệt, "cảnh nhân" thay vì nhân viên cảnh sát, "cảnh lực," thay cho lực lượng cảnh sát, v.v..., khiến người đọc phải ngỡ ngàng.

Ngoài phần thuật sự chiếm phần lớn cuốn sách, chương sau cùng từ trang 348 cho đến hết, có nhan "Kế hoạch Cảnh sát hóa," có lẽ là trọng tâm của cuốn sách như được gợi ý từ nhan sách. Ở đây, Lê Xuân Nhuận cổ võ việc thi hành một chính sách "cảnh sát hóa" sâu rộng, từ thành thị đến nông thôn trong đó nhân viên cảnh sát sắc phục được dùng như một lực lượng chủ lực thay cho quân đội, trong khi cảnh sát đặc biệt hoạt động chuyên về an ninh tình báo và chính trị. Ông cho rằng việc "cảnh sát hóa" như thế rất cần thiết cho sự sống còn của quốc gia. Thật dễ hiểu khi Lê Xuân Nhuận chủ trương như thế vì chính ông là người ở trong ngành. Thế nhưng người đọc sẽ đặt vấn đề liệu ông có ý thức được những gì ông cổ võ sẽ biến quốc gia thành một thứ quốc gia cảnh sát trị (police state), nơi mà mọi sinh hoạt của người dân luôn bị hệ thống công an kìm kẹp như đã từng thấy ở Việt Nam trong thời Pháp đô hộ, hay ở miền Bắc ngày trước và toàn xứ ngày nay dưới chủ nghĩa cộng sản, cũng như tại nhiều quốc gia cộng sản khác trên thế giới. Chính ông cũng đã thấy hậu quả tai hại của hệ thống "công an trị," "cảnh sát trị," và phê bình gay gắt ở trang 392. Thế mà ông vẫn cho là vì không thực hiện kế hoạch "cảnh sát hóa" đến tận hang cùng ngõ hẹp cho nên Việt Nam

Cọng Hòa mới mất về tay Cộng sản.

Viết hồi ký là chuyện đáng làm, vì đây là những tư liệu do chính những người trong cuộc cung cấp về một hay nhiều biến cố quan trọng mà tác giả đã tham dự hoặc có liên hệ mật thiết, nhưng để cho tư liệu thật sự có giá trị, kể chuyện suông rồi bàn ra tán vào một vài "chủ thuyết," "quốc sách," hay "chủ trương," chung chung rồi kết luận một cách giản dị như kết cuộc của cuốn hồi ký này là một việc phải tránh.

Sách có bán tại các nhà sách, hay liên lạc thẳng nhà xuất bản:

Nhà Xuất Bản Xây Dựng: 5 Willet Court, Alameda, CA 94501-2096

📖 Nhất Linh, *Xóm Cầu Mới*, Văn Mới tái bản, phụ bản tranh và sơ đồ của Nhất Linh, phụ lục của nhà văn Nguyễn Thị Vinh và Võ Phiến, 552 tr., giá US$25.00.

Đây là tác phẩm sau cùng của nhà văn, nhà cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam được người con út Nguyễn Tường Thiết tái bản lần đầu tiên ở hải ngoại. Ấn bản này được Nguyễn Tường Thiết đánh máy lại, theo sát nguyên bản, sửa chữa nhiều lỗi mà các ấn bản trước mắc phải vì không đọc đúng nét chữ của tác giả. Ông Thiết tâm sự:

"... trong suốt mấy tháng cặm cụi trước bàn máy vi tính, cận kề với những trang chữ bản thảo, gõ cọc cạch từng chữ từng chữ, tôi thực sự đã sống với ông [Nhất Linh] nhiều nhất kể từ ngày ông ra đi cách đây đã non bốn mươi năm. Nhìn những hàng chữ viết tay của ông, những hàng chữ gẫy vụn, nhỏ nhí, vùi dập, những kí chú bên lề riêng tây, thân mật, tôi thấy rõ là khi đọc từ bản thảo tôi gần gũi tiếp cận với tác giả nhiều hơn là đọc qua ấn phẩm. Vừa đọc, vừa đánh máy, vừa thưởng ngoạn tác phẩm này khi thì tôi tách ra bình tâm đọc văn ông như một độc giả, khi thì tôi nhập vào bồi hồi nhớ tới hình dáng một người cha thân yêu và tưởng tượng ông ra sao khi ông viết tác phẩm này, ông vui ông buồn nổi trôi theo những nhân vật và tôi vui tôi buồn theo ông qua những hàng chữ." (Về lần tái bản nam 2002, Nguyễn Tường Thiết, tr. II).

Đây là một cố gắng đáng kể về mặt ấn loát và trình bày để *Xóm Cầu Mới* được thưởng ngoạn và đánh giá đúng mức. Qua ngòi bút điêu luyện và óc nhận xét tế vi, mẫn cảm của nhà văn Nhất Linh, người đọc thấy rõ là ông đã yêu quê hương đất nước nhiều đến dường nào. Những mảnh đời lam lũ, tan tác, khổ nhọc của người dân quê Bắc Việt vào khoảng giữa thế kỷ trước được ông phác họa lại một cách sống động, tài tình, đầy cảm xúc. Những mảnh đời lêu bêu như những cánh bèo giạt, "đến tụ hội ở xóm nhỏ, cũng như những bèo giạt đến, trong ít lâu,

vương bám vào chân cầu, rồi lại trôi đi theo dòng nước, không biết về đâu." (Nhất Linh).

Sách đẹp, bìa mỹ thuật, trình bày sáng sủa, một cuốn sách thuộc vào hạng "collector's item" về mặt hình thức cũng như nội dung. Sách có bán ở các hiệu sách, hay liên lạc- nhà xuất bản Văn Mới, PO Box 287, Gardena, CA 90248.

📖 Trần Công Nhung, *Quê Hương qua ống kính*, tạp bút, Quảng Bình Quan xuất bản, 192 tr., 8 phụ bản ảnh màu trên giấy láng, giá US$20.00.

Đây là một tập hợp những bài viết rời rạc, không theo thứ tự thời gian, lại chẳng được sắp đặt theo vị trí địa dư của từng tỉnh/vùng/nơi tác giả đến thăm trong những chuyến đi săn ảnh từ Nam ra Bắc, từ năm 1995 cho đến năm 2001. Tuy thế, những điều nhiếp ảnh gia Trần Công Nhung ghi lại trong tập sách cống hiến người đọc những góc nhìn sinh động về đời sống của người dân trên nhiều miền đất nước: bình dị, hiền hòa, cần mẫn; những hiện thực đầy tính bi hài trong sinh hoạt của người dân sau ngày toàn nước phải sống dưới chủ nghĩa xã hội. Tám phụ bản là những tấm ảnh màu đầy nét nghệ thuật, chứng tỏ một tài năng nhiếp ảnh nơi tác giả. Giới hâm mộ nghệ thuật có cơ hội thưởng lãm nhiều hơn những thành quả của nhiếp ảnh gia Trần Công Nhung.

Sách hiện có bán tại các hiệu sách Việt Nam. Hay liên lạc nhà xuất bản: Quảng Bình Quan: 14926 Larch Ave, Lawndale, CA 90260

📖 Nam Dao, *Đất Trời*, tiểu thuyết, Văn Mới xuất bản, 406 tr., giá US$17.00.

Đất Trời là một tiểu thuyết lịch (dã) sử, dựng lại thời Minh thuộc vào thế kỷ XV trong lịch sử Việt Nam. Nam Dao là nhà văn thứ ba tại hải ngoại, sau Nguyễn Mộng Giác với bộ *Sông Côn Mùa Lũ* dựng lại một thời Tây Sơn hiển hách và Hoàng Khởi Phong với *Người Trăm Năm Cũ* lấy cảnh núi đồi Yên Thế để viết về Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng và phong trào Văn Thân trong những năm kháng Pháp. Qua các tiểu thuyết và kịch phẩm đã xuất bản tại hải ngoại, Nam Dao chiếm được lòng mến mộ của độc giả bằng những nhận xét tế vi, tài năng văn chương, óc sáng tạo cực kỳ linh động, khả năng phân tích và diễn tả tâm lý nhân vật như trong các truyện ngắn, và nổi trội trong một tác phẩm dã sử khác của ông, cuốn *Gió Lửa*.

Dùng lịch sử để làm chất liệu sáng tác văn học không phải là một việc làm mới mẻ, hay là một phát kiến của thời đại. Văn học Việt Nam

không thiếu những văn, thi hay kịch phẩm của nhiều tác giả xưa cũng như nay dựng lại những giai đoạn lịch sử của dân tộc. Cái khó, ở chỗ làm thế nào để các sáng tác phẩm đó không đi lạc vào con đường tuyên truyền, ca ngợi hay chê bai, về các nhân vật lịch sử cũng như các biến cố của từng thời. Từ *Gió Lửa* đến *Đất Trời*, Nam Dao dùng thời thế, anh hùng hào kiệt, tội đồ, bàn dân thiên hạ, để soi rọi vào những giá trị nhân bản muôn thuở của kiếp nhân sinh. Sách có bán tại các hiệu sách, hay liên lạc: Văn Mới: PO Box 287, Gardena, CA 90248.

📖 Nhật Tiến, *Người kéo màn*, tiểu thuyết kịch, Huyền Trân tái bản 2002, bìa Nguyên Trúc, sách dày 110 trang, giá $7.00.

Nhật Tiến xuất bản tiểu thuyết kịch này lần đầu ở Sài Gòn năm 1962, lần thứ nhì năm 1971, và ngay từ hồi đó, đã được dư luận trong văn giới nhiệt liệt tán thưởng. Nhà văn Nguyễn Đình Toàn xem đây là "một kỹ thuật mới mẻ đối với tiểu thuyết Việt Nam và rất thích hợp cho việc tạo không khí cho Người Kéo Màn, cuốn truyện liên quan nhiều đến sân khấu". Nhà văn Dương Nghiễm Mậu thì viết: "Trong Người Kéo Màn, chính kỹ thuật làm cho người đọc cảm thấy đến rợn người lên về những khía cạnh "thực" chung quanh vở kịch "giả", mà nếu diễn tả những chỗ đó ra, có khi trở thành lố bịch, ngô nghê".

Thư từ liên lạc xin đề: Huyền Trân, 14841 Moran Street, Westminster CA 92683. USA

📖 Bùi Bích Hà, *Phương trời khác*, tạp bút, Cảo Thơm xuất bản, sách dày 296 trang, giá $12.00.

Tác phẩm sưu tập 31 đoản văn tác giả viết trong thời gian vài năm gần đây, liên quan đến nhiều đề tài, nhiều khung cảnh, trình bày bằng một lối văn giản dị thân mật nhưng đằng sau những điều tưởng là giản dị ấy, luôn luôn thấp thoáng một nỗi ngậm ngùi của người tha hương, và những trầm tư sâu sắc của một người đã từng trải qua nhiều thăng trầm của đời sống. So với những truyện ngắn của nhà văn Bùi Bích Hà đã xuất bản trước đây, trong tạp bút này, tác giả nhìn cuộc đời với đôi mắt bao dung hơn, gần như chấp nhận những bất toàn phải có của đời sống và nhìn mọi sự với đôi mắt thông cảm, thương xót. Nhiều văn hữu thân quen với tác giả giải thích sự thay đổi ấy có nguyên do là những hoạt động xã hội của Bùi Bích Hà trong sinh hoạt cộng đồng, nhất là vai trò người giải đáp tâm tình cho phụ nữ của chị trên các đài phát thanh, dưới bút danh Thái Hà.

Sách hiện đã bày bán ở khắp các hiệu sách.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Cuối Ngày, Một Ngày Ngồi Lại
Tập truyện Song Thao, giá $10
Tuyển Tập Võ Phiến
780 trang, giá $25
Dặm Trường
Truyện dài Trần Doãn Nho, giá $17
Miêng
Tuyển tập truyện dịch, giá $12
Truy Lùng Osama Bin Laden
Kiêm Thêm, giá $12
Huyết Đằng
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12
Thương Thế Ngày Xưa
Tập truyện Lê Minh Hà, giá $10
Phòng Triển Lãm Mùa Đông
Tập truyện Thơ Thơ, giá $12
Đi Giữa Bầy Thú Dữ
Truyện vừa Lâm Chương, giá $11
Gỗ Thức Trên Rừng
Tập truyện Tâm Thanh, giá $12
Lời Giáo Huấn Của Padmasambhava
Bậc Sanh Trong Hoa Sen
Thích Giác Hải dịch, giá $15.00
Đất Trời
Tiểu thuyết Nam Dao, giá $17.00
Vô Tận Trong Lòng Bàn Tay
Linh Thuy dịch, giá &22.00
Xóm Cầu Mới
Nhất Linh (Tự Lực Văn Đoàn), giá $25.00

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quí độc giả, một tác phẩm mới:

VÔ TẬN TRONG LÒNG BÀN TAY

từ đại nổ bùng đến thức giác

của MATTHIEU RICARD và TRỊNH XUÂN THUẬN
Do LINH THỤY chuyển ngữ, bìa KHÁNH TRƯỜNG
Sách dày 500 trang, giá $22.00, tính luôn cước phí.

****

Chính vì muốn cho thấy sự tương phản đó không thật, nên Matthieu Ricard và Trịnh Xuân Thuận đã hội luận ở đây. Phạm vi câu hỏi vô cùng rộng lớn: Bản chất của thế giới như thế nào? của vũ trụ? của vật chất? của thời gian? của ý thức? Làm sao đi trọn đời sống này? Làm sao sống trong xã hội? Làm sao kết hợp khoa học và luân lý? Về phần câu trả lời,, độc giả sẽ tự thẩm định xem chúng có phù hợp với các ý tưởng sẵn có của mình chăng.

Bởi vì xuyên suốt cuộc đối thoại nhiệt thành này, sinh động bởi cùng một ước vọng chân thật được hiểu biết lẫn nhau, đã đưa đến lắm bất ngờ: các đối cực mờ nhạt đi, các hội tụ sáng tỏ dần, và người ta bắt đầu mơ tưởng đến một tương lai trong đó đức tin và lý tính sẽ hòa giải vững bền.

****

Matthieu Ricard trở thành tăng sĩ Phật giáo sau khi từng làm nhà nghiên cứu sinh vật học. Tác giả nổi tiếng về Phật giáo, cùng người cha là Jean-Francois Revel, ông đã viết *Tăng sĩ và Triết gia[Le Moine et le Philosophe]*. **Ông còn là thông dịch viên Pháp ngữ của đức Đạt lai Lạt ma.**

Trịnh Xuân Thuận, thiên văn vật lý gia, giáo sư tại đại học Virginia. Tác giả của nhiều tác phẩm, trong đó có *Giai điệu Bí ẩn [La Mélodie Sècrete]* **và** *Hỗn độn và Hài hòa [Chaos et l'Harmonie]*, **ông nổi tiếng về lối trình bày sáng tỏ và tinh thần cởi mở trong các lãnh vực khoa học và triết lý.**

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

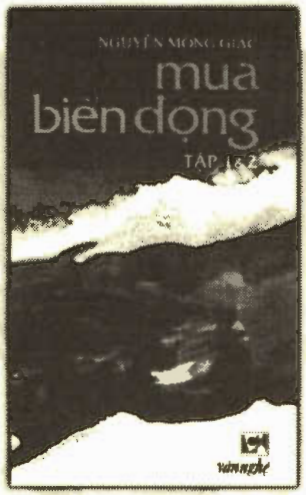

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

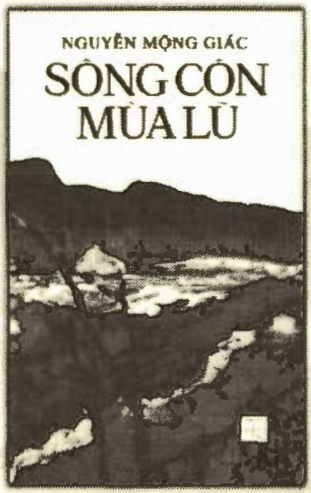

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

Nguyễn Thiệp

SÁCH MỚI MÙA XUÂN-HÈ

- **HUYỆT TUYẾT** 12 MK
  10 truyện 10 chuyện, *Võ Đình*
- **SÓNG TỪ TRƯỜNG II** 12 MK
  lý luận văn học, *Thụy Khuê*
- **VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VÀ HẬU HIỆN ĐẠI QUA THỰC TIỄN SÁNG TÁC VÀ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT** 25 MK
  lý luận văn học, *Hoàng Ngọc Tuấn*

PHÁT HÀNH

- **ĐI GIỮA BẦY THÚ DỮ** 11 MK
  truyện *Lâm Chương*
- **GỖ THỨC TRÊN RỪNG** 12 MK
  truyện *Tâm Thanh*
- **NÓI CHO CON NGƯỜI** 15 MK
  linh mục *Chân Tín*
- **HỒ SƠ ĐEN CSVN 54-02** 14 MK
  Michel Tauriac, *Nguyễn Văn* dịch
- **MIỀN LẶNG** 12 MK
  truyện *Phạm Chi Lan*
- **NGẬM HẾT MẶT TRỜI** 12 MK
  truyện *Phan Hội Yên*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone/Fax (714) 934-8514

Giá 5 Mỹ kim